QUÁN ÂM PHÁP BỘ

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

TÍN NGƯỠNG QUÁN ÂM

Tín Ngưỡng Quán Âm bắt nguồn từ Ấn Độ. Thoạt tiên Tín Ngưỡng này được ẩn tàng trong những tư tưởng về ***Tâm Từ Bi cứu khổ*** của các bậc Thánh và các bậc Đạo Sư trong công việc hóa độ chúng sinh. Dần dần do sự phát triển rộng lớn của tư tưởng **Đại Thừa Giáo** nên Tín Ngưỡng Quán Âm được hình thành qua các bộ Kinh: A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni, Đại Vô Lượng Thọ, Thủ Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Diệu Pháp Liên Hoa… Từ đó về sau Tín Ngưỡng Quán Âm được lưu truyền rộng rãi qua Tây Vực, Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn và các nước Viễn Đông.

Từ Thế Kỷ I cho đến Thế Kỷ IV, Bồ Tát Quán Âm được thờ phụng qua hình vóc Nam Tử dưới Tôn Tượng một vị vương giả đang đứng, mình mặc áo vương giả. Hoặc cũng có nhiều Tôn Tượng ngồi theo **thế Du Hý** (Latitāsana). Biểu tượng của Ngài là **Tràng Hạt** (Mālā) biểu thị cho ý nghĩa cắt đứt 108 Phiền Não cho tất cả chúng sinh và **Hoa Sen** (Padma) biểu thị cho Phước Trí Thanh Tịnh vốn có trong Bản Tâm của muôn loài. Câu Chú xưng tán Ngài là OṂ MAṆI PADME HŪṂ biểu thị cho phương tiện Đại Bi gia trì cứu độ cho chúng sinh tránh khỏi mọi khổ nạn và mau chóng giác ngộ viên mãn **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Trong giai đoạn này, do sự pha trộn giữa Tính Cách của chư Thần trong Thần Thoại Ấn Độ với quan điểm mở rộng đặc tính Từ Bi của Phật Giáo Đại Thừa nên đã hình thành các Tín Ngưỡng về: Thiên Thủ Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Bất Không Quyến Sách Quán Âm, Như Ý Luân Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm… với tất cả Tôn Tượng theo hình vóc Nam Tử.

Khoảng Thế Kỷ II, ý tưởng **Phật Mẫu** (Buddha-mātṛ) đã xuất hiện trong một số Kinh Điển của **Đại Thừa** (Mahā-yāna) như **Trí Tuệ Bát Nhã** (Prajñā) là ***Mẫu*** (Mātṛka) của chư Phật Bồ Tát, **Tâm Đại Bi Thanh Tịnh** là Mẫu của chư Phật Bồ Tát, **Tâm Bồ Đề kiên cố thanh tịnh** là Mẫu của chư Phật Bồ Tát…Ý tưởng này đã âm thầm kết hợp với tư tưởng MẪU HỆ của nhân dân Ấn Độ nên khoảng Thế Kỷ VII, khi bộ Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Phật Thần Biến Gia Trì** gồm 7 quyển, 36 Phẩm xuất hiện thì hình tượng **Thánh Mẫu** đã được ghi nhận như Bạch Y Mẫu, Đa La Thánh Mẫu, Phật Mẫu Phật Nhãn, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Gia Thâu Đà La Minh Phi… với hình ảnh người Phụ Nữ biểu thị cho *Tam Muội Chính Định* và *có công năng là sinh ra mọi Công Đức vốn có xưa nay trong bản Tâm của tất cả chúng sinh* đồng thời nuôi lớn các Công Đức này.

Cũng trong Thế Kỷ VII, Tín Ngưỡng Quán Âm được phổ biến rộng rãi trong Tín Ngưỡng Mật Giáo và Tín Ngưỡng A Di Đà ở Ấn Độ. Từ đấy trở đi, hầu hết các Tượng Quán Âm đều có hình Phật A Di Đà ngự trên mão báu hoặc đỉnh kế như Tượng Thập Nhất Diện Quán Âm ở Kanheri có khuôn mặt thứ 11 là Đức A Di Đà. Tại Nalanda, nhiều tượng Quán Âm có hình Đức A Di Đà bắt Ấn Chuyển Pháp Luân hay kết Xúc Địa Ấn … ngự trên mão báu của Tượng. Ngày nay tại chùa Machhandar của nước Népal còn thờ phụng 108 hình tướng Quán Âm. Tại Kashmir còn lưu giữ một số tượng Quán Âm bằng đồng.

Từ Thế Kỷ thứ XII trở đi, Bồ Tát Quán Âm được chính thức thờ phụng qua thân tướng nữ và được suy niệm qua hình ảnh **Bà mẹ hiền** luôn để mắt chăm sóc con thơ để kịp thời cứu khổ cứu nạn và ban cho sự thỏa mãn mọi ước nguyện. Trong các giai đoạn này, Ngài được xưng tán qua nhiều danh hiệu như: Quán Âm Mẫu, Bạch Y Nữ, Tỷ Trúc Quán Âm, Vô Úy Quán Âm, Tống Tử Quán Âm, Nam Hải Quán Âm, Quán Âm Quá Hải, Quán Âm Thừa Long, Quán Âm Ngư Lam, Quan Âm Thị Kính,

Quan Âm Diệu Thiện…. Và người bình dân thường gọi là Phật Bà Quan Âm với sự thờ phụng qua thân tướng nữ

*) **Ở Ấn Độ**: Tuy Tín Ngưỡng Quán Âm bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng do sự tàn phá của Hồi Giáo và sự phục hưng Ấn Độ Giáo nên nói chung ảnh hưởng của Tín Ngưỡng này không được mạnh mẽ lắm. Hầu hết người Ấn Độ chỉ suy niệm Quán Âm Bồ Tát qua Linh Ảnh một vị Thần chuyên dùng con mắt Từ Bi để ban phước trừ họa cho con người.

*) **Ở Tây Vực**: Tín Ngưỡng Quán Âm được phát triển khá mạnh qua Mật Giáo. Ngày nay các Học Giả cận đại đã tìm thấy rất nhiều hình vẽ, tranh tượng, Man Đa La liên quan đến Quán Âm.

*) **Ở Tây Tạng**: Tín Ngưỡng Quán Âm phát triển rất sâu rộng đến nỗi nhân dân đã xem Bồ Tát Quán Âm là Thủy Tổ của người Tây Tạng. Đời đời các vị Đạt Lai Lạt Ma đều được tôn xưng là Hóa Thân của Quán Âm. Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng thường tin tưởng là Bồ Tát **Liên Hoa Thủ** (Padma-Pāṇi) ngồi trên đài sen ở Thế Giới Cực Lạc luôn luôn cứu giúp tế độ khiến cho người cầu đảo xa lìa được sự khổ não sinh tử. Vì thế chẳng kể kẻ Tăng người Tục, ai ai cũng đều thực hành xưng tụng Minh Chú OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Ngoài ra Giáo Đồ Phật Giáo Tây Tạng còn xưng tán thờ phụng Đức Quán Âm Bồ Tát qua nhiều Tôn Tượng: Tứ Thủ Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Thiên Thủ Quán Âm, Đa La Quán Âm….

*) **Ở Trung Hoa**: Tín Ngưỡng Quán Âm được truyền vào Trung Hoa khá sớm qua sự truyền giáo và dịch Kinh của các nhà sư gốc Trung Á và Ba Tư như **Câu Chi La Sấm** [Lokaraksa:Hộ Thế (178_ 189)], **Chi Khiêm** (225_ 253) **Trúc Pháp Hộ** [Đàm Ma La Sát:Dharma rakṣa (265_ 317)], **Cưu Ma La Thập** (Kumārajiva : 344_ 413) …Từ **Bắc Ngụy** (439_ 528) trở về sau, phong trào dựng tượng Quán Âm rất mạnh. Ngay tại núi Long Môn Đà, trong đại động còn giữ rất nhiều di phẩm. Cũng dưới triều Ngụy, Kinh **Cao Vương Quán Âm** của Tôn Đức Kính được xem là Bản khởi thủy, rồi lần lượt xuất hiện các Kinh: Quán Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ, Quán Âm Thập Nhị Nguyện, Quán Âm Tam Muội…

Sau đời **Tùy** (589_ 618), **Đường** (618_ 907) theo sự truyền nhập của Mật Giáo thì Tượng Quán Âm đã được tạo lập rất nhiều như các tượng Bồ Tát trong động Thiên Phật ở Đôn Hoàng thì tượng Quán Âm chiếm quá nửa.

Đến **đời Nam Tống** (1127_ 1279) Ý tưởng phụng thờ Bồ Tát qua hình tướng nữ đã xuất hiện nhưng không được công nhận. Cho đến **đời Minh** (1368_ 1641) thì các bức tranh và tượng Quán Âm đều được biểu hiện bằng thân nữ rất trang nghiêm mỹ lệ…

Nguyên Quán Âm Bồ Tát vốn là Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác, nên tướng mạo tự nhiên của Ngài phải là tướng **Đại Trượng Phu dũng mãnh.** Thế nhưng, do Quán Âm Bồ Tát dùng **Phổ Môn Thị Hiện**, có thể tùy loại hiện thân ắt tự nhiên cũng có thể thị hiện tướng nữ. Do tập quán trên nên hiện nay hầu hết mọi người đều xem Quán Thế Âm Bồ Tát là thân nữ. Điều đó đã hiện hữu trong "**Sưu Thần Ký**" với ảnh hưởng của sự gán ghép thuộc Đạo Giáo, cho rằng Quán Thế Âm Bồ Tát là nữ tính, vả lại Ngài là con gái thứ ba của **Diệu Trang Vương,** là công chúa **Diệu Thiện** thị hiện sau khi thành Đạo. Cách nói này so với Phật Giáo hoàn toàn khác nhau.

Sự thật Quán Thế Âm Bồ Tát thường hiện rõ trong tướng mạo vô biên, thân nữ chẳng qua là một loại trong đó. Dùng Tượng Quán Âm ở thời đại Tùy Đường của Trung Quốc và Tượng của Nhật Bản làm ví dụ thì có rất nhiều hình tượng được bảo tồn đều có râu ria; nhưng do Quán Âm Bồ Tát dùng sự Từ Bi ứng hóa, có sự yêu thương nhu hòa nên nói là tính chất đặc biệt của người mẹ. Nhân đây việc đắp Tượng của Ngài cũng có đặc trưng của **Nữ Tính**. Đến nay hầu như người dân Trung Hoa đều tin tưởng rằng Bồ Tát Quán Âm chính là người nữ.

Do *Tín Ngưỡng Dân Gian* ứng hợp với 33 Hóa Thân nên trên núi Ngũ Đài có các tượng Quán Âm được tô đắp qua hình dáng Tỳ Kheo, người nữ xách giỏ cá, người nữ bồng con nít, người nữ chân đạp rùa cá…

Theo Truyền Kỳ của Trung Hoa thì Bồ Tát Quán Âm hiển linh nói Pháp tại Đạo Trường của núi Phổ Đà tỉnh Triết Giang. Căn cứ vào đấy, người ta tin rằng Ngài sinh vào ngày 19_02 ÂL, ngày xuất gia là 19_09 ÂL, ngày thành đạo là 19_06 ÂL

Hiện nay, hình ảnh Đức Quán Âm mặc áo trắng, Tôn Tượng ngàn mắt ngàn tay và tượng Thánh Quán Âm đã đi sâu vào tâm tư của Giáo Đồ Phật Giáo Trung Hoa và mọi người đều tin tưởng rằng nếu gặp ách nạn khổ đau mà thành Tâm xưng tụng danh hiệu của Ngài thì chắc chắn sẽ được cứu độ.

*) **Ở Nhật Bản**: Tín Ngưỡng Quán Âm cũng được phát triển sâu rộng. Phật Tử Nhật Bản tin rằng Thái Tử **Thánh Đức** (Shòtoku 574_622) người có công xiển dương Phật Giáo Nhật Bản là hiện thân của Đức Quán Âm (Kwannon). Ngày nay trên nước Nhật, mỗi một khu vực như: miền Tây (Vùng Kinki) miền Đông (vùng Kanto, Chichibu…) 33 chùa trong tổng số các chùa ở 3 vùng trên được thành lập làm nơi Quán Âm Linh Địa để Phật Tự đi hành hương.

*) **Ở Việt Nam**: Tín Ngưỡng Phật Giáo có lẽ đã du nhập vào đất Giao Châu từ Thế Kỷ thứ I qua các chuyến buôn bán thông thương của người Ấn Độ, Chiêm Thành… với dân Bản Xứ. Sự nghiệp dịch Kinh của người Việt Nam khá sớm và phát triển mạnh vào thời kỳ Bắc Thuộc lần thứ hai (43 _ 544). Theo ***Lịch Đại Tam Bảo Ký*** thì bộ Kinh ***Pháp Hoa Tam Muội*** đã được Ngài **Chi Cương Lương Tiếp** (Kalyānaśiva_ Chính Chân Cát Tường) cùng với **Đạo Thanh** (người Việt Nam) dịch ra chữ Hán tại đất Giao Châu vào năm 260. Như thế Tín Ngưỡng Quán Âm có thể được truyền bá trong giai đoạn này.

Đến Thế Kỷ thứ V, theo sự ghi nhận của ***Cao Tăng Truyện*** thì Ngài **Thích Đàm Hoằng**, một người Trung Hoa đến nước Ta sau năm 422, cư ngụ ở chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ, Ngài chuyên tụng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh. Đến năm 455 Ngài Đàm Hoằng nhóm lửa tự thiêu và ngay ngày hôm đó dân làng đều thấy Ngài cỡi con nai vàng , toàn thân Ngài đều rực sắc vàng và đi rất nhanh về phương Tây. Căn cứ vào đây thì khoảng năm 420, Tín Ngưỡng A Di Đà và Quán Âm đã tương đối phát triển khá mạnh dựa trên 2 bộ Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh Vô Lượng Thọ.

Đến cuối Thế Kỷ thứ VI thì Mật Giáo chính thức vào Việt Nam qua sự xuất hiện của Thiền Sư **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** (Vinitaruci, mất năm 602 tại chùa Pháp Vân) Từ đấy trở đi tinh thần Thiền Mật đã thấm nhuần tư tưởng của các Thiền Sư và một số nhân dân Việt Nam.

Đến Thế Kỷ thứ X thì Việt Nam bắt đầu thực sự giành được quyền tự chủ. Lúc ấy, Mật Giáo và Thiền là 2 hệ thống Phật Giáo hưng thịnh nhất của thời đại.Chính ở Thế Kỷ này, những trụ đá về Mật Giáo đã được tạo dựng tại Hoa Lư như Trụ Đá 8 mặt khắc những câu Kệ và Chú Đà La Ni do Thế Tử **Đinh Liễn** (con trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng) lập vào năm 973.

Đến đời Lý (1010_ 1226) Vua Lý Thái Tổ đã cho dựng nhà Tàng Kinh Trấn Phúc vào năm 1011 và sai 2 ông **Nguyễn Đạo Thành** và **Phạm Học** sang đất Tống để thỉnh Tam Tạng Kinh (Ấn Bản năm 983) trong đó có những Bản Kinh thông dụng như Kim Cương, Dược Sư, Pháp Hoa, Viên Giác, Lăng Nghiêm… và như thế chắc chắn là Tín Ngưỡng Quán Âm đã được lưu truyền rộng rãi trong thời đại này. Cụ thể là Thiền Sư **Ma Ha** (Mahā-māyā) và Thiền Sư **Từ Đạo Hạnh** (mất năm 1115) đã chứng được Pháp Đại Bi Tâm Đà La Ni của Quán Âm Đại Sĩ đồng thời Nguyên Phi **Ỷ Lan**, vợ của vua **Lý Thánh Tôn** (1054_ 1071) được gọi là ***Quán Âm Nữ.***

Đến đời Trần (1227_ 1400) Tổ chức Tu Viện được xây dựng theo Thanh Quy của Thiền Sư **Bách Trượng**. Về kiến trúc thì cơ sở chính là Phật Đường trong đó an trí các tượng **Phật Thích Ca** (Śākya-muṇi), Bồ Tát *Văn Thù* (Maṃjuśrī), Bồ Tát **Phổ Hiền** (Saman-tabhadra). Có chùa lại thờ thêm tượng **Phật A Di Đà** (Amitābha), Bồ Tát **Quán Âm** (Avalokiteśvara), Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) đồng thời trong các Nghi Thức Tụng Niệm đã xuất hiện các bài Chú Đà La Ni như: Đại Bi Tâm Đà La Ni, Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni, Lục Tự Đại Minh Chú, Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn, Bát Nhã Tâm Kinh (được xem là bài Chú Bát Nhã)…Trong **Khóa Hư Lục** của vua ***Trần Thái Tôn*** có kêu gọi Hành Giả kính lễ Phật A Di Đà cùng 2 vị Bồ Tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Căn cứ vào đây thì Tín Ngưỡng Quán Âm đã được củng cố vững chắc và từ hai Triều Đại này, hồng danh Quán Thế Âm Bồ Tát đã đi sâu rộng vào tâm hồn của nhân dân Việt Nam qua hình ảnh bà mẹ hiền luôn chăm sóc giúp đỡ con thơ tránh khỏi mọi ách nạn khổ đau.

Đến các Triều Đại: Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn thì vai trò Phật Giáo bị sút kém và phải trải qua nhiều bước thăng trầm. Nhưng tôn chỉ **Dùng Tâm Từ Bi Hỷ xả cứu khổ cứu nạn với Trí Tuệ Bát Nhã là con thuyền tế độ chúng sinh vượt qua biển mê** của Phật Bà Quan Âm đã đi sâu và bám chắc trong tâm hồn người dân Việt Nam nhất là các Tín Đồ Phật Giáo Đại Thừa, hầu như không một ai không thuộc bài Chú Đại Bi, bài Chú Lục Tự, bài Chú Bát Nhã và đại đa số đều thờ phụng Quán Âm Bồ Tát qua Tôn Tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn, Chuẩn Đề hoặc Bạch Y Nữ.

Truyền Thuyết cho rằng Công Chúa Ba hay Quán Âm Diệu Thiện đã tu hành đắc đạo tại Hương Sơn tại miền Bắc Việt Nam cho nên hình ảnh Phật Bà Quan Âm và Quan Âm Thị Kính luôn hiện rõ vai trò nhẫn nhục, Từ Bi, vị tha, cứu khổ qua 2 tập truyện thơ: Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Nam Hải và các vở chèo lưu diễn trong nhân gian

Tín ngưỡng Quán Thế Âm này lan rộng trong dân gian đến nỗi người ta chỉ xem Ngài như là một bà mẹ hiền chỉ biết yêu thương, chăm sóc, cứu giúp chúng sinh vượt qua mọi biển khổ mà quên đi Tôn Chỉ của Ngài là **Trợ giúp cho muôn loài, tự mình giác ngộ để vượt thoát vòng sinh tử luân hồi.** Như Đức Phật đã dạy: "***Hãy tự xem mình là hải đảo** (chỗ ẩn náu) **của mình. Chính mình là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa bên ngoài. Hãy xem Giáo Pháp là hải đảo của mình, Giáo Pháp là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa ở bên ngoài"***

Lời dạy này muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự cố gắng cá nhân nhằm đạt tới mục tiêu rốt ráo là tự thanh lọc tâm ý của mình và tự mình vượt thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của cuộc sống, còn sự cầu xin van vái hay lệ thuộc vào người khác thì không có hiệu quả.

Như vậy thì quyền năng ban phát ân huệ và cứu độ những kẻ bị đọa lạc của Bồ Tát Quán Thế Âm có hiện hữu thật hay không ?!...

Thật ra quyền năng cứu độ của Bồ Tát Quán Thế Âm được tạo thành trên Bản Nguyện của Ngài, tức là dựa trên cơ sở nỗ lực của cá nhân. Do đó ***Tha Lực*** có thể được xem là một thứ ***Tự Lực hiện hành*** nhằm thực hiện ước nguyện của cá nhân. Ví

dụ như ông **Paster** do nhìn thấy người ta quằn quại đau khổ và bị chết vì bệnh **Chó Dại** nên ông đã nỗ lực tìm tòi phương cách chữa trị, cuối cùng ông đã giúp cho nhân loại ngày nay thoát khỏi căn bệnh này.

Lại nữa Tha Lực chỉ có thể hiện hành được trong những điều kiện và giới hạn nào đó phù hợp với khả năng thi thố của nó, tức là đối tượng của Tha Lực cần phải có những nhân tố gì, những điều kiện gì thì mới có thể đáp ứng được như cầu của Tự Lực. Điều này có nghĩa là khi mình muốn vươn tới thì phải có một cái gì để vươn tới, cái gì có khả năng thu hút được sự vươn tới của ta. Nói cách khác Tha Lực và Tự Lực chỉ là những biểu hiện quá trình ***tự ý thức, tự giác ngộ*** của mỗi một cá nhân. Ví như một người Thầy giỏi luôn tận tụy dạy bảo các học trò của mình và luôn quan tâm giúp đỡ chúng học tập (Tha Lực) thế nhưng học trò có tiến bộ hay không thì phần lớn đều do ý thức của chúng (Tự Lực). Đây cũng là lý do mà các Môn Đệ của Đức Phật sau khi đã trải qua một thời gian tu tập dưới sự dìu dắt của Đấng Cha Lành (Tha Lực) và chứng đạt được Quả Vị giải thoát thì Vị nào cũng nói rằng:"***Những việc cần làm, Ta đã làm xong"*** (Tự Lực).

Nói theo cách khác thì **Tha Lực** chính là Duyên bên ngoài, tác động vào Tâm Thức khiến **cho tiềm năng của mỗi một cá nhân** (Tự Lực) được phát triển chính đúng nếu bản thân người ấy tự mình đón nhận và tự mình chỉnh sửa Tâm Thức cho trong sạch, chứ Tha Lực không thể nào làm thay để khiến cho cá nhân giác ngộ được.

Do ý nghĩa này mà Tổ Huệ Năng đã nói rằng: ***"Khi mê thì con nhờ Thầy độ, khi giác ngộ rồi thì con tự độ"***

Và các Bậc Cổ Đức cũng đã nói: ***"Khi còn mê muội thì chúng ta van xin cầu khẩn chư vị Bồ Tát giúp đỡ. Nhưng sau khi thức ngộ thì chúng ta nhận ra rằng các vị Bồ Tát luôn ở trong lòng của chúng ta, là chính chúng ta"***

Tại Việt Nam, do không nắm vững được diệu dụng kết hợp giữa Tha Lực và Tự Lực nên một số người đã cho rằng Pháp tu Quán Âm chỉ gói gọn trong sự cầu đảo mê tín của những kẻ yếu đuối có căn cơ hạ liệt và Mật Giáo chính là khối ung nhọt đang hủy hoại dần truyền thống tốt đẹp của Phật Giáo?!.... Thật ra, những người có tâm bài báng đó không hề biết rằng Mật Giáo luôn hàm chứa những phương thiện thiện xảo truyền tải Giáo Lý Giải Thoát của Đức Phật Đà. Hết thảy các **Đàn Giới** (Maṇḍala), **Ấn Quyết** (Mudra), **Thần Chú** (Mantra), **Minh Chú** (Vidya), **Tổng Trì** (Dhāraṇī) đều biểu tượng cho **Lý Thú Giải Thoát** hoặc **Bản Nguyện Từ Bi Phổ Độ** của các vị Hiền Thánh trong Phật Đạo, tức là người tu Mật Giáo cần phải thấu hiểu rõ ràng sự kết hợp nhuần nhuyễn của cả hai pháp **Hiển Mật.**

Trong thời gian trước, với ước nguyện góp chút công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch và ghi chép lại một số Tôn Tượng Quán Âm Bồ Tát kèm theo vài pháp tu căn bản vào quyển **Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp** được ấn hành vào năm 2007.

Nay do sự yêu cầu một bạn đồng tu muốn nắm vững hơn về Tôn hình, Chân Ngôn, Thủ Ấn thuộc Pháp tu của các Đức **Quán Âm**, cho nên tôi cố gắng sưu tập thêm hình ảnh từ trang Web **tayphuongtinhdo.com** với **Album hình trên Facebook** và soạn dịch thêm một số tư liệu có liên quan trực tiếp đến Pháp tu này nhằm giúp cho người đọc có thể nghiên cứu dễ dàng hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan) và** Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu của Phật Giáo cho chính đúng**.**

Con cũng xin chân thành cám ơn các Sư Cô **Như Hạnh, Như Trí, Như Nguyệt, Như Thông** đã và luôn hỗ trợ khuyến khích con soạn dịch Mật Giáo.

Tôi xin chân thành cảm tạ chị **Nguyễn Thị Mộng Thu**, anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin cảm tạ các em **Tống Phước Khải, Nguyễn Thị Mộng Lý** và các con tôi đã nhiệt tình giúp đỡ cho tôi hoàn thành tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Thu năm Quý Tỵ (2013)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

HỒNG DANH QUÁN ÂM BỒ TÁT

Từ xưa đến nay, dựa vào cách dịch âm tiếng Phạn là: A Phộc Lô Chỉ Đế Thấp Phạt La, A Bà Lô Cát Đế Thước Bát La…. Cùng với cách dịch nghĩa là: Quán Tự Tại, Quán Thế Âm, Quán Âm, Quang Âm, Hiện Âm Thanh, Khuy Âm, Phổ Môn, Đại Bi Thánh Giả… nên Hồng Danh của vị Bồ Tát này đã tạo thành vấn đề tranh luận của các hàng Học Giả Phật Giáo.

Liên quan đến danh hiệu của Quán Âm Bồ Tát thời có nhiều cách phiên dịch khác nhau, căn cứ vào sự nghiên cứu của Học Giả, y theo niên đại nêu ra mà ghi nhận như sau:

_ *Cổ Dịch*: nhằm chỉ các bản Kinh được dịch từ niên đại của ngài **Cưu Ma La Thập** (Kumārajīva: 344-413, hay 350-409) trở về thời trước

1_ **Quán Âm:** do **Chi Diệu** dịch Kinh **Thành Cụ Quang Minh Định Ý** ở đời Hậu Hán.

2_ **Khuy Âm**: do **Ngô Chi Khiêm** dịch Kinh **Duy Ma Cật**

3_ **Quán Thế Âm**: do **Khương Tăng Khải** (Saṃgha-varman) dịch Kinh **Vô Lượng Thọ** ở đời Tào Ngụy

4_ **Quang Thế Âm**: do **Trúc Pháp Hộ** (Dharma-rakṣa) dịch Kinh **Quang Thế Âm Đại Thế Chí Kinh Thọ Quyết** ở đời Tây Tấn

5_ **Hiện Âm Thanh**: do **Vô La Xoa** dịch Kinh **Phóng Quang Bát Nhã** ở đời Tây Tấn

_ *Cựu Dịch* : nhằm chỉ các bản Kinh được phiên dịch từ niên đại của ngài **Cưu Ma La Thập** đến trước niên đại của ngài **Huyền Trang** (600-664, hoặc 602-664)

1_ **Quán Thế Âm, Quán Âm**: do **Cưu Ma La Thập** dịch Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** ở đời Hậu Tần.

Đời Bắc Lương, **Đàm Vô Sấm** (Dharma-rakṣa) dịch Kinh **Bi Hoa**

Đời Đông Tấn, **Phật Đà Bạt Đà La** (Buddha-bhadra) dịch Kinh **Hoa Nghiêm**

Đời Lưu Tống, **Khương Lương Gia Xá** dịch Kinh **Quán Vô Lượng Thọ**

Đời Lưu Tống, **Đàm Vô Kiệt** (Dharmodgata) dịch Kinh **Quán Thế Âm Bồ Tát Thụ Ký**

2_ **Quán Thế Tự Tại**: do **Bồ Đề Lưu Chi** (Bodhi-ruci) dịch **Pháp Hoa Kinh Luận** ở đời Hậu Ngụy

_ *Tân Dịch* : nhằm chỉ các bản Kinh được phiên dịch từ niên đại của ngài **Huyền Trang** cho đến thời sau

1_ **Quán Tự Tại:** do **Huyền Trang** dịch Kinh **Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa** ở đời Đường.

Đời Đường, **Thực Xoa Nan Đà** (Śikṣānanda) dịch Kinh **Hoa Nghiêm**

Đời Đường, **Bồ Đề Lưu Chí** (Bodhi-ruci, tên đầu tiên là Dharma-ruci) dịch **Vô Lượng Thọ Như Lai Hội** trong Kinh **Đại Bảo Tích**.

Đời Tống, **Pháp Hiền** (Dharma-bhadra) dịch Kinh **Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm**

2_ **Quán Thế Âm, Quán Âm**: do **Bát Lạt Mật Đế** (Pramiti) dịch Kinh **Thủ Lăng Nghiêm** ở đời Đường.

3_ **Quán Tự Tại**: do **Thiện Vô Úy** (Śubhākara-siṃha) dịch Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh** ở đời Đường

Đời Đường, Tam Tạng **Huyền Trang** dịch **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**

Trong những phiên dịch này chủ yếu nhất là dùng Hồng Danh **Quán Thế Âm**, **Quán Tự Tại**... cũng rất được thông dụng trong thời hiện tại.

_ Thật ra trong văn học Ấn Độ, tùy theo từng trường hợp và tùy theo mỗi một ý nghĩa mà tên gọi của một người được kêu gọi khác nhau.

Phần lớn các Kinh Bản Phạn văn đều ghi nhận tên gọi của vị Bồ Tát này là **Avalokiteśvara**, trong đó

AVA: có nghĩa là phía bên dưới

LOKITA: có nghĩa là nhìn thấy, trông thấy, xem xét kỹ lưỡng

ĪŚVARA: có nghĩa là Tự Tại, vị Chúa Tể, bậc có quyền hành xử mọi việc một cách tự do .

AVALOKITA ĪŚVARA được viết gọn thành AVALOKITEŚVARA nên dịch nghĩa là **Quán Tự Tại.** Và đây cũng là tên gọi chính xác nhất của vị Bồ Tát này

AVALOKITEŚVARA là vị Bồ Tát thực hành Trí tuệ Bát Nhã thâm sâu, quán sát đối tượng **Đương Thể Tức Không** và không bị một chướng ngại bởi các yếu tố giả hợp tạo thành cái ảo tưởng của đương thể nên được gọi là **Quán Tự Tại**

Theo ý nghĩa khác, Bồ Tát Avalokiteśvara quán sát tất cả các Pháp tự do tự tại, tất cả Công Đức hợp với chúng sinh khiến cho họ xa rời bể khổ đạt đến sự an vui phỉ lạc nên Ngài được xem là "***Bậc có uy lực xem xét và bảo hộ chúng sinh một cách tự tại*** " nên Ngài có tên là **Quán Tự Tại** .

Một danh tự khác của Bồ Tát này là LOKEŚVARA trong đó LOKA là thế gian và ĪŚVARA là Tự Tại hay là vị Chúa Tể nên LOKEŚVARA được dịch là **The Tự Tại** hoặc là vị Chúa Tể của Thế Gian. **Lokeśvara** là vị Bồ Tát quán rõ các Pháp Thế Gian là huyễn hoá đồng thời điều dụng được toàn bộ Danh Pháp của Thế Gian một cách vô ngại nên đạt quả Tự Tại. Lại nữa, do Ngài quán biết căn cơ của chúng sinh nên sự giáo hóa được tự tại. Vì vị Bồ Tát này có đầy đủ **BI TRÍ**, **LÝ SỰ** vô ngại nên có tên là **Quán Tự Tại**.

_ Trong quyển 1 của "**Chú Duy Ma Cật Kinh**", Ngài **Cưu Ma La Thập** từng nêu ra rằng: "*Đời có nguy nạn, xưng tên tự quy, Bồ Tát quán sát âm thanh đó liền được giải thoát. Cũng gọi là **Quán Thế Niệm**, cũng tên là **Quán Tự Tại** vậy*." Y theo đây có thể biết Ngài **Cưu Ma La Thập** cũng thừa nhận bên trong Hồng Danh "**Quán Thế Âm**" đã hàm chứa nghĩa "**Quán Tự Tại**."

_ Trong quyển thượng "**Bát Nhã Tâm Kinh U Tán**", Đại Sư **Khuy Cơ** cho rằng "**Quán**" nghĩa là chiếu soi, tức Trí Tuệ thông đạt Không Hữu. "**Tự Tại**" nghĩa là tùy ý nhận làm tức là Thắng Quả của Sở Đắc. Quá khứ rộng hành sáu Độ, hiện tại được chứng Quả trọn vẹn, Tuệ Quán là trước tiên thành được mười loại Tự Tại.

Mười Tự Tại là:

1) **Thọ Tự Tại**: Hay kéo dài bảo vệ tính mạng.

2) **Tâm Tự Tại**: chẳng nhiễm ở sinh tử.

3) **Tài Tự Tại**: Hay theo ý vui thích mà hiện, do Sở Đắc của Bố Thí.

4) **Nghiệp Tự Tại**: Chỉ làm việc lành và khuyên người khác làm lành.

5) **Sinh Tự Tại**: Tùy theo ý muốn hay hướng tới, do Sở Đắc của Giới Hạnh.

6) **Thắng Giải Tự Tại**: Hay tùy theo sự ham muốn Biến Hiện, do Sở Đắc của An Nhẫn.

7) **Nguyện Tự Tại**: Tùy theo Quán nơi vui vẻ mà thành tựu, do Sở Đắc của Tinh Tiến.

8) **Thần Lực Tự Tại**: Bắt đầu Tối Thắng Thần Thông, do Sở Đắc của Định lực.
9) **Trí Tự Tại**: Thuận theo lời nói âm thanh Trí Tuệ.
10) **Pháp Tự Tại**: Vào Khế Kinh …. Do Sở Đắc của Trí Tuệ.

Ngài **Khuy Cơ** lại cho rằng, địa vị của Quán Thế Âm Bồ Tát là Bổ Xứ Bồ Tát, tu đạo thành Chứng Đẳng Giác, có đầy đủ Thắng Quả của mười loại Tự Tại kể trên, cho nên có tên là "**Quán Tự Tại**."

_ Do vị Bồ Tát này lấy bản nguyện Từ Bi cứu giúp chúng sinh nên có tên là **Đại Bi Tâm Giả** (Mahā Kāruṇika), hay **Đại Bi Thánh Giả** (Ārya-mahā-kāruṇika)

_ Do Ngài cầm hoa sen là biểu tượng cho Trí thanh tịnh hay Diệu Pháp nên có tên là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi-bodhisatva).

_ Do quán sát và thực hành Pháp môn **Không Hai** nên có tên là **Bất Nhị Bồ Tát** (Advaita-bodhisatva)

_ Do hành trì năm Pháp Quán *(Chân Quán, Thanh Tịnh Quán, Quảng Đại Trí Tuệ Quán, Bi Quán, Từ Quán*) mà hiện rõ ánh sáng thanh tịnh vô cấu nhiễm tức là ánh sáng của Trí Tuệ hay phá các ám tối phiền não nhờ đó mà hàng phục được Bản Tâm cho nên mới có thể đem Trí quang minh mà soi khắp các cõi để cứu khổ cho chúng sinh. Đấy là biểu thị cho sự diệu dụng, lợi tha, do vậy Ngài có tên là **Quang Âm Bồ Tát** (Abhāsvara Bodhisatva) với **Abhā** là *ánh sáng* (Quang) **svara** là *âm thanh*, tiếng (Âm)

_ Do công hạnh quán sát tất cả các tiếng kêu cứu của mọi chúng sinh trong cõi **Ta Bà** (Sāhaloka-dhātu) để kịp thời cứu độ nên Ngài có tên **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokita-lokasvara-bodhisatva)

_ Do luôn hành trì Công Đức của Trí tuệ Bát Nhã nên có tên là **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajñā-bodhisatva)

_ Do Ngài luôn đem lại sự không sợ hãi và ban cho sự an ổn đến các chúng sinh nên có tên là **Thí Vô Úy giả** (Abhayaṃdāda)

Trong *bản Phạn của **Kinh Pháp Hoa*** (Saddharma-Puṇḍarika-sūtra) có ghi: *"Này Thiện Nam Tử ! Vị Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy ban sự không sợ hãi đến các chúng sinh đang lo lắng. Vì vậy trong thế giới Ta Bà này, vị ấy là Người ban cho sự không sợ hãi (**Thí Vô Úy Giả**)"*

Từ lý do này, các vị Đạo Sư Nhật Bản thường tán tụng Ngài qua tên gọi **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Abhayaṃdāda Avalokiteśvaràya-bodhisatvāya mahā-satvāya) và tụng là:

NAMO NAMAS TASMAI ABHAYAṂDĀDA AVALOKITEŚVARA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA *(Quy mệnh kính lễ Đức Thí Vô Úy Quán Tư Tại Bồ Tát Ma Ha Tát như vậy)*

_ Do Ngài dùng ba Pháp **Văn Tuệ** (Śrutimayò Prajñā), **Tư Tuệ** (Cintāmayò Prajñā), **Tu Tuệ** (Bhāvanāmayò Prajñā) làm cho ***Nhĩ Căn Viên Thông*** nên có tên là **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokitasvara-bodhisatva)

Trong **Kinh Lăng Nghiêm quyển 6** có ghi: "*Về vô số kiếp xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu **Quán Âm Như Lai*** (Avalokitasvara-tathāgata). *Tôi đến trước Đức Phật mà phát Tâm Bồ Đề rộng lớn. Đức Phật dạy tôi ba Pháp **Văn, Tư, Tu** có nghĩa là nghe lời giảng dạy, suy nghĩ kỹ lưỡng về đạo lý và theo đó thực hành để vào **Tam Ma Đề** (Samādhi) tức là nơi vắng vẻ rốt ráo. Đức Phật khen tôi chứng được Pháp môn Viên Thông, liền ngay trong Đại Hội thọ ký cho tôi và ban Hiệu là **Quán Âm*** (Avalokitasvara)"

_ Trong ***Kinh A Di Đà*** *quyển thượng*, ***Kinh Vô Lượng Thọ*** *quyển thượng* và ***Kinh Quán Âm Thọ Ký*** đều dùng hồng danh **Thánh Quán Thế Âm** (Ārya

Avalokitasvara) để chỉ vị **Nhất Bổ Xứ Bồ Tát** hầu cận Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) tại **Thế Giới Cực Lạc** (Śukha-vatī-lokadhātu) ở phương Tây của cõi Ta Bà. Vị Bồ Tát này thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh trong cõi Tịnh Độ ấy.

Theo sự ghi nhận của ***Kinh Quán Âm Tam Muội*** và ***Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi*** thì Quán Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể tư nghị, ở vô lượng kiếp trước đã thành Phật rồi, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya-tathāgata) Nay vì nguyện lực Đại Bi mới thị hiện thân Bồ Tát để cứu khổ chúng sinh .

_Trong Kinh **Pháp Hoa** quyển 7 và Kinh **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm** quyển 6 có ghi:*"Vị Bồ Tát này ở khắp mọi nơi, mọi đất nước. Hiện đủ loại thân tướng, ứng với căn cơ của chúng sinh để hóa độ"* cho nên còn gọi là các **Ứng Hoá Thân Bồ Tát**.

Kinh **Pháp Hoa**, quyển 7 ghi nhận 33 Ứng Hóa Thân là :

A . BA VỊ ĐỊA THÁNH :

1 . Phật thân (Buddha-Kāya)
2 . Bích Chi Phật thân (Pratyeka-buddha-Kāya)
3 . Thanh Văn thân (Śrāvaka Kāya)

B . SÁU LOẠI CỦA THIÊN GIỚI :

1 . Đại Phạm Vương thân (Mahā-brahma-Kāya)
2 . Đế Thích thân (Śākra-vevānāṃ-Kāya hay Indra-Kāya)
3 . Tự Tại Thiên thân (Īśvara-Kāya)
4 . Đại Tự Tại Thiên thân (Maheśvara-Kāya)
5 . Thiên Đại Tướng Quân thân (Skanda-senapati-Kāya)
6 . Tỳ Sa Môn thân (Vaiśravaṇa-Kāya)

C . NĂM DÒNG TỘC CỦA NGOẠI ĐẠO :

1 . Tiểu Vương thân (Hīna-rāja-Kāya)
2 . Trưởng Giả thân (Gṛhapati-Kāya)
3 . Cư Sĩ thân (Dānapati-Kāya hay Gṛhapati-Kāya)
4 . Tể Quan thân (Puruṣa-Kāya)
5 . Bà La Môn thân (Brāhmaṇa-Kāya)

D . BỐN CHỦNG CỦA ĐẠO NỘI :

1 . Tỳ Kheo thân (Bhikṣu-Kāya).
2 . Tỳ Kheo ni thân (Bhikṣunī-Kāya).
3 . Ưu Bà Tắc thân (Upāsaka-Kāya).
4 . Ưu Bà Di thân (Upāsika-Kāya).

E . SÁU CẤP CỦA PHỤ NỮ - TRẺ CON :

1) Trưởng Giả Phụ Nữ thân (Gṛhapati-bhāryā-Kāya).
2) Cư Sĩ Phụ Nữ thân (Dānapati-bhāryā-Kāya).
3) Tể Quan Phụ Nữ thân (Puruṣa-bhāryā-Kāya).
4) Bà la Môn Phụ Nữ thân (Brāhmaṇa-bhāryā-Kāya).
5) Đồng Nam thân (Putra-Kāya).
6) Đồng Nữ thân (Kanyā-Kāya).

F . TÁM BỘ TRỜI RỒNG :

1) Thiên thân (Deva-Kāya).
2) Long thân (Nāga-Kāya).
3) A Tu La thân (Asura-Kāya).
4) Dạ Xoa thân (Yakṣa-Kāya).
5) Càn Sát Bà thân (Gandharva-Kāya).
6) Ca Lâu La thân (Garuḍa-Kāya).

7) Khẩn Na La thân (Kiṃnara-Kāya).
8) Ma Hầu La Già thân (Mahoraga-Kāya).

G . MỘT THÂN THẦN :

Chấp Kim Cương thân (Vajradhāra-Kāya hay Vajrapāṇi-Kāya).

Trong 33 Thân này, các Thân nào mang hình vóc con người thì gọi là **thân Người** (Manuṣya-Kāya) còn 3 Thân Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già thì gọi là **thân Phi Nhân** (Amanuṣya-Kāya)

_ **Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ Vô Thượng Ký** thì thay 4 Thân Phụ Nữ (Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn) bằng thân Phi Nhân, thân Người, thân Phụ Nữ, thân Đồng Mục Thiên Nữ

_ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh*,* quyển 6 không có 7 thân: Tỳ Sa Môn, Trưởng Giả Phụ Nữ, Cư Sĩ Phụ Nữ, Tể Quan Phụ nữ, Bà La Môn Phụ Nữ, Ca Lâu La, Chấp kim Cương mà đưa ra 5 Thân: Tứ Thiên Vương, Tứ Thiên Vương Quốc Thái Tử, Nữ Chủ, Thân Người, Thân Phi Nhân và chia thân Bích Chi Phật thành 2 thân là : Độc Giác, Duyên Giác. Do đó chỉ ghi nhận có 32 Ứng Hóa Thân

Tựu trung cả Phạn Văn và Tạng Văn đều đề cử 33 Thân

_ **Ma Ha Chỉ Quán quyển 2***, phần Thượng* có ghi 6 vị Quán Âm là các Hóa Tôn của 6 nẻo, gồm có :

1) **Đại Bi Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Địa ngục.*
2) **Đại Từ Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Ngã quỷ.*
3) **Sư Tử Vô Úy Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Súc sinh.*
4) **Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Tu la*.
5) **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Nhân Gian*
6) **Đại Phạm Tấn Tật Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Thiên Giới*

_Hệ **Đài Mật** của Nhật Bản nhận định 6 vị Quán Âm là :

1_ Hóa Tôn địa ngục là **Thánh Quán Âm** (Ārya Avalokitasvara)
2_ Hóa Tôn Ngã quỷ là **Thiên Thủ Quán Âm** (Sahasra-bhūja Avalokitasvara)
3_ Hóa Tôn Súc sinh là **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagrīva Avalokitasvara)
4_ Hóa Tôn Tu la là **Thập Nhất Diện Quán Âm** (Eka-daśa-mukhe Avalokitasvara)
5_ Hóa Tôn Nhân gian là **Bất Không Quyến Sách Quán Âm** (Amogha-pāśa Avalokitasvara)
6_ Hóa Tôn Thiên giới là **Như Ý Luân Quán Âm** (Cintā-maṇi-cakra Avalokitasvara)

Hệ **Đông Mật** của Nhật Bản thì thay Bất Không Quyến Sách Quán Âm bằng **Chuẩn Đề Quán Âm** (Cuṅdhe Avalokitasvara)

Hệ khác thì gộp chung các vị lại thành 7 vị Quán Âm.

_ Trong **Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn** còn đề xuất thêm các vị Quán Âm nữa là: Tứ Diện Đại Bi Quán Âm, Trừ Bạt Nạn Tiên Quán Âm, Bá Nga Mục Khư Quán Âm, Đại Phạm Thân Tướng Quán Âm, Quảng Đại Minh Vương Câu Xả Quán Âm .

_ Chư Tôn Nghĩa Sao có ghi tên 15 vị Quán Âm là:

1) Chính Quán Âm
2) Thiên Thủ Quán Âm

3) Mã Đầu Quán Âm
4) Thập Nhất Diện Quán Âm
5) Chuẩn Đề Quán Âm
6) Như Ý Luân Quán Âm
7) Bất Không Quyến Sách Quán Âm
8) Bạch Y Quán Âm
9) Diệp Y Quán Âm
10) Thủy Nguyệt Quán Âm
11) Dương Liễu Quán Âm
12) A Ma Tai Quán Âm
13) Đa La Quán Âm
14) Thanh Cảnh Quán Âm
15) Hương Vương Quán Âm

_ **A Sa Phộc Sao** nêu rõ có 28 Quán Âm là:

1) Thánh Quán Âm
2) Thiên Thủ Quán Âm
3) Mã Đầu Quán Âm
4) Thập Nhất Diện Quán Âm
5) Chuẩn Đề Quán Âm
6) Như Ý Luân Quán Âm
7) Bất Không Quyến Sách Quán Âm
8) Tỳ Câu Chi Quán Âm
9) Đa La Quán Âm
10) Bạch Y Quán Âm
11) Diệp Y Quán Âm
12) Phẫn Nộ Câu Quán Âm
13) Cát Tường Quán Âm
14) Phong Tài Quán Âm
15) Bất Không Câu Quán Âm
16) Đa La Quán Âm
17) Nhất Kế La Sát Quán Âm
18) Thanh Cảnh Quán Âm
19) Hương Vương Quán Âm
20) A Ma Tai Quán Âm
21) Liên Hoa Đỉnh Quán Âm
22) Đại Phạm Thiên Tướng Quán Âm
23) Bá Nộ Mục Khư Quán Âm
24) Ương Câu Xá Quán Âm
25) Diên Mạng Quán Âm
26) Dũng Kiện Quán Âm
27) Tứ Diện Đại Bi Quán Âm
28) Trừ Bát Nạn Thiên Quán Âm.

_ Kinh **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp** có ghi nhận 25 vị Quán Tự Tại biểu thị cho 25 Tam Muội đập nát 25 Hữu và 40 vị Quán Tự Tại là Hóa Thân của Đức **Thí Vô Úy Quán Tự Tại** (Abhayaṃdāda Avalokiteśvara) nhằm hóa độ các Chúng Sinh ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu

a) 25 vị Quán Tự Tại phá 25 Hữu là :

1) **Bạt Khổ Quán Tự Tại** phá Địa Ngục Hữu
2) **Dữ Trí Quán Tự Tại** phá Súc Sinh Hữu

3) **Thí Nguyện Quán Tự Tại** phá Ngạ Quỷ Hữu
4) **Trừ Kích Quán Tự Tại** phá A Tu La Hữu
5) **Trừ Khuể Quán Tự Tại** phá Đông Thắng Thần Châu Hữu
6) **Tiến Đạo Quán Tự Tại** phá Tây Ngưu Hóa Châu Hữu
7) **Cần Chính Quán Tự Tại** phá Bắc Thượng Thắng Châu Hữu
8) **Thí Vô Úy Quán Tự Tại** phá Nam Thiệm Bộ Châu Hữu
9 **Thí Quang Quán Tự Tại** phá Tứ Thiên Xứ Hữu
10) **Dữ Cam Lộ Quán Tự Tại** phá Đao Lợi Thiên Hữu
11) **Kiến Thiên Quán Tự Tại** phá Diễm Ma Thiên Hữu
12) **Thí Diệu Quán Tự Tại** phá Đâu Suất Thiên Hữu
13) **Kiến Lạc Quán Tự Tại** phá Hóa Lạc Thiên Hữu
14) **Giáng Ma Quán Tự Tại** phá Tha Hóa Tự Tại Thiên Hữu
15) **Tĩnh Lự Quán Tự Tại** phá Sơ Thiền Hữu
16) **Tác Cữu Quán Tự Tại** phá Phạm Vương Hữu
17) **Kiến Thiền QuánTự Tại** phá Nhị Thiền Hữu
18) **Oán Địch Quán Tự Tại** phá Tam Thiền Hữu
19) **Điều Trực Quán Tự Tại** phá Tứ Thiền Hữu
20) **Không Huệ Quán Tự Tại** phá Vô Tướng Hữu
21) **Hộ Thánh Quán Tự Tại** phá Tĩnh Cư A Na Hàm Hữu
22) **Thanh Tĩnh Quán Tự Tại** phá Không Xứ Hữu
23) **Chính Pháp Quán Tự Tại** phá Thức Xứ Hữu
24**) Nan Dục Quán Tự Tại** phá Vô Sở Hữu Xứ Hữu
25) **Bất Động Quán Tự Tại** phá Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Hữu

25 vị Bồ Tát sở hiện của Đại Bi này đều có đủ 11 mặt 40 cánh tay, được 25 Tam Muội, đoạn 25 Hữu và mỗi một vị đều có 40 Hóa Thân

b) 40 vị Quán Tự Tại là Thân Sở Hóa của Thí Vô Úy Quán Tự Tại tương ứng với 40 tay cầm báu vật là :

1) Dữ Nguyện Quán Tự Tại (Như Ý Thủ)
2) Trì sách Quán Tự Tại (Quyến Sách Thủ)
3) Bảo Bát Quán Tự Tại (Bảo Bát Thủ)
4) Bảo Kiếm Quán Tự Tại (Bảo Kiếm Thủ)
5) Kim Cương Quán Tự Tại (Bạt Chiết La Thủ)
6) Trì Xử Quán Tự Tại (Kim Cương Xử Thủ)
7) Trừ Bố Quán Tự Tại (Thí Vô Úy Thủ)
8) Nhật Tinh Quán Tự Tại (Nhật Tinh Ma Ni Thủ)
9) Nguyệt Tinh Quán Tự Tại (Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ)
10) Trì Cung Quán Tự Tại (Bảo Cung Thủ)
11) Tốc Trực Quán Tự Tại (Bảo Tiễn Thủ)
12) Dược Vương Quán Tự Tại (Dương Liễu Thủ)
13) Phất Nạn Quán Tự Tại (Bạch Phất Thủ)
14) Trì Bình Quán Tự Tại (Hồ Bình Thủ)
15) Hiện Nộ Quán Tự Tại (Bàng Bài Thủ)
16) Trấn Nạn Quán Tự Tại (Phủ Việt Thủ)
17) Trì Hoàn Quán Tự Tại (Ngọc Hoàn Thủ)
18) Phân Diệp Quán Tự Tại (Bạch Liên Hoa Thủ)
19) Kiến Phật Quán Tự Tại (Thanh Liên Hoa Thủ)
20) Kính Trí Quán Tự Tại (Bảo Kính Thủ)
21) Kiến Liên Quán Tự Tại (Tử Liên Hoa Thủ)
22) Kiến An Quán Tự Tại (Bảo Khiếp Thủ)

23) Tiên Vân Quán Tự Tại (Ngũ Sắc Vân Thủ)
24) Thiền Định Quán Tự Tại (Quân Trì Bình Thủ)
25) Thiên Hoa Quán Tự Tại (Hồng Liên Hoa Thủ)
26) Phá Tặc Quán Tự Tại (Kích Sao Thủ)
27) Niệm Châu Quán Tự Tại (Sổ Châu Thủ)
28) Trì Loa Quán Tự Tại (Bảo Loa Thủ)
29) Phộc Quỷ Quán Tự Tại (Độc Lâu Thủ)
30) Pháp Âm Quán Tự Tại (Bảo Đạc Thủ)
31) Trí Ấn Quán Tự Tại (Bảo Ấn Thủ)
32) Câu Triệu Quán Tự Tại (Thiết Câu Thủ)
33) Từ Trượng Quán Tự Tại (Tích Trượng Thủ)
34) Hiện Kính Quán Tự Tại (Hợp Chưởng Thủ)
35) Bất Ly Quán Tự Tại (Hóa Phật Thủ)
36) Đại Thế Quán Tự Tại (Hoá Cung Điện Thủ)
37) Bát Nhã Quán Tự Tại (Bảo Kinh Thủ)
38) Bất Chuyển Quán Tự Tại (Bảo Luân Thủ)
39) Quán Đỉnh Quán Tự Tại (Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ)
40) Hộ Địa Quán Tự Tại (Bồ Đào Thủ)

_ Kinh **Ngũ Bách Danh** đề cử 500 danh hiệu Quán Âm

_ Các Kinh khác còn ghi thêm một số Hồng Danh nữa là: Hiện Âm Thanh Bồ Tát, Khuy Âm Bồ Tát, Viên Thông Đại Lực Sĩ, Từ Hàng Đại Sĩ… Sau này lại có 25 vị Quán Âm và 33 vị Quán Âm ... Hầu hết các bộ Quán Âm này thường không có căn cứ ở Kinh Quỹ mà dựa vào tư tưởng Hóa Độ Lục Đạo với tư tưởng 33 Ứng Hóa Thân pha lẫn với tín ngưỡng dân tộc ở Trung Hoa, Nhật bản mà tạo ra.

_ **Phật giáo** Nepal để cử 15 vị Quán Âm là:
1_ Ṣaḍ-aksarī Lokeśvara
2_ Siṃhanāda Lokeśvara
3_ Khasarpana Lokeśvara
4_ Lokanātha Lokeśvara
5_ Halahala Lokeśvara
6_ Padmanartteśvara
7_ Harihariharì vahanobhava Lokeśvara
8_ Trailokya Vasankara Lokeśvara
9_ Rakta Lokeśvara
10_ Māyājāla Krama Avalokiteśvara
11_ Nīlakaṇṭha Lokeśvara
12_ Sugatisandarśana Lokeśvara
13_ Preta Santarpita Lokeśvara
14_ Sikhavati Lokeśvara
15_ Vajradharma Lokeśvara

_ **Mật Giáo** Nepal đã vận dụng 12 hình thức ứng hóa của Bồ Tát Quán Thế Am theo 12 tháng Âm Lịch trong năm để thực hiện Pháp Tu mang lại lợi ích cho nhiều người hơn.

Tháng Giêng (Dần**): Siṃhanāda Lokeśvara**
Tháng Hai (Mão): **Padmanrita Lokeśvara**
Tháng Ba (Thìn): **Hariharihari Vahana Lokeśvara**
Tháng Tư (Tỵ): **Trailokya Vasankari Lokeśvara**
Tháng Năm (Ngọ): **Rakta Lokeśvara**

Tháng Sáu (Mùi): **Nīlakaṇṭha Loke'svara**
Tháng Bảy (Thân): **Māyājāla Lokeśvara**
Tháng Tám (Dậu): **Karandavyūha Lokeśvara**
Tháng Chín (Tuất): **Ṣaḍ-aksarī Lokeśvara**
Tháng Mười (Hợi): **Śrīmat Lokeśvara**
Tháng Mười Một (Tý): **Halahalahala Lokeśvara**
Tháng Mười Hai (Sửu): **Khasārpaṇa Lokeśvara**

_ Phật Giáo Tây Tạng thường phụng thờ Tôn Tượng **Tứ Thủ Quán Âm** (Tức **Lục Tự Đại Minh Quán Âm**), **Thập Nhất Diện Quán Âm, Liên Hoa Thủ Bồ Tát, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm, Đa La Quán Âm**

_ Hệ Phật Giáo ở phương Tây ghi nhận 108 tên của Quán Tự Tại Bồ Tát là:
1_ Āryāvalokiteśvara
2_ Vajra-nātha_ Lokeśvara
3_ Vajrapāṇi_Lokeśvara
4_ Padmapāṇi_ Lokeśvara
5_ Nitya-nātha_ Lokeśvara
6_ Śaṅkha-nātha_ Lokeśvara
7_ Vajra-hetu_ Lokeśvara (?Vajra-sphoṭa)
8_ Kṛtañjali_ Lokeśvara
9_ Vajroṣṇīṣa_ Lokeśvara
10_ Śivakānta_ Lokeśvara
11_ Viṣṇu_ Lokeśvara
12_ Uṣṇīṣa- Lokeśvara (?Uṣṇīṣa -nātha)
13_ Mañjudatta_ Lokeśvara (?Mañju-nātha)
14_ Cintāmaṇi_ Lokeśvara
15_ Jñāna-dhātu_ Lokeśvara
16_ Śākya-dhātu_ Lokeśvara
17_ Vajra-dhātu_ Lokeśvara
18_ Mañju-bhūta_ Lokeśvara
19_ Viśva-bhūta_ Lokeśvara
20_ Sukhāvatī_ Lokeśvara
21_Suprasārtha_ Lokeśvara
22_Hariharihari-vāhana_ Lokeśvara
23_Jñānāṃ-dhāri_ Lokeśvara
24_Mahā-vajrasattva_ Lokeśvara
25_Siṃha-nātha_ Lokeśvara
26_Harihara_ Lokeśvara
27_Dharma-cakra_ Lokeśvara
28_Ṣaḍ-aksarī_ Lokeśvara
29_Ṣaraṣirī_ Lokeśvara
30_Ṣṛṣṭikānta_ Lokeśvara
31_Brahmadatta_ Lokeśvara
32_Amogha-pāśa_ Lokeśvara
33_Vasanta_ Lokeśvara
34_Kamala-vadha_ Lokeśvara
35_Brahmādideva_ Lokeśvara
36_Halahala_ Lokeśvara

37_ Krama-candra_ Lokeśvara
38_Karajali_ Lokeśvara
39_Lamadi_ Lokeśvara (?Amitābha)
40_Bindupātra_ Lokeśvara
41_Indrapātra_ Lokeśvara (?Piṇḍapātra)
42_Nīla-kṛṣṇa_ Lokeśvara
43_Śrīmanta_ Lokeśvara
44_Śrayanna_ Lokeśvara
45_Loka-nātha_ Lokeśvara
46_Padmanṛtya_ Lokeśvara
47_Potalake-survaṇa-śaṅkara_ Lokeśvara
48_Varada_ Lokeśvara
49_Nīlakaṇṭha_ Lokeśvara
50_Māyājāla_ Lokeśvara
51_Dharatī_ Lokeśvara
52_Dharma-śaṃkara_ Lokeśvara
53_Abhayaṃkara_ Lokeśvara
54_Nityayacana_ Lokeśvara
55_Ratna-pāṇi_ Lokeśvara
56_Sugati-darśana_ Lokeśvara
57_Pretagati_ Lokeśvara
58_Gandha-vibhu_ Lokeśvara (?Gandha-citta)
59_Kāruṇa-vatāra_ Lokeśvara
60_Vilañcitu_ Lokeśvara
61_Sārthavāha_ Lokeśvara
62_Kāntina-vatāra_ Lokeśvara
63_Jogācata_ Lokeśvara
64_Candra-varṇa_ Lokeśvara
65_Sūrya-varṇa_ Lokeśvara
66_Ganganagañja_ Lokeśvara
67_Ānanda_ Lokeśvara
68_Indragati_ Lokeśvara
69_Sāgara-gaṃbhīra_ Lokeśvara
70_Siṃha-vijṛṃbhita_ Lokeśvara
71_Siṃha-vikrīḍita_ Lokeśvara
72_Śatavaradāyaka_ Lokeśvara
73_Avīci-saṃśodhana_ Lokeśvara
74_Ratna-vṛṣṭi_ Lokeśvara
75_Sanadaśa_ Lokeśvara
76_Vajrāsana_ Lokeśvara
77_Guhya-gupta_ Lokeśvara
78_Ākāśa-garbha_ Lokeśvara
79_Meghapati_ Lokeśvara
80_Atikṣiptadhūpa_ Lokeśvara
81_Aśvattha-hasta_ Lokeśvara
82_Sarva-nīrvaṇa-viṣkaṃbhī_ Lokeśvara
83_Bhaiṣajyeśvara_ Lokeśvara
84_Sāgara-mati_ Lokeśvara
85_Susukha_ Lokeśvara (?Sumukha)

86_Ratna-kīrtti_ Lokeśvara (= Mahā-śaktavīra)
87_Śaṅkara-vihāra_ Lokeśvara
88_Hayagrīva_ Lokeśvara
89_Varāha-mukha_ Lokeśvara
90_Dadi-viśva-nātha_ Lokeśvara
91_Sapta-mukha_ Lokeśvara
92_Mahā-pratiyaṅgirā_ Lokeśvara
93_Jala-bindu_ Lokeśvara
94_Dharmapīṭha_ Lokeśvara (= Dharma-dhātu)
95_Padmālaṅkāra_ Lokeśvara
96_Dhātu-pūja_ Lokeśvara
97_Candra-vīra_ Lokeśvara (= Candra-prabha)
98_Vajra-mukutī_ Lokeśvara (?Jaṭamukuṭa)
99_Dharma-rāja_ Lokeśvara
100_Duṇḍubhi_ Lokeśvara
101_Ṛṣipuṅgava_ Lokeśvara
102_Daśa-bhūmi_ Lokeśvara
103_Sarva-jña-śīla_ Lokeśvara
104_Dhvajāgra_ Lokeśvara (?Dhvajāgra-keyūra)
105_Nitya-nātha_ Lokeśvara (= Nṛtya-nātha)
106_Ādi-buddha_ Lokeśvara (=Śākya-buddha)
107_Vajra-sahasra_ Lokeśvara (?vajra-śastra)
108_Nāmasaṅgīti_ Lokeśvara

Tóm lại, do nhân ứng hóa các phương mà danh hiệu và hình tượng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có nhiều tướng trạng khác nhau. Thông thường người ta dùng hồng danh **Chính Quán Âm** (Samyak-Avalokitasvara) để chỉ Đức Quán Âm bản nhiên. Hình tượng của Ngài rất tự do không có quy định theo đặc tính nào cả.

Hồng danh **Thánh Quán Âm** (Ārya-Avalokitasvara) dùng để chỉ Đức Quán Âm cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát theo hầu cận Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc và xưng là ***Tây Phương Tam Thánh*** .

Hồng danh **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) dùng để chỉ các bậc Giác Hữu Tình đang tu hành pháp môn **QUÁN CHIẾU THẬT TẠI** để hoàn thành Tuệ Giác siêu việt, hoặc danh hiệu này dùng để chỉ vị Bồ Tát ở cảnh **Lý Sự Vô Ngại**, quán đạt tự tại.

Hồng danh **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokita-lokasvara-bodhisatva) dùng để chỉ các bậc Giác Hữu Tình đang thực hành Pháp Môn **VIÊN THÔNG NHĨ CĂN** để hoàn thành 4 Tâm vô lượng **TỪ, BI, HỶ, XẢ**. Hoặc danh hiệu này dùng để chỉ vị Bồ Tát dùng bản nguyện **Từ Bi** quan sát âm thanh cầu cứu của tất cả chúng sinh trong Đại Thiên Thế Giới mà nhanh chóng hiện thân đến cứu tế ách nạn.

Riêng các Tôn Tượng và danh hiệu khác đều là thân thị hiện theo lực dụng của Pháp Thần Biến tự tại nên mỗi mỗi đều có ý nghĩa và Nghi Quỹ riêng biệt.

TIỀN THÂN CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

1_ **Nhân Địa của Quán Âm Bồ Tát:**

_ Theo sự ghi nhận của ***Kinh Quán Âm Tam Muội*** và ***Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi*** thì Quán Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể tư nghị, ở vô lượng kiếp trước đã thành Phật rồi, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya Tathāgata). Nay vì nguyện lực Đại Bi mới thị hiện thân Bồ Tát để cứu khổ chúng sinh.

_ Kinh **Bi Hoa** ghi nhận rằng: "Thuở xa xưa, ở Thế Giới **San Đề Lam** thuộc Đại Kiếp **Thiện Trì** (Sudhāra) có vị vua tên là **Vô Tránh Niệm** (Aranemin), có vị Đại Thần tên là **Bảo Hải** Phạm Chí (**Ratna-sāgara**-brāhmaṇa). Con trai của vị Đại Thần ấy tên là **Bảo Tạng** (Ratna-garbha) sau khi xuất gia, chứng Bồ Đề, hiệu là **Bảo Tạng Như Lai** (Ratna-garbha-tathāgata). Đức Như Lai rộng vì vua Vô Tránh Niệm nói Pháp, nhà vua cúng dường Đức Như Lai với các Thánh Chúng, thời Bảo Hải Phạm Chí khuyên Đức Vua với một ngàn người con của vua phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta). Nhà vua liền phát Tâm Bồ Đề, nguyện cầu cõi nước thanh tịnh. Đức **Bảo Tạng Như Lai** bèn thọ ký cho nhà vua, sau này được thành Phật tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) tại Thế Giới **An Lạc** (Sukhavatī) ở phương Tây.

Hai người con của vua **Vô Tránh Niệm** cũng được Đức **Bảo Tạng Như Lai** thọ ký cho: vị thứ nhất tên là **Bất Thuấn** sau này là **Quán Âm Bồ Tát**, vị thứ hai tên là **Ni Ma** sau này là **Đắc Đại Thế Bồ Tát** (tức Đại Thế Chí Bồ Tát) đồng ở Thế Giới **An Lạc** phụ giúp Đức Phật **Vô Lượng Thọ** giáo hoá chúng sinh.

Sau khi Đức Phật Vô Lượng Thọ vào Niết Bàn thì **Quán Âm Bồ Tát** sẽ nối ngôi Phật có hiệu là **Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai**, Thế Giới tên là **Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu.** Tiếp theo, Đức **Đắc Đại Thế Bồ Tát** sẽ thành Phật có hiệu là **Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai**, Thế Giới tên là **Đại Thế.**"

_ Kinh **Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký** cũng ghi nhận là: "**Quán Thế Âm Bồ Tát** sẽ thành Phật tên là **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai**, Thế Giới tên là **Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm.** Tiếp theo, Đức **Đắc Đại Thế Bồ Tát** sẽ thành Phật tên là **Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai**."

2_ **Công Hạnh tu hành và hoá độ của Quán Âm Bồ Tát:**

_ Trong **Kinh Lăng Nghiêm quyển 6** có ghi: "Về vô số kiếp xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu **Quán Âm Như Lai** (Avalokitasvara-tathāgata). Tôi đến trước Đức Phật mà phát Tâm Bồ Đề rộng lớn. Đức Phật dạy tôi ba Pháp **Văn, Tư, Tu** có nghĩa là nghe lời giảng dạy, suy nghĩ kỹ lưỡng về đạo lý và theo đó thực hành để vào **Tam Ma Đề** (Samādhi) tức là nơi vắng vẻ rốt ráo. Đức Phật khen tôi chứng được Pháp môn Viên Thông, liền ngay trong Đại Hội thọ ký cho tôi và ban Hiệu là **Quán Âm** (Avalokitasvara)"

_ **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh** ghi nhận việc **Quán Tự Tại Bồ Tát** dạy truyền Trí Tuệ Bát Nhã cho ngài **Xá Lợi Phất**

_ Kinh **Phương Đẳng Như Lai Tạng** và **Đại Phương Quảng Như Lai** ghi nhận rằng: "Quán Thế Âm Bồ Tát cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát vì lòng Từ Bi, không chịu vào cảnh giới tối thượng của chư Phật, nguyện dấn thân vào con đường phụng sự đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh"

_ Kinh **Đại Thừa Vô Lượng Bảo Trang Nghiêm** ghi nhận các công hạnh hoá độ sâu nẻo của Quán Thế Âm Bồ Tát

_ Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**, Phẩm **Phổ Môn** ghi nhận 33 thân ứng hoá của Quán Thế Am Bồ Tát trong công hạnh *tuỳ Duyên ứng hoá cứu độ chúng sinh*….

Ngoài ra trong các ***Kinh Tạng Mật Giáo*** ghi nhận rất nhiều Đà La Ni, Mật Chú, Thủ Ấn, Nghi Quỹ do Đức Quán Âm Bồ Tát truyền dạy để cứu giúp chúng sinh….



TRÚ XỨ CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Tất cả mọi truyền thống đều tin rằng trú xứ của Bồ Tát Quán Âm là đỉnh núi **Bồ Đà Lạc Ca** (Potala), xong ngọn núi đó ở địa phương nào thì có nhiều quan điểm khác nhau.

_ Theo Kinh **A Di Đà** ***quyển thượng***, Kinh **Vô Lượng Thọ** ***quyển thượng*** và Kinh **Quán Thế Âm Thọ Ký** thì Bồ Tát Quán Âm theo hầu cận Đức Phật A Di Đà để phụ giúp Ngài giáo hóa chúng sinh trong Thế giới Cực Lạc. Như vậy trú xứ của Bồ Tát này phải là Tịnh Thổ Cực Lạc ở phương Tây.

_ Theo Kinh **Nhất Thiết Trang Nghiêm Công Đức**, Kinh **Thanh Tịnh Quán Âm Phổ Hiền Đà La Ni** và Kinh **Quán Âm Tam Muội** thì Bồ Tát Quán Âm là vị hầu cận của Đức Phật Thích Ca. Như vậy trú xứ của Bồ Tát này phải là Uế Độ Ta Bà. Và quan điểm này được số đông chấp nhận.

Kinh **Tân Liên Hoa** quyển 68 ghi nhận vị Bồ Tát này trú ngụ ở núi Bổ Đà Lạc nơi biển Nam.

Ngài Huyền Trang tin tưởng rằng đỉnh núi Potala ở miền Nam Ấn.

Phật giáo đồ Tây Tạng tin tưởng rằng tu viện của Đạt Lai Lạt Ma ở L'hasa là Potala vì Đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm.

Nhân dân Trung Hoa thì tin tưởng rằng quần đảo Châu Sơn ngoài khơi Triết Giang gần Ninh Po là núi Phổ Đà và họ thường tổ chức hành hương đến lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đại đa số tín đồ Phật giáo trên thế giới đều tin tưởng rằng núi Phổ Đà ở ngoài khơi Nam Hải nên họ thường xưng tụng là:

"Nam mô Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát"

hoặc **"Nam mô Nam Hải Viên Thông Giáo Chủ, Đại Từ Đại Bi, Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn, Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát"**



PHÁP MÔN CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Hệ phái **Đại Thừa** (Mahā-yāna) được phát triển từ ý nguyện tôn sùng **lý tưởng Bồ Tát**, nên danh xưng khởi nguyên của hệ này chính là **Bồ Tát Thừa** (Bodhisatva-yāna), còn những người tu hành không tin tưởng vào **lý tưởng Bồ Tát** thì được gọi là **Tiểu Thừa** (Hīna-yàna) chứ không hề có ý tưởng phân biệt *cao thấp, rộng hẹp*...như một số người đời sau nhận định !...

Do **lý tưởng Bồ Tát** được xây dựng trên nền tảng **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) tức là người tu hành theo Lý Tưởng này phải phát Tâm **Thệ Nguyện Thành Phật** rồi chuyên chú gia công tu tập mọi Công Đức để *hoàn thiện chính mình qua việc giúp ích cho chúng sinh.*

Từ ý nghĩa này mà các bậc Đạo Sư đã nhấn mạnh rằng: "*Hết thảy các chúng sinh đều là ruộng Phước, giúp cho người tu Đạo Bồ Tát thực hiện viên mãn mọi Công Hạnh để mau chóng thực chứng Phật Quả*". Tức là thực hiện một điều rất quan trọng mà ít ai chú ý đến: ***"Nếu ta mong mỏi giúp ích cho người thì chính điều đó lại giúp ích cho ta"***

Hoặc nói theo thời hiện đại là: *"Người ích kỷ khôn ngoan nhất là người biết quên thân mình để giúp đỡ cho mọi chúng sinh"*

Thế nên các vị Đạo Sư Tây Tạng nhận định rằng: *"Tâm Đại Bi là trọng tâm hoạt động giác ngộ của các Bậc Thánh Giải Thoát và Tâm Đại Bi là cội nguồn tinh túy để dẫn dắt chúng sinh tiến đến sự Giác Ngộ Tối Thượng".*

_ Chính vì *Tâm Đại Bi là trọng tâm hoạt động giác ngộ của các Bậc Thánh Giải Thoát* cho nên Đức **Quán Âm Bồ Tát** tuy đã sớm thành Phật, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai**, nhưng vì muốn tế độ tất cả chúng sinh, cho nên quay ngược thuyền Từ, thị hiện làm thân Bồ Tát, như trong Kinh "**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**" nói rằng: "*Quán Thế Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể nghĩ bàn, trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do Nguyện Lực Đại Bi là làm an vui cho chúng sinh, cho nên hiện làm Bồ Tát*."

Trong quá trình *hoá độ chúng sinh*, do căn tính của các chúng sinh không giống nhau, nên **Quán Âm Bồ Tát** đã nương vào Tam Muội **Phổ Hiện Sắc Thân** khởi hiện các **thân ứng hoá** chẳng thể nghĩ bàn, luôn luôn ở trong mười phương Thế Giới làm việc cứu giúp vô biên khiến cho chúng sinh bị khổ nạn được đến chỗ an ổn và trong mát vô hạn. Tức là tuỳ theo nhu cầu riêng của mỗi một chúng sinh, Quán Âm Bồ Tát sẽ thị hiện ra các loại nhân vật tương ứng với nguyện cầu của mỗi một chúng sinh để cứu độ cho họ.

Điều này được gọi là **Phổ Môn Thị Hiện** và cũng là một nét đặc sắc riêng của Quán Âm Bồ Tát và được kinh hoạ rất rõ trong Phẩm **Phổ Môn** của Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**.

Do công hạnh hiện bày **thân ứng hoá** ở khắp mọi cõi đã khiến cho Quán Âm Bồ Tát thành vị Bồ Tát rất hợp với chúng sinh ở Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu). Thế nên, Trung Quốc có câu tục ngữ là: "*Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm*" chính là khắc họa rất tốt của các loại hiện tượng này.

_ Lại nữa, để nhấn mạnh ý nghĩa "*Tâm Đại Bi là cội nguồn tinh túy để dẫn dắt chúng sinh tiến đến sự Giác Ngộ Tối Thượng"* nên trong Kinh **Hoa Nghiêm**, quyển 68 đã minh hoạ việc ***Quán Tự Tại Bồ Tát vì Thiện Tài Đồng Tử mà tuyên nói Pháp Môn Đại Bi Hạnh Giải Thoát của Bồ Tát*** là:

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát nhìn thấy Thiện Tài từ xa đi đến, liền vui mừng nói rằng:

Này Thiện Nam Tử! Ông đến được đây là quá tốt rồi. Ông đã trải qua tư tưởng, chí nguyện nhiếp thọ khắp cả chúng sinh, hay phát khởi Đại Thừa, phát khởi Tâm chính trực chuyên cầu Phật Pháp, phát khởi Tâm Đại Bi sâu nặng cứu giúp chúng sinh, khiến tất cả ***Hạnh màu nhiệm của Phổ Hiền*** *nối tiếp nhau hiện ngay trước mắt, Đại nguyện thâm tâm viên mãn thanh tịnh. Phàm người nào siêng năng thỉnh cầu Phật Pháp đều hay lãnh thọ và gom chứa các loại căn lành, xưa nay chưa bao giờ đầy đủ và hay thuận theo Thiện Tri Thức chẳng trái lời dạy dỗ ấy.*

Này Thiện Tài ! Ông từ ***biển lớn Trí Tuệ Công Đức của Văn Thù Sư Lợi*** *mà sinh ra, Tâm của Ông đã thành thục, lại hay được thế lực lớn của Chư Phật, thu được ánh sáng Tam Muội rộng lớn, chuyên tâm mong cầu Pháp màu nhiệm thâm sâu, thường xuyên yết kiến Chư Phật, sinh khởi Tâm rất vui mừng. Trí Tuệ thanh tịnh của Ông giống như hư không, không chỉ tự chứng minh lại hay vì người khác diễn nói, khiến cho người khác đều hay an trụ trong ánh sáng Trí Tuệ của Như Lai*".

Khi ấy, Thiện Tài Đồng Tử cung kính đỉnh lễ hai bàn chân của Quán Tự Tại Bồ Tát, sau khi nhiễu quanh vô số vòng xong, mới chắp tay lại nói rằng: *"Bạch Thánh Giả! Con đã trải qua việc* ***phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác****, nhưng lại chẳng biết phải tu học Hạnh Bồ Tát như thế nào, tu tập Đạo Bồ Tát ra sao? Con nghe nói Thánh Giả hay khéo dạy bảo chúng sinh, xin Ngài có thể vì con diễn nói".*

Bồ Tát bảo rằng: *"Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông đã trải qua, hay phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác !*

Này Thiện Nam Tử! Ta đã trải qua việc thành tựu Pháp Môn Đại Bi Hạnh giải thoát của Bồ Tát.

Này Thiện Nam Tử! Ta hay dùng môn ***Đại Bi Hạnh*** *này, bình đẳng giáo hóa chúng sinh nối tiếp nhau chẳng dứt*

Này Thiện Nam Tử! Ta luôn luôn an trụ môn Đại Bi Hạnh này, lại an trụ ở nơi tất cả Như Lai và hay hiện bày khắp cả ngay trước mặt tất cả chúng sinh. Có khi Ta, hoặc là dùng ***Bố Thí*** *để nhiếp lấy chúng sinh. Hoặc là dùng lời nói yêu thương. Hoặc là dùng hành vi làm lợi ích cho người khác. Hoặc là dùng hành vi hòa chung với công việc của chúng sinh để nhiếp lấy họ. Hoặc là hiện bày các loại lưới ánh sáng trong sạch chẳng thể nghĩ bàn để nhiếp lấy chúng sinh. Hoặc là dùng âm thanh, hoặc là có đủ uy nghi để vì họ nói Pháp. Hoặc là hiện bày Thần Thông biến hóa, khiến họ đều hay thành thục khai ngộ. Hoặc vì họ hóa hiện thân đồng loại, cùng ở chung với họ để thành tựu họ.*

Này Thiện Nam Tử! Bởi vì Ta tu hành môn Đại Bi Hạnh này, nguyện xin cứu giúp chúng sinh, nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều hay xa lìa sợ hãi con đường khó khăn nguy hiểm, xa lìa sợ hãi phiền não, xa lìa sợ hãi mê hoặc, xa lìa sợ hãi bị trói buộc, xa lìa sợ hãi bị giết hại, xa lìa sợ hãi nghèo túng, xa lìa sợ hãi chẳng thể sinh sống, xa lìa sợ hãi mang tiếng xấu, xa lìa sợ hãi chết chóc, xa lìa nơi sợ hãi trong Đại Chúng, xa lìa sợ hãi đầu thai nẻo ác, xa lìa sợ hãi ám tối, xa lìa sợ hãi dời đổi, xa lìa sợ hãi cùng với quyến thuộc thân yêu biệt ly, xa lìa sợ hãi cùng với oán thù gặp nhau, xa lìa tất cả sợ hãi bức bách sinh lý, xa lìa tất cả sợ hãi bức bách tâm lý, xa lìa sợ hãi lo lắng buồn thương.

Do đó, Ta lại phát Nguyện rằng: ***Phàm có người nào nhớ niệm Ta, tụng xưng tên Ta, hoặc là thấy được thân tướng chúng sinh của Ta, đều hay miễn trừ hết thảy sợ hãi."***

Này Thiện Nam Tử! Ta dùng Pháp Môn phương tiện này, hay khiến cho chúng sinh xa lìa các loại sợ hãi, và dạy bảo họ phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển".

Ngoài ra, để minh chứng cho Pháp Môn **Đại Bi Hạnh Giải Thoát của Bồ Tát** được thực hiện không hề ngưng nghỉ nên trong "**Bi Hoa Kinh**" ghi chép rằng: "*Tương lai, sau khi Đức Phật **A Di Đà** tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây nhập Niết Bàn thời **Quán Thế Âm Bồ Tát** sẽ nối tiếp làm Phật tên là **Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Như Lai**, Tịnh Thổ của Ngài tên là **Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu Thế Giới** so với thế giới Cực Lạc hiện tại lại càng trang nghiêm vi diệu hơn, chẳng thể nghĩ bàn".*

Điều cần biết nữa là, với Tâm Đại Bi nhằm giúp cho chúng sinh nắm vững được mọi phương tiện thiện xảo trong khi tu hành **Bồ Đề Hạnh** (Bodhi-caryā), Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiển thị uy lực của Tam Muội **Như Huyễn Kim Cương** để tự trang nghiêm mình và tế độ muôn loài Hữu Tình

1) Cứu độ bằng Pháp Như Ý Thắng Thượng:

Nếu người nào lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát thì:

_ Cầu con trai liền được con trai có đầy đủ Phước Tuệ

_ Cầu con gái liền được con gái xinh đẹp hiền lành , ai thấy cũng mến yêu

_ Được Phước Đức ngang bằng với Phước Đức lễ bái cúng dường, thọ trì danh tự của 62 ức hằng hà sa Bồ Tát.

2) Cứu độ bằng Pháp Cát Tường Tự Tại:

Nếu người nào trì niệm Danh Hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát thì:

_ Vào lửa, lửa chẳng thể đốt cháy được

_ Bị nước cuốn trôi, liền đến chỗ cạn

_ Đi thuyền giữa Đại Dương tìm châu báu, gặp gió bão đánh dạt vào nước của Quỷ La Sát, thì được thoát nạn La Sát.

_ Sắp bị đánh chém thì dao gậy của kẻ ấy liền gãy nát không phạm vào thân được

_ Nếu bị xiềng xích, gông cùm thì xiềng gông đều tan rã

_ Không bị Quỷ Dạ Xoa, La Sát, Cưu Bàn Trà, Tỳ Xá Già, Phú Đan Na làm hại

_ Đi buôn lạc vào nơi hiểm trở gặp giặc cướp đầy dẫy trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thì liền được thoát khỏi và không sợ hãi

3) Cứu độ bằng Pháp Kiên Cố Dũng Mãnh Thù Thắng:

Nếu còn nhiều ái dục, giận hờn, si mê mà trì niệm Hồng Danh Quán Thế Âm thì sẽ hết ái dục, hết giận hờn, hết si mê.

Trong công tác hóa độ Hữu Tình, một phương tiện không thể thiếu được đó là tính Nhẫn Nhục. Vì chúng Hữu Tình thường có nghiệp chướng sâu dầy, ít khi biết lẽ phải. Họ thường thuận theo Bản Ngã, chiều theo dục vọng cá nhân nên rất khó làm cho họ xoay chuyển. Đôi khi vì lợi ích thấp hèn, họ sẵn sàng phản bội lại người ân. Do vậy, người thi hành ***hạnh độ sinh*** cần phải biết kiên nhẫn, cam chịu lao nhọc lâu dài, khéo tùy duyên, thuận theo các chúng sinh cang cường ngang ngược mà uốn nắn họ đi vào nẻo chân chính nghĩa là phải dùng **Đức Tính Nhẫn Nhục** (Kṣānti-guṇa) làm cho viên mãn sự tế độ và đấy chính là sức mạnh kiên cố thù thắng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nay muốn dứt trừ Tham, Sân Si thì chúng ta cũng phải có sức kiên nhẫn bền bỉ tu trì Giới, Định, Tuệ ắt sẽ dập tắt 3 độc Tham ái, giận hờn, si mê mà chứng quả giải thoát.

4) Cứu độ bằng cách rưới nước Cam Lồ Bất Tử:

Amṛta nghĩa đen là Bất Tử (Không bị chết) và thường dịch là Cam Lộ. Đây là thứ nước rất trong mát và thơm ngọt thường giúp cho người bị khát khô cổ được mát mẻ an lành. Trong Phật Giáo, Cam Lộ tượng trưng cho nguồn an lạc vô biên và hay được ví cho dòng sống an vui tối thượng của các cõi Phật thanh tịnh.

Kinh **Quán Vô Lượng Thọ Phật** có ghi rằng :

*"Nếu người nào tu theo pháp quán tưởng "**Sắc chân thật"** của Quán Thế Âm Bồ Tát thì không gặp các điều tai họa, trừ sạch hết các nghiệp chướng và dứt hết những tội trong đường sinh tử ở vô số kiếp. Một khi thành tựu Pháp Quán này thì người tu tập sẽ không còn thọ sanh ở trong bào thai nữa, lại thường đi dạo chơi khắp các cõi nước thanh tịnh nhiệm màu của chư Phật ở mười phương"*

5) Cứu độ bằng các hiện ra Ứng Thân:

Tuỳ theo căn tính của người tu học, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra một trong 33 Ứng Thân để giúp cho người ấy mau chóng xa lìa khổ não, giác ngộ được Trí Giác Thanh Tịnh.

Chính các loại công hạnh **Đại Bi** này đã khiến cho rất nhiều người lập chí đi theo Hạnh Bồ Tát, hy vọng nhận được sự cứu giúp của Quán Thế Âm Bồ Tát, siêng năng tinh tiến tu tập các Pháp: *Trì niệm xưng tán Hồng Danh **Quán Thế Âm**, lễ bái cúng dường Tôn Tượng **Quán Thế Âm**, quán tưởng Sắc Tướng chân thật của **Quán Thế Âm**, trì tụng **Đại Bi Tâm Đà La Ni...***.siêng năng tinh tiến tu tập các Pháp**: *Chân Như Quán, Nhĩ Căn Viên Thông, Ngũ Uẩn Quán, Như Huyễn Kim Cương Tam Muội*** (Đây là các Pháp Môn căn bản để tu Pháp của Quán Thế Âm) nhằm giúp cho bản thân mình, tự thấu hiểu từng giai đoạn của Pháp Tu. Nhờ Tâm sùng kính chân thành, người tu hành nương theo lực gia trì của Bản Tôn Quán Thế Âm Bồ Tát tinh tiến tu hành, mau chóng trực nhận được cảnh giới cực thanh tĩnh của chư Phật và hợp nhất với Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Sự kiện này chính là ***"Lý Tưởng Bồ Tát được thể hiện như nó đã thể hiện trong hình tướng Quán Thế Âm"*** và đây cũng là quan điểm ***"Nhập Ngã, Ngã Nhập"*** của Mật Tông Phật Giáo.

Khi viên mãn được các Pháp này thì người tu hành được xem là một **Hoá Thân Quán Âm**. Sau đó, để báo đáp Ân Đức của Giáo Pháp này, Hành Giả phải thành tâm nương theo 4 món **Vô Tác Diệu Đức** của Bản Tôn Quán Thế Âm là:

1) Hiện ra nhiều hình dung nhiệm màu có một hay nhiều đầu, hai hay nhiều tay, hai mắt hoặc nhiều mắt và nói ra vô số Thần Chú Bí Mật để cứu độ chúng sinh được tự tại

2) Hiện hình tụng Chú, mỗi mỗi Thân mỗi mỗi Chú. Hình đó, Chú đó có thể đem sức Vô Úy Thí cho các chúng sinh

3) Phát ra Căn Tính ***Diệu Viên Thông Thanh Tịnh*** khiến cho chúng sinh xả bỏ thân mệnh và của cải để cầu xin (Bản Tôn Quán Âm) xót thương cứu hộ.

4) Đắc được Tâm Phật, chứng Quả rốt ráo, có thể đem từng các thứ quý báu cúng dường 10 phương Như Lai, cả đến Lục Đạo chúng sinh trong Pháp Giới: Ai cầu vợ thì được vợ, ai cầu con thì được con, cầu Tam Muội thì được Tam Muội, cầu sống lâu thì được sống lâu, như thế cho đến cầu Niết Bàn thì được Niết Bàn.

Từ 4 Đức không thể nghĩ bàn này, Hành Giả noi theo Bản Tôn hiển hiện **Đại Bi Tâm** ứng hóa cứu độ muôn loài qua các công hạnh:

_ Giúp cho người tu hành mau đầy đủ Công Đức của Lục Độ và mau chóng phát sinh mầm giống Bồ Đề

_ Khiến cho hàng Thanh Văn mau được chứng quả

_ Khiến cho các vị **Thần** (Devatā) **Tiên** (Ṛṣī) trong cõi Đại Thiên mau phát Tâm Bồ Đề Vô Thượng

_ Giúp cho các chúng sinh mau được **Tín Căn Đại Thừa** và khiến cho sự mưu cầu của họ được thành tựu

_ Giúp cho những chúng sinh bị đọa lạc ở 3 đường Ác , ở chỗ sâu kín tối tăm trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới mau xa lìa sự khổ não

_ Khiến cho các vị Bồ Tát mau chứng ngộ Thập Trụ và mau đắc Quả Phật, thành tựu 32 tướng tốt với 80 vẻ đẹp tùy hình.



_ LIÊN HOA THẬP NHƯ THỊ PHÁP_

1_ **Hình Tướng:** Hoa sen là hình thức biểu thị cho sự nẩy nở của vạn hạnh trong Nhân Duyên sinh diệt. Là hình thức hàm chứa muôn Pháp Giải Thoát thúc đẩy chúng sinh vượt thoát khỏi bùn lầy ô nhiễm của sinh tử luân hồi.

2_ **Tự Tính:** Trong sạch tinh khiết không nhiễm dính mọi bụi dơ, biểu thị cho **Phật Tính** (Buddhatā) bất sinh bất diệt.

3_ **Bản Thể:** Tâm Bồ Đề cực tịnh vốn có của mọi chúng sinh

4_ **Năng Lực:** Hiển bày Lý thanh tịnh vô nhiễm cấu vốn có trong Tâm của mọi chúng sinh

5_ **Tác dụng:** Giúp cho chúng sinh mau chóng xa lìa ***Khổ, Chướng, Hoặc*** trong ba cõi, sáu đường

6_ **Chính Nhân:** Phát khởi Đại Nguyện cứu độ tất cả chúng sinh và tinh tiến tu tập Phạm Hạnh (Brahma-caryā)

7_ **Trợ duyên:** Dùng Phạm Hạnh phát khởi Tâm Từ Bi bình đẳng, thi hành vạn hạnh hoá độ chúng sinh

8_ **Kết quả:** Hiển lộ Bản Tính thanh tĩnh vốn có, làm cho Pháp Giới trở nên thanh tịnh và chứng ngộ Phật Pháp.

9_ **Nghiệp Báo:** Viên mãn Phước Đức, thành tựu 32 tướng tốt và 80 mươi vẻ đẹp của bậc Chính Đẳng Chính Giác

10_ **Bản Mạt Cứu Cánh:** Thành tựu ***Trí Phương Tiện Phổ Môn*** của Như Lai. Tức viên mãn ***Diệu Quán Sát Trí.***

PHÁP THÂN MẬT NGỮ QUÁN (स_SA)

1_ Chẳng chấp dính sáu cảnh
2_ Hay cắt đứt nhiễm ô
3_ Có thể lìa các tướng
4_ Tâm trụ chỗ không trụ (Vô Sở Trụ)
5_ Không nhiễm, không hý luận
6_ Tâm chư Phật cũng vậy
7_ Hư không cũng ***Vô Tướng*** (không có tướng)
8_ Như trăng nước không giữ
9_ Chẳng chấp dính ***Xứ, Giới***
10_ ***Ngã Kiến*** đều bình đẳng
11_ Chẳng giữ cũng chẳng bỏ
12_ Thông đạt khắp các Pháp
13_ ***Hữu Vô*** chẳng thể đắc
14_ Chẳng một cũng chẳng hai
15_ Ba nghiệp thường vắng lặng (tịch tĩnh)
16_ Ứng hiện không công dụng (vô công dụng)
17_ Không ***Căn***, không phân biệt
18_ Đều biết tất cả Tâm
19_ Thường trụ Pháp không ngại (vô ngại Pháp)
20_ ***Tự Tha*** chẳng thể đắc
21_ Đều thấy khắp các cõi

22_ Rốt ráo không ***sở hữu***
23_ ***Như Huyễn*** chẳng thể đắc
24_ Nên chẳng nhiễm **Thế Pháp** (Pháp thế gian)
25_ Tính rỗng, cảnh giới rỗng
26_ Được ***Như Huyễn Tam Muội***
27_ Chẳng gần cũng chẳng xa
28_ Sát na thành Chính Giác
29_ Thành tựu các phương tiện
30_ Không bờ này bờ kia
31_ Không lo không hý luận
32_ Vắng lặng không phân biệt
33_ Không Căn, không trú xứ
34_ Chẳng giữ cũng chẳng bỏ
35_ Lìa có (hữu) và lìa không (vô)
36_ Ngang bằng như hư không
37_ Đi, đến với ngủ, thức
38_ Dùng trụ nơi bình đẳng
39_ Thấy các Pháp vắng lặng
40_ Nơi Pháp được tự tại.

CÁC LOẠI HÌNH TƯỢNG QUÁN ÂM

1) Hình tượng Quán Âm của Thế Giới Cực Lạc:

Quán Thế Âm Bồ Tát của **Thế Giới Cực Lạc** (Sukhavatī-dhātu) có thể nói là tất cả bản vị của Quán Âm.

Hình tượng của Quán Thế Âm viên mãn đầy đủ, cùng với Đức Phật chẳng có sai biệt, chỉ có búi tóc trên đỉnh đầu và Vô Kiến Đỉnh Tướng không giống như Đức Phật.



Vì muốn tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở Phương Tây hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có cầm Đài Sen Kim Cương. Hình tượng như vậy cũng chẳng hạn chế dùng loại tư thế nào, loại tay ấn nào làm định hình mà là thuận theo nhân duyên nguyện vọng cần yếu của chúng sinh để thị hiện, cho nên trong Kinh Điển khác nhau cũng sẽ vẽ ra Tướng trạng khác nhau.

Thông thường hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát này được thờ phụng chung với Đức Phật A Di Đà và Đại Thế Chí Bồ Tát, và được tôn xưng là **Tây Phương Tam Thánh**



2_ Ba Mươi ba loại Thân Ứng Hóa

Căn cứ trong "**Kinh Pháp Hoa. Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn**" nói, Bồ Tát có 33 loại thân ứng hóa, những thân ứng hóa này đều ứng với thân nào đó để hóa độ, Bồ Tát liền hiện thân đó mà giảng pháp cho kẻ đó, cần phải dùng thân Đồng Nam, Đồng Nữ để hóa độ, liền hiện thân Đồng Nam, Đồng Nữ mà giảng pháp, cần phải dùng thân Phật để hóa độ thì liền hiện thân Phật mà giảng pháp.

Do đây có thể biết, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng nhất định phải xuất hiện hình tượng Bồ Tát, Ngài có thể hóa hiện làm Bà La Môn, có thể là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cũng có thể là thân Đế Thích, thân Đại Tự Tại Thiên, thân Dạ Xoa, thân A Tu La. Các loại thân này đều là ứng hiện thuận theo Đại Bi để giáo hóa chúng sinh.

_ Căn cứ trong "**Phẩm Phổ Môn**" ghi chép, 33 loại thân ứng hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát phân biệt là:

1. ***Ba Tôn thuộc hàng Thánh*:**

33 loại thân ứng hóa của Quán Âm như sau:

Ba Tôn thuộc hàng Thánh:

1. *Thân Phật*:



2. *Thân Bích Chi Phật*:



3. *Thân Thanh Văn*:



Sáu Tôn thuộc cõi Trời:

1_ *Thân Đại Phạm Thiên* :



2_ *Thân Đế Thích*:



3_ *Thân Tự Tại Thiên*:



4_ *Thân Đại Tự Tại Thiên*:



5_ *Thân Thiên Đại Tướng Quân*:



6_ *Thân Tỳ Sa Môn*:



Năm Tôn bên ngoài Đạo:

1_ *Thân Tiểu Vương*:



2_ *Thân Trưởng Giả*:



3_ *Thân Cư Sĩ*:



4_ *Thân Tể Quan*:



5_ *Thân Bà La Môn*:



Bốn Tôn bên trong Đạo:

1_ *Thân Tỳ Kheo*:



2_ *Thân Tỳ Kheo Ni*:



3_ *Thân Ưu Bà Tắc*:



4_ *Thân Ưu Bà Di*:



Sáu Tôn thuộc nhóm Người, Phi Nhân, Phụ Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ:
1_ *Thân Người*:



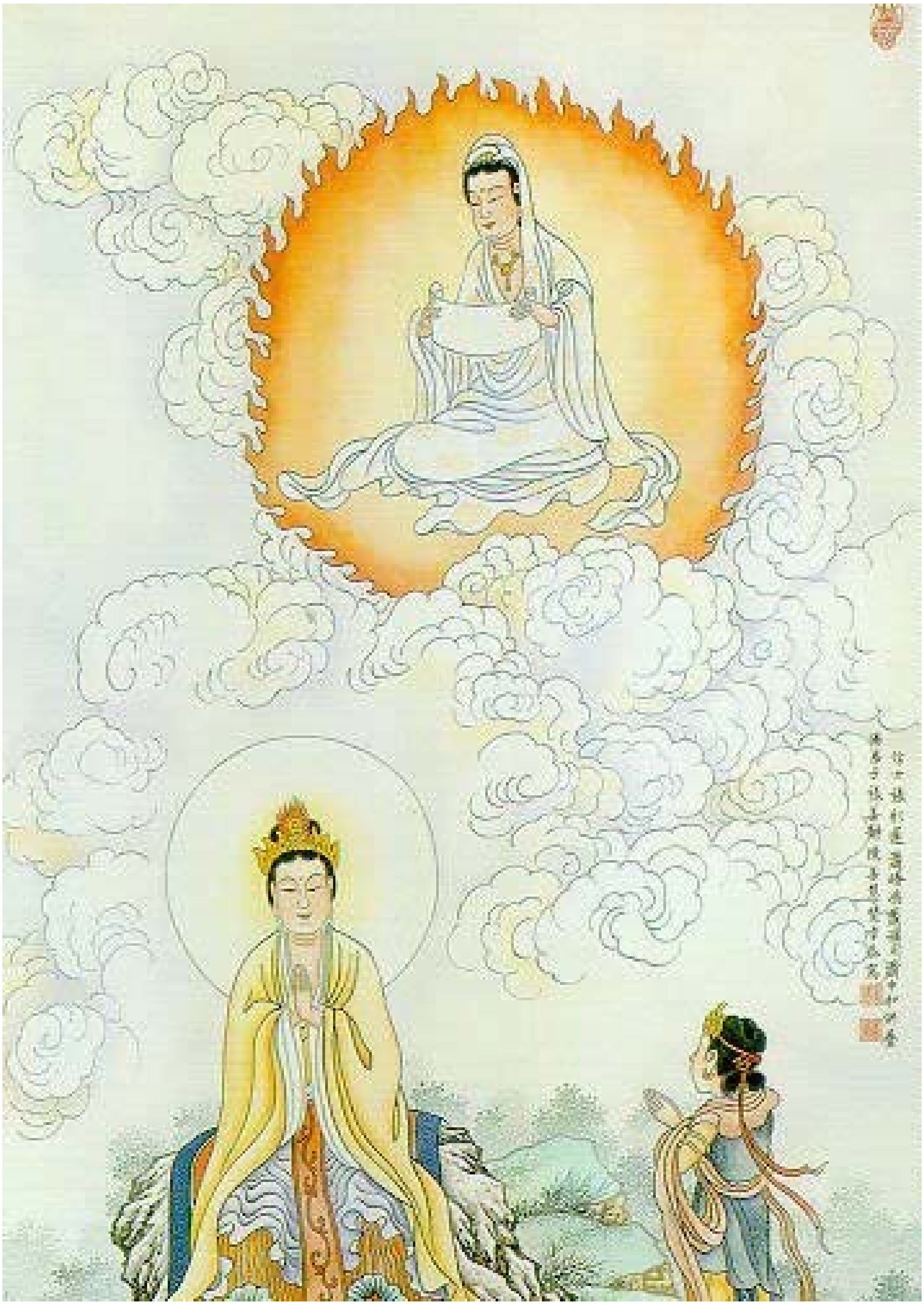
2_ *Thân Phi Nhân*:



3_ *Thân Phụ Nữ*:



4_ *Thân Nữ Đồng Mục Thiên Nữ*:



5_ *Thân Đồng Nam*:



6_ *Thân Đồng Nữ*:



Tám Bộ thuộc hàng Trời Rồng:

1_ *Thân Trời*:



2_ *Thân Rồng*:



3_ *Thân Dạ Xoa*:



4_ Thân Càn Thát Bà:



5_ *Thân A Tu La*:



6_ *Thân Ca Lâu La*:



7_ *Thân Khẩn Na La Vương*:



8_ *Thân Ma Hầu La Già*:



Một Tôn thuộc hàng Kim Cang:
1_ *Thân Chấp Kim Cang*:



Nhưng trong "**Nhiếp Vô Ngại Kinh**" (lại có tên gọi là "**Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ**") ngoài 33 thân ứng hóa nêu rõ ra, cũng ghi rõ hình tượng của các Tôn, nhưng trong Tôn Tượng trừ bỏ 4 thân phụ nữ nêu ở trước (19), (20), (21), (22) mà thay thế dùng thân Người, thân Phi Nhân, thân Phụ Nữ, thân Đồng Mục Thiên Nữ…. Nhưng trong quyển 6 "**Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh**" thì bỏ đi 7 thân (9), (19), (20), (21), (22), (30), (33)…. Ngoài ra thêm vào ở trên thân Tứ Đại Thiên Vương, thân Tứ Thiên Vương Quốc Thái Tử, thân Nữ Chủ, thân Người, thân Phi Nhân; lại chia thân Bích Chi Phật làm hai thân Độc Giác và Duyên Giác tổng cộng là 32 thân ứng hóa.

_ Trong Kinh **Nhiếp Vô Ngại** ghi nhận danh hiệu và hình tượng 33 loại thân ứng hóa của Quán Âm như sau:

Ba Tôn thuộc hàng Thánh:

1. *Thân Phật*: Hình Đức Phật màu vàng ròng, duỗi tay trái để trên đầu gối, tay phải kết ấn Thuyết Pháp.

2. *Thân Bích Chi Phật*: Toàn thân màu thịt trắng, tướng Tỳ Kheo trung niên, hai tay chấp lại.

3. *Thân Thanh Văn*: Thân tướng màu thịt trắng, tướng Tỳ Kheo Xí Niên, cầm Tam Y Hàm, thân mặc áo Tăng Già Lê.

Sáu Tôn thuộc cõi Trời:

1_ *Thân Đại Phạm Thiên* : màu thịt trắng, có 4 mặt 3 con mắt 8 cánh tay 2 chân. Bên trái: Tay thứ nhất cầm cái Chày Tam Cổ, tiếp theo tay cầm Hoa Sen, kế đến tay cầm cái bình Quân Trì, sau cùng tay cầm cây phất trần trắng. Bên phải: Tay thứ nhất quyền ấn, tiếp theo tay cầm cây Mâu bén, kế đến tay cầm cái gương Tứ Trí, sau cùng tay ban Thí Vô Úy.

2_ *Thân Đế Thích*: màu thịt trắng, tay trái quyền ấn, tay phải cầm cái chày Nhất Cổ.

3_ *Thân Tự Tại Thiên*: màu thịt trắng, cầm Hoa Sen hồng.

4_ *Thân Đại Tự Tại Thiên*: màu hoa sen tím, hai tay cầm cây mâu bén, cỡi con Trâu đen lớn.

5_ *Thân Thiên Đại Tướng Quân*: màu thịt đỏ, hai tay chắp lại.

6_ *Thân Tỳ Sa Môn*: màu vàng sẫm, tướng phẫn nộ giáng ma, tay trái cầm cái Tháp báu, tay phải cầm cây Kiếm báu.

Năm Tôn bên ngoài Đạo:

1_ *Thân Tiểu Vương*: màu thịt đỏ, hai tay chắp lại.

2_ *Thân Trưởng Giả*: màu thịt trắng, cầm viên ngọc báu Như Ý, tướng Đại Phú Quý Nhân.

3_ *Thân Cư Sĩ*: màu thịt trắng, cầm viên ngọc báu Ma Ni, tướng Đại Gia Trưởng Giả.

4_ *Thân Tể Quan*: màu thịt đỏ, hai tay chấp lại, tướng Quan Nhân.

5_ *Thân Bà La Môn*: màu thịt đỏ, đầu giống như Tỳ Kheo Tăng, mặc Bạch Tố Tục Y, hai tay cầm cây Tích Trượng.

Bốn Tôn bên trong Đạo:

1_ *Thân Tỳ Kheo*: Da có vết nhăn màu thịt đỏ, tướng Đại Đức uy nghi, cầm cái Bát.

2_ *Thân Tỳ Kheo Ni*: Toàn thân màu thịt trắng, tướng người nữ lớn tuổi, cầm Hoa Sen hồng.

3_ *Thân Ưu Bà Tắc*: màu thịt trắng, đầu đội Mão trắng, mặc áo trăm kết, tướng người phàm tục mặc áo trắng, cầm khí cụ tu hành.

4_ *Thân Ưu Bà Di*: màu thịt trắng, tướng người nữ tóc dài, cầm Hoa Sen Trí Tuệ.

Sáu Tôn thuộc nhóm Người, Phi Nhân, Phụ Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ:

1_ *Thân Người*: màu thịt trắng, tướng Quý Nhân, cầm Hoa Sen màu nhiệm.

2_ *Thân Phi Nhân*: Thân tướng rất xanh, tướng Ác Đơn Đà La, tay trái giương Cung, tay phải cầm Mũi Tên.

3_ *Thân Phụ Nữ*: màu thịt trắng, giống như Chư Thiên Thái Nữ, thọ tướng kính yêu.

4_ *Thân Nữ Đồng Mục Thiên Nữ*: Thân tướng màu thịt trắng, hai tay cầm Hoa Sen tím.

5_ *Thân Đồng Nam*: màu thịt trắng, tướng tiểu đồng còn trẻ, hai tay cầm Hoa Sen.

6_ *Thân Đồng Nữ*: màu trắng như Kha Tuyết, tướng người nữ còn trẻ, cầm Hoa Sen xanh.

Tám Bộ thuộc hàng Trời Rồng:

1_ *Thân Trời*: Thân Tướng màu Hoa Sen hồng, tay trái cầm cái hộp đựng Hoa Sen, tay phải cầm Hoa Sen màu nhiệm.

2_ *Thân Rồng*: Thân Tướng màu rất xanh, trên đỉnh hiện cái đầu Rồng, tướng sân huệ phẫn nộ, hai tay nắm mây đen.

3_ *Thân Dạ Xoa*: Thân Tướng màu thịt đỏ, trên đỉnh có Mão lửa rực, hai tay cầm cây chày tam cổ.

4_ Thân Càn Thát Bà: Thân Tướng màu thịt đỏ, trên đỉnh có Mão tám góc, hai tay cầm Tiêu Địch (Tiêu: ống Tiêu, Địch: ống sáo), tay phải cầm cây Kiếm báu.

5_ *Thân A Tu La*: Có 3 mặt màu đen xanh, hình tượng khỏa thân phẫn nộ, có 6 cánh tay 2 chân, 2 tay chấp lại. Bên trái: tay thứ hai cầm Hỏa Pha Chi, kế đến tay cầm Đao Gậy. Bên phải: tay thứ hai cầm Thủy Pha Chi, kế đến tay cầm Dật Ấn.

6_ *Thân Ca Lâu La*: Thân tướng màu đen xanh, vùng mặt là chim xí điểu màu nhiệm, thân người có cánh, tay trái tác quyền để ở eo, tay phải cây móc câu Kim Cang.

7_ *Thân Khẩn Na La Vương*: Đầu mặt Hoẵng, Hưu, Ngựa, hình tượng người khỏa thân, cầm khí cụ âm thanh.

8_ *Thân Ma Hầu La Già*: Đầu Rắn tướng Quý Nhân, hai tay ôm Sênh Địch (Sênh: cái kèn, Địch: ống sáo), hoặc cầm cây Gậy đánh trống.

Một Tôn thuộc hàng Kim Cang:

1_ *Thân Chấp Kim Cang*: Thân tướng màu thịt đỏ, tướng phẫn nộ giáng ma, tóc bó lại thành búi, Mão có lửa rực như vòng hoa, tay trái nắm lại thành quyền để ở eo, tay phải cái Chày Kim Cang.

BA MƯƠI BA THỂ QUÁN ÂM

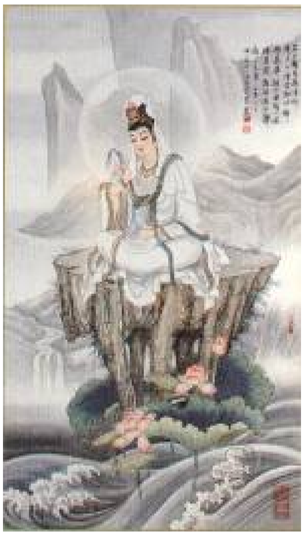
Gọi 33 Thể Quán Âm là trong *bản vị Pháp Giới* của Quán Âm Bồ Tát, ứng duyên mà hóa hiện **thân ứng hóa**, trên cơ bản toàn bộ đều thị hiện hình Bồ Tát. Có điều trong những hình tượng này có một số chẳng được ghi nhận trong Kinh Điển, nhưng vì thuận theo *sự tích các loại linh nghiệm ứng hóa, cứu khổ cứu nạn* được lưu truyền ở dân gian đã tạo nên sự tôn sùng và tín ngưỡng của mọi người.

Trong "**Phật Tượng Đồ Hối**" minh hoạ hình tượng của 33 Thể Quán Âm như sau:

1_ **Dương Liễu Quán Âm**: Quán Thế Âm Bồ Tát vì lợi ích cho chúng sinh, đều thuận theo nguyện vọng của chúng sinh mà thị hiện, cũng giống như cành Dương Liễu thuận theo gió bay phất phới mà không thể làm trái nghịch được, nhân đây mới được tên này, có lúc cũng biểu thị *có thể vì chúng sinh mà phủi đi các loại bệnh khó trị trên thân*.



Nói chung hình tượng của Tôn này thường thấy là: Ngồi xổm trên mỏm núi đá, tay phải cầm cành Dương Liễu (có thuyết nói biểu thị cho Tam Muội thuộc tay phải cầm Dương Liễu của Thiên Thủ Quán Âm), lòng bàn tay trái mở ra để ở trước ngực hoặc là tay trái cầm cái Tịnh Bình.



Tôn này tương đương với thân **Dược Vương Quán Âm**

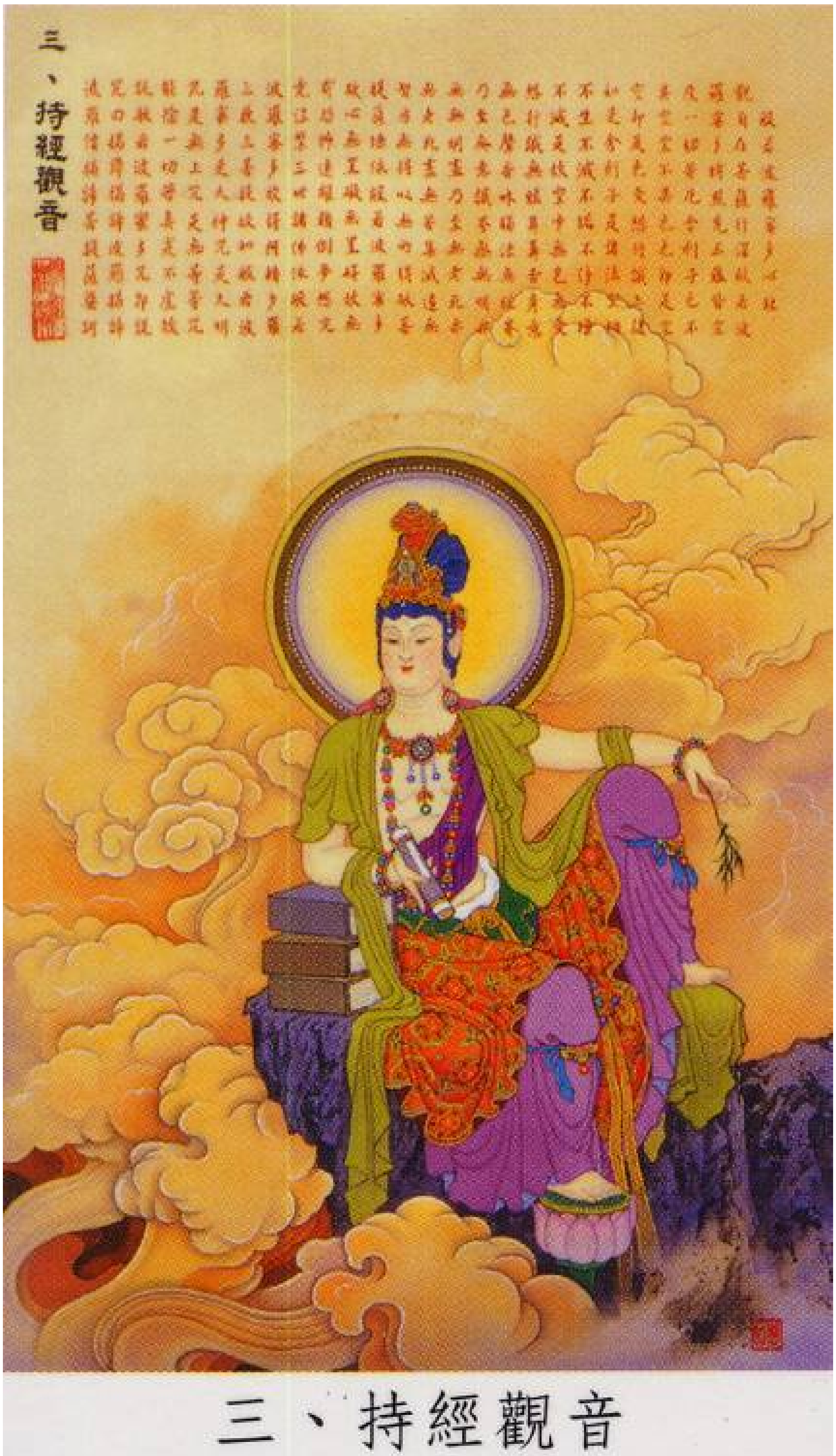
2_ **Long Đầu Quán Âm:** Biểu hiện tư thế đứng thẳng hoặc ngồi trong mây cỡi đầu con Rồng. Được cho rằng là ***hóa thân Trời, Rồng, Dạ Xoa*** trong 33 thân của Quán Âm để giáo hóa hàng Trời, Rồng. Đại khái dùng con Rồng là vua trong các loài thú, được ví như uy thần của Quán Âm.



二、龍頭觀音

3_ **Trì Kinh Quán Âm**: Ngồi trên tảng đá ghồ ghề, tay phải cầm quyển Kinh, tay trái để trên đầu gối.

Hoặc cho rằng là thân Thanh Văn trong 33 thân của Quán Âm, tức là **Thanh Văn Quán Âm.** Thanh Văn (Śrāvaka) là nghe âm tiếng do Đức Phật dạy bảo mà khai ngộ xuất gia. Trong “**Phẩm Phổ Môn**” nói: “*Cần phải dùng thân Thanh Văn để hóa độ liền hiện thân Thanh Văn mà giảng pháp”*, cầm quyển Kinh là đặc sắc của Ngài.



4_ **Viên Quang Quán Âm**: Trong ánh sáng lửa rực của viên quang (hào quang tròn) xuất hiện sắc thân, chấp tay lại ngồi trêm mỏm núi đá,

Trong **Phẩm Phổ Môn** có một đoạn Kinh văn nói:

Sáng thanh tịnh không nhơ
Mặt Trời tuệ trừ ám
Hay trừ nạn gió lửa
Soi sáng khắp thế gian

Trong quyển 1 “**Phật Tượng Đồ Hối**” cũng có vẽ hình tượng, trên lưng có ánh sáng lửa rực, ngồi ngay ngắn trên tảng đá.



四、圓光觀音

5_ **Du Hý Quán Âm**: Tôn này dùng vui chơi tự tại, không trì trệ, không trở ngại cho nên gọi như vậy. Ngồi cỡi trên mây ngũ sắc, tay trái để ở bên cạnh rốn, tác tướng vui chơi tự tại trong Pháp Giới không có sự trở ngại)

Có người cho rằng Tôn này biểu thị cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** là:

Hoặc bị kẻ ác rượt
Rớt xuống núi Kim Cang
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng mất một mảy lông

Đây tượng trưng cho chúng sinh bị tai nạn rớt xuống núi được sự cứu giúp của Bồ Tát.



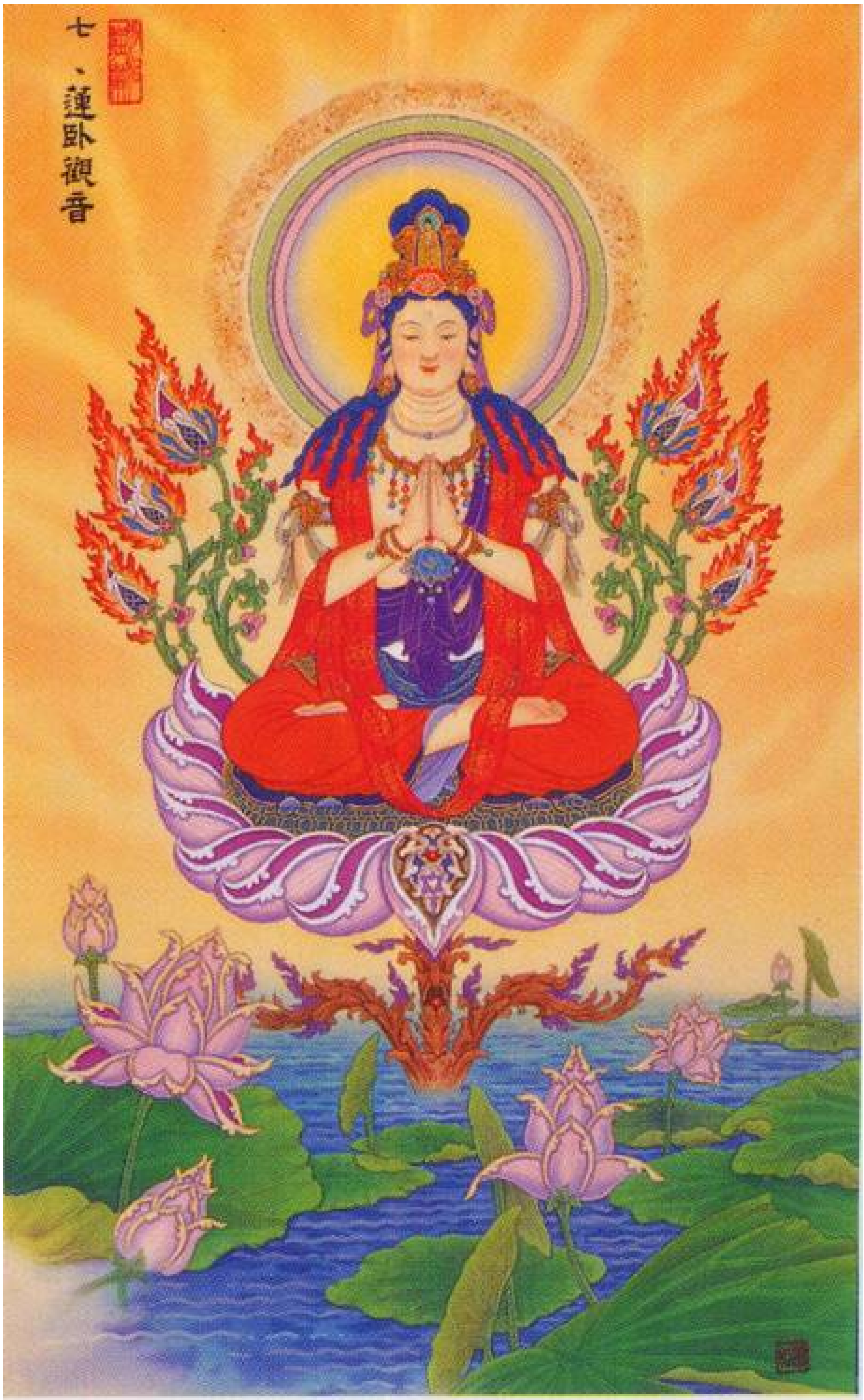
6_ **Bạch Y Quán Âm**: Mặc áo mỏng màu trắng, ngồi ở đám cỏ mềm mại trên tảng đá, tay kết Định Ấn, ngồi Kiết Già. Hình tượng này tương đương với **thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni** trong 33 thân của Quán Âm.



六、白衣觀音

7_ **Ngọa Liên Quán Âm**: Ngồi ở trong ao trên tòa Hoa Sen, làm tư thế chấp tay lại.

Hoặc cho rằng đây là **thân Tiểu Vương** trong 33 thân của Quán Âm, ví như thân tôn quý của Tiểu Vương nằm ngồi trên Hoa Sen.



七、蓮臥觀音

8_ **Long Kiến Quán Âm**: Lại gọi là **Phi Bộc Quán Âm**, tư thế dựa vào vách núi gãy, quán thác nước đổ.

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho ý nghĩa của đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**: "*Nếu có chúng sinh nào bị xô vào hầm lửa lớn. Như hay xưng niệm tên Quán Âm Bồ Tát liền ứng theo âm thanh đó mà cứu, khiến cho thành lửa biến thành ao*".



八、瀧見觀音

9_ **Thi Lạc Quán Âm**: Ngồi cạnh bờ ao, chăm chú nhìn Hoa Sen, tay phải chống má tựa trên đầu gối, hoặc có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Hoặc ở ngọn Tu Di
Bị người xô té xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt Trời trên không.

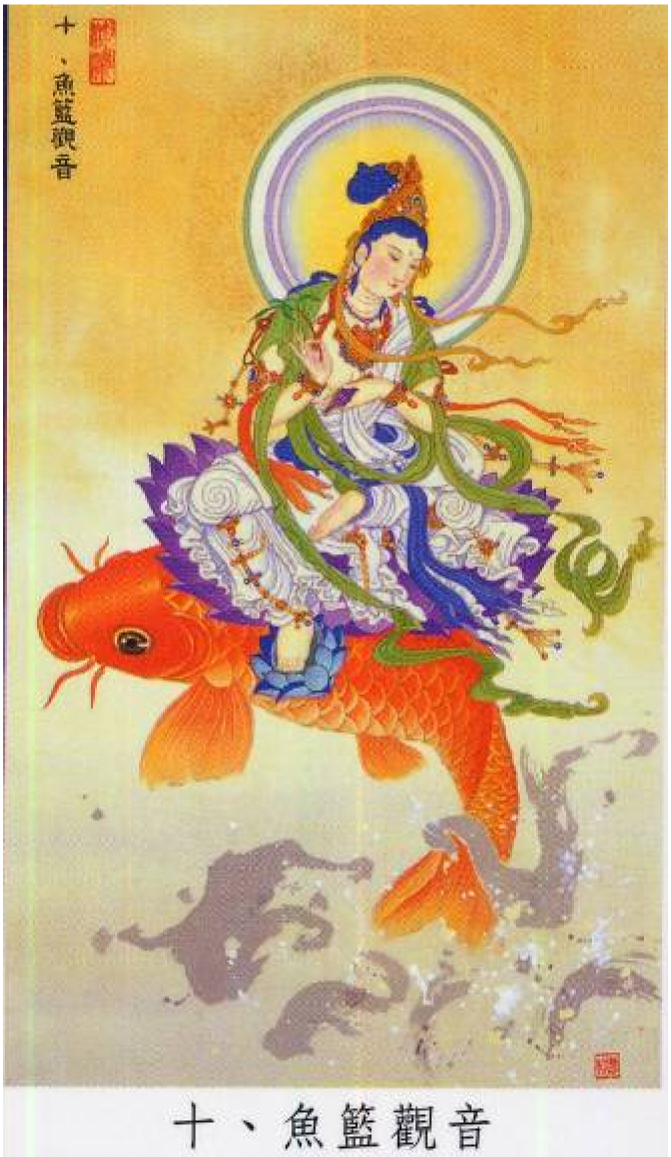


10_ **Ngư Lam Quán Âm**: Chuyên môn trừ bỏ chướng ngại của La Sát, Rồng độc, Quỷ ác…. Hình tượng ấy cỡi con Cá lớn, hoặc là tay xách cái giỏ có con Cá lớn.

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Hoặc gặp La Sát dữ
Rồng độc, các loài Quỷ
Do niệm sức Quán Âm
Chúng đều không dám hại

Thân này tương đương với **Hóa Thân La Sát** trong 33 thân của Bồ Tát Quán Âm



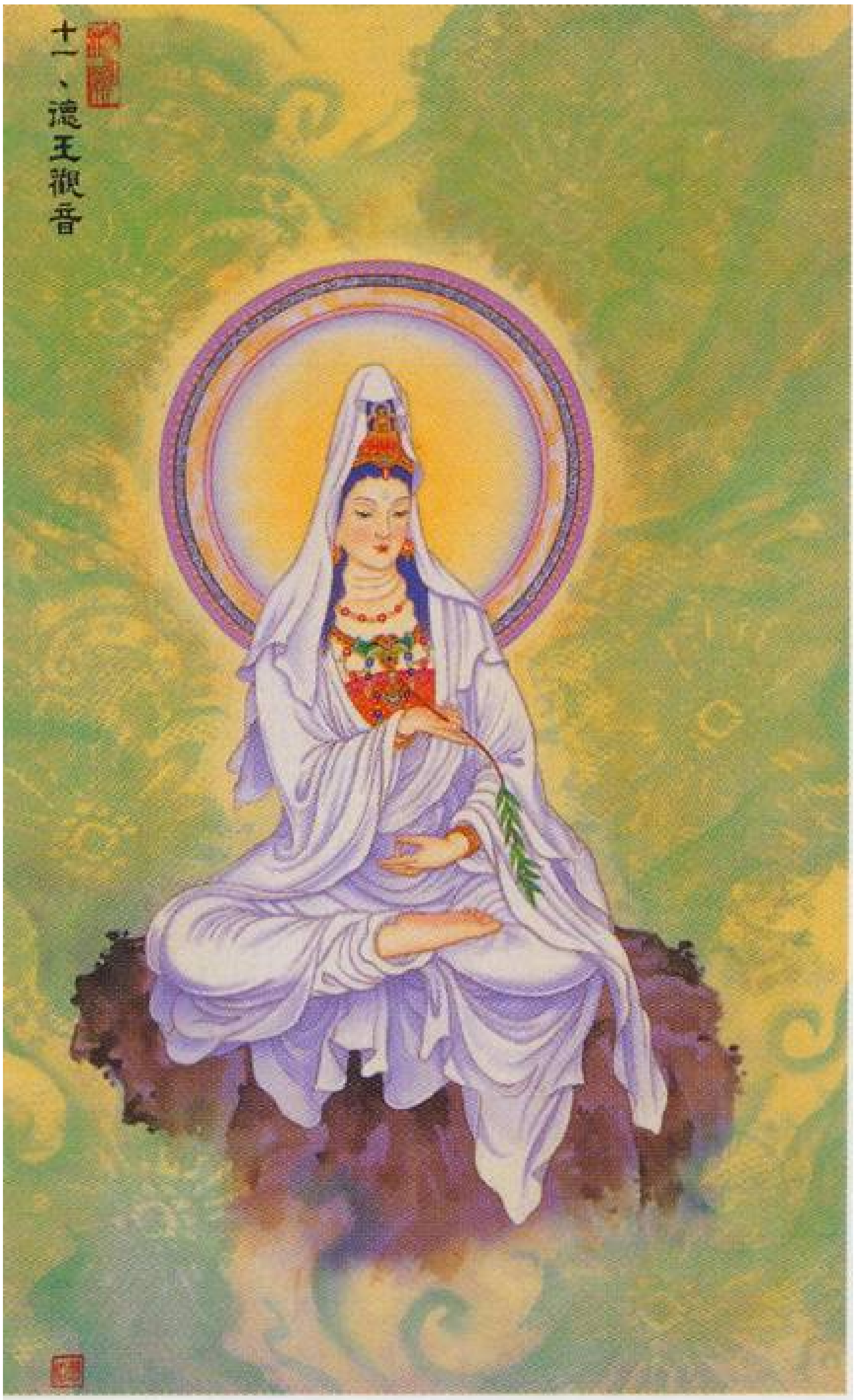
Căn cứ theo lưu truyền tức là con gái của **Bàng Uẩn** Đại Sĩ. Hệ này bắt nguồn từ triều đại nhà Đường của Trung Quốc được sự tín ngưỡng của dân gian, hiện nay thịnh hành ở Nhật Bản.

Hoặc nói Ngư Lam Quán Âm chính là Mã Lang Phụ Quán Âm, lại có tượng gọi là Ngư Lam Quán Âm. Chính triều đại nhà Đường người ta lầm lẫn dùng Tượng Nữ **Linh Chiếu Trì Lam** của **Long Uẩn** Cư Sĩ , lưu truyền sai lầm mà đến.

11_ **Đức Vương Quán Âm**: Ngồi trên tảng đá, tay trái để ở trên, tay phải cầm lá xanh hoặc một cành Dương Liễu.

Tôn này tương đương với **Hóa Thân Phạm Vương** của Bồ Tát Quán Âm

Như trong **Phẩm Phổ Môn** nói rằng: "*Cần phải dùng thân Phạm Vương để hóa độ thì liền hiện thân Phạm Vương mà giảng pháp*". Đại khái nói Phạm Vương chính là chủ của sắc giới, Đức ấy thù thắng cho nên gọi là Đức Vương.



十一、德王觀音

12_ **Thủy Nguyệt Quán Âm**: Đứng trên một cánh Sen tựa như chiếc thuyền dưới ánh trăng, nổi trên biển quán tưởng mặt trăng trong nước yên tĩnh.

Tôn này tương đương với **Hóa Thân Bích Chi Phật** của Bồ Tát Quán Âm



13_ **Nhất Diệp Quán Âm**: Cỡi một cánh Sen, nhàn nhã trôi nổi trên mặt nước, lại gọi là **Liên Diệp Quán Âm**, **Nam Minh Quán Âm**. Bởi vì Quán Âm Đại Sĩ cỡi một cánh Sen nổi trên mặt nước cho nên có tên này.

Tương truyền có một Tăng nhân người Nhật tên là **Đạo Nguyên** trên đường trở về Nhật Bản gặp phải gió lớn đành phải tránh vào núi Nam Minh, lúc ấy Đạo Nguyên ở trên thuyền khấn thầm bỗng nhiên thấy **Đại Bi Tôn** cỡi một cánh Sen nổi trên biển thời sóng gió liền lặng. Lên bờ xong, Sư tự khắc tượng Quán Âm đã nhìn thấy và an trí phụng thờ trong chùa Nam Minh Quán Âm. Từ đây Tôn này có hiệu là "**Nam Minh Quán Âm**".



十三、一葉觀音

Hoặc cho rằng đây là **thân Tể Quan** trong 33 thân, hoặc tượng trưng đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** nói rằng: *"Nếu có người bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng danh hiệu Ngài thì sẽ gặp được chỗ cạn".*

Y theo trong **Phật Tượng Đồ Hối** đã vẽ thì hình Tượng Tôn này ngồi trên cánh Sen, gối trái co đứng, tay trái để trên đầu gối, tay phải rũ xuống chống đỡ thân ấy, trông nhìn xa trên mặt nước, tác tướng suy tư sâu xa.

14_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (hay **Thanh Đầu Quán Âm**): ngồi trên sườn dốc gãy, gối phải dựng đứng, tay phải để trên đầu gối, tay trái vịn vách núi.

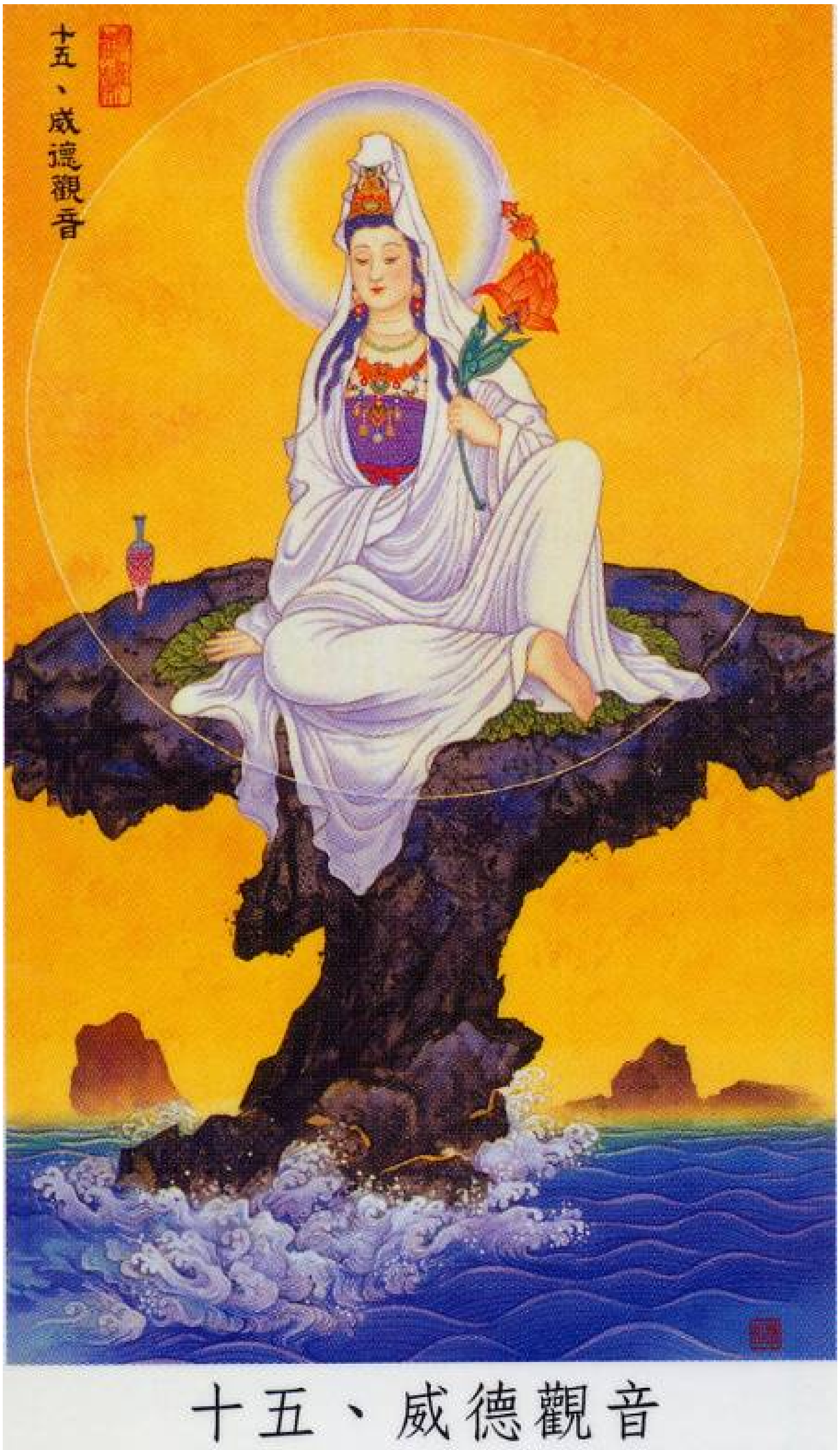
Tôn này tương đương với **hóa thân Phật Đà** của Bồ Tát Quán Âm



十四、青頸觀音

15_ **Uy Đức Quán Âm**: Tay phải chạm đất, tay trái cầm hoa sen, tư thế đứng ở trên mỏm núi quán nhìn nước.

Hoặc cho rằng đây là **thân Thiên Đại Tướng Quân** trong 33 thân. Vì Thiên Đại Tướng Quân có đầy đủ cả uy đức, cho nên có tên là Uy Đức Quán Âm. Quán Âm có đủ cả **Uy của chiết phục** (bẻ gãy) và **Đức của nhiếp lấy sự ái hộ** (yêu thương giúp đỡ).



16_ **Diên Mệnh Quán Âm**: Tựa vào mỏm núi bên cạnh nước, nhàn nhã thưởng thức cảnh vật trên mặt nước

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** là:

Như thuốc độc yếm đối
Muốn hại đến mạng thân
Do sức niệm Quán Âm
Người gây bị hại ngược

Quán Âm này dùng nhóm khí vật hay trừ các độc hại thọ mạng để được sống lâu, cho nên tên là Diên Mệnh Quán Âm. Hình tượng là trên đỉnh đầu đội mão báu lớn, tướng tốt Từ Bi nhu hòa, hào quang tròn, trụ khắp vành trăng trong Hoa Sen, thân đeo anh lạc, vòng hoa màu nhiệm và áo Trời để trang nghiêm, 2 cánh tay là đặc sắc ấy để tiếp dẫn cứu giúp chúng sinh.

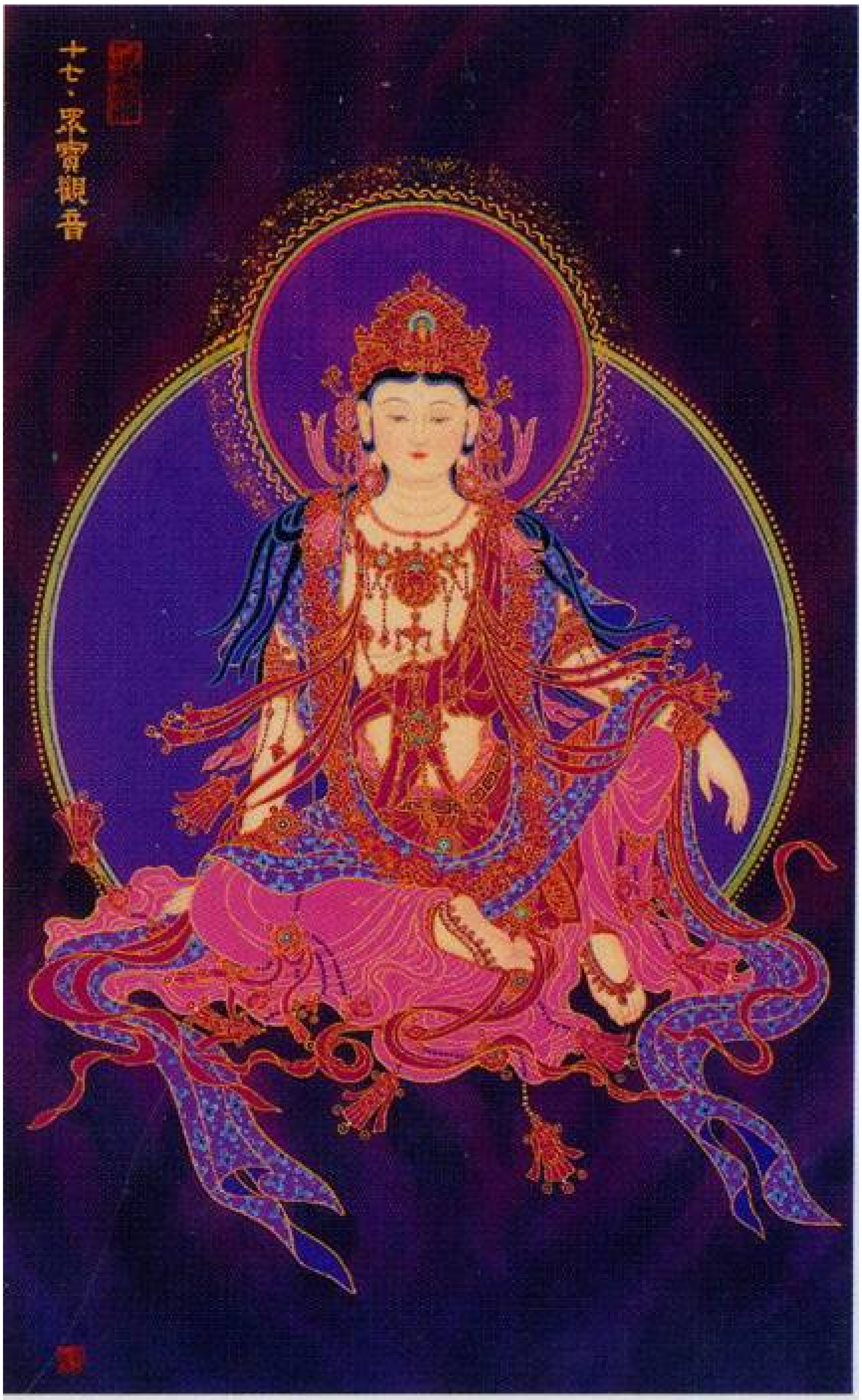


十六、延命觀音

17_ **Chúng Bảo Quán Âm**: Tay phải chạm đất, chân phải duỗi thẳng, tay trái để ở trên đầu gối, hiện tướng an ổn.

Tôn này tương đương với **thân Trưởng Giả** trong 33 thân.

Hoặc có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**: *"Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì cầu vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô các thứ trân châu báu vật vào trong biển lớn. Giả sử chiếc thuyền ấy bị gió lớn thổi tấp vào nước Quỷ La Sát, nếu trong đó có một người xưng tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì các người kia đều được giải thoát nạn Quỷ La Sát"*



十七、眾寶觀音

18_ **Nham Hộ Quán Âm**: Ngồi ngay ngắn trong hang động nham thạch, tự tại thưởng thức mặt nước.

Hoặc cho rằng là Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

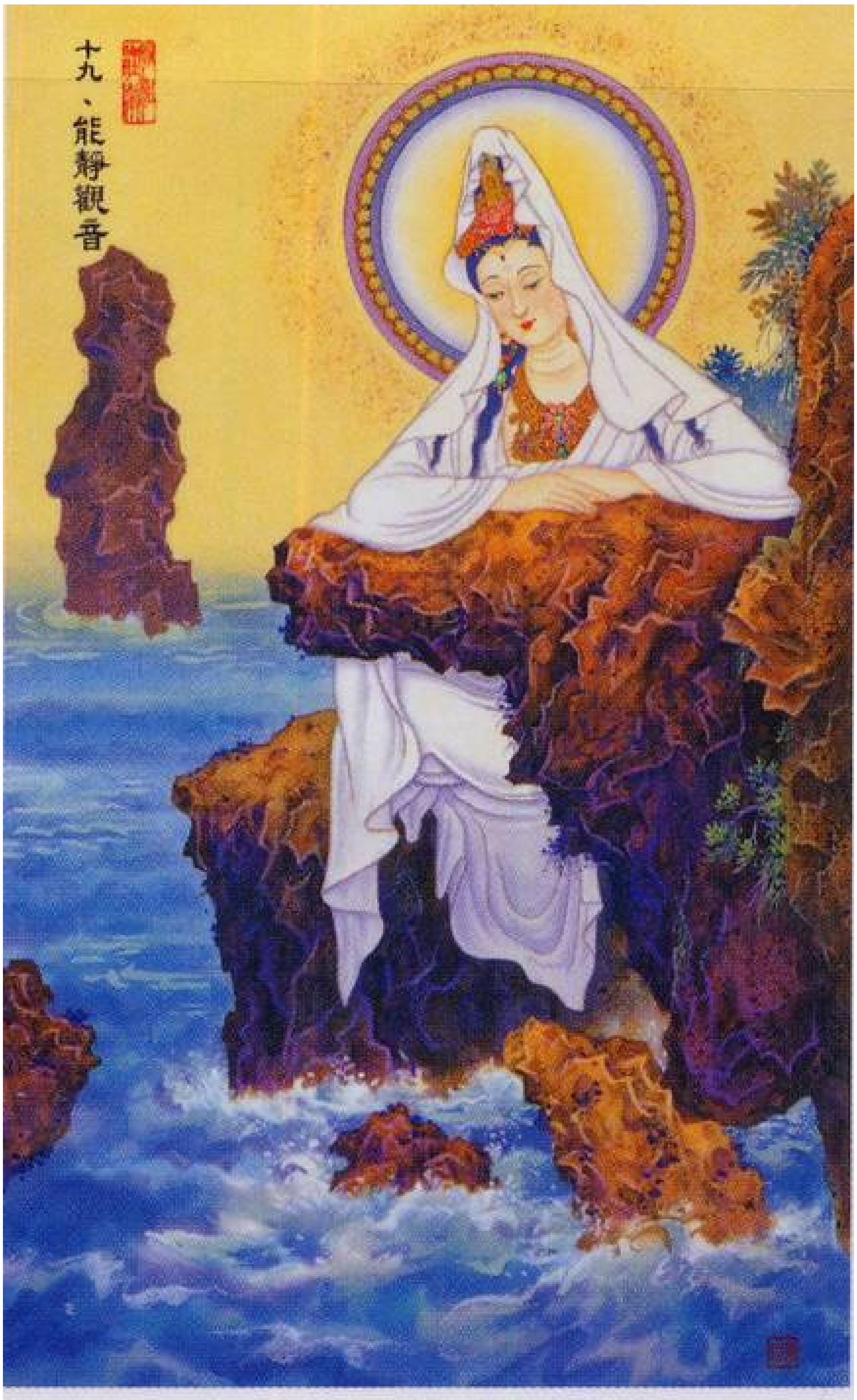
Rắn độc với bò cạp
Hơi độc, khói, lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Chúng theo tiếng bỏ đi

Bởi vì rắn độc, bò cạp và các loại trùng độc khác phần nhiều trú ở trong hang động. Cho nên truyền thuyết nói Quán Âm ngồi ngay ngắn nguy hiểm trong hang động để cứu giúp chúng sinh. Nếu do sức niệm Quán Âm này thời có thể tiêu tan độc khí ấy, cho nên vẽ tượng Quán Âm này đại đa số chọn tư thế ngồi ngay ngắn trong hang động.



19_ **Năng Tĩnh Quán Âm**: Đứng lặng hồi lâu trên mỏm núi bên cạnh biển, tác tướng yên tịnh,

Hoặc có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** *"Giả sử chiếc thuyền bị gió lớn thổi tấp vào nước Quỷ La Sát, nếu trong đó có một người xưng tụng danh hiệu Quán Âm Bồ Tát thì các người kia đều được giải thoát nạn Quỷ La Sát"*.



十九、能靜觀音

20_ **A Nậu Quán Âm**: A Nậu tức là A Nậu Đạt Trì, lại gọi là A Nậu Đại Tuyền, dịch là ***Vô Nhiệt Trì*** (ao không có sự nóng bức). Hình Bồ Tát này là ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay giao nhau, ngắm nhìn xa xa trên mặt biển.

Có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn:** "*Nếu có người ở trên biển gặp phải Rồng, Cá, các Quỷ, nạn lớn thời do sức niệm Quán Âm này thời có thể miễn trừ hiểm họa của sóng gió*"



二十、阿耨觀音

21_ **A Ma Đề Quán Âm**: Tức là Vô Úy Quán Âm. Hình tượng ấy có màu thịt trắng, có 3 con mắt và 4 cánh tay, cỡi con Sư Tử trắng, toàn thân tràn đầy lửa rực, mặc áo Trời, anh lạc….đại biểu cho việc trang nghiêm; diện mạo từ bi, trạng thái chuyên tâm chăm chú nhìn về bên trái.

Nhưng tư thế hiển bày trong 33 Quán Âm này là ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay để trên đầu gối.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Tỳ Sa Môn** của Bồ Tát Quán Âm



22_ **Diệp Y Quán Âm**: Ngồi ở đám cỏ trên tảng đá, có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Đế Thích** của Bồ Tát Quán Âm



23_ **Lưu Ly Quán Âm**: Biệt danh là **Cao Vương Quán Âm**. Cỡi một cánh Sen nổi nhẹ trên mặt nước, hai tay nâng cái bình Lưu Ly.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Tự Tại Thiên** của Bồ Tát Quán Âm



24_ **Đa La Tôn Quán Âm**: Lại gọi là Cứu Độ Mẫu Quán Âm, tư thế toàn thân đứng thẳng cỡi trên mây.

Có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Hoặc bị oán tặc vây
Cầm đao kiếm hãm hại
Do sức niệm Quán Âm
Chúng đều sinh lòng lành



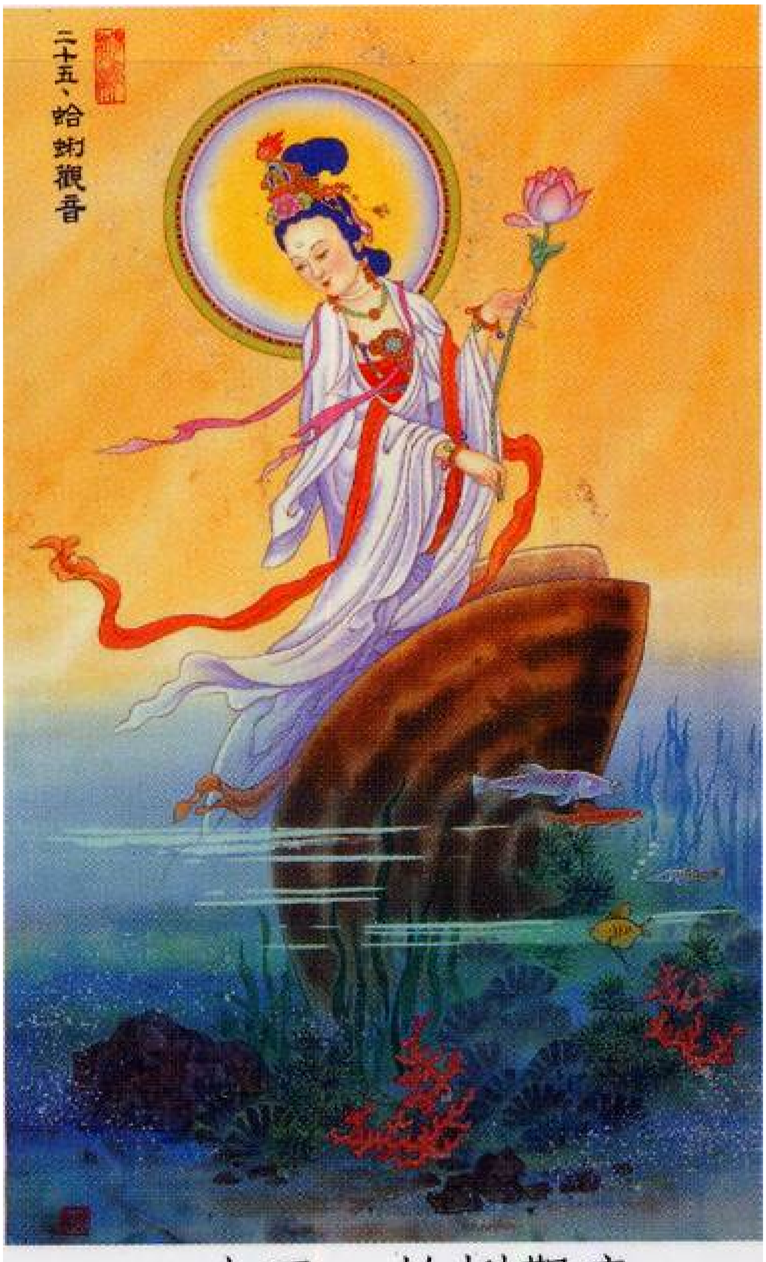
二十四、多羅觀音

25_ **Cáp Lợi Quán Âm**: Bồ Tát ngồi trong con sò cho nên có tên gọi như vậy.

Tín ngưỡng này bắt nguồn từ Triều Đại nhà Đường trở về sau, trong **Phi Kinh Tạp** đã ghi chép.

Quyển 42, **Phật Tổ Thống Ký** trong đời Đường Văn Tông năm **Khai Thành Nguyên** ghi chép rằng: *“Khi vua* ***Đường Văn Tông*** *ăn con sò, dùng tay tách mà không mở được, nên đốt hương khấn cầu, bỗng nhiên con sò biến hiện thành hình tượng Bồ Tát. Hoàng Đế liền viết chiếu thư cho Chung Nam Sơn* ***Duy Chính*** *Thiền Sư hỏi nguyên nhân việc này. Sau đó liền chiếu cáo cho chùa chiền trong thiên hạ lập tượng Quán Âm”*. Đây là nguồn gốc về sự tín ngưỡng **Cáp Lợi Quán Âm** rất phổ biến vì ngư dân rất sùng bái và tín ngưỡng.

Trong quyển 2 “**Phật Tượng Đồ Hối**” cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Bồ Tát** của Bồ Tát Quán Âm



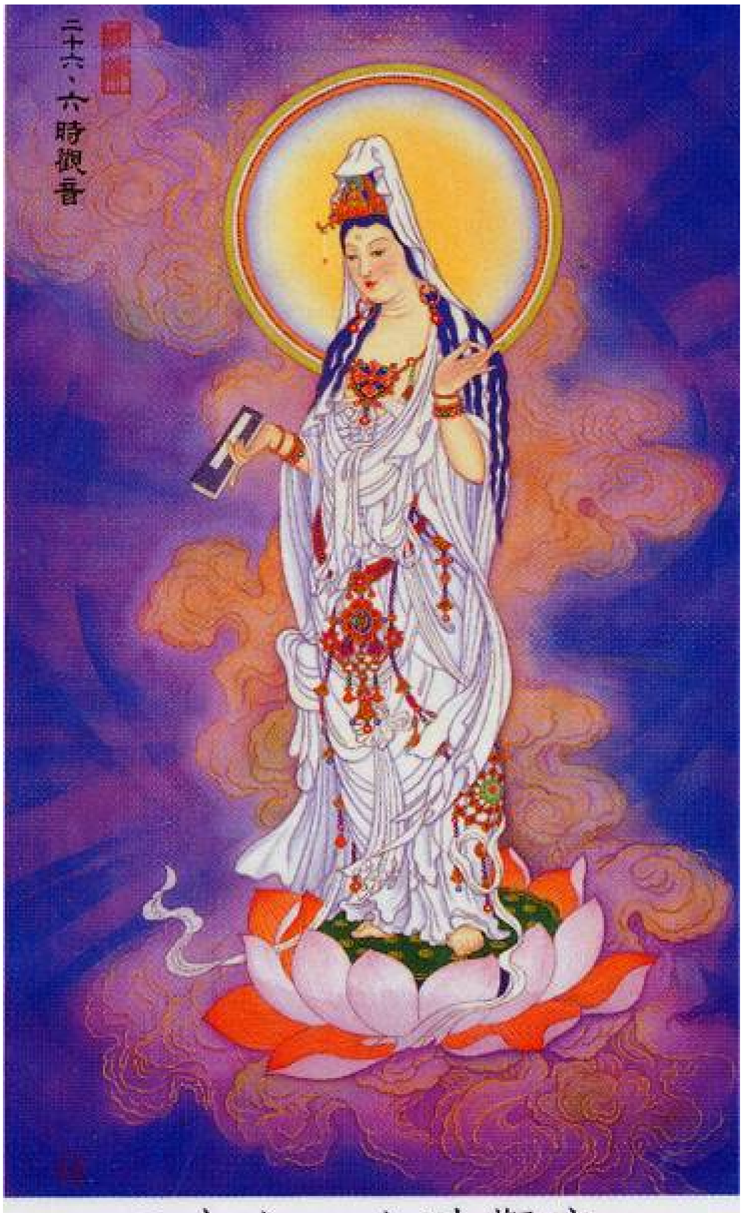
二十五、蛤蜊觀音

26_ **Lục Thời Quán Âm**: Lấy ý Đại Bi thâm sâu, ngày đêm sáu thời thường thương sót hộ niệm chúng sinh, cho nên gọi là Lục Thời Quán Âm.

Trong phần 2 "**Đại Đường Tây Vực Ký**" nói: Từ phía trước Bắc Ấn Độ "*hợp sáu thời là một ngày một đêm*", từ sáng đến tối một ngày lại chia ra làm sáu thời, mà một năm còn chia làm *"Thời nóng vừa, thời nóng dữ, thời mùa mưa, thời cây cỏ mọc um tùm, thời ít lạnh, thời lạnh dữ",* nhân đây một năm cũng gọi là sáu thời, cho nên "**Lục Thời Quán Âm**" cũng giải thích là "**Thường Thị Chúng Sinh Quán Âm**".

Hình tượng thông hành ở thế gian là cầm cái rương kinh Phạn chứa **Lục Tự Chương Cú Đà La Ni**, tụng Đà La Ni này thì được thoát khỏi quả khổ của sáu nẻo, được sáu diệu môn, chứng sáu căn tương ứng.

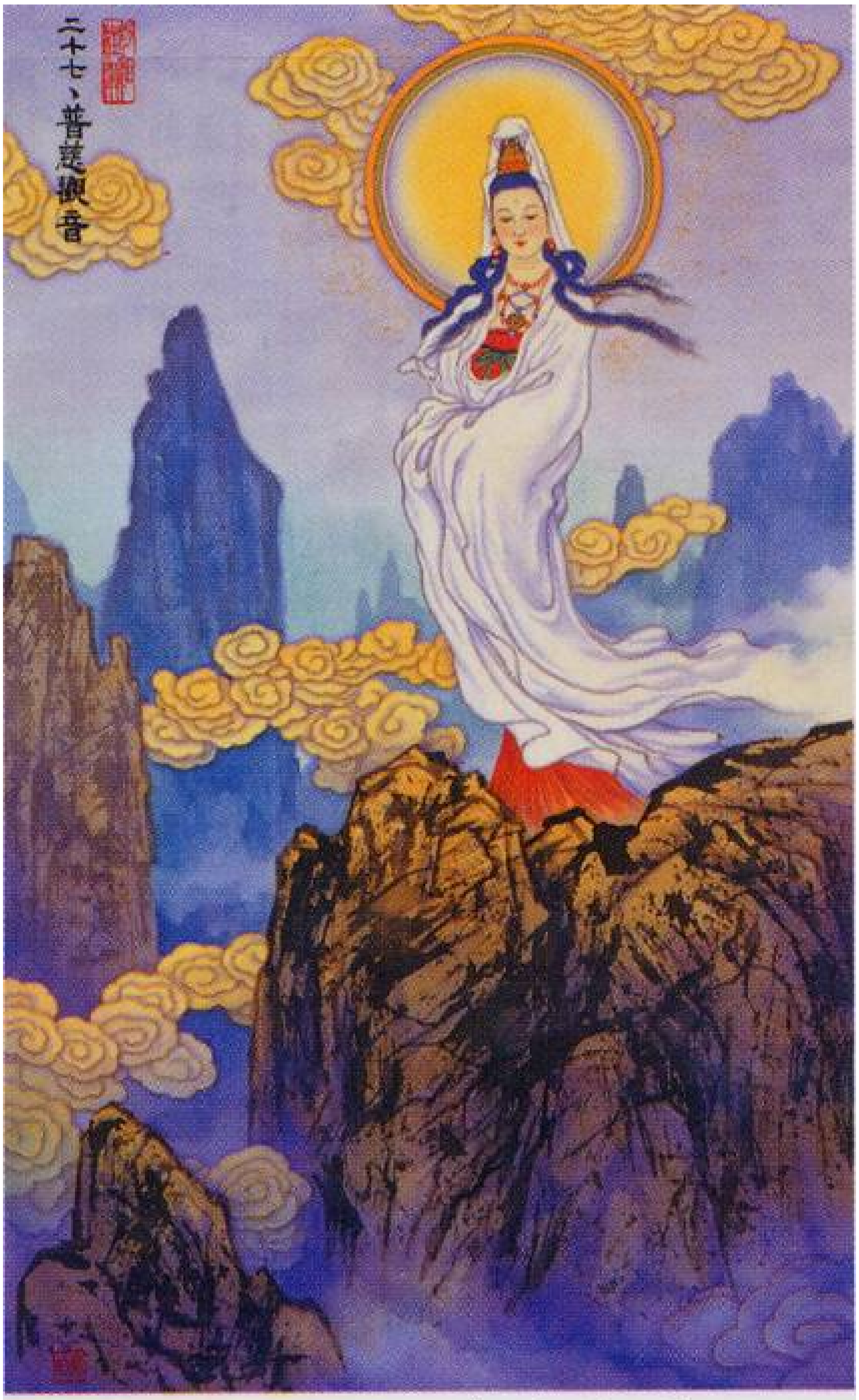
Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Cư Sĩ** của Bồ Tát Quán Âm



二十六、六時觀音

27_ **Phổ Bi Quán Âm**: Tay cầm Pháp Y rũ xuống phía trước, đứng ở trên núi cao to chính là Từ Bi của Quán Âm thương sót phổ cập tất cả chúng sinh, Từ Bi ấy rộng khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Có người cho rằng là Tôn này tương đương với **hóa thân Đại Tự Tại Thiên** của Bồ Tát Quán Âm. Đại Tự Tại Thiên chính là vị thần tối cao của ba cõi, dùng uy đức thù thắng ấy chiếu khắp tất cả, mà phối hợp với Từ Bi phổ biến bình đẳng của Quán Âm cho nên gọi là Phổ Bi Quán Âm.



二十七、普慈觀音

28_ **Mã Lang Phụ Quán Âm**: Tương truyền vào Triều Đại nhà Đường, Bồ Tát hóa thân làm một cô gái rất xinh đẹp. Vì muốn khiến Đại Chúng phát tâm siêng năng học Phật, nên dùng hình thức *người nào tụng Kinh nhiều sẽ làm vợ của người ấy*. Sau đó y theo lời ước hẹn nhận lời làm vợ của một thanh niên họ Mã, cho nên mới có tên gọi như vậy.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Phụ Nữ** của Bồ Tát Quán Âm



二十八、馬郎婦觀音

Hoặc có hình tượng Mã Lang Phụ Quán Âm là tay phải cầm quyển Kinh **Pháp Hoa**, tay trái cầm cái đầu lâu có hình người nữ.

29_ **Hợp Chưởng Quán Âm**: Đứng trên đài Hoa Sen, làm tư thế chấp tay lại, dùng hai bàn tay chấp lại ở giữa rỗng cho nên có tên gọi như vậy.

Hoặc cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Bà La Môn** của Bồ Tát Quán Âm



二十九、合掌觀音

30_ **Nhất Như Quán Âm**: Ngồi trên tòa Hoa Sen ở trên mây, dựng đứng gối trái làm tư thế giáng phục lôi điện.

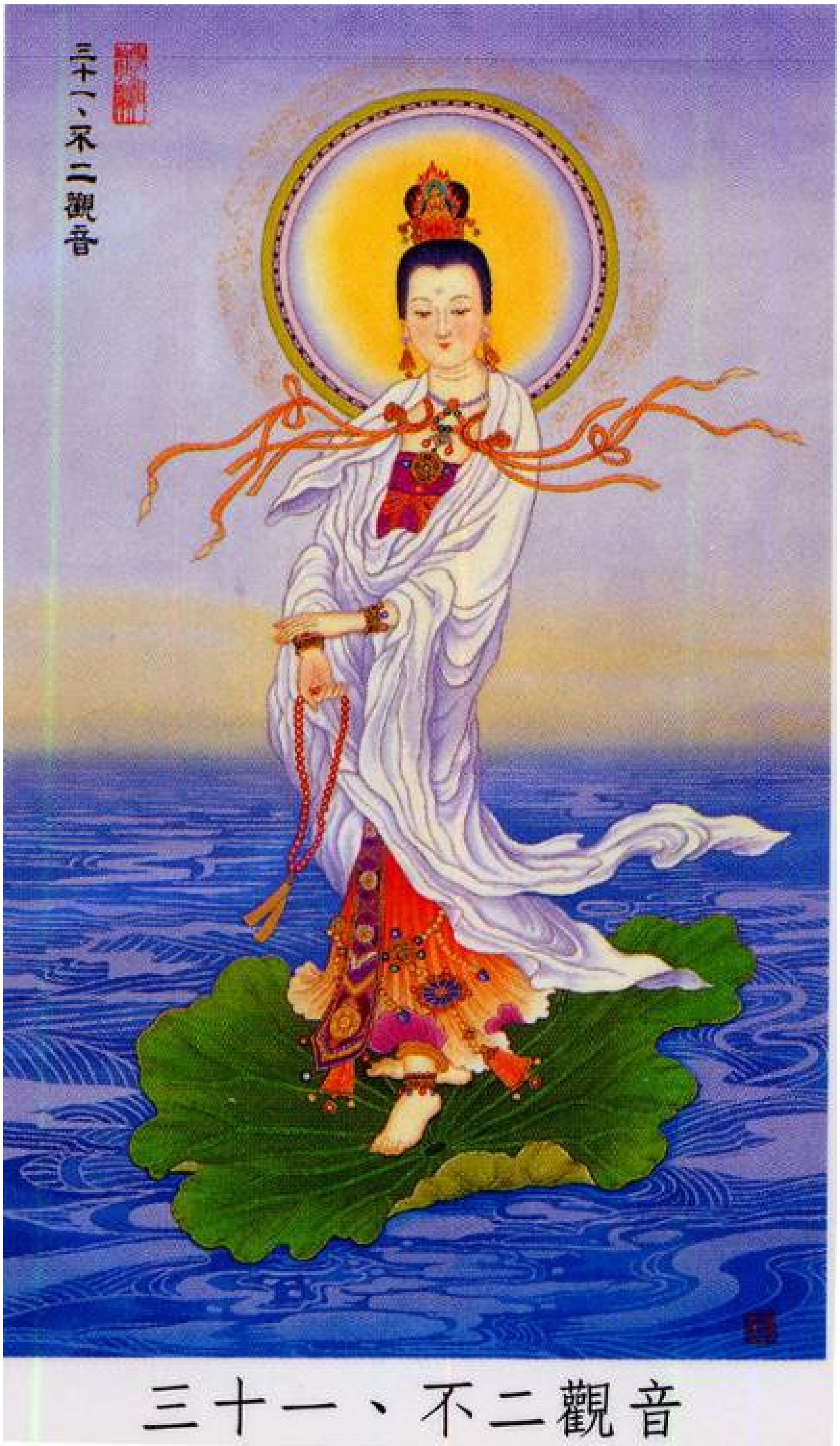
Hoặc cho rằng là Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Mây sấm nổ, sét đánh
Tuôn mưa đá, mưa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Nên liền tiêu tan cả



31_ **Bất Nhị Quán Âm**: Tượng ấy là hai tay bắt chéo nhau, cỡi một chiếc lá sen nổi trên mặt nước.

Hoặc cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Chấp Kim Cương Thần** của Bồ Tát Quán Âm. Chấp Kim Cang Thần này là vị Thần thủ hộ của Đức Phật, Thân Hệ Tích này vốn là Hệ Bản Tích, nghĩa là **không hai** nên gọi là Bất Nhị Quán Âm.



32_ **Trì Liên Quán Âm**: Ngồi cỡi trên chiếc lá Sen, hai tay cầm cọng Sen.

Hoặc cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Đồng Nam, Đồng Nữ** của Bồ Tát Quán Âm



33_ **Sái Thủy Quán Âm**: Tay phải cầm Sái Trượng hoặc cành Dương Liễu, tay trái cầm cái bình để tưới nước, tác tướng tưới nước Cam Lộ.

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho câu văn trong **Phẩm Phổ Môn** *"Nếu có người bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng niệm danh hiệu Ngài liền gặp chỗ cạn"*.

Hoặc có một thuyết cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn là:

Lòng Bi như sấm chớp
Ý lành diệu tựa mây
Tuôn mưa nước Cam Lộ
Dứt trừ lửa phiền não

Sái Thủy là một loại nước thơm dùng để rưới rảy, niệm tụng ấn từ, gia trì pháp tu tịnh hóa, dựa vào ý nghĩa của *"Dùng tính sạch sẽ của hương thơm giới luật hòa hợp với tính sạch sẽ của nước Từ Bi tưới khắp Tính sạch sẽ Tâm Địa Pháp Giới của chúng sinh"* để thị hiện nước rưới rảy. Hiện tại Mật Giáo vẫn hành Pháp này. Như vậy dùng nước tưới rảy để khai phát tất cả **Phật Tính** của chúng sinh, chính Sái Thủy này là thệ nguyện của Quán Âm.



三十三、灑水觀音

_ 33 Thể Quán Âm này còn được minh họa như sau:
1_ **Dương Liễu Quán Âm**:



2_ **Long Đầu Quán Âm:**



3_ **Trì Kinh Quán Âm**:



4_ **Viên Quang Quán Âm**:



5_ **Du Hý Quán Âm**:



6_ **Bạch Y Quán Âm**:



7_ **Ngọa Liên Quán Âm**:



8_ **Long Kiến Quán Âm**:



9_ **Thi Lạc Quán Âm**:



10_ **Ngư Lam Quán Âm**:



11_ **Đức Vương Quán Âm**:



12_ **Thủy Nguyệt Quán Âm**:



13_ **Nhất Diệp Quán Âm**:



14_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (hay **Thanh Đầu Quán Âm**):



15_ **Uy Đức Quán Âm**:



16_ **Diên Mệnh Quán Âm**:



17_ **Chúng Bảo Quán Âm**:



18_ **Nham Hộ Quán Âm**:



19_ **Năng Tĩnh Quán Âm**:



20_ **A Nậu Quán Âm**:



21_ **A Ma Đề Quán Âm**:



22_ **Diệp Y Quán Âm**:



23_ **Lưu Ly Quán Âm**:



24_ **Đa La Tôn Quán Âm**:



25_ **Cáp Lợi Quán Âm**:



26_ **Lục Thời Quán Âm**:



27_ **Phổ Bi Quán Âm**:



28_ **Mã Lang Phụ Quán Âm**:



29_ **Hợp Chưởng Quán Âm**:



30_ **Nhất Như Quán Âm**:



31_ **Bất Nhị Quán Âm**:



32_ **Trì Liên Quán Âm**:



33_ **Sái Thủy Quán Âm**:



MƯỜI HAI TÔN TƯỢNG QUÁN ÂM ỨNG VỚI 12 ĐẠI NGUYỆN

1. Nam mô hiệu Viên Thông, danh Tự Tại, Quán Âm Như Lai, quảng phát hoằng thệ nguyện.



2. Nam mô nhất niệm Tâm vô quái ngại, Quán Âm Như Lai thường cư Nam Hải nguyện.



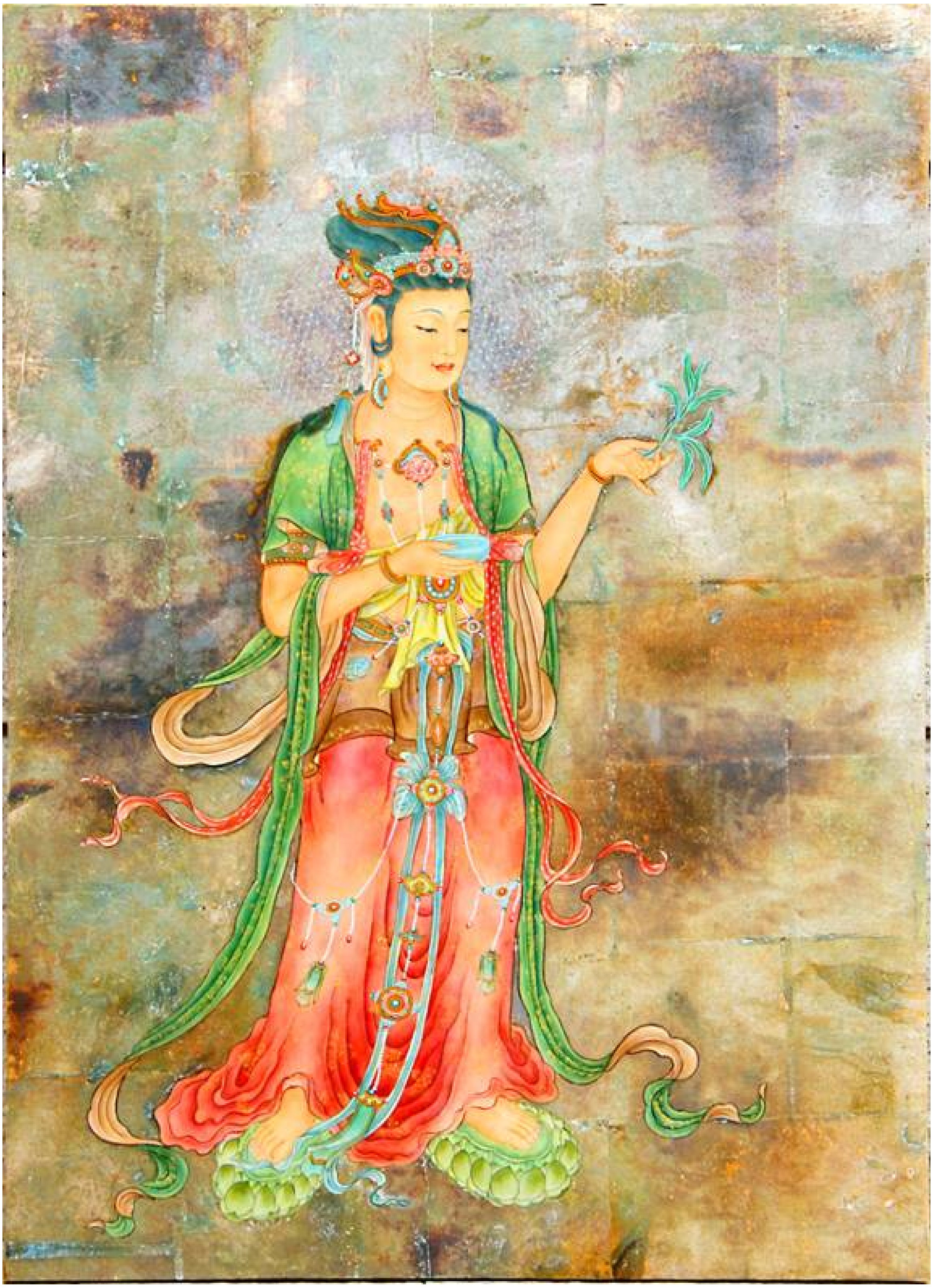
3. Nam mô trụ Ta Bà, U Minh Giới, Quán Âm Như Lai tầm thanh cứu khổ nguyện.



4. Nam mô hàng Tà Ma, trừ Yêu Quái, Quán Âm Như Lai, năng trừ nguy hiểm nguyện.



5. Nam mô thanh tịnh bình thùy Dương Liễu, Quán Âm Như Lai Cam Lộ sái Tâm nguyện.



6. Nam mô Đại Từ Bi, năng Hỷ Xả, Quán Âm Như Lai, thường hành bình đẳng nguyện.



7. Nam mô trú dạ tuần vô tổn hoại, Quán Âm Như Lai thệ diệt **Tam Đồ** nguyện.



8. Nam mô vọng Nam nham, cần lễ bái, Quán Âm Như Lai, già tỏa giải thoát nguyện.



9. Nam mô tạo Pháp Thuyền du khổ hải, Quán Âm Như Lai độ tận chúng sinh nguyện.



10. Nam mô tiền Tràng Phan, hậu Bảo Cái, Quán Âm Như-Lai tiếp dẫn Tây-Phương nguyện.



11. Nam mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh giới, Quán Âm Như Lai, Di Đà thọ ký nguyện.



12. Nam mô đoan nghiêm thân vô tỉ trại, Quán Âm Như Lai, quả tu thập nhị nguyện.



TÔN TƯỢNG QUÁN ÂM TRONG MẬT GIÁO

_ Trong hệ thống Thuần Mật của Mật Giáo thì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát được nhận định qua nhiều hình tượng và danh từ khác nhau.

*) Căn cứ vào **Kim Cương Giới Man Đà La** (Vajra-dhātu-Maṇḍala) thì vị Bồ Tát này được nhận biết dưới danh hiệu ***Kim Cương Pháp Bồ Tát*** (Vajra-dharma Bodhisatva) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A DI ĐÀ (Amitābha: Vô Lượng Quang) ở phương Tây.



Tôn này được sinh ra từ Trí **Tự Tại Vô Nhiễm** của tất cả Như Lai nên nói rằng vị Bồ Tát này và Đức Phật A DI ĐÀ nguyên chỉ khác nhau về Nhân Quả, hễ tìm được Bản Giác tức đồng với Vô Lượng Thọ xong do Bản Thệ nên thị hiện thành Bồ Tát Đại Bi.

Tâm chú của Tôn này là: "OṂ _ VAJRA DHARMA _ HRĪḤ" và câu xưng tán là: "***Nam mô Nhất Thiết Như Lai Trí Tuệ Môn Kim Cương Pháp Bồ Tát đẳng xuất sinh tận hư không biến pháp giới nhất thiết Bà La Mật Bồ Tát Ma Ha Tát*** ".

Chân Ngôn xưng tán Công Đức của Tôn này là

"VAJRADHARMA _ SUSATVA ARTHA_ VAJRA PADMA SUŚUDDHAKA LOKEŚVARA_ SUVAJRĀKṢA _ VAJRA NETRE _ NAMOSTUTE"

Trong ***Nhiếp Chân Thật Kinh phần thượng*** thì ghi nhận Tôn này là ***Kim Cương Nhãn Bồ Tát*** (Vajra-cakṣu-bodhisatva).

*) Căn cứ vào **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì vị Bồ tát này được an vị trong các viện: Trung Đài Bát Diệp viện, Biến Tri viện, Quán Âm viện, Thích Ca viện, Văn Thù viện, Hư Không Tạng viện, Tô Tất Địa viện. Tùy theo vị trí được an lập, vị Bồ Tát này biểu thị cho các phẩm Đức khác nhau.

+ *Trong Trung đài bát diệp Viện:* Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Tịnh Đức** là Đức thứ tư trong 4 Đức *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*. Hoặc biểu thị cho hạnh **chứng ngộ Tâm Bồ Đề** là một trong 4 hạnh của Như Lai là *Phát Tâm Bồ Đề, Tĩnh Tâm Bồ đề, Chứng Ngộ Tâm Bồ Đề, Nhập Tâm Bồ Đề.*

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai



Tôn này có Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Biến Tri Viện:*** Vị Bồ tát này được nhận biết qua danh hiệu **Chuẩn Đề Phật Mẫu** (Cuṅdhe-buddha-mātṛ) biểu thị cho **Tĩnh Đức** và là Mẫu của tất cả các Tôn thuộc ***Liên Hoa Bộ*** trong **PHẬT BỘ.**

Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu với thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen, thân tỏa hào quang tròn có dính hạt thóc nhẹ như áo của 10 Ba La Mật Bồ Tát, phía trên bên dưới đều tác màu trắng. Lại góc áo khoác ngoài (Thiên Y) có quấn anh Lạc, đội Mão Trời, cánh tay đều đeo vòng xuyến. Đàn Tuệ (2 bàn tay) đều đeo vòng báu. Mặt Tượng ấy có 3 mắt, 18 cánh tay.

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp

Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, lòng bàn tay thứ năm cầm Cụ Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây Búa, tay thứ bảy cầm Móc Câu, tay thứ tám cầm chày Kim Cương, tay thứ chín cầm Tràng Hạt.

Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu Như Ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm Sợi Dây, tay thứ sáu cầm Bánh Xe, tay thứ bảy cầm **Thương Khư** (Śaṅkha: Vỏ ốc), tay thứ tám cầm Hiền Bình, tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã”



Tôn này có Mật Hiệu là **Tối Thắng Kim Cương**

+ ***Tại Quán Âm Viện:*** Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp Thân Đức, Bát Nhã Đức, Giải Thoát Đức.*

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, trên mão có Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, tay trái cầm hoa sen đỏ, tay phải hơi co các ngón tay cầm một cánh hoa sen làm dạng bóc mở hoa sen, ngồi trên tòa hoa sen.



Đức Vô Lượng Thọ Phật trong mão báu biểu thị cho Quả cuối cùng của Hạnh Liên Hoa, tức là Trí **Phương Tiện Phổ Môn** của Như Lai

Hoa sen đỏ ở tay trái biểu thị cho Tâm sen (liên tâm) Bản Giác của chúng sinh bị vô minh phiền não ràng buộc che lấp trong vô lượng kiếp, chẳng thể hé nở cho nên bị chìm đắm trong biển khổ.

Tay phải làm thế bóc hoa tượng trưng cho ý nghĩa: dùng **Công Đức Đại Bi** làm phương tiện để giải trừ sự Vô Minh mê vọng và giúp cho Tâm sen của chúng sinh tự hé nở, tức là giác ngộ được Bản Tâm thanh tịnh vốn có của mình

Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Bản Tịnh Kim Cương**

+ ***Trong Văn Thù Viện:*** Vị bồ Tát này biểu thị cho **Đức Quyền Trí**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Thích Ca Viện:*** Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Hư Không Tạng Viện:*** Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thiên Thủ Quán Thế Âm**, biểu thị cho **Đức Pháp Tài.**

Tôn Hình: Thân có 27 đầu mặt, một ngàn cánh tay trong đó có 40 tay cầm khí trượng. Ngồi trên hoa sen báu.



+ ***Trong Tô Tất Địa Viện:*** Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**, biểu thị cho dụng của **TỪ BI**.

Tôn Hình: Thân có 4 cánh tay, ngồi xếp bằng trên Hoa Sen, hai bên mặt chính đều có 1 mặt, bên trên có 5 mặt, lại ở trên nữa có 3 mặt, hợp với mặt chính nên thành 11 mặt. Bên phải tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm Tràng Hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, Tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



Ngoài ra trong Thai Tạng Giới Man Đà La còn liệt kê thêm nhiều vị Quán Âm tu trì Pháp Quán Âm.

❒ Trong Quán Âm Viện**:**

_ *Bạch Y Quán Âm* (Paṇḍara-vāsinī)



Tôn này trú ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ (Padma Kulāya) hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ.

Tôn tượng có một mặt hai tay. Tay phải duỗi các ngón ngửa ra hướng xuống dưới thành Ấn **Dữ Nguyện** (Varada-mudra) tay trái co lại cầm cành hoa sen.

Ngoài ra còn có tượng 3 mặt 6 tay, phần nhiều là tượng nuôi con nít nên là đối tượng của những người cầu con. Do đó Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**



_ *Bạch Thân Quán Tự Tại* (Śveta-bhagavatī: Bạch Sắc Thế Tôn)



Tôn này biểu thị cho sự tu tập Đại Bi trắng tịnh. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật Trí. Tay phải để ngang vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

_ ***Cát Tường đại Minh Quán Tự Tại*** (Śrī-mahā-vidya-avalokiteśvara)



Tôn này biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, trong sạch không nhơ. Tức dùng Pháp Môn thanh tịnh vô nhiễm phá trừ sự ưu ám của chúng sinh. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho sự thanh tịnh vô cấu nhiễm, tay phải dựng đứng chưởng co 3 ngón *vô danh, giữa, trỏ* sao cho ngón trỏ vịn vào đốt thứ nhất của ngón cái, ngón út duỗi thẳng chỉ lên trên .

_ ***Đại Tùy Cầu Bồ Tát*** (Mahā-pratisāraḥ)



Tôn này là thân biến hóa của Quán Thế Âm, thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà ban cho đầy đủ bản nguyện, do vậy mà có tên là Đại Tùy Cầu.

Tôn hình có một mặt 8 tay, ngồi bán già trên tòa sen. Bên trái : Tay thứ nhứt cầm hoa sen , bên trên hoa sen có bánh xe rực lửa, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, tay thứ ba cầm cây lộng Như Ý, tay thứ tư cầm vòng dây. Bên phải : Tay thứ nhất ngửa chưởng cầm Chày **Tam Cổ** đặt nằm ngang , tay thứ hai cầm cây kích có 3 lưỡi, tay thứ ba cầm cây búa, tay thứ tư cầm cây kiếm.

_ Mã Đầu Quán Âm (Hayagrīva-avalokiteśvara)



Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn , tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ 2 nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh. Do đó Tôn này có tên là **Quán Âm Đầu Ngựa** (*Mã Đầu Quán Âm*).

Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào 8 đại Minh Vương (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja). Tôn này do nhân Đại Bi nên không trú ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử , cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Hám Thực kim Cương** (Khada Vajra)

_ Bất Không Quyến Sách Quán Âm (Amogha-pāśa)

Tôn tượng có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt . Mặt chính diện màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen . Ba mặt biểu thị cho 3 Đức . *Bên trái* : Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm dây lụa, *bên phải* : tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



_ ***Như Ý Luân Quán Âm*** (Cintāmaṇi-cakra-avalokiteśvara)



Tôn này trụ ở Như Ý Bảo Châu Tam Muội, chuyển Pháp Luân cứu độ chúng sinh trong lục đạo thoát khỏi khổ não và hay làm cho tất cả chúng sinh được thành tựu ước nguyện, vì thế Ngài được hợp xưng là **Cứu Khổ Cứu nạn Cứu Thế Bồ Tát**

Tôn này có 6 tay, toàn thân màu vàng, trên đầu kết báu quanh đỉnh tóc biểu thị sự trang nghiêm. Trong mão có Đức Phật A Di Đà trụ tướng thuyết pháp.

Bên phải: tay thứ nhất nâng mặt làm dạng suy tư biểu thị cho sự mẫn niệm chúng hữu tình, tay thứ hai cầm báu Như ý biểu thị cho sự làm mãn túc ước nguyện của tất cả chúng sinh. Tay thứ ba cầm Tràng hạt biểu thị cho sự cứu khổ chúng sinh.

Bên trái: Tay thứ nhất duỗi thẳng xuống ấn núi Quang Minh biểu thị cho sự khiến chúng sinh chẳng dao động Tín hạnh, tay thứ hai cầm hoa sen biểu thị cho sự hay trừ các phi pháp, tay thứ ba cầm bánh xe biểu thị cho sự chuyển pháp Vô Thượng.

Tôn này thường dạo chơi trong lục đạo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

_ ***Bị Diệp Y Quán Âm*** (Palāsambārī, hay Parṇa-śavari)



Tôn này là một thân biến hóa của Quán Thế Âm, chuyên trừ các loại bệnh tật, cầu trường thọ, đảo bệnh, an trấn phòng ốc. Tôn này có 2 tay: Tay trái cầm dây lụa, tay phải cầm hoa sen mới nở.

_ *Đa La Bồ Tát* (Tārā-bodhisatva)



Tàrā là con mắt hay con mắt tĩnh diệu. Tôn này là một thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm được sinh ra bởi ánh quang minh phóng ra từ mắt của ngài. Tôn này luôn nhìn tất cả chúng sinh giống như bà mẹ hiền theo dõi chăm sóc con thơ. Mục đích của Ngài là cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Do chủ về hai Đức ***Đại Bi*** và ***Giáng Phục*** nên Tôn này được xem là **Phật Mẫu** của Liên Hoa Bộ.

Tôn hình có hai tay chắp lại để ngang ngực, trên đỉnh đầu hiện Đức Phật A Di Đà đang trụ Tướng Thuyết Pháp.

Một Hóa Thân của Thánh Mẫu Tārā là **Tỳ Lý Câu Đê Bồ Tát** (Bhṛkuṭī)



Tôn này là chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu Độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của **Trí Đại Không** (Mahā-śūnya-jñāna) để hoàn thiện phước báu Diệu Hữu. Tôn hình có búi tóc hình mũ giống như đất giữ gìn vạn vật , chung quanh kết bởi các báu, chính giữa có hình Đức Phật A Di Đà trụ tướng Thuyết Pháp . Điều này biểu thị cho sự kính vâng theo **Trí Tuệ Phổ Môn** (Viśva-mukhe-jñāna)của Như Lai để hoàn thiện Phước Đức.

Thân hình có 4 tay. *Bên phải*: Tay thứ nhất rũ xuống thành Ấn **Dữ Nguyện** , tay thứ hai co ngửa lên cầm Tràng hạt. *Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Bình Quân Trì.

_ *Thủy Cát Tường Bồ Tát* (Ārya-Udaka-śrī-bodhisatva)



Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát. Tôn hình màu vàng lợt, tay trái dựng đứng bàn tay, co 3 ngón: cái, trỏ, giữa lại, cầm hoa sen mới nở biểu thị cho phương tiện Đại Bi hay làm cho muôn điều lành tốt đẹp thêm lên. Tay phải duỗi các ngón xuống dưới thành Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh.

❐Trong Hư Không Tạng Viện

_ *Phẫn Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát* (Amogha-krodhāṅkuśa-rāja Avalokiteśvara: Bất Không Phẫn Nộ Câu Vương Quán Tự Tại)



Tôn hình có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt, trên trái mỗi mặt có một vị Hóa Phật đỉnh đầu có một vị Bồ Tát ngồi Kiết già, hai tay cầm hai cây kiếm. *Bên phải*: Tay thứ nhất co lên cầm **Phẫn Nộ Tam Xoa Câu** , tay thứ hai co cánh tay duỗi ngửa các ngón hướng xuống. *Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai duỗi ngửa cầm dây lụa. Tôn này chủ về sự hàng phục ma chướng.

_ Bất Không Câu Quán Tự Tại (Ārya-amoghāṅkuśa Avalokiteśvara: Thánh Bất Không Câu Quán Tự Tại)



Tôn hình có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt, trên mỗi đỉnh trán có một vị Hóa Phật , hai mặt hai bên màu xanh. *Bên phải*: tay thứ nhất nâng cánh tay cao lên cầm **Tam Cổ Câu**, tay thứ hai rũ ngửa cầm **Tam Cổ Xử** (chày Tam Cổ). *Bên trái* tay thứ nhất co lại cầm hoa sen bên trên có móc câu, tay thứ hai hạ xuống dựng đứng bàn tay cầm vòng dây (*Luân sách*). Tôn này chủ về sự Câu Triệu, dẫn nhiếp chúng sanh vào Phật Đạo.

Ngoài các mục ghi trên đây. Phật giáo còn ghi nhận thêm 4 vị Bồ Tát Đa La tu trì thành tựu Pháp Quán Âm là:

① **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭhī)



Tôn này có 3 mặt 4 tay hoặc một mặt 2 tay. Tâm Chú của Tôn này chính là bài Đại Bi Tâm Đà La Ni được lưu truyền rộng rãi trong nhân gian. Niệm Tôn này có thể giải thoát được tất cả sự sợ hãi ách nạn.

② **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja Avalokiteśvara)

Tôn này có 2 tay. Tay phải duỗi trên gối thành tay **Thí Vô Úy**, tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen. Tôn này hay giáng mưa **Cam lộ** bố thí cho chúng sinh trong 5 nẻo.



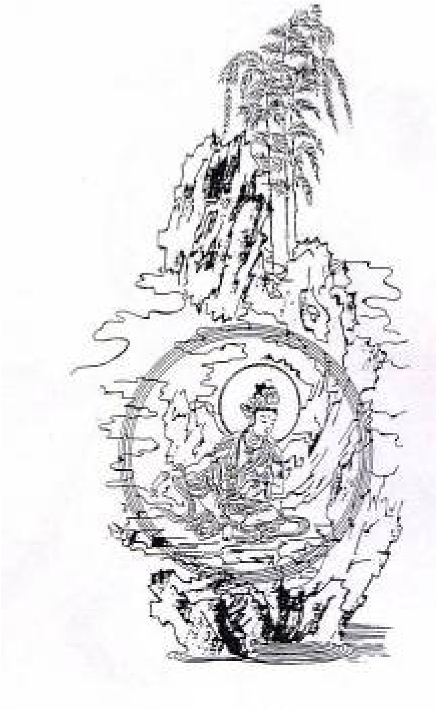
③ **A Ma Tai Quán Âm** (Avaṭai Avalokiteśvara)

Tôn này có tên là **Vô Úy Quán Tự Tại** (Abhayaṃ Avalokiteśvara). Tôn tượng có 3 mắt 4 tay ngồi trên lưng con sư tử trắng. Niệm Tôn này có thể mãn túc các nguyện, đắc Túc Mệnh Trí, được chúng sinh yêu quý, chứng đắc Tất Địa.



④ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka-candra Avalokiteśvara)

Tôn này có hai tay, tay trái cầm báu **Như Ý**, tay phải kết ấn **Dữ Nguyện** . Tôn này đồng thể với **Thủy Cát Tường Bồ Tát**. Niệm Tôn này có thể đầy đủ tất cả ước nguyện một cách mau chóng.



_ Truyền thống Tây Tạng thường xưng tán câu Chú **Lục Tự Tại Minh**, phụng thờ Tôn Tượng **Tứ Thủ Quán Âm** (Tôn này được xem là thân biến hiện của Lục Tự Đại Minh, nên còn có tên gọi là **Lục Tự Đại Minh Quán Âm**) và cố gắng tu hành theo ý nghĩa của Tôn Tượng này.



Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát qua Tôn Tượng **Tam Thánh** với Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) ở chính giữa, bên phải là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi: Thân phẫn nộ của Đại Thế Chí Bồ Tát) biểu thị cho Trí Tuệ, bên trái là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi, tức Quán Âm Bồ Tát) biểu thị cho Từ Bi



Ngoài ra còn có Tôn Tượng **Quán Âm Tam Thánh** với Đức **Tứ Thủ Quán Âm Bồ Tát** ở chính giữa biểu thị như vị Thần Hộ Mệnh chống lại mười ách nạn, thú dữ, giặc cướp…Bên phải là **Đa La Bồ Tát** (Tārā) biểu thị cho Từ Bi, bên trái là **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** (Bhṛkuṭī) biểu thị cho Trí Tuệ.



SÁU LOẠI TÔN TƯỢNG QUÁN ÂM

1_ Hóa Tôn địa ngục là **Thánh Quán Âm** (Ārya Avalokitasvara)



2_ Hóa Tôn Ngạ Quỷ là **Thiên Thủ Quán Âm** (Sahasra-bhūja Avalokitasvara)



3_ Hóa Tôn Súc sinh là **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagrīva Avalokitasvara)



4_ Hóa Tôn Tu la là **Thập Nhất Diện Quán Âm** (Eka-daśa-mukhe Avalokitasvara)



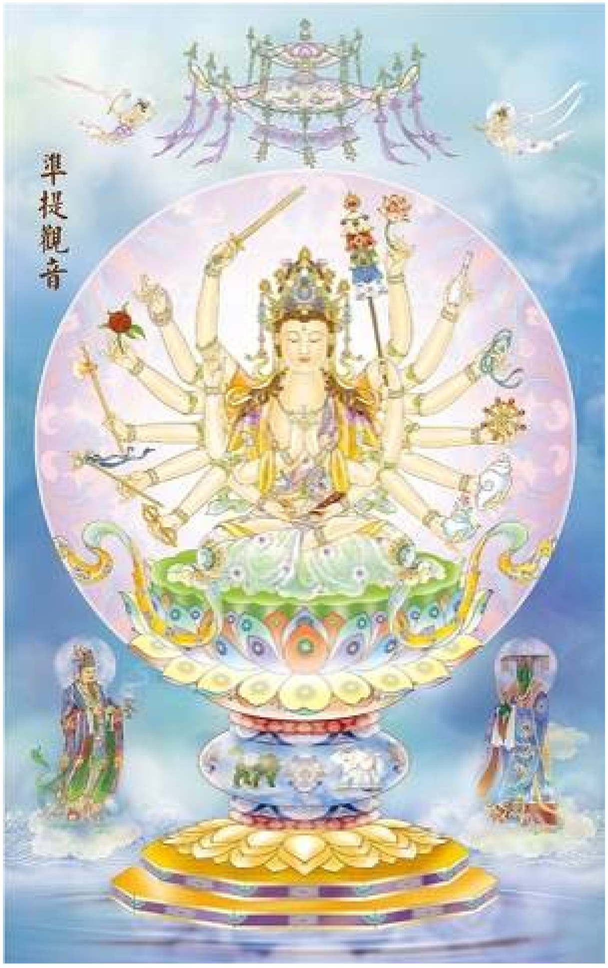
5_ Hóa Tôn Nhân gian là **Bất Không Quyến Sách Quán Âm** (Amogha-pāśa Avalokitasvara)



6_ Hóa Tôn Thiên giới là **Như Ý Luân Quán Âm** (Cintāmaṇi-cakra Avalokitasvara)



Hệ **Đông Mật** của Nhật Bản thì thay Bất Không Quyến Sách Quán Âm bằng **Chuẩn Đề Quán Âm** (Cuṅdhe Avalokitasvara)



Hệ khác thì gộp chung các vị lại thành 7 vị Quán Âm.

108 HÌNH THỨC CỦA QUÁN TỰ TẠI

Anh Văn: JAMPA-NAMGYAL trích từ **Benoytosh Bhattaryya, THE INDIAN BUDDHIST ICONOGRAPHY** (1958)
Việt dịch: HUYỀN THANH

1_ Hayagrīva-Lokeśvara (Mã Đầu-Thế Tự Tại)



2_ Mojaghāñjabala-Lokeśvara



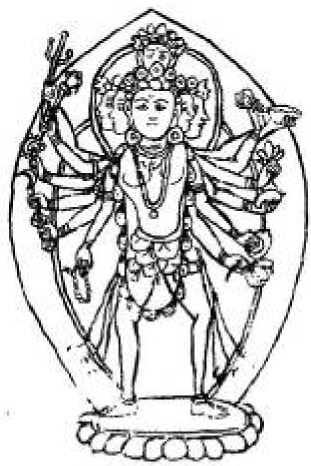
3_ Hālāhala-Lokeśvara (Tửu Tinh Vũ Khí-Thế Tự Tại)



4_ Hariharihari-vāhana-Lokeśvara



5_ Māyājālakrama-Lokeśvara (Huyễn Hoá Võng Phương Pháp_Thế Tự Tại)



6_ Ṣaḍakṣarī-Lokeśvara (Lục Tự-Thế Tự Tại)



7_ Ānandādi-Lokeśvara (Hoan Hỷ Thí-Thế Tự Tại)



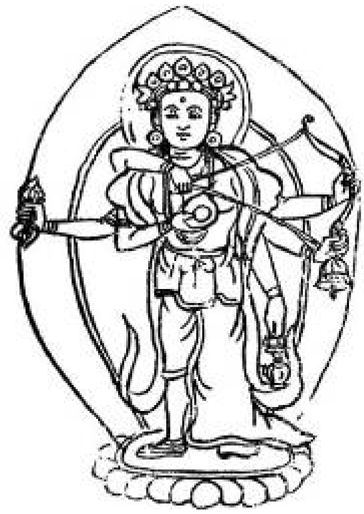
8_ Vaśyadhikāra-Lokeśvara (Hiện Tác Kính Ái-Thế tự Tại)



9_ Potapāda-Lokeśvara (Ly Túc-Thế Tự Tại)



_ Kamaṇḍalu-Lokeśvara (Tịnh Bình-Thế Tự Tại)



11_ Varadāyaka-Lokeśvara (Dữ Nguyện-Thế Tự Tại)



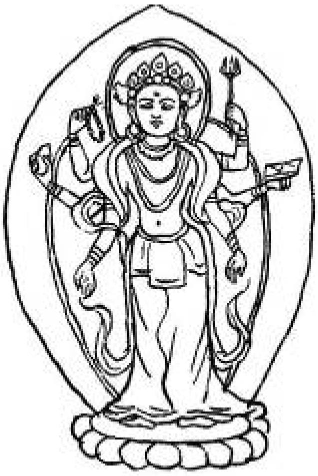
12_ Jaṭāmukuṭa-Lokeśvara (Kế Phát Mão-Thế Tự Tại)



13_ Sukhāvatī-Lokeśvara (Cực Lạc-Thế Tự Tại)



14_ Pretasantarpaṇa-Lokeśvara (Ngạ Quỷ Hữu Du Hý_Thế Tự Tại)



15_ Māyājālakramakrodha-Lokeśvara (Huyễn Hoá Võng Phương Kế Phẫn Nộ-Thế Tự Tại)



16_ Sugatisandarśana-Lokeśvara (Thiện Thú Đắc Kiến-Thế Tự Tại)



17_ Nīlakaṇṭha-Lokeśvara (Thanh Cảnh-Thế Tự Tại)



18_ Lokanātha-raktāryāvalokiteśvara (Thế Tôn Xích Châu Thánh Quán Tự Tại)



19_ Trilokasandarśana-Lokeśvara (Tam Thế Đắc Kiến-Thế Tự Tại)



20_ Siṃhanātha-Lokeśvara (Sư Tử Tôn-Thế Tự Tại)



21_ Khasarpaṇa-Lokeśvara (Cáp Lị-Thế Tự Tại)



22_ Maṇipadma-Lokeśvara (Như Ý Bảo Liên Hoa-Thế Tự Tại)



23_ Vajradharma-Lokeśvara (Kim Cương Pháp-Thế Tự Tại)



24_ Pupala (?)-Lokeśvara



25_ Utnauti (?)-Lokeśvara



26_ Vṛṣṇācana-Lokeśvara (Thọ Lâm_Thế Tự Tại)



27_ Brahmadaṇḍa-Lokeśvara (Phạm Trượng-Thế Tự Tại)



28_ Acāta-Lokeśvara



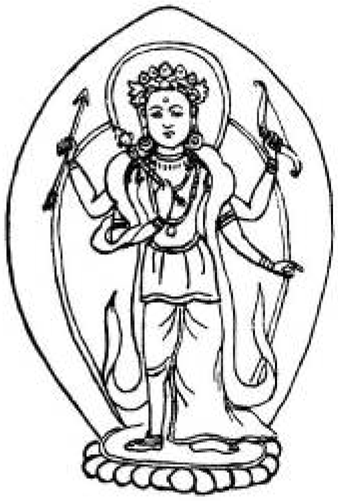
29_ Mahāvajrasattva-Lokeśvara (Đại Kim Cương Tát Đoả-Thế Tự Tại)



30_ Viśvahana-Lokeśvara (Xảo Diệu Đoạn_Thế Tự Tại)



31_ Śākyabuddha-Lokeśvara (Năng Nhân Giác-Thế Tự Tại)



32_ Sāntāsi_ Lokeśvara



33_ Yamadaṇḍa- Lokeśvara (Diêm Ma Trượng-Thế Tự Tại)



34_ Vajroṣṇīṣa- Lokeśvara (Kim Cương Đỉnh-Thế Tự Tại)



35_ Vajrahuntika- Lokeśvara



36_ Jñānadhātu- Lokeśvara (Trí Giới-Thế Tự Tại)



37_ Karaṇḍavyūha- Lokeśvara (Bảo Trang Nghiêm-Thế Tự Tại)



38_ Sarva-nivaraṇa-viskambhī- Lokeśvara (Trừ Nhất Thiết Cái Chướng-Thế Tự Tại)



39_ Sarva-śokatamo-nirghāta- Lokeśvara (Trừ Nhất Thiết Ưu Ám-Thế Tự Tại)



40_ Pratibhānaka-kūṭa- Lokeśvara (Biện Tích-Thế Tự Tại)



41_ Amṛtaprabha- Lokeśvara (Cam Lộ Quang-Thế Tự Tại)



42_ Jālinīprabha- Lokeśvara (Võng Quang-Thế Tự Tại)



43_ Candraprabha- Lokeśvara (Nguyệt Quang-Thế Tự Tại)



44_ Avalokita- Lokeśvara (Quán Chiếu-Thế Tự Tại)



45_ Vajragarbha- Lokeśvara (Kim Cương Tạng-Thế Tự Tại)



46_ Sāgara-mati- Lokeśvara (Hải Tuệ-Thế Tự Tại)



47_ Ratnapāṇi- Lokeśvara (Bảo Thủ-Thế Tự Tại)



48_ Gagana-gañja- Lokeśvara (Hư Không Khố-Thế Tự Tại)



49_ Ākāśagarbha- Lokeśvara (Hư Không Tạng-Thế Tự Tại)



50_ Kṣitigarbha- Lokeśvara (Địa Tạng-Thế Tự Tại)



51_ Akṣayamati- Lokeśvara (Vô Tận Tuệ-Thế Tự Tại)



52_ Sṛṣṭikāntā- Lokeśvara



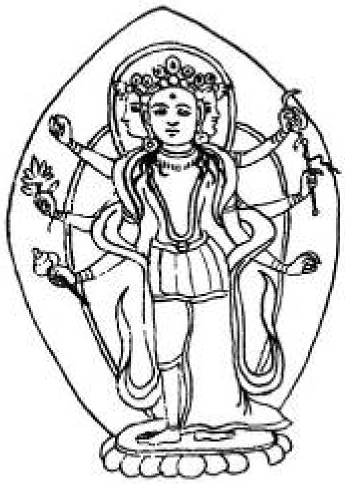
53_ Samantabhadra- Lokeśvara (Phổ Hiền-Thế Tự Tại)



54_ Mahāsahasrabhuja- Lokeśvara (Đại Thiên Tý-Thế Tự Tại)



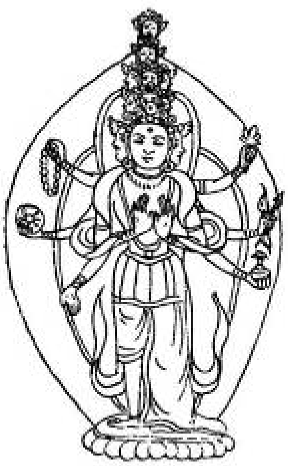
55_ Mahāratnakīrti- Lokeśvara (Đại Bảo Xưng-Thế Tự Tại)



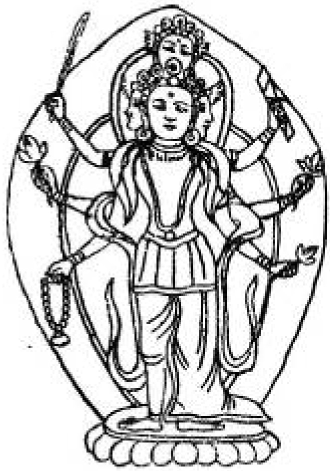
56_ Mahāśaṅkha-nātha- Lokeśvara (Đại Loa Tôn-Thế Tự Tại)



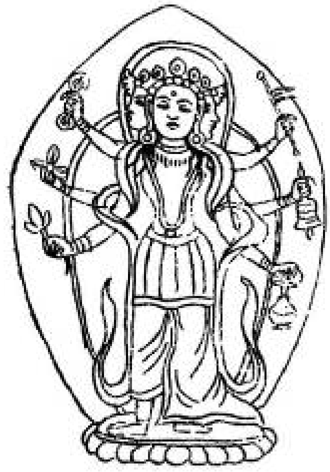
57_ Mahāsahasra-sūrya- Lokeśvara (Đại Thiên Nhật-Thế Tự Tại)



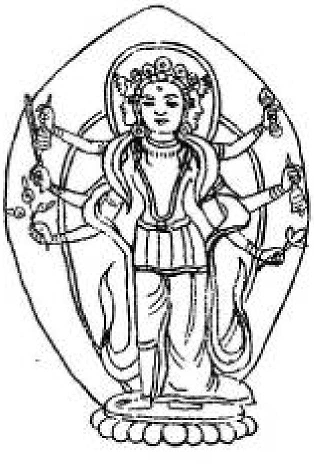
58_ Mahāratnakula- Lokeśvara (Đại Bảo Bộ-Thế Tự Tại)



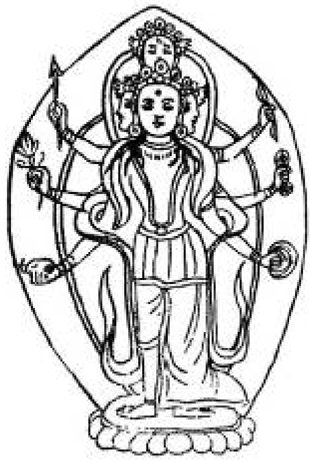
59_ Mahāpaṭala- Lokeśvara



60_ Mahāmañjudatta- Lokeśvara (Đại Diệu Phụng Sự_Thế Tự Tại)



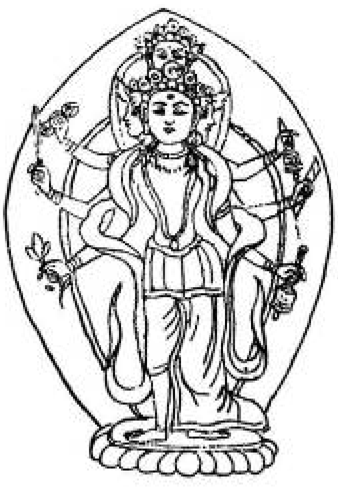
61_ Mahācandrabimba- Lokeśvara (Đại Nguyệt Luân-Thế Tự Tại)



62_ Mahāsūryabimba- Lokeśvara (Đại Nhật Luân-Thế Tự Tại)



63_ Mahā-Abhayaphalada- Lokeśvara (Đại Vô Uý Quả-Thế Tự Tại)



64_ Mahā-abhayakarī- Lokeśvara (Đại Vô Uý Tác-Thế Tự Tại)



65_Mahāmañjubhūta- Lokeśvara (Đại Diệu Chân_Thế Tự Tại)



66_ Mahāviśvaśuddha- Lokeśvara (Đại Xảo Diệu Thanh Tịnh-Thế Tự Tại)



67_ Mahāvajradhātu- Lokeśvara (Đại Kim Cương Giới-Thế Tự Tại)



68_ Mahāvajradhṛk- Lokeśvara (Đại Kim Cương Chấp Trì-Thế Tự Tại)



69_ Mahāvajrapāṇi- Lokeśvara (Đại Kim Cương Thủ-Thế Tự Tại)



70_ Mahāvajranātha- Lokeśvara (Đại Kim Cương Tôn-Thế Tự Tại)



71_ Amoghapāśa- Lokeśvara (Bất Không Quyến Sách-Thế Tự Tại)



72_ Devadevatā- Lokeśvara (Thiên Thiên Thần-Thế Tự Tại)



73_ Piṇḍapātra- Lokeśvara (Bình Bát-Thế Tự Tại)



74_ Sārthavāha- Lokeśvara



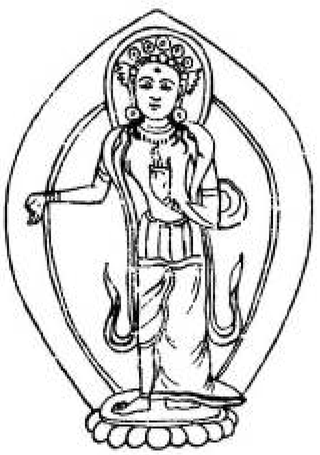
75_ Ratnadala- Lokeśvara



76_ Viṣṇupāṇi- Lokeśvara (Tỳ Nữu Thủ-Thế Tự Tại)



77_ Kamalacandra- Lokeśvara (Xích Liên Hoa Nguyệt-Thế Tự Tại)



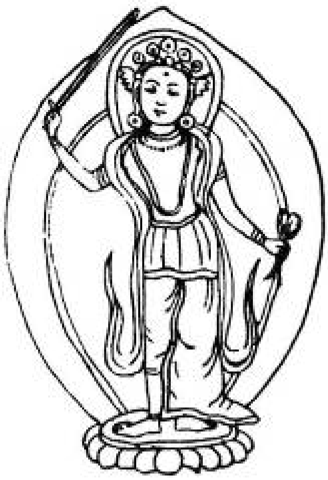
78_ Vajrakhaṇḍa- Lokeśvara



79_ Acalaketu- Lokeśvara (Bất Động Tràng-Thế Tự Tại)



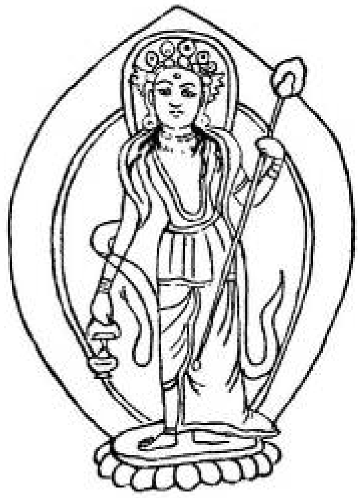
80_Ṣiriṣarā- Lokeśvara



81_ Dharmacakra- Lokeśvara (Pháp Luân-Thế Tự Tại)



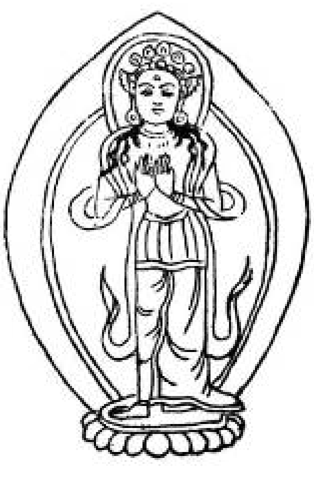
82_ Harivāhana- Lokeśvara



83_ Sarasiri- Lokeśvara (Kiên Cố Dũng Mãnh-Thế Tự Tại)



84_ Harihara- Lokeśvara



85_ Siṃhanāda- Lokeśvara (Sư Tử Hống-Thế Tự Tại)



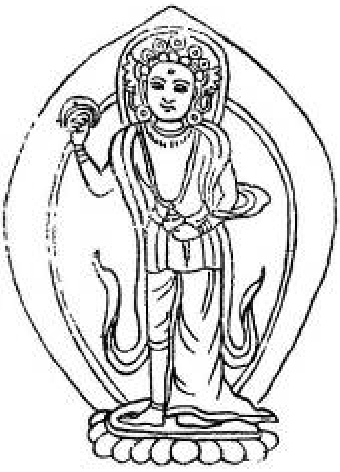
86_ Viśvavajra- Lokeśvara (Xảo Diệu Kim Cương-Thế Tự Tại)



87_ Amitābha- Lokeśvara (Vô Lượng Quang-Thế Tự Tại)



88_ Vajrasattvadhātu- Lokeśvara (Kim Cương Tát Đoả Giới-Thế Tự Tại)



89_ Viśvabhūta- Lokeśvara (Xảo Diệu Chân-Thế Tự Tại)



90_ Dharmadhātu- Lokeśvara (Pháp Giới-Thế Tự Tại)



91_ Vajradhātu- Lokeśvara (Kim Cương Giới-Thế Tự Tại)



92_ Śākya-buddha- Lokeśvara (Thích Ca Phật-Thế Tự Tại)



93_ Cittadhātu- Lokeśvara (Tâm Giới-Thế Tự Tại)



94_ Cintāmaṇi- Lokeśvara (Như Ý Ma Ni-Thế Tự Tại)



95_ Śāntamati- Lokeśvara (Tịch Tĩnh Tuệ-Thế Tự Tại)



96_ Mañjunātha- Lokeśvara (Diệu Tôn-Thế Tự Tại)



97_ Viṣṇucakra- Lokeśvara (Tỳ Nữu Luân-Thế Tự Tại)



98_ Kṛtāñjali- Lokeśvara (Tác Hợp Chưởng-Thế Tự Tại)



99_ Viṣṇukāntā- Lokeśvara



100_ Vajrasṛṣṭa- Lokeśvara (Kim Cương Tính Chất-Thế Tự Tại)



101_ Śañkhanātha- Lokeśvara (Loa Tôn-Thế Tự Tại)



102_ Vidyāpati- Lokeśvara (Minh Chủ Thế Tự Tại)



103_ Nityanātha- Lokeśvara (Thường Hằng Tôn Thế Tự Tại)



104_ Padmapāṇi- Lokeśvara (Liên Hoa Thủ-Thế Tự Tại)



105_ Vajrapāṇi- Lokeśvara (Kim Cương Thủ-Thế Tự Tại)



106_ Mahāsthāmaprāpta- Lokeśvara (Đắc Đại Thế- Thế Tự Tại)



107_ Vajranātha- Lokeśvara (Kim Cương Tôn-Thế Tự Tại)



108_ Śrīmad-Āryāvalokiteśvara (Cát Tường Hỷ-Thế Tự Tại)



08/01/2010

THÁNH QUÁN ÂM

Thánh Quán Âm (Tên Phạn là: Avalokiteśvara) dịch âm là: A Phộc Lô Chỉ Đa Thấp Phạt La. Lại xưng là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, Chính Quán Thế Âm Bồ Tát, Chính Quán Âm. Là Bộ Chủ của Liên Hoa Bộ Viện tượng trưng cho Bản Nguyện dùng Từ Bi cứu tế chúng sinh. Khi phối hợp với cứu độ sáu nẻo, đó là Chủ Tôn cứu độ chúng sinh ở nẻo Ngạ Quỷ.

Quán Thế Âm Bồ Tát còn đại biểu cho **Tâm Đại Bi** của chư Phật, biểu tượng của Ngài là hoa sen tượng trưng cho Trí thanh tịnh.

Nguyên Quán Thế Âm Bồ Tát cùng với Đức Phật A Di Đà chỉ là sự sai khác về Nhân và Quả, Ngài là **Nhân** (Hetu) còn A Di Đà Phật là **Quả** (Phala), có Nhân ắt có Quả, Quả ấy chứng tỏ **chẳng trống rỗng** (Amogha:Bất Không) đồng thời biểu thị cho **tức Nhân tức Quả,** hiện bày Lý không hai của Nhân Quả, vì thế trong mão báu của Ngài có Đức Hóa Phật A Di Đà và Ngài được xem là **Chính Pháp Luân Thân** của Đức Phật A Di Đà.

Tôn này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp Thân Đức, Bát Nhã Đức, Giải Thoát Đức.*

Hình tượng Quán Âm Bồ Tát ở **Thế Giới Cực Lạc** (Sukhavatī-dhātu) có thể biểu thị cho tất cả bản vị của Quán Âm.

Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** ghi rằng: *"Bồ Tát thân dài tám mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần, màu da thịt trên thân là màu vàng tím, trên đỉnh có búi tóc, trên đầu đội mão Trời có viên ngọc báu Tỳ Lăng Già Ma Ni chế thành, đặc biệt là trong mão Trời có một Tôn Phật đứng A Di Đà Phật cao 25 do tuần. Tướng bạch hào giữa hai lông mày đầy đủ màu 7 báu tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, trong mỗi một ánh sáng cũng có vô số Hóa Phật, Hóa Bồ Tát. Sau gáy có Hào Quang tròn, trong Hào Quang tròn có 500 vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật đều có 500 Hóa Bồ Tát, vô lượng Chư Thiên làm thị giả của Ngài, toàn thân trong ánh sáng, thị hiện tất cả sắc tướng của chúng sinh ở 5 nẻo. Biến hiện tự tại khắp mười phương thế giới.*

Cánh tay của Bồ Tát màu như Hoa Sen hồng, có tám mươi ức ánh sáng dùng làm anh lạc, trong anh lạc hiện khắp tất cả các việc trang nghiêm. Lòng bàn tay cũng có năm trăm ức màu Hoa Sen tạp. Hai tay: trên mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi một màu sắc có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy mềm mại chiếu khắp tất cả, dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh. Khi giơ bàn chân lên, dưới bàn chân có Tướng bánh xe ngàn căm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài Quang Minh, dưới bàn chân thời có Hoa Kim Cang Ma Ni rải tán tràn đầy khắp tất cả mọi nơi".

Hình tượng của Quán Âm viên mãn đầy đủ, cùng với Đức Phật chẳng có sai biệt, chỉ có búi tóc trên đỉnh đầu và Vô Kiến Đỉnh Tướng không giống như Đức Phật.



Vì muốn tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở Phương Tây hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có cầm Đài Sen Kim Cương. Hình tượng như vậy cũng chẳng hạn chế dùng loại tư thế nào, loại tay ấn nào làm định hình mà là thuận theo nhân duyên nguyện vọng cần yếu của chúng sinh để thị hiện, cho nên trong Kinh Điển khác nhau cũng sẽ vẽ ra Tướng trạng khác nhau.

Ví như trong Kinh **Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn** ghi nhận rằng: Quán Âm là vị **Hiếp Thị** của Đức Phật Di Đà, tay trái cầm Hoa Sen, lòng bàn tay phải ngửa lên để trên đùi, ngồi bán già. Chẳng qua là trong đó có nói **"Trên đỉnh đầu có vị Hóa Phật đứng"** so với đặc trưng của nhóm thì khác nhau, có thể tính toán là tiêu chí để đăng ký của Quán Âm. Tôn Phật đứng này, nói chung đều cho rằng Đức Phật A Di Đà cũng tức là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata).



Thông thường hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát này được thờ phụng chung với Đức Phật A Di Đà và Đại Thế Chí Bồ Tát, và được tôn xưng là **Tây Phương Tam Thánh**



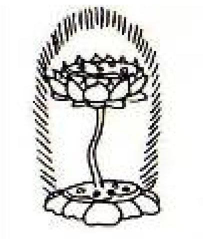
Trong hai giới **Thai Tạng Giới** và **Kim Cang Giới**, Thánh Quán Âm được phân chia thuộc địa phương khác nhau: Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La** được phân biệt là **Trung Đài Diệp Bát Viện, Liên Hoa Bộ Viện** (Quán Âm Viện), **Thích Ca Viện, Văn Thù Viện**…. đều có tên là **Quán Tự Tại Bồ Tát** . Trong **Kim Cang Giới** thì gọi là **Kim Cang Pháp Bồ Tát**. Các Ngài đều có đầy đủ các Hình Tượng, Ấn Tướng và Tam Muội Gia Hình của mình.

.) Trong **Trung Đài Bát Diệp Viện**, Quán Tự Tại Bồ Tát ở góc Tây Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

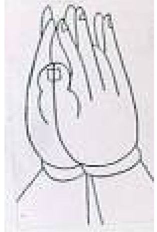
Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai



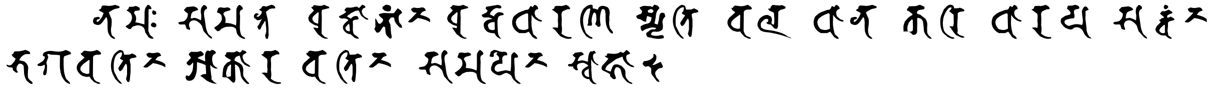
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: BU ()
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở hoặc Pháp Trụ Ấn



Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng, co 2 ngón giữa vào trong lòng bàn tay. Biể thị cho nghĩa Tổng Trì là Thể Tính Pháp Môn



Chân Ngôn là :



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Buddha-dharaṇi smṛti, bala dhāna kari, dhāra dhāra dhārāya, sarva bhagavati ākāra vati samaye, svāhā

.) Trong **Thích Ca Viện** này thì Quán Tự Tại Bồ Tát là vị theo hầu bên phải Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đại biểu cho **Pháp Bảo** và biểu thị cho Đức **Chân Tướng**

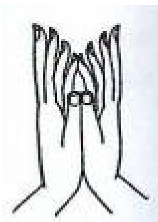
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖭)
Tam Muội Gia Hình là: Cây phất trắng, hoặc hoa sen chưa hé nở.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_SA

.) Trong **Văn Thù Viện** thì Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho Đức **Quyền Trí.** Lại còn biểu thị cho **Giác Tính nội tại** ẩn khuất tại nơi rất sâu xa trong Tâm của chúng sinh, chẳng bị sự ràng buộc của phiền não mà hay được đại tự tại cho nên xưng là Quán Tự Tại.

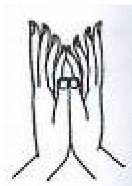
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là:**Chính Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖭)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖜𑖯𑖽 𑖭
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_SA

.) Trong **Liên Hoa Bộ Viện** (hay Quán Âm Viện) thì Quán Tự Tại Bồ Tát được xưng là **Thánh Quán Âm Bồ Tát**, **Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát**, **Chính Quán Thế Âm Bồ Tát**, **Chính Quán Âm**. Là Bộ Chủ của Liên Hoa Bộ Viện tượng trưng cho Bản Nguyện dùng Từ Bi cứu tế chúng sinh. Hoặc đại biểu cho **Tâm Đại Bi** của chư Phật, biểu tượng của Ngài là hoa sen tượng trưng cho Trí thanh tịnh.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, trên mão có Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, tay trái cầm hoa sen đỏ, tay phải hơi co các ngón tay cầm một cánh hoa sen làm dạng bóc mở hoa sen, ngồi trên tòa hoa sen

Đức Vô Lượng Thọ Phật trong mão báu biểu thị cho Quả cuối cùng của Hạnh Liên Hoa, tức là Trí **Phương Tiện Phổ Môn** của Như Lai

Hoa sen đỏ ở tay trái biểu thị cho Tâm sen (liên tâm) Bản Giác của chúng sinh bị vô minh phiền não ràng buộc che lấp trong vô lượng kiếp, chẳng thể hé nở cho nên bị chìm đắm trong biển khổ.

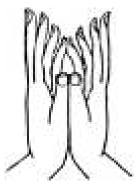
Tay phải làm thế bóc hoa tượng trưng cho ý nghĩa: dùng **Công Đức Đại Bi** làm phương tiện để giải trừ sự Vô Minh mê vọng và giúp cho Tâm sen của chúng sinh tự hé nở, tức là giác ngộ được Bản Tâm thanh tịnh vốn có của mình



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Bản Tịnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖭) hay MO (𑖦𑖺) hay HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Sơ Cát Liên Hoa (hoa sen mới cắt)



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn (Quán Tự Tại Ấn)



Hay **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn:** Hai tay tác Nội Phộc, duỗi thẳng ngón cái phải, xưng là Liên Hoa Bộ Tâm Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝 𑖎𑖨𑖲𑖜 𑖦𑖧 𑖨 𑖨 𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖕𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ sarva tathāgata-avalokita kāruṇa-maya, ra ra ra, hūṃ jaḥ svāhā

.) Trong **Thành Thân Hội** thì Quán Tự Tại Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (Vajra-dharma), hoặc xưng là Kim Cương Nhãn Bồ Tát (Vajra-netre)

Tôn này được sinh ra từ **Trí Tuệ tự tại không nhiễm** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Pháp (Pháp của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới tĩnh trừ năm dục của chúng sinh khiến cho thân tâm được thanh tịnh giống như hoa sen chẳng nhiễm bụi dơ, rồi quay trở lại thu làm một Thể.Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt Quán Tự Tại Vương Như Lai".

Do Kim Cương Pháp Bồ Tát gia trì cho nên chứng được bản tính Thanh Tịnh của Pháp, đều hay diễn nói Pháp Môn vi diệu, biết tất cả Pháp đều như Phiệt Dụ (cái bè đưa qua sông), chẳng thể chấp trước.



Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở

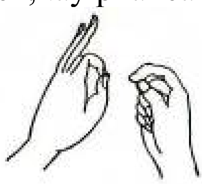
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Liên Hoa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Tướng Ấn là: Tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Vajra-dharma hrīḥ

.) Trong **Tứ Ấn Hội** thì Quán Tự Tại Bồ Tát được xưng là Kim Cương Pháp Bồ Tát, là một trong 4 vị Bồ Tát thân cận của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho **Pháp Trí Ấn** (Dharma-jnàna-mudra) trong 4 loại Trí Ấn của Như Lai

Chữ chủng tử là: HRĪḤ

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, thân hiện màu thịt đỏ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa như hình hoa sen.



Chân Ngôn:

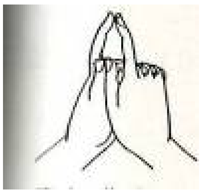
Niṣprapañca-vāk-siddhirbhavatu, sarva tathāgata-samādhayo me ājayantāṃ

.) Trong **Tam Muội Gia Hội** thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: RI

Tam Muội Gia Hình là: Trên chày Độc Cổ có hoa sen. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái, co hai ngón trỏ như hoa sen



Chân Ngôn là:
स र्व का रि
Sarva kāri

Các loại hình tượng của Thánh Quán Âm tương đối phổ biến, nói chung **Thánh Quán Âm** phần nhiều chỉ về Tôn **Quán Tự Tại Bồ Tát** ở **Quán Âm Viện**.

Ngoài ra trong "**Giác Thiền Sao**" cũng dẫn dụng trong "**Thọ Ký Kinh**" kể lại rằng: "Vẽ Quán Tự Bồ Tát, ngồi trên Hoa Sen, thân màu hồng nhạt, trang sức Anh Lạc, tóc đội Mão Báu Hóa Phật, bên trái có sợi dây Thần màu trắng, tay trái cầm Hoa Sen, tay phải để trên đỉnh đầu, hiện bày tư thế Kính Lễ. Các loại Anh Lạc trang nghiêm trên thân, diện mạo mỉm cười, đó là hình thái Tượng ngồi".

Lại cũng trong sách đó có ghi chép Tượng cầm cây Gậy: "Quán Tự Tại Bồ Tát Đại Bi Thánh Giả, đến từ phương Đông, tay cầm cây Gậy, mặc y phục màu trắng, dùng báu Anh Lạc để trang nghiêm, dùng da hươu đen quấn quanh bắp tay phải, tóc đội Mão Báu".

Lại có Tượng tay cầm cây Phất trần và Tràng Hạt: "Dùng da Hổ làm quần, hiện hình phẫn nộ, cầm cây Phất trần và Tràng Hạt, tóc trên đỉnh đội Vô Lượng Thọ Phật, có đầy đủ 3 con mắt, mặc áo màu Hoa Sen, thương xót các Hữu Tình".

Nhưng trong "**A Sa Phộc Sao**" thì kể rằng tay phải Quán Âm cầm cây Phất trần màu trắng, tay trái cầm Hoa Sen.

Ngoài những hình Tượng này ra còn có rất nhiều vật cầm, Ấn Tướng khác nhau, đại biểu cho phương tiện Đại Bi cứu giúp chúng sinh của Bồ Tát.



THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Thiên Thủ Quán Âm nếu xưng danh đầy đủ là: **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara sahasra bhūja locana) Hoặc xưng là: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm, Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm, **Thiên Thủ Thánh Quán Âm** (Sahasra bhūja arya avalokiteśvara), Thiên Tý Quán Âm, **Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương Quán Tự Tại** (Sahasra bhūjaya sahasra jvala netre mahā padma rāja avalokiteśvara), Thiên Nhãn Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại.

Theo **Thiên Quang Nhãn Kinh, Thiên Thủ Kinh, Mẫu Đà La Ni Kinh**… thì Thiên Thủ Quán Âm Bồ Tát là Thân Thần Biến của **Thánh Quán Thế Âm** (Ārya Avalokiteśvara).

Theo **Nghĩa Tịnh Thích Kinh** thì Thiên Thủ Quán Thế Âm là Thân Sở Hóa của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

Theo **Thiên Thủ Thiên Nhãn Kinh** thì Thiên Thủ Quán Âm là hậu thân của **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyakdharma-vidya-tathāgata)

Nhìn chung, do Đại Nguyện Từ Bi cứu nạn bạt khổ cho tất cả chúng sinh trong Thế Giới mà thân Thiên Thủ Quán Âm đươc hiển hiện. Đây chính là Pháp Môn Công Đức **Từ Bi Đồng Thể** của chư Phật ba đời mà Thiên Thủ Quán Âm dùng 1000 làm số, trong đó :

- **Thiên Nhãn** biểu thị cho 1.000 vị Phật đời quá khứ.
- **Thiên Thủ** biểu thị cho 1.000 vị Phật đời hiện tại.
- **Thiên Túc** biểu thị cho 1.000 vị Phật đời vị lai

(Túc là 10 hiệu của Như Lai)

TÔN TƯỢNG THIÊN THỦ QUAN ÂM:

_Nghi Quỹ tạo pháp thứ tự của Thiên Thủ Quán Âm và Nhiếp Vô Ngại Đà La Ni ghi nhận là: Ngài có 500 mặt, 1000 cánh tay.

_Huệ Thập A Đô Lê Sớ cho rằng ngài có 30 mặt (hay 5 mặt) và 1.000 cánh tay.

_Thiên Thủ Thiên Tý Mẫu Đà La Ni Kinh ghi rằng: Ngài có 1 mặt 1.000 cánh tay.

_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi nhận Ngài có 500 đầu mặt với 25 thân biến hoá đều có 11 mặt, 1.000 cánh tay, trong đó có 40 tay cầm báu vật.

_Thai Tạng ký, Mật Giáo Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Trà La và Quán Tự Tại Bồ Tát Liên Hoa Đỉnh Du Già Pháp ghi nhận rằng: Ngài có 27 mặt,1000 cánh tay trong đó 40 tay (hoặc 42 tay) cầm khí trượng.

Theo nghĩa thú thì Quán Tự Tại Bồ Tát hay **Chính Quán Âm** là Tổng Thể của các Quán Âm, biểu thị cho Nhân Vị của Liên Hoa Bộ nên có Mật Hiệu là **Chính Pháp Kim Cương** (Samyakdharma-Vajra) chủng tử là SA (𑖭), Tam Ma Gia Hình là *hoa sen chưa nở*. Còn Chính Pháp Minh Như Lai tức Thiên Thủ Quán Âm là Thân Sở Hóa biểu thị cho Quả Thể của Liên Hoa Bộ nên có Mật Hiệu là **Đại Bi Kim Cương** (Mahā-kāruṇa-vajra) chủng tử là HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) Tam Ma Gia Hình là *hoa sen nở.*

Hoặc như trong "**Thiên Thủ Đà La Ni Kinh**", "**Thiên Quang Nhãn Kinh**"…. nói rằng: "*Cầu Trí Tuệ thì dùng cái Gương Báu, cầu bạn lành thì dùng Mũi Tên Báu, được mọi sự mong cầu, vật cầm của 40 tay cầm giữ đều là Tam Muội Gia Hình. Hoặc có nói là Viên Ngọc Báu trên Hoa Sen, gọi Viên Ngọc Báu này hay tùy theo nguyện mà sinh ra tất cả, cho nên không cần phân biệt chọn dùng vật cầm trên 40 tay làm Tam Muội Gia Hình*".

Hoa sen biểu thị cho *Thể Tính vốn có*, **viên ngọc báu** biểu thị cho *đầy đủ vạn Đức*, nhân đây *viên ngọc báu trên hoa sen* tức là tương ứng với Quả Đức của Liên Hoa Bộ, tức là **Bản Thệ** của Tôn này.

Bí Tạng Ký ghi rằng: ***"Tâm phàm phu như hoa sen khép kín, tâm thánh nhân là hoa sen nở rộ"***

Vì thế, Chính Quán Âm biểu thị cho Nhân Vị "Vô Nhiễm Cấu" vốn có trong tâm của mỗi một chúng sinh, còn Thiên Thủ Quán Âm là phương tiện thiện xảo làm nở rộ Quả Thể "Vô nhiễm cấu" ấy. Cho nên Thiên Thủ Quán Âm biểu thị cho Quả Đức của 11 Địa cho Phật Quả. Do vậy, trong các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ thì Thiên Thủ Quán Âm là Tôn tối thắng và được xưng là **Liên Hoa Vương** (Padma-rāja).

Dựa vào ý nghĩa này thì Tôn Tượng 500 đầu mặt, 1.000 cánh tay biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Phật Quả trong đó 500 đầu mặt (Một đầu mặt có 2 mắt nên hợp thành 1.000 mắt) biểu thị cho Trí Đức viên mãn và 1.000 cánh tay biểu thị cho Phước Đức viên mãn.

-Tôn Tượng 11 mặt: được nhận định theo nhiều cách khác nhau, nhưng đa phần đều xác nhận 11 mặt là sự biểu thị cho mười Địa (hay 10 Ba La Mật) và Phật Quả

-Tôn tượng 27 mặt biểu thị cho chi tiết tu tập 11 Địa Quả của Phật Đạo với 26 mặt biểu thị cho 10 Độ và mặt Phật thứ 27 là mặt Chính Pháp Minh Như Lai (hay A Di Đà Như Lai) biểu thị cho Phật Quả .

****- Ý nghĩa 10 Độ mở rộng thành 26 mặt là:***

6 Độ đầu mỗi độ có 3 Pháp tu tập nên lập thành 18 mặt, 4 Độ sau mỗi độ có 2 Pháp tu tập nên lập thành 8 mặt.

1) **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna pāramitā) có 3 Pháp thí phước nhằm trừ tâm keo kiệt ích kỷ là:

a) ***Tư Sinh Thí*** (hay **Tài Thí**): Giúp đỡ tiền bạc của cải cho người nghèo khó (giúp ích về vật chất)

b) ***Vô Úy Thí***: Dùng mọi phương tiện giúp cho người khác tránh được sự sợ hãi buồn lo (giúp ích về tinh thần)

c) ***Pháp Thí***: Đem Chính Pháp giảng giải khiến cho người nghe dựa vào đó dứt trừ phiền não, tinh tiến tu Phước Tuệ.(giúp về phần thiện căn)

Khi viên mãn được Bố Thí Ba La Mật thì đời đời được đầy đủ duyên lành giàu có, tâm được tự tại, mau tăng thọ mệnh.

2) **Trì Giới Ba La Mật** (Śīla pāramitā) có 3 Pháp nghiêm trì nhằm diệt trừ hạt giống phá Giới là :

a) ***Nhiếp Luật Nghi Giới***: Giữ gìn luật lệ, nghi thức do Đức Phật chế ra (nhằm trừ điều ác)

b) ***Nhiếp Thiện Pháp Giới***: Làm phát sinh các điều lành (tăng trưởng căn lành)

c) ***Nhiêu Ích Hữu Tình Giới*** : Khiến cho chúng sinh được lợi ích an lạc (có tính cách lợi sinh)

Khi viên mãn được Trì Giới Ba La Mật thì thường dùng Giới Phẩm để trang nghiêm thân, khẩu, ý. Tất cả sự vi phạm vào 4 Giới cấm, 8 loại Bặc Sô, hay Bặc Sô Ni, Hóa Thắng Tội ... thảy đều thanh tịnh.Ngày sau tùy nguyện được sinh vào cõi Phật tịnh diệu

3) **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti pāramitā): Có 3 Pháp công đức nhẫn nhằm diệt trừ nghiệp chủng sân nộ là:

a) ***Nại Oán Hại Nhẫn*** (hay **Sinh Nhẫn**) Tuy bị người thù ghét, hãm hại cũng không oán hờn mà thường thương xót cứu độ kẻ ấy.

b) ***An Thọ Khổ Nhẫn*** (hay **Pháp Nhẫn**)dù gặp các sự khổ như nóng lạnh,đói khát, bệnh tật, nguy nan... vẫn cố gắng tu hành không có tâm thoái chuyển.

c) ***Đế Sát Pháp Nhẫn*** (hay **Vô Sinh Pháp Nhẫn**): Dùng Trí Tuệ quán sát tu hành, chứng được chân lý hay pháp tính.

Khi viên mãn được Nhẫn Nhục Ba La Mật thì diện mạo trang nghiêm khiến người ưa nhìn, chẳng muốn ghét hại,đều muốn gần gũi. Lúc đó Hành Giả có Thắng Giải rất thâm sâu, tùy niệm biến hóa.

4) **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya pāramitā) có 3 Pháp tinh tiến nhằm diệt trừ nghiệp chủng lười biếng chậm chạp là.

a) ***Bị Giáp Tinh Tiến***: Sốt sắng tu hành không ngại gian lao trở ngại như mặc áo giáp xông pha nơi chiến địa với thế lực hùng mạnh.

b) ***Nhiếp Thiện Pháp Tinh Tiến***: Siêng năng tu tập các Công Đức làm cho Pháp lành ngày càng tăng trưởng.

c) ***Lợi Lạc Hữu Tình Tinh Tiến***: Dù thấy chúng sanh nhiều phiền não nhưng vẫn không sinh tâm chán nản lui sụt, cố gắng dùng phương pháp điều nhiếp hóa độ khiến cho loài hữu tình được lợi ích an lạc.

Khi viên mãn được Tinh Tiến Ba La Mật thì thân tâm an vui, xa lìa các bệnh tật, không có khổ não, hòan thành được mọi nguyện về Phước Trí của Thế Gian và Xuất Thế Gian

5) **Thiền Định Ba La Mật** (Dhyāna pāramitā) Có 3 Pháp Tĩnh Lự nhằm diệt trừ chủng phóng túng loạn động là :

a) ***An Trú Tĩnh Lự***: Tâm hằng ở yên trong cảnh sáng suốt lặng lẽ trống không của Pháp Lạc.

b) ***Dẫn Phát Tĩnh Lự***: Sức Thiền Định có thể dẫn sinh 6 pháp Thần Thông .

c) ***Biện Sự Tĩnh Lự***: Không dời Thiền Định mà có thể làm các việc lợi sinh, hoặc dùng sức Thiền Định hóa hiện để cứu độ chúng sinh trong cảnh phiền não, bệnh tật, đói khát .

Khi viên mãn được Thiền Định Ba La Mật thì thân tâm lanh lợi, Thần Thông đã tu mau được thành tựu, các Ma chẳng thể xâm nhiễm, tiêu diệt được tất cả Nghiệp Chướng

6) **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña pāramitā) Có 3 Pháp Tuệ nhằm trừ diệt nghiệp chủng si mê này :

a) ***Nhân Không Vô Phân Biệt Tuệ***: Có tính cách đoạn tuyệt tâm chấp Ngã.

b) ***Pháp Không Vô Phân Biệt Tuệ***: Cảnh giới niệm Chấp Pháp đã tiêu trừ .

c) ***Câu Không Vô Phân Biệt Tuệ***: Dứt hẳn cảnh giới tâm niệm Chấp Ngã và Chấp Pháp .

Khi viên mãn được Bát Nhã Ba La Mật thì được thông minh Trí Tuệ , giải ngộ được các pháp Thế Gian và Xuất Thế Gian, truyền đạt được nghĩa thâm sâu của 5 Minh

7) **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya pāramitā) Có 2 pháp phương tiện thiện xảo nhăm dứt trừ nghiệp chủng của phương tiện không khéo léo là:

a) ***Hồi Hướng Phương Tiện Thiện Xảo***: Đem các căn lành xoay về cầu chứng Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Môn phương tiện này thuộc về Bát Nhã .

b) ***Bạt Tế Hữu Tình Phương Tiện Thiện Xảo***: Dùng các phương pháp khéo léo, hoặc thuận hoặc nghịch để cứu vớt loài hữu tình trong vòng mê khổ. Môn phương tiện này thuộc về Đại Bi .

Khi viên mãn được Phương Tiện Ba La Mật thì Hành Giả tương ứng tu trì 6 Ba La Mật của Thế Gian chỉ dùng ít công sức là gặt được Phước Đức rộng lớn, mọi việc làm đều được thành tựu và đạt đến cứu cánh, thành tư lương của Bồ Đề Vô Thượng .

8) **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna pāramitā) Có 2 pháp Thắng Nguyện nhằm trừ diệt nghiệp chủng các ác nguyện là:

a) ***Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện***: Cầu nguyện đạt thành Phật Quả

b) ***Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện***: Cầu nguyện luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh

Khi viên mãn được Nguyện Ba La Mật thì trong khoảng thời gian từ Sơ Phát Tâm đến lúc thành Phật, mọi Thượng Nguyện thù thắng của Thế Gian và Xuất Thế Gian đều được viên mãn .

9) **Lực Ba La Mật** (Bala pāramitā) Có 2 loại Lực, nhằm trừ diệt nghiệp chủng của ý kém cõi trong Thế Gian và Xuất Thế Gian là:

a) ***Tư Trạch Lực***: Dùng sức Trí Tuệ suy nghĩ lựa chọn phương pháp tu .

b) ***Tu Tập Lực***: Đem hết khả năng thực hành những điều mình suy nghĩ lựa chọn trên đường đạo

Khi viên mãn được Lực Ba La Mật thì thành tựu các Pháp đối trị, hàng phục được các loại Phiền Não và Chướng Hoặc, tu Đạo thì quyết định thắng phục được nghiệp ác của Thiên Ma và đắc được sự chẳng thoái chuyển nơi quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

10) **Trí Ba La Mật:** (Jñāna pāramitā) Có 2 loại Thọ Dụng Trí nhằm trừ diệt hạt giống của Câu Sinh Ngã Chấp và Câu Sinh Pháp Chấp là :

a) ***Thọ Dụng Pháp Lạc Trí***: Trí nhận xét sự lợi ích của Phật Pháp, sinh tâm quyết định không rời bỏ và dùng Trí này thành lập 6 Độ, muôn Hạnh để đem lại sự an vui về Đạo Pháp cho mình.

b) ***Thành Tựu Hữu Tình Trí***: Trí dùng 6 Độ, muôn Hạnh làm lợi ích thành tựu cho tất cả chúng sinh

Khi viên mãn được Trí Ba La Mật thì dứt trừ được 2 Chướng là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, chứng đắc tất cả Pháp như huyễn, như quáng nắng, như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang, như ánh sáng, như trăng trong nước, như biến hóa, như thành Càn Thát Bà, như hư không. Chẳng bao lâu đầy đủ **10 Địa** (Daśa-bhūmi), trụ **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) làm Đại Pháp Sư.

*- Hoặc có thuyết cho rằng, 27 biểu thị cho 10 Giới, trong đó :

.) ***25 mặt*** biểu thị cho 25 Hữu là 6 nẻo luân hồi sinh tử, gồm có

4 nẻo ác là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Tu La (A Tu La).

4 châu là: Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lâu Châu.

6 trời Dục giới là: Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên,Tha Hóa Tự Tại Thiên

4 trời Sắc Giới là: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền .

3 trời : Vô Tưởng Thiên, Tĩnh Cư Thiên, A Na Hàm Thiên.

4 trời Vô Sắc Giới : Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ .

.) ***Mặt thứ 26*** biểu thị cho Quả Nhị Thừa .

Bồ Tát Đương Tôn không có mặt riêng.

.) ***Mặt thứ 27*** là mặt Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho **Pháp Giới** (Dharma-dhātu).

Như vậy, 27 mặt biểu thị cho chín Giới hiển **Phật Giới** (Buddha-dhātu) tức là 10 Giới Thể.

_**Tôn tượng 30 mặt** biểu thị cho 30 Độ của phật quả nghĩa là trong 10 Ba La Mật (Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, Tuệ, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí) mỗi ba la mật được tu tập theo 3 bậc là *bờ bên kia, bờ trên, bờ cao thượng*...Nên hợp thành ***30 Độ***. Còn 1.000 tay biểu thị cho diệu dụng của Tâm Đại Bi nhằm dìu dắt chỉ dẫn cho chúng sinh tiến dần trên con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát.

_ **Tôn Tượng 5 mặt** biểu thị cho 5 Trí của Như Lai là: Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tính Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí

Tóm lại, Tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Bồ Tát là biểu tượng minh họa cho Quả Đức của Phật Pháp đồng thời biểu thị cho Bản Nguyện **Từ Bi cố hữu** của Bồ Tát Đạo. Nói cách khác, Tôn Tượng này là biểu tượng nhằm kết tinh và hướng dẫn kẻ tu hành biết ***"Nương quả gieo nhân"*** dập tắt tham ái, sân hận, chấp thủ để mau chóng vượt khổ đau lìa sinh tử vậy .



NĂM LOẠI TÔN TƯỢNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Theo Truyền Thống Mật Giáo, để có thể rộng độ Chúng Sinh, chư Phật đã giảng dạy các Giáo Pháp tu hành qua Pháp tu Thiên Thủ Quán Âm. Tuy nhiên để phù hợp với căn cơ của từng loại chúng sinh nên chư Phật, chư Tổ đã vận dụng từng loại hình tượng kèm theo Chân Ngôn và Ấn Khế để giáo hóa.

A_ Vì muốn cho Chúng Sinh tự thấu ngộ rằng mình vốn có Lý Trí đầy đủ, **Giác Đạo** (Buddha-mārga) viên mãn chỉ vì **Vô Minh** (Avidya) che lấp mà chưa hiển lộ nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm** có 497 đầu mặt xếp làm ba tầng trên mão mặt chính, bên phải mặt chính có mặt Liên Hoa màu xanh, bên trái mặt chính có mặt Kim Cương màu trắng (Tổng cộng là 500 đầu mặt), Thân có một ngàn cánh tay trong đó có 42 tay cầm khí trượng biểu thị cho việc thâm nhập vào 42 Tự Môn để tự chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát. Danh hiệu của Tôn này là **Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương** và Pháp chính của Ngài là **Liên Hoa Phật** (Padma-buddha)



_ 42 tay tướng ứng với 42 Tự Mẫu là:

1) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ A (A_𑖀) thời hiện ra tay **Hóa Phật**, ngộ tất cả Pháp *vốn chẳng sinh*.

2) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (RA_𑖨) thời hiện ra tay cầm cái **Gương báu**, ngộ tất cả Pháp *lìa bụi dơ*

3) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BẢ (PA_𑖢) thời hiện ra tay cầm quyển Kinh **Bát Nhã**, ngộ tất cả Pháp *Thắng Nghĩa Đế chẳng thể đắc*.

4) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TẢ (CA_𑖓) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen tím**, ngộ tất cả Pháp *không có các Hành, không có sinh tử.*

5) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NẴNG (NA_𑖡) thời hiện ra tay cầm viên ngọc Như Ý (**Ma Ni Châu)**, ngộ tất cả Pháp *Tính Tướng chẳng thể đắc*.

6) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (LA_𑖩) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen xanh**, ngộ tất cả Pháp *Xuất Thế Gian nên ưa thích sự vĩnh viễn chẳng hiện của CHI NHÂN DUYÊN.*

7) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NÁ (DA _𑖟) thời hiện ra tay cầm **cây Búa báu**, ngộ tất cả Pháp *điều phục tịch tĩnh Chân Như bình đẳng không có phân biệt.*

8) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MA (BA_𑖤) thời hiện ra tay cầm **Chày Độc Cổ Kim Cương**, ngộ tất cả Pháp *lìa cột giải*.

9) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NOA (ḌA _ 𑖜) thời hiện ra tay cầm **nhành Dương Liễu**, ngộ tất cả Pháp *lìa nóng bức ô uế, được mát mẻ trong sạch*.

10) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SÁI (ṢA _ 𑖬) thời hiện ra tay **Vô Úy Dữ Nguyện**, ngộ tất cả Pháp *không có trở ngại*.

11) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHỘC (VA_𑖪) thời hiện ra tay cầm cái **Chuông báu**, ngộ tất cả Pháp *cắt đứt đường ngôn ngữ.*

12) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA (TA_𑖝) thời hiện ra tay cầm Bánh Xe Kim Cương (**Kim Cương Luân**), ngộ tất cả *Pháp Chân Như bất động*.

13) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DÃ (YA_ 𑖧) thời hiện ra tay cầm **Tràng Hạt** (Sổ Châu), ngộ tất cả Pháp *Như Thật chẳng sinh*.

14) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SẮT-TRA (ṢṬA _𑖬𑖿𑖘) thời hiện ra tay cầm **chùm Bồ Đào**, ngộ tất cả Pháp về tướng *Chế Phục Nhậm Trì* chẳng thể đắc.

15) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ CA (KA _𑖎) thời hiện ra tay **Xả Ma Tha** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tác Giả chẳng thể đắc*.

16) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA (SA _ 𑖭) thời hiện ra tay **Tỳ Bát Sa Ma** (Tay phải), ngộ tất cả Pháp *THỜI Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc*.

Hai tay này biểu thị cho Lý Trí kết thành **Định Ấn**, bên trên Ấn có đặt cái **Bình Bát báu.**

17) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MÃNG (MA _𑖦) thời hiện ra tay cầm **cây Phất Trần trắng**, ngộ tất cả Pháp *Ngã Sở Chấp Tính chẳng thể đắc*.

18) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NGA (GA _𑖐) thời hiện ra tay cầm cái Vòng Ngọc **(Ngọc Hoàn)**, ngộ tất cả Pháp *Hành Thủ Tính chẳng thể đắc*.

19) Khi BồTát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (THA_ 𑖞) thời hiện ra tay cầm cái rương báu **(Bảo Khiếp)**, ngộ tất cả Pháp *xứ sở chẳng thể đắc*.

20) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NHẠ (JA _ 𑖕) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen hồng**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở sinh khởi chẳng thể đắc*.

21) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-PHỘC (SVA_ 𑖭𑖿𑖪) thời hiện ra tay cầm **Sợi Dây** (Quyến Sách), ngộ tất cả Pháp *An Ẩn Tính chẳng thể đắc*.

22) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÀ (DHA_) thời hiện ra tay cầm **Nhật Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Năng Trì Giới Tính chẳng thể đắc*.

23) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XẢ (ŚA_) thời hiện ra tay cầm **Nguyệt Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Tịch Tĩnh Tính chẳng thể đắc.*

24) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHƯ (KHA _) thời hiện ra tay cầm **Bàng Bài**, ngộ tất cả Pháp *Như Hư Không Tính chẳng thể đắc*.

25) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHẤT-SÁI (KṢA _) thời hiện ra tay cầm cây **Tích Trượng**, ngộ tất cả Pháp *Cùng Tận Tính chẳng thể đắc*.

26) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA-SA (STA _) thời hiện ra tay cầm **Cung Điện báu**, ngộ tất cả Pháp *Nhậm Trì Xứ Phi Xứ khiến cho Tính Bất Động chuyển chẳng thể đắc.*

27) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NƯƠNG (ÑA _) thời hiện ra tay cầm **Trí Ấn**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở Tri Tính chẳng thể đắc*.

28) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA-THA (RTHA_) thời hiện ra tay cầm cây **Gậy Đầu Lâu**, ngộ tất cả Pháp *Chấp Trước Nghĩa Tính chẳng thể đắc.*

29) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BÀ (BHA_) thời hiện ra tay cầm cây **kiếm báu,** ngộ tất cả Pháp *Khả Phá Hoại Tính chẳng thể đắc.*

30) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (CHA_) thời hiện ra tay cầm cái **Hồ Bình**, ngộ tấ cả Pháp *Dục Lạc Phú Tính chẳng thể đắc.*

31) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-MA (SMA _) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen trắng**, ngộ tất cả Pháp *Khả Ức Niệm Tính chẳng thể đắc.*

32) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ HA-PHỘC (HVA _) thời hiện ra tay cầm **cây Thiết Câu**, ngộ tất cả Pháp *Khả Hô Triệu Tính chẳng thể đắc.*

33) Khi BồTát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÁ-SA (TSA _) thời hiện ra tay cầm **Bạt Chiết La**, ngộ tất cả Pháp *Dũng Kiện Tính chẳng thể đắc.*

34) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ GIÀ (GHA_) thời hiện ra tay **Từ Niệm Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Nguyên (cái nguồn) Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc.*

35) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XÁ (ṬHA_) thời hiện ra tay **Bi Niệm Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Tích Tập Tính chẳng thể đắc.*

Hai tay Định Tuệ này hợp thành **Liên Chưởng** an trước ngực.

36) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NINH (ṆA_) thời hiện ra tay cầm cây **Kích Sao**, ngộ tất cả Pháp *lìa các Huyễn Thỉnh Vô Vãng Vô Lai Hành Trụ Tọa Ngọa (Không qua không lại, đi đứng ngồi nằm) chẳng thể đắc.*

37) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHẢ (PHA_) thời hiện ra tay cầm cây **Cung báu**, ngộ tất cả Pháp *Biến Mãn Quả Báo chẳng thể đắc.*

38) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhậ vào chữ XA-CA (SKA _) thời hiện ra tay cầm **Mũi Tên báu**, ngộ tất cả Pháp *Tích Tụ uẩn Tính chẳng thể đắc.*

39) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DÃ-SA (YSA_) thời hiện ra tay cầm cái **Bình Quân Trì**, ngộ tất cả Pháp *Suy Lão Tính Tướng chẳng thể đắc.*

40) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THẤT-TẢ (ŚCA_) thời hiện ra tay cầm đám **Mây Ngũ Sắc**, ngộ tất cả Pháp Tụ *Tập Túc Tích chẳng thể đắc.*

41) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRA (ṬA_) thời hiện ra tay **Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tướng Khu Bách (thúc ép) Tính chẳng thể đắc.*

42) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRÀ (ḌHA_) thời hiện ra tay **Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Cứu Cánh Xứ Sở chẳng thể đắc.*

Hai tay Định Tuệ này hợp đưa lên trên đỉnh đầu an vị Hóa Phật thành tay **Đỉnh Thượng Hóa Phật**.

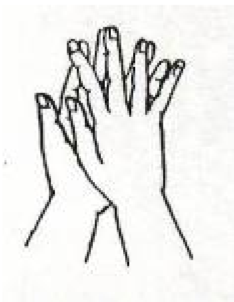
Câu xưng tán Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương Bồ Tát là:

NAMO SAHASRA BHŪJAYA SAHASRA-JVALA-NETRE MAHĀ-PADMA-RĀJA _ SARVA APĀYAJAHĀYA VIŚUDDHA.

Tâm Chú Của Tôn này là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

Thủ Ấn của Tôn này là **Cửu Phong Mật Ấn**: Hai tay kết Kim Cương Hợp Chưởng (Vajra-jaliṃ) hơi cong ngón tay lìa tướng Hợp Chưởng. Hợp 2 Độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) với nhau, đều dựng 4 Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) liền thành.



Ấn này làm hình 9 ngọn núi. 2 ngón út, 2 ngón cái là 4 ngọn. 2 ngón trỏ, 2 ngón vô danh là 4 ngọn. 2 ngón giữa hợp thành một ngọn, tổng cộng thành 9 ngọn , Năng Cư và Sở Cư đồng một Thể. Do đó Tướng của Căn Bản Ấn biểu thị cho 9 ngọn núi, đấy là 4 Trí của 2 Bộ. 8 ngón tay biểu thị cho 8 Đức, 2 ngón giữa là một Trí của Bình Đẳng biểu thị cho Tổng Đức, nên thường dịch là Cửu Phong Mật Ấn

B_ Vì muốn giúp cho Chúng Sinh phá tan phiền não chướng đang ngăn che ánh sáng Thắng Diệu của Trí Tuệ bản nhiên trong tâm của mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Thế Âm.**

Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng :

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng ló răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chắp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

Bên phải : Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái : Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên

992 tay còn lại đều mềm mại như những cánh sen kết Diệu Thí Thắng Ấn.

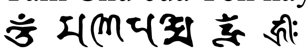
Trong mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, không một cánh tay nào vượt quá vương miện và cũng không buông thấp quá đầu gối

Ngực trái của Ngài được che bằng miếng da hươu. Trang phục bên dưới làm bằng lụa vải tốt, thắt lưng bằng vàng có nạm ngọc quý, vương miện cũng nạm ngọc quý và thân của Ngài được trang điểm bằng mọi loại báu như vòng, xuyến, anh lạc, lụa nhiều màu … tỏa ánh hào quang sáng ngời.



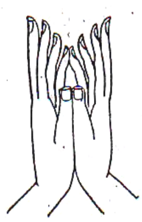
Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Kim Cương** (Padma-vajra)

Tâm Chú của Tôn này là:



OṂ_ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

Thủ Ấn của Tôn này là **Bát Diệp Ấn:** Chắp 2 tay lại giữa trống không. 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng. 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở. Kết Ấn xong. Quán tưởng trên Ấn có viên ngọc Như Ý.



Do Tôn này biểu thị cho lực gia trì của Kim Cương Bộ trong Quán Âm Bộ nên Mật Giáo Tây Tạng thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

C_ Vì muốn cho Chúng Sinh nuôi lớn Phước Đức đang tiềm ẩn trong tâm của mình khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ Công Đức như chư Phật không khác nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm với 27 đầu mặt** xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 Giới hiển Phật Giới. Thân có 42 tay cầm khí trượng và 958 tay còn lại xếp vòng quanh thân.



Tôn này biểu thị cho Đức ***Pháp Tài*** và có danh hiệu là **Thiên Thủ Quán Âm.** Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Ma Ni** (Padma-maṇi)

Chân Ngôn của Tôn này là: **Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhãn Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đát Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

MAHĀ-VĪRĀYA, SAHASRA AKṢĀYA, SAHASRA ŚIRṢĀYA, SAHASRA PADĀYA, SAHASRA JIHVĀYA, SAHASRA BHUJĀYA: Đấng Đại Dũng Mãnh có ngàn mắt, ngàn đầu, ngàn chân, ngàn lưỡi, ngàn cánh tay

EHI BHAGAVAN ĀRYA AVALOKITEŚVARA: Đức Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn như vậy

UGRA SATYA UGRA MAHĀ-UGRA MAHĀ-NĀDA: Đấng có uy đức, uy đức chân thật, uy đức to lớn, phát ra năng lực dưới hình thức âm thanh to lớn

KILI KILI KILI KILI: Găm chặt, găm chặt

MILI MILI MILI MILI: Ngăn chận, cản trở

CILI CILI CILI CILI: Lập lại lâu dài

NAṬU NAṬU NAṬU NAṬU: Hướng dẫn dìu dắt

KRASA KRASA KRASA KRASA: Nhu thuận

KURU KURU KURU KURU: Tác làm

EHYEHI MAHĀ-VĪRA: Hãy khéo đến! Hỡi Đấng Đại Dũng Mãnh

VARAṂ DADA: Ban bố ước nguyện

VÌRYAMÏ DADA: Ban bố sự tinh tiến

SARVA KĀMAṂ ME PRAYACCHA: Mau lẹ ban cho tôi tất cả sự mong ước yêu thích

ŚĪRGHAṂ VAŚAṂ ME RĀṢṬA : Giáo hóa ước mơ của tôi

SARĀJAKAṂ KURU: Tác làm hành động của vị vua tốt (Thiện Vương)

SAHASRA BHUJA SAHASRA VĪRA LOKEŚVARA SĀDHAYA SADĀ SIDDHIṂ MEBHAVA: Chứng minh cho tôi thành tựu Nghi Thức của Đấng Thiên Tý Thiên Dũng Thế Tự Tại

DHARADOBHAVA AGROBHAVA MI: Trì giữ phát sinh cảnh hiện hữu nơi tôi

OṂ NAMO STUTE: Quy mệnh kính lễ

BHAGAVAN ĀRYA AVALOKITEŚVARA: Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn

PRAPUṆYA PRASĪDAMAṂ VARADOMAMA: Ban bố cho tôi sự hiểu biết thấu đáo cao thượng của Phước Đức thù thắng

BHAVA MI: Hiện hữu nơi tôi

SVĀHĀ : Quyết định thành tựu

Thủ Ấn của Tôn này là **Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn**: Còn gọi là Ngũ Phong Ấn, Ngũ Trí Ấn, Ngũ Đại Ấn, Ngoại Ngũ Cổ Ấn.

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền (Ngoại Phộc Quyền) dựng 2 ngón giữa dính nhau như cây kim (hoặc hình cánh sen úp) 2 ngón cái, 2 ngón út đều kèm nhau dựng thẳng đứng, duỗi bung 2 ngón trỏ.



Do 40 tay được chia làm 5 Bộ biểu thị cho diệu dụng của 5 Trí Như Lai nên Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn biểu thị cho 5 Trí của Liên Hoa Bộ. Vì thế Ngũ Cổ Mật Ấn nhiếp 40 tay, tức là Tổng Ấn của 40 tay và được gọi là **Thiên Thủ Căn Bản Ấn**

(Hoặc dùng **Cửu Phong Mật Ấn** và tụng Chân Ngôn: OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ)

D_ Vì muốn làm tươi tốt muôn điều lành và khai mở cho Chúng Sinh tự thấu ngộ được bản tâm Thanh Tịnh Vô Cấu Nhiễm vốn có nơi mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa Thân Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm. Thân này có đầy đủ tướng tốt đẹp như thân Thánh Quán Âm với cái cổ màu xanh, hiện ngàn tay ngàn mắt.

Biến Thân của Tôn này là: Thân màu trắng có 3 mặt, mặt chính có dung mạo Từ Bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mão báu, trong mão có vị Hoá Phật Vô Lượng Thọ. Thân có 4 cánh tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm Hoa Sen. Bên trái: Tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp làm quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần Tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh, Anh Lạc, vòng xuyến tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần Tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.



Do Tôn này biểu thị cho Pháp tu **Liên Hoa Pháp** (Padma-dharma) của Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rājāya-tathāgata) nên Mật Giáo Trung Hoa thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

Tâm Chú của Tôn này là :



OṂ_ AROLIK SVĀHĀ

Thủ Ấn của Tôn này có 2 loại là:

.) Ngoại Phộc Thanh Liên Ấn: 2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phướng.



Chân Ngôn là: OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHI JVALA BHRŪ BHRŪ HŪṂ

.) Hai tay kết Kim Cương Phộc, 2 ngón giữa như cây phướng.



Chân ngôn là: OṂ_ LOKE JVALA RĀJA HRĪḤ

Đại Chú của Tôn này có 2 bản:

Quảng Bản là: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni** và

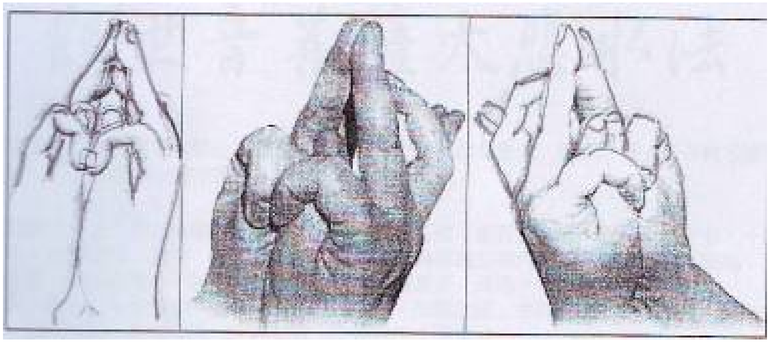
Lược Bản là: **Thiên Thủ Thiên Nhãn**

.) Quảng Bản: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni**

Thủ Ấn của Quảng Bản là **THANH CẢNH ẤN**: Hai tay cài chéo nhau bên ngoài. Rút ngón cái trái vào lòng chưởng, duỗi thẳng ngón cái phải, 2 ngón giữa làm hình cánh sen. Duỗi thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út (Bên trái đè bên phải) cùng cài chắc nhau.

.) Lược Bản**: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**

Thủ Ấn của Lược Bản là **THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM ẤN**: Chắp 2 tay lại giữa rỗng. Co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (Đây là Loa Pháp). Dựng hợp 2 ngón giữa (Đây là Hoa sen). Dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (Đây là Bánh xe). Dựng hợp 2 ngón út (Đây là cây gậy). Nơi Một Ấn có đủ 4 Ấn là: Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng vậy.



Do Lược Bản hàm chứa đầy đủ Lý Thú tu hành của Pháp tu Quán Âm nên các vị Đạo Sư Mật Giáo (Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam) thường truyền dạy Bản này.

E_ Vì Đức Hóa Tha Nghiệp Dụng của chư Phật vì thương xót Chúng Sinh mà thi hành tất cả sự nghiệp nhằm giúp cho đoạn trừ mọi mê vọng để tự chứng được bản tâm Tịch Tĩnh an nhiên của chính mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm** giống như thân Thánh Quán Âm với mọi tướng tốt đẹp , đầy đủ ngàn mắt ngàn tay.



Biến Thân của Tôn này là: Thân của Bồ Tát vẽ màu vàng Diêm Phù Đề, mặt có 3 mắt, tay có 1.000 bàn tay, ở mỗi lòng bàn tay đều có 1 con mắt, đầu đội mão báu, mão có vị Hóa Phật. Bàn tay lớn chính có 18 cánh tay. Trước tiên là hai tay để ngang trái tim chắp lại, 1 bàn tay cầm chày Kim Cương, 1 bàn tay cầm Tam Kích Xoa, 1 bàn tay kết Ấn Phạm Giáp, 1 bàn tay nắm cái Ấn Báu, 1 bàn tay cầm cây Thiết Trượng, 1 bàn tay nâng Viên ngọc báu, 1 bàn tay cầm Bánh xe báu, 1 bàn tay cầm hoa sen hé nở, 1 bàn tay cầm sợi dây, 1 bàn tay cầm cành Dương liễu, 1 bàn tay cầm Tràng hạt, 1 bàn tay cầm cái bình Táo Quán, 1 bàn tay ban nước Cam Lộ tuôn chảy, 1 bàn tay tuôn mọi loại mưa báu ban cho sự không sợ hãi. Lại dùng hai bàn tay để ngang rốn, bên phải đè bên trái, ngửa lòng bàn tay. 982 bàn tay còn lại ở trong bàn tay đều nắm Ấn của mọi loại khí trượng.

Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Yết Ma** (Padma-karma).

Chân Ngôn của Tôn này là: **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Đại Thân Chú**

Thủ Ấn của Tôn này là **Tổng Nhiếp Thiên Tý Ấn**: Đứng thẳng, hai chân song song nhau. Ngửa lòng bàn tay phải, năm ngón đều phụ nhau. Lại ngửa lòng bàn tay trái đè trên lòng bàn tay phải rồi để chạm dính trái tim.



Ấn này hay giáng phục Ma Oán của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Chú là: **Tadyathā: Avalokiteśvarāya sarva duṣṭa uha miya svāhā**

*) Khi Bồ Tát Quán Tự Tại nhập vào Tam Muội **Vô Sở Úy** thời hiện ra 25 vị Bồ Tát, mỗi một vị Bồ Tát đều có thân màu vàng, đủ các tướng tốt đẹp như Quán Tự Tại, nơi đỉnh đầu có 11 mặt, trên thân có đủ 40 cánh tay, trong mỗi bàn tay có một con mắt **Từ** (Maitra-Netra: Từ Nhãn), 40 tay mắt của một vị Hóa Bồ Tát lại hiện thành 40 vị Bồ Tát phá một Hữu. Như vậy 40 tay của 25 vị Hóa Bồ Tát này hợp thành ngàn tay ngàn mắt hiện thành một ngàn vị Bồ Tát phá các ưu ám của 25 Hữu. Riêng vị Hóa Bồ Tát hiện thân ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu có tên gọi là **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát,** dùng 40 tay hóa thành 40 vị Bồ Tát tạo phương tiện hóa độ cho các Chúng Sinh.

Chân Ngôn chung của 25 vị Hóa Bồ Tát này là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA VIŚUDDHA PADMA-SATVA HITA SPHARAṆA

40 Pháp này có thể dùng chung cho cả 5 Tôn Thiên Thủ.

1_ **Như Ý Châu Thủ** (Tay cầm viên ngọc Như Ý):



_ Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_ Câu thứ 25 trong văn của bài Chú ghi là: "**Ma la ma la"** dịch nghĩa là *trong ngoài không dơ bẩn*, tức là ***Như Ý Châu Thủ Nhãn*** trong tướng tay Đại Bi

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 31 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn cầu giàu có, mọi loại trân bảo vật dụng thì nên cầu nơi tay Như Ý Bảo Châu"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ nhất:

"Nếu người nào vì sự giàu có, mọi thứ trân bảo, vật dụng cần thiết thì nên cầu nơi bàn tay cầm viên ngọc Như Ý"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ nhất là:

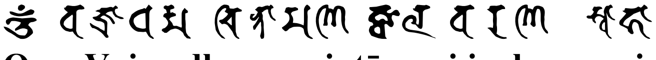
Nếu muốn được tài bảo giàu có, nên tu Pháp MA NI……. Nay DỮ NGUYỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT, tay trái đặt ngang trái tim cầm Ma Ni, hình trạng trái châu màu lưu ly, ánh sáng vàng và phát ra ánh lửa. Tay phải kết Dữ Nguyện khế, co cánh tay hướng lên trên. Vẽ tượng như vậy xong, đặt ở nơi thanh tĩnh, lễ bái, cúng dường, tác pháp niệm tụng.



Tướng Ấn đó là: hai tay buộc chặt, Tiến Lực (2 ngón trỏ) làm hình Ma Ni, Thiền Trí (2 ngón cái) kèm duỗi đứng, liền thành tựu.

Chân ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHẤN ĐA MA NI (Như Ý Châu) NHẬP PHỘC LA (Quang minh) PHỘC LA NI (Dữ nguyện) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Vajra-dharma cintāmaṇi jvala varaṇi svāhā

2- **Quyến Sách Thủ** (Tay cầm sợi dây):



_ Tay thứ hai trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_ Bốn câu thứ 60,61,62,63 trong văn của bài Chú là: **"Na la cẩn trì, sa bà ha, ma la na la, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu Hiền Ai* , tức là "**Quyến Sách thủ nhãn"** trong tướng tay Đại Bi.

__ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 32 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn mọi thứ bất an trở thành điều an ổn thì nên cầu nơi tay Quyến Sách (Sợi dây to) "

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ hai:

"Nếu người nào vì mọi thứ chẳng yên, cầu an ổn thì nên cầu nơi bàn tay cầm sợi dây (Quyến Sách)"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ hai là:

Nếu người muốn được an ổn nên tu pháp Quyến Sách (Sợi dây).Tượng TRÌ SÁCH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT đó... chỉ có tay phải nắm quyền đặt ở eo phải.Tay trái co cánh tay lại cầm sợi dây, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là kết **Vị Phu Liên Hoa ấn** (ấn hoa sen chưa nở) Tiến Lực (2 ngón trỏ) giữ nhau như cái vòng. Đây gọi là Liên Hoa Sách (sợi dây hoa sen) hay mãn các ý nguyện.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁT NÁ MA BÁ XẢ (Liên Hoa Sách) HỒNG (Hộ khắp) ĐỊA SẮT TRA (Phòng hộ, gia trì) TÁT VÕNG (Không có thể trái ngược) MA HÀM (Nơi tôi) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma padma-pāśa hūṃ adhiṣṭa svamāṃ svāhā

3_ **Bảo Bát Thủ** (Tay cầm cái bình bát báu):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_Câu thứ 42 trong văn của bài Chú là: **"Hô lô hô lô hề lợi"** dịch nghĩa là *Tác Pháp tự tại* tức là **Bảo Bát Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 33 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn trị các bệnh khổ trong bụng thì nên cầu nơi tay Bảo Bát (Cái bát báu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ ba:

"Nếu người nào vì các bệnh trong bụng thì nên cầu nơi bàn tay cầm cát bát báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ ba là:

Nếu người muốn trị bệnh trong bụng, có thể tu pháp Bát Báu.Nên vẽ tượng BẢO BÁT QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ......xong hai tay để ngang rốn cầm bình bát báu , liền thành.



Tướng Ấn đó là Lý Trí (2 tay trái phải) kết Nhập Định Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A Ô NÁ LA THÂU LAM (Không có bệnh trong bụng) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma A udara-śulaṃ svāhā

4_**Bảo Kiếm Thủ** (Tay cầm cây kiếm báu):



_Tay thứ ba trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 50 trong văn của bài Chú là:**"Địa lợi sắt ni na"** dịch nghĩa là *kiên lợi* tức **Bảo Kiếm Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 15 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn giáng phục tất cả Vọng Lượng Quỷ Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Kiếm (cây kiếm báu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tư:

"Nếu người nào vì giáng phục tất cả Võng Lượng, Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây kiếm báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ tư là:

Nếu muốn giáng phục Vọng Lượng Quỷ Thần, nên tu pháp Kiếm báu.Tượng BẢO KIẾM QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT đó ..... chỉ có tay phải cầm cây kiếm hợp chắc. Tay trái đặt trên eo, đem ngón cái đè lên móng của Điạ Thủy (ngón út, ngón vô danh) Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) kèm cứng, Ấn đó hướng về thân an, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là Tay phải ngón cái đè lên móng 2 ngón Điạ Thủy (ngón út, ngón vô danh),kèm chắc Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) liền thành.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) KIỆT NGA (cây kiếm) TÁT PHỘC LAM LA HA (Tất cả quỷ) TÁT BÀ TRA (Phá hoại) SA PHỘC HẠ.

[Siddham script]

Oṃ_ Vajra-dharma khaḍga sarva grahā sphaṭ svāhā

5_ **Bạt Chiết La Thủ** (Tay cầm chày Kim Cương Tam Cổ):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 68, 69 trong văn của bài Chú là: **"Giả cát la , a tất đà dạ, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu sự không thể so sánh* tức **Bạt Chiết La Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 36 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn giáng phục tất cả Thiên Ma , Ngoại Đạo thì nên cầu nơi tay Bạt Chiết La".

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh** : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ năm:

"Nếu người nào vì giáng phục tất cả Thiên Ma, Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm Bạt Chiết La (Vajra: chày Tam Cổ)"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ năm là:

Nếu muốn giáng phục Đại Ma Thần, nên tu pháp Phộc Nhật La (tay Tam Cổ Xử) Tượng KIM CƯƠNG QUÁN TỰ TẠI đó.... xong tay phải cầm chày Tam Cổ đặt ở eo phải.Tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tay phải ngón cái đè lên đồng với móng ngón út, các ngón còn lại như hình Phộc Nhật La, chuyển bên trái 3 vòng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ NGỘT LÝ (Chủng tử) PHỘC NHẬT LA BÀ NI (Chấp Kim Cương) MA LA BÁT LA MA LẬT DẠ (Hộ Ma) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Hrīḥ vajra-pāṇi māra pramathana svāhā

6_ **Kim Cương Xử Thủ** (Tay cầm chày Kim Cương Độc Cổ):



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 43 trong văn của bài Chú là: "**Sa la sa la** " dịch nghĩa là *sức bền chắc* tức **Kim Cương Xử Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 16 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn tồi phục tất cả oán đối thù địch , nên cầu nơi tay Kim Cương Xử"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ sáu:

"Nếu người nào vì tồi phục tất cả oán địch thì nên cầu nơi bàn tay cầm chày Kim Cương (chày Độc Cổ)"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ sáu là:

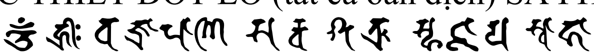
Nếu người muốn đập nát oán địch nên tu pháp Kim Cương Xử (Độc Cổ Kim Cương) Tượng TRÌ XỬ QUÁN TỰ TẠI đó....chỉ có tay trái nắm quyền đặt ở eo.Tay phải cầm chày Độc Cổ đặt ở lông mày như thế đập đánh, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ, dùng Ấn làm thế đập nát.

Chân Ngôn là:

ÁN_ NGỘT LÝ (chủng tử) PHỘC NHẬT LA BÁ NINH (Trì Kim Cương) TÁT PHỘC THIẾT ĐỐT LÕ (tất cả oán địch) SA PHÁ TRA DÃ (phá hoại) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Hrīḥ vajra-pāṇi sarva-śatrū sphaṭya svāhā

7_ **Thí Vô Úy Thủ :**



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 72,73 trong văn của bài Chú là: “**Na la cẩn trì bá già la gia, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu quang minh tự tại* tức **Thí Vô Úy Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ hai trong Kinh Văn:

“Nếu muốn trừ sự sợ hãi chẳng yên ở tất cả thời , tất cả nơi thì nên cầu nơi tay Thí Vô Úy”

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ bảy:

“Nếu người nào vì tất cả chốn sợ hãi, chẳng an thì nên cầu nơi bàn tay Thí Vô Úy”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ bảy là:

Nếu muốn lìa sợ hãi nên tu pháp Thí Vô Úy.Tượng TRỪ BỐ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ...... chỉ duỗi 5 ngón tay phải hiện chưởng, tay trái duỗi 5 ngón nâng đặt ở trên vú trái hiện chưởng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó như tướng tay ấn của tượng vẽ.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC THA (khắp kẻ khác) NHĨ NA NHĨ NA (thắng, năng thắng) BỘI DÃ NẴNG XA NA (trừ khủng bố) SA PHỘC HẠ.

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖭𑖨𑖿𑖪𑖞𑖯 𑖕𑖰𑖡 𑖕𑖰𑖡 𑖥𑖧 𑖡𑖯𑖫𑖡 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Vajra-dharma sarvathā, jina jina, bhaya nāśana svāhā

8_ **Nhật Tinh Ma Ni Thủ** (Tay cầm vành mặt trời):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 32 trong văn của bài Chú là: **"Thất phật la gia"** dịch nghĩa là *phóng ánh sáng* tức **Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ ba trong Kinh Văn:

"Nếu người bị mắt mờ không có ánh sáng thì nên cầu nơi tay Nhật Tinh Ma Ni".

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tám:

"Nếu người nào vì mắt bị mờ tối không có ánh sáng thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nhật Tinh Ma Ni"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ tám là:

Nếu người bị mắt mờ cầu ánh sáng, có thể tu pháp Nhật Tinh Ma Ni.Tượng NHẬT TINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay trái trên bàn tay cầm Hoả Pha Lê (Nhật tinh) tay phải ngửa lòng bàn tay đặt ở trái tim,vẽ tượng xong.



Tướng ấn đó là: Nâng tay Định (tay trái) làm thế nhận mặt trời, quán trong mắt của ta có chữ [(MA)-trong mắt phải, (Ṭ) trong mắt trái]. Nếu muốn được Thiên Nhãn, quán ngay giữ hai lông mày có một con mắt.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬ LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A NHĨ ĐẠ GIA (Mặt trời) NHẬP PHỘC LA (Quang minh) NHĨ KHẤT SÔ (con mắt) SA PHỘC HẠ

_

Oṃ_ Vajra-dharma āditya-jvala-cakṣu svāhā

9_ **Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ** (Tay cầm vành mặt trăng):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **"Độ lô độ lô"** dịch nghĩa là *sự trong sạch của ánh sáng* tức **Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tư trong Kinh Văn:

"Nếu muốn trị bệnh Nhiệt Độc mà cầu sự mát mẻ thì nên cầu nơi tay Nguyệt Tinh Ma Ni"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ chín:

"Nếu người nào vì bệnh nhiệt độc, cầu được mát mẻ thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ chín là:

Nếu muốn tiêu trừ tất cả nhiệt não nên tu pháp Nguyệt Tinh Ma Ni.Tượng NGUYỆT TINH QUÁN TỰ TẠI....chỉ có tay phải mở lòng bàn tay cầm Thủy Pha Lê, tay trái duỗi 5 ngón làm thế xoa thân, vẽ tượng xong.



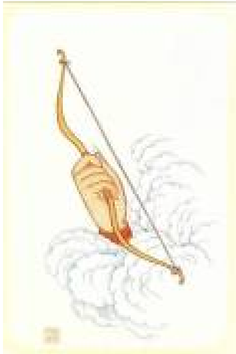
Tướng Ấn đó như tay ấn của tượng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHIẾN NẠI GIA (Mặt trăng) TÁT PHỘC NÁ HẠ BÁT LA XẢ NHĨ (trừ tất cả nhiệt não) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma candra sarva-daha praśamana svāhā

10_ **Bảo Cung Thủ** (Tay cầm cây cung báu):



_ Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_ Câu thứ 39 trong văn của bài Chú là: **"Phạt sa phạt sâm"** dịch nghĩa là *lời nói vui mừng* (Hoan Ngữ) tức **Bảo Cung Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ năm trong Kinh Văn:

"Nếu vì thăng Quan tiến chức, cầu mong Quan Vị thì nên cầu nơi tay Bảo Cung (Cây Cung báu)" .

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ mười:

"Nếu người nào muốn thăng Quan tiến Chức thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Cung báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ mười là:

Nếu muốn thăng quan tiến chức nên tu pháp Cây cung báu. Tượng TRÌ CUNG QUÁN TỰ TẠI .... xong tay Định Tuệ (tay trái, tay phải) cầm cây cung nằm ngang làm thế tính số do tuần, vẽ tượng xong



Tướng Ấn đó là Kim Cương Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỌC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) KIẾN TRA ĐÀ NỖ SA (cây cung) A BÁT LA ĐỂ HA ĐA GIA (không có chướng ngại) TAM MA ĐỊA SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma keti-dhaṇḍasi apratihatāya-samādhi svāhā

11_ **Bảo Tiễn Thủ** (Tay cầm mũi tên báu):



_Tay thứ năm trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_ Câu thứ 51,52 trong văn của bài Chú là: **"Bà dạ ma na, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu tiếng tăm* (danh văn*)* tức **Bảo Tiễn Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ sáu trong Kinh Văn:

"Nếu muốn sớm gặp các bạn lành thì nên cầu nơi tay Bảo Tiễn (Mũi tên báu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 11:

"Nếu người nào vì các bằng hữu tốt, sớm được gặp nhau thì nên cầu nơi bàn tay cầm mũi tên báu".

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 11 là:

Nếu muốn có bạn lành nên tu pháp mũi tên báu.Tượng TỐC TRỰC QUÁN TỰ TẠI.... chỉ có tay phải cầm mũi tên, đặt đầu mũi tên lên trên tay trái, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Tay phải nắm quyền bung đứng ngón trỏ, ngón giữa, dùng ấn làm thế kêu gọi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) LA ĐÁT NA KIẾM NOA (mũi tên báu) MAN THÙ (diệu âm) TÁT ĐÁT BÀ (chúng sinh) DUỆ Ế DUỆ TỨ (mau lại) LA NGÃ LA NGÃ (ái nhiễm, ái nhiễm) SA PHỘC HẠ.

[Siddham script mantra]

Oṃ_ Vajra-dharma ratna-kaṇḍa maṃju-satva, ehyehi rāga rāga svāhā

12_ **Dương Chi Thủ** (Tay cầm cành Dương Liễu):



_Tay thứ tám trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 35 trong văn của bài Chú là: **"Mục đế lệ"** dịch nghĩa là *Giải thoát* tức **Dương Chi Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tám trong Kinh Văn:

"Nếu muốn trừ mọi thứ bệnh nạn trên thân thì cầu nơi tay Dương Liễu Chi" .

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 12:

"Nếu người nào vì mọi loại bệnh trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cành Dương Liễu".

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 12 là:

Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân nên tu pháp thuốc của nhành dương liễu.Tượng DƯỢC VƯƠNG QUÁN TỰ TẠI.... chỉ có tay phải cầm nhành dương liễu, tay trái đặt trên vú hiển chưởng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là tay phải co cánh tay, buông các ngón rũ xuống. Tụng chân ngôn xong, xoa trên thân thể.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐAT MA (Kim Cương Pháp) BỆ SÁT NHĨ GIA (thuốc) LA NHẠ GIA (vua) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Vajra-dharma bhaiṣaijya-rājāya svāhā

13_ **Bạch Phất Thủ** (Tay cầm cây phất trắng):



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 34 trong văn của bài Chú là: **"Ma ma"** dịch nghĩa là *đạt nơi chí thiện* tức **Bạch Phất Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ chín trong Kinh Văn:

"Nếu muốn diệt trừ tất cả chướng nạn ác thì nên cầu nơi tay Bạch Phất"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 13:

"Nếu người nào vì trừ chướng nạn ác trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây phất trắng"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 13 là:

Nếu muốn giải thoát tất cả chướng nạn nên tu pháp cây phất trần trắng, tượng PHẤT NẠN QUÁN TỰ TẠI.... xong tay phải co cánh tay hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái cầm cây phất trần trắng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tay trái co cánh tay, rũ các ngón tay xuống dưới, tụng Chú chuyển bên trái.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) THÚ CA LA PHỘC LA NHĨ DÃ CHẾ NẴNG (phất trần trắng) TÁT PHỘC MA LA BÀ GIA (tất cả chướng nạn) VĨ MỤC KHẤT ĐẾ (giải thoát) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma śukra-valavyajana sarva māra-bhaya vimukti svāhā

14_ **Hồ Bình Thủ** (Tay cầm cái Hồ Bình):



_Tay thứ năm trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 49 trong văn của bài Chú là: **"Na la cẩn trì"** dịch nghĩa là *Đại Bi* tức **Bảo Bình Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ mười trong Kinh Văn:

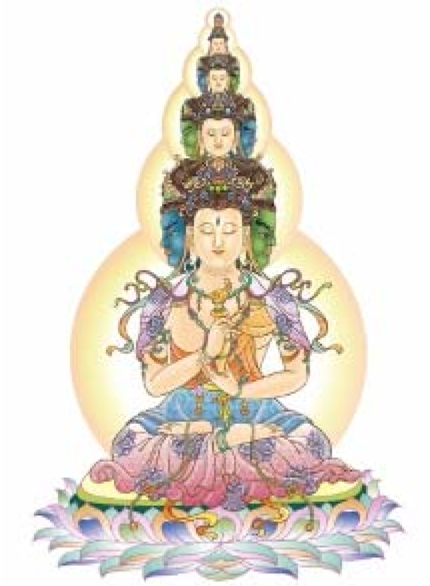
"Nếu muốn tất cả Quyến Thuộc khéo hòa hợp thì nên cầu nơi tay Bảo Bình" .

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 14:

"Nếu người nào vì tất cả quyến thuộc khéo hòa thuận thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Hồ Bình".

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 14 là:

Nếu muốn cầu quyến thuộc hòa thuận an lành nên tu pháp Hồ Bình, tượng TRÌ BÌNH QUÁN TỰ TẠI ....chỉ có tay phải cầm Hồ bình, đầu cái bình như đầu chim Kim Xí điểu, tay trái để trên rốn hướng lên trên thành thế nhận cái Hồ bình, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là ấn hoa sen chưa nở, mở đứng 2 Không (2 ngón cái) cùng hợp ngón trỏ.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) MA HẠ MUỘI ĐÁT LÝ (Đại Từ) VÕNG BÀ PHỘC (phát sinh) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma mahā-maitri udbhava svāhā

15_ **Bàng Bài Thủ** (Tay cầm cái Bàng Bài):



_Tay thứ năm trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **"Phạt xà gia đế"** dịch nghĩa là *Độ sống chết* tức **Bàng Bài Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 11 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn tịch trừ tất cả cọp, sói, các loài thú ác thì nên cầu nơi tay Bàng Bài".

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 15:

"Nếu người nào vì tịch trừ tất cả cọp, chó sói, báo, các thú ác thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Bàng Bài".

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 15 là:

Nếu muốn tịch trừ tất cả thú ác nên tu pháp Bàng Bài, tượng HIỆN NỘ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ......chỉ có tay trái hướng ra ngoài cầm hình Bàng Bài. Tay phải kết Quyền ấn, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là tay trái hướng ra ngoài duỗi các ngón tay xoay chuyển, tay phải nắm quyền làm thế đánh kẻ khác.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC MỘT LÝ THỦY CHỈ CA TÁT PHẢ NẴNG CÂU LA (Ngươn xà, chuột, lang...) TƯ DỰNG HẠ (sư tử) VĨ DÃ GIÀ LA (đại trùng) LÝ KHẤT XA (con gấu) ĐÁ LA LÝ KHẤT XA (con Bi) GIÁ MẠT LA NHĨ VĨ NGOA (cá Ma Kiệt) HỒNG (niệm khủng bố) PHÁT TRA (phá hoại) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma sarva vṛścika, sarpa, nakula, siṃha, vyāghra, ṛikṣa, taraṛikṣa, camara, jivika hūṃ phaṭ svāhā

16_ **Phủ Việt Thủ** (Tay cầm cây búa):



_Tay thứ sáu trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_Câu thứ 64,65 trong văn của bài Chú là: **"Tất la tăng, a mục khư gia, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu Phước Đức* tức **Việt Phủ Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 12 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn ở tất cả thời, tất cả nơi xa lìa Quan nạn thì nên cầu nơi tay Việt Phủ (Cây Búa lớn)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 16:

"Nếu người nào vì tất cả Thời Xứ khéo lìa nạn quan quyền thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây búa"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 16 là:

Nếu muốn lìa nạn của quan quyền nên tu pháp Phủ việt (cây búa lớn), tượng TRẦN NẠN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT …..xong tay phải cầm phủ việt, tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng ấn đó là: Co tay phải như thế cầm búa, dùng ấn chuyển hồi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) PHẢ LA THÚ (phủ việt) LA NHẠ BÀ GIA (nạn vua chúa) VĨ MỤC KHẤT ĐẾ (giải thoát) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Vajra-dharma paraśu rāja-bhaya vimukti svāhā

17_ **Ngọc Hoàn Thủ** (Tay cầm cái vòng ngọc)



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 41 trong văn của bài Chú là: **"Hô lô hô lô, ma la"** dịch nghĩa là *làm Pháp như ý* tức **Ngọc Hoàn Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 34 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn có nam nữ và tôi tớ thì nên cầu nơi tay Ngọc Hoàn (Cái Vòng ngọc)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 17:

"Nếu người nào vì tôi tớ nam nữ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái vòng ngọc"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 17 là:

Nếu cầu nam nữ tôi tớ nên tu hành pháp cái vòng ngọc. Tượng TRÌ HOÀN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT…. xong tay trái để ở trái tim cầm vòng ngọc, tay phải che trên vòng ngọc như cái lọng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Dùng tay trái nắm cổ tay phải cũng dùng tay phải nắm cổ tay trái, bên trái biểu thị cho nữ, bên phải biểu thị cho nam.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) VĨ SÁI DÃ (cảnh giới) LIỆP ĐÀ (đạt được) SA PHỘC HẠ.

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖰𑖬𑖧 𑖢𑖿𑖨𑖯𑖢𑖿𑖝 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Vajra-dharma viṣaya prāpta svāhā

18_ **Bạch Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen trắng):



_ Tay thứ tư trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_Câu thứ 27 trong văn của bài Chú là: **"Yết mông"** dịch nghĩa là *biện sự* tức **Bạch Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 19 trong Kinh Văn:

"Nếu vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi tay Bạch Liên Hoa (Hoa Sen trắng)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 18:

"Nếu người nào vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen trắng"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 18 là:

Nếu muốn thành tựu công đức nên tu pháp Hoa sen trắng, tượng PHÂN TRÀ LỢI QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT…. chỉ có tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết ấn Thuyết Pháp, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Khai Phu Liên ấn (ấn hoa sen hé nở) .

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) SÂM BÀ PHỆ BÁT NÁ MA (hoa sen trắng) NI PHÚ NHĨ (Dùng vòng hoa để trang nghiêm Pháp Thân) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Vajra-dharma saṃbhave-padma nipuṇa svāhā

19_ **Thanh Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen xanh):



_ Tay thứ năm trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_Câu thứ 26 trong văn của bài Chú là: **"Lợi đà dựng"** dịch nghĩa là *Tâm hoa sen* (Liên Hoa Tâm) tức **Thanh Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 20 trong Kinh Văn:

"Nếu vì muốn được sinh về 10 phương Tĩnh Thổ thì nên cầu nơi tay Thanh Liên Hoa (Hoa Sen xanh)".

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 19:

"Nếu người nào vì muốn được sinh về Tịnh Độ ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen xanh"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 19 là:

Nếu muốn vãng sinh về Tịnh Thổ ở 10 phương nên tu pháp Hoa Sen Xanh, tượng KIẾN PHẬT QUÁN TỰ TẠI……xong tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái đặt trên vú trái hiển chưởng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tác Liên Hoa Hợp Chưởng, bung như thế hoa nở.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TỤY LA BÁT NẠP MA (hoa sen xanh) ỔN NGHIỆT ĐÁ (sinh) BỘT ĐÀ VĨ SÁI UẨN (Phật quốc) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Vajra-dharma nīla-padma udgata buddhā-viṣaya svāhā

20_ **Bảo Kính Thủ** (Tay cầm cái gương báu):



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 37 trong văn của bài Chú là: **"Thất na tất na"** dịch nghĩa là *Đại Trí* tức **Bảo Kính Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 23 trong Kinh Văn:

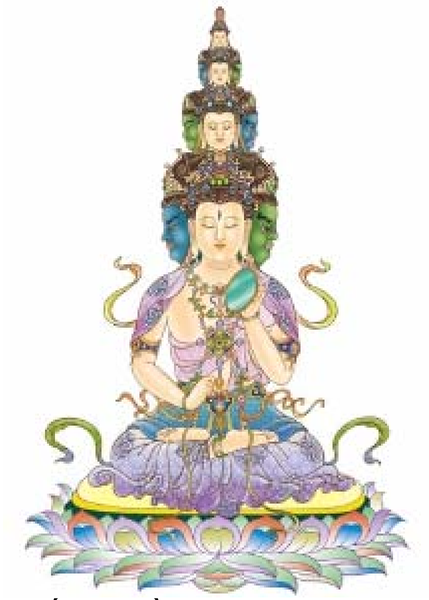
"Nếu muốn thành tựu Trí Tuệ rộng lớn thì nên cầu nơi tay Bảo Kính (cái gương báu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 20:

"Nếu người nào vì Trí Tuệ lớn thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái gương báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 20 là:

Nếu người cầu Trí Tuệ nên tu pháp cái gương báu, tượng KÍNH TRÍ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT…chỉ có tay trái để ngay trái tim cầm cái gương báu hướng ra ngoài, tay phải kết Trí Quyền Ấn, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Tay phải nắm quyền đặt ở eo, tay trái mở duỗi ra nâng lên trước mặt, thấy Ấn này tưởng thấy Đại Viên Kính Trí.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC TẤT ĐỊA (thành tựu tất cả) MA HA CHỈ NHƯƠNG NẴNG (Đại Trí Tuệ) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma sarva siddhi mahā-jñāna svāhā

21_ **Tử Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen tim):



_ Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_Câu thứ 40 trong văn của bài Chú là: **"Phật la xá gia"** dịch nghĩa là *bình hòa* tức **Tử Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 21 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn diện kiến tất cả mười phương chư Phật thì nên cầu nơi tay Tử Liên Hoa (Hoa Sen tím)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 21:

"Nếu người nào vì muốn diện kiến tất cả chư Phật ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen tím"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 21 là:

Nếu người muốn thấy các Như Lai nên tu pháp hoa sen tím, tượng KIẾN LIÊN QUÁN TỰ TẠI…xong tay phải cầm hoa sen tím, tay trái ngửa lên đặt ở trái tim, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Kết Liên Hoa Hợp Chưởng như thế hoa nở, rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) NHŨ LÃO LA SA BÁT NẠP MA (hoa sen tím) TÁT PHỘC BỘT ĐÀ (tất cả Phật) CHỈ HOẠI NẴNG (Trí) SA KHẤT SÔ TỲ GIA (nhìn thấy) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma jaṃbura-padma sarva buddha-jñāna-cakṣobhya svāhā

22_ **Bảo Khiếp Thủ** (Tay cầm cái rương báu):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 57,58,59 trong văn của bài Chú là: **"Tất đà dụ nghệ, thất bá la dạ, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu lợi ích* tức **Bảo Khiếp Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 27 trong Kinh Văn:

"Nếu mong cầu mọi loại kho tàng trong lòng đất thì nên cầu nơi tay Bảo Khiếp (cái rương báu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 22:

"Nếu người nào vì kho tàng chôn vùi trong lòng đất thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái rương báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 22 là:

Nếu muốn thấy kho tàng ở trong lòng đất nên tu pháp cái rương báu, tượng KIẾN ẨN QUÁN TỰ TẠI…chỉ có tay trái cầm rương báu, tay phải làm thế mở nắp rương, vẽ hình xong.



Tướng Ấn là: Ngửa tay trái,đem tay phải che bên trên tay trái, tụng Chân Ngôn xong, sau đó mở nắp rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHƯỚC CỤ SỐ (mắt chính) GIÀ TRA GIA (khai mở) A BÁT LA ĐỂ HA ĐÁ GIA (không có các chướng ngại) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma cakṣu-jaṭaya apratihatāya svāhā

23_ **Ngũ Sắc Vân Thủ** (Tay cầm mây ngũ sắc):



_Tay thứ tám trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 26 trong văn của bài Chú là: **"Ma hề ma hề"** dịch nghĩa là *Đại Tự Tại* tức **Ngũ Sắc Vân Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26 trong Kinh Văn:

"Nếu vì cầu thành tựu Phật Đạo thì nên cầu nơi tay Ngũ Sắc Vân (đám mây năm màu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 23:

"Nếu người nào vì Tiên Đạo thì nên cầu nơi bàn tay cầm mây ngũ sắc"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 23 là:

Nếu người vì thành tựu pháp Tiên nên tu pháp đám mây ngũ sắc, tượng TIÊN VÂN QUÁN TỰ TẠI….xong tay phải cầm đám mây ngũ sắc, tay trái nâng lên trên cầm đầu cái áo khoác ngoài (Thiên Y) để mặc, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Hai tay phải trái kết Vũ Khế (ấn múa) làm tướng bay.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁN GIẢ LỘ BA MÍNH GIÀ (mây ngũ sắc) TẤT ĐÀ VĨ ĐIẠ DÃ ĐÀ LA NAM (thành tựu Minh Tiên) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_Vajra-dharma paṃca-rūpa-megha siddha vidya-dhāranāṃ svāhā

24_ **Quân Trì Thủ** (Tay cầm bình Quân Trì):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 30 trong văn của bài Chú là: **"Đà la đà la"** dịch nghĩa là *Năng Tổng An Trì* tức **Quân Trì Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ bảy trong Kinh Văn:

"Nếu mong cầu sinh lên các Trời Phạm Thiên thì nên cầu nơi tay Quân Trì Bình"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 24:

"Nếu người nào vì sinh về cõi Phạm Thiên thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái bình Quân Trì"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 24 là:

Nếu người muốn sinh lên cõi Phạm Thiên nên tu pháp cái bình Quân Trì, tượng THIỀN ĐỊNH QUÁN TỰ TẠI….chỉ có tay phải cầm cái bình Quân Trì, tay trái làm tướng suy tư, dựng đứng đầu gối phải, đặt cánh tay phải trên đầu gối, đem chưởng trái để ở giữa gò má và lông mày, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng, hợp cổ tay.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) SA PHỘC BÀ PHỘC (tự tính) MỘT LA HA MA NI ĐỀ BÀ (Phạm Thiên) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma svabhāva brahmaṇi-deva svāhā

25_ **Hồng Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen hồng):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 70,71 trong văn của bài Chú là: **"Ba đà ma yết tất đá dạ, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu Thiện Thắng* tức **Hồng Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 22 trong Kinh Văn:

"Nếu mong cầu sinh về các Cung Trời thì nên cầu nơi tay Hồng Liên Hoa (Hoa Sen hồng)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 25:

"Nếu người nào vì sinh về cung Trời thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen hồng"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 25 là:

Nếu người muốn sinh ở cung điện của chư Thiên nên tu pháp Hoa Sen hồng, tượng THIÊN HOA QUÁN TỰ TẠI…chỉ có tay trái cầm hoa sen hồng, co cánh tay phải chỉ lên trời, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tác Khai Phu Liên Hoa ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CỦ SÁCH TÁT BÀ BÁT NẠP MẠ (Hoa sen hồng) TÁT PHỘC ĐỀ BÀ ỔN NGHIỆT ĐA (sinh tất cả Trời) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma kusubha-padma sarva deva udgata svāhā

26_ **Bảo Kích Thủ** (Tay cầm cây Kích báu):



_Tay thứ bảy trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_Câu thứ 29 trong văn của bài Chú là: **"Ma ha phạt xà gia đế"** dịch nghĩa là *Thắng Đại Pháp Đạo* (Đường lối của Đại Pháp thù thắng) tức **Bảo Kích Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 29 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn tịch trừ kẻ nghịch tặc oán địch ở phương khác thì nên cầu nơi tay Bảo Kích (cây kích báu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26:

"Nếu người nào vì tịch trừ giặc nghịch từ phương khác đến thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Kích báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 26 là:

Nếu vì người thâu nhiếp cột trói giặc cướp đối nghịch nên tu pháp Kích Sao (cây kích báu). Tượng PHÁ TẶC QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát.... xong tay trái đưa lên trên cầm thân của cây kích dài.Tay phải mở bung đè lên eo phải, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tay trái kết Tam Cổ Ấn đưa dài lên trên, quyền phải đặt ở eo.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A VĨ XẢ (thu nhiếp cột trói) CHỦ LA BÀ GIA (nạn giặc cướp) HỒNG PHÁT TRA SA PHỘC HẠ

Oṃ_Vajra-dharma aviśa cora-bhaya hūṃ phaṭ svāhā

27_ **Bảo Loa Thủ** (Tay cầm vỏ ốc báu):



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 27 trong văn của bài Chú là: **"Câu lô câu lô"** dịch nghĩa là *tác Pháp* tức **Bảo Loa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 30 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn hô triệu (kêu gọi) tất cả chư Thiên , Thiện Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Loa (cái loa báu)"

__ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 27:

"Nếu người nào vì hô triệu tất cả chư Thiên, Thiện Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Loa báu (vỏ ốc báu)"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 28 là:

-Nếu vì hô triệu tất cả Thiện Thần cầu xin thủ hộ thì nên tu pháp Bảo Loa, tượng TRÌ LOA QUÁN TỰ TẠI....Xong tay trái cầm cái Loa báu, tay phải nắm quyền duỗi ngón Phong (ngón trỏ) làm thế kêu gọi, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, co 2 ngón phong (2 ngón trỏ) đều buộc ở lưng 2 ngón cái . Hai Không (2 ngón cái) đều ló ra giữa khe của 2 ngón trỏ và giữa, dùng miệng làm thế thổi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) MA HA ĐẠT MA NGỘT LÝ (Đại pháp âm) ÁM (Tràn khắp cả) TÁT PHỘC ĐỀ BÀ NẴNG NGA (Tất cả Trời Rồng) DƯỢC KHẤT XOA (Dược Xoa) DUỆ Ế DUỆ TỨ (mau đến) LA KHẤT XOA LA KHẤT XOA HÀM (ủng hộ) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma mahā-dharma Hrīḥ, Aṃ sarva deva nāga yakṣa ehyehi rakṣa rakṣa māṃ svāhā

28_ **Độc Lâu Trượng Thủ** (Tay cầm cây gậy đầu lâu):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 36 trong văn của bài Chú là: **"Y hề di hề"** dịch nghĩa là *thuận dạy bảo* (Thuận Giáo) tức **Độc Lâu Trượng Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 13 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần chẳng dám chống trái thì nên cầu nơi tay Độc Lâu Trượng (Cây gậy đầu lâu)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 28:

"Nếu người nào vì sai khiến tất cả Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây gậy đầu lâu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 29 là:

Nếu người muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần nên tác pháp Độc Lâu (gậy đầu lâu) Tượng PHỘC QUỶ QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát.... chỉ có tay phải cầm cây gậy đầu lâu, quyền trái đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Quyền trái đặt ở eo, co cánh tay phải đưa lên trên tác Kim Cương Quyền, dùng ấn làm thế triệu mời.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) NOA SỬ DÃ MA TÁT PHẢ ĐÀ LA (Đầu người chết) TÁT PHỘC NGHIỆT LA HA (tất cả Quỷ) A PHỘC XẢ (thu nhiếp cột trói) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma mṛta-manuṣya-māspha-dhāra, sarva grahā aviśa svāhā

29_ **Sổ Châu Thủ** (Tay cầm tràng hạt):



_Tay thứ ba trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 38 trong văn của bài Chú là: **"Phật la xá lợi"** dịch nghĩa là *thân giác ngộ* (Giác Thân) tức **Sổ Châu Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 14 trong Kinh Văn:

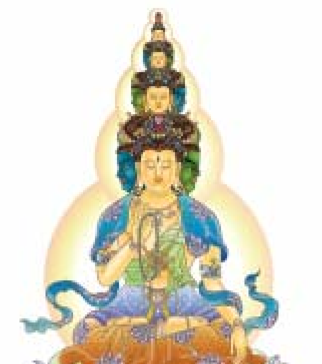
"Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến trao tay thì nên cầu nơi tay Sổ Châu"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 29:

"Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến trao vào bàn tay thì nên cầu nơi bàn tay cầm tràng hạt"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 27 là:

Nếu vì chư Phật đến trao vào tay nên tu pháp Sổ châu (tràng hạt). Tượng NIỆM CHÂU QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát....Xong tay phải cầm chuỗi tràng hạt, tay trái đặt ở đầu gối như thế xoa, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Hai tay phải trái cầm chuỗi tràng hạt trì niệm, đội trên đỉnh đầu 3 lan,làm tướng Quy Mệnh.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC ĐÁT THA NGHIỆT ĐA (tất cả Như Lai) NHẬP PHỘC LA (quang minh) BỐ NHẠ (tay) MẪU LẬT LA HÀM (ấn lên tôi) SA PHỘC HẠ

Oṃ_Vajra-dharma sarva tathāgata-jvala-bhūja mudra māṃ svāhā

30_ **Bảo Đạc Thủ** (Tay cầm cái chuông báu):



_ Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_Câu thứ 33 trong văn của bài Chú là: **"Giá la giá la"** dịch nghĩa là *hành động* tức **Bảo Đạc Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 35 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm màu nhiệm thì nên cầu nơi tay Bảo Đạc (Cái chuông báu nhỏ)"

__ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 30:

"Nếu người nào vì thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm thượng diệu thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái chuông báu (Bảo Đạc)"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 30 là:

Nếu muốn thành tựu Phạm Âm thượng diệu (âm thanh tiếng Phạm tuyệt diệu) nên tác pháp Bảo Đạc (cái chuông báu nhỏ). Tượng PHÁP ÂM QUÁN TỰ TẠI, ...xong tay trái cầm cái chuông Kim Cương báu, tay phải nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Đem 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay cào nhẹ 3 lần.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) PHỆ XẢ HỘC (chuông vui hộ) TẤT ĐÀ MỘT LA HA MA NGỘT LÝ (Phạm âm thành tựu) A KHẤT XOA LA (vô tận) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_Vajra-dharma veśa hoḥ, siddha brahma Hrīḥ akṣāya svāhā

31_ **Bảo Ấn Thủ** (Tay cầm cái Ấn báu):



_Tay thứ ba trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 24 trong văn của bài Chú là: **"Tát bà tát bà"** dịch nghĩa là *tất cả lợi lạc* tức **Bảo Ấn Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 24 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn thành tựu miệng nói , biện luận hay khéo thì nên cầu nơi tay Bảo Ấn"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 31:

"Nếu người nào vì Khẩu Nghiệp biện luận khéo léo thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Ấn báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 31 là:

Nếu muốn thành tựu diệu biện tài (biện thuyết khéo léo) nên tác pháp Bảo Ấn. Tượng TRÍ ẤN QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát.... chỉ có tay phải đặt trên trái tim cầm cái hình ấn báu, tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Dùng tay phải ấn lên trái tim.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHỈ NHƯƠNG NẴNG MẪU LẬT LA (Trí Ấn) NI THẤP PHỘC NẴNG (Mọi loại Pháp) MA HỘ NA DÃ (lớn rộng) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma jñāna-mudra viśvana mahā-nāya svāhā

32_ **Câu Thi Thiết Câu Thủ** (Tay cầm cây Thiết Câu):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_Câu thứ 31 trong văn của bài Chú là: **"Địa lợi ni"** dịch nghĩa là *che giữ sự chẳng lành* tức **Câu Thi Thiết Câu Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 17 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi tay Câu Thi Thiết Câu"

_ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 32:

"Nếu người nào vì Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Câu Thi Thiết Câu"

_ Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 32 là:

Nếu muốn Trời, Rồng,Thiện Thần đến gia hộ nên tác Pháp Thiết Câu. Tượng CÂU TRIỆU QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát ấy.... chỉ có tay trái cầm cái móc câu, tay phải nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Tay trái nắm quyền, dựng ngón trỏ như hình móc câu mà triệu mời.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CÂU XA NHẠ (Câu triệu) TÁT PHỘC ĐỀ PHỆ NẴNG NGHỆ (Tất cả Trời Rồng) LA KHẤT XOA HÀM (ủng hộ) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma aṃkuśa jaḥ, sarva deve nāge rakṣa māṃ svāhā

33_ **Tích Trượng Thủ** (Tay cầm cây Tích Trượng):



_Tay thứ tám trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **"Di đế lợi dạ"** dịch nghĩa là *Đại Bi* tức **Tích Trượng Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 18 trong Kinh Văn:

"Nếu vì Từ Bi muốn che giúp tất cả Chúng Sinh thì nên cầu nơi tay Thiết Trượng"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 33:

"Nếu người nào vì Từ Bi che giúp tất cả chúng sinh thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Tích Trượng"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 33 là:

Nếu người cầu Tâm Từ Bi nên tác Pháp Tích Trượng.Tượng TỪ TRƯỢNG QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát.....xong tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái để ở rốn hướng lên trên, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Hai tay cài buộc bên trong, Hoả luân (ngón giữa) vững chắc viên mãn như hình Tích Trượng.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TAM MUỘI GIA (Bản thệ) MA HA CA LÔ NI CA GIA (Đầy đủ Tâm Đại Bi) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_Vajra-dharma samaya mahā-kāruṇikāya svāhā

34_ **Hợp Chưởng Thủ** (Hai tay chắp lại):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_Câu thứ 44 trong văn của bài Chú là: **"Tất lợi tất lợi"** dịch nghĩa là *Thù thắng cát tường* tức **Hợp Chưởng Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn khiến cho tất cả Quỷ, Thần, Rồng, Rắn, Cọp, Sói, Sư Tử, Người, Phi Nhân thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi tay Hợp Chưởng"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 34:

"Nếu người nào vì tất cả chúng sinh thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi bàn tay Hợp Chưởng"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 34 là:

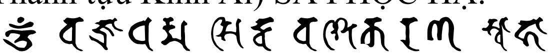
Nếu cầu được người kính yêu nên tu Pháp Hợp Chưởng.Tượng HIỆN KÍNH QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát.....chỉ có hai tay để ngang trái tim tác Liên Hoa Hợp Chưởng, tượng thành xong.



Tướng Ấn đó như tay Ấn của tượng.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẤT ĐÀ PHỘC THÍ CA LA (Thành tựu Kính Ái) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_Vajra-dharma siddha vaśikaraṇa svāhā

35_ **Hóa Phật Thủ** (Tay nâng vị Hóa Phật):



_Tay thứ nhất trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_Câu thứ 38 trong văn của bài Chú là: **"A la sâm"** dịch nghĩa là *tự tại nơi Pháp* tức **Hóa Phật Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 37 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn đời đời sinh ra chẳng xa lìa và ở bên cạnh chư Phật thì nên cầu ở tay Hóa Phật"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 35:

"Nếu người nào vì đời đời chẳng lìa bên chư Phật thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Phật"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 35 là:

Nếu người muốn chẳng xa lìa và ở bên cạnh Đức Phật thì có thể tu Pháp Hóa Phật. Tượng BẤT LY QUÁN TỰ TẠI..... chỉ có trên lòng bàn tay trái đặt vị Hoá Phật, tay phải làm cái bàn đỡ Tòa Hóa Phật, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: chắp hai tay lại giữa rỗng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẤT ĐÀ BA LA MẬT ĐA (Thành tựu đáo bỉ ngạn) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_Vajra-dharma siddha pāramita svāhā

36_ **Hóa Cung Điện Thủ** (Tay Hóa Cung Điện):



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_Câu thứ 34 trong văn của bài Chú là: **"Phạt ma la"** dịch nghĩa là *tối thắng ly cấu* tức **Hóa Cung Điện Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 38 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn đời đời kiếp kiếp ở trong Cung Điện của Phật, chẳng ở trong bào thai để thọ thân thì nên cầu nơi tay Hóa Cung Điện"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 36:

"Nếu người nào vì đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện của Phật, chẳng nhận thân ở trong bào thai thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Cung Điện"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 36 là:

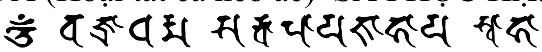
Nếu muốn chẳng thọ thân trong bào thai nên tác Pháp Cung Điện.Tượng ĐẠI THẾ QUÁN TỰ TẠI.....xong tay trái cầm cái hình Cung Điện, tay phải co cánh tay hướng ra ngoài hiển chưởng, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Hai tay cài nhau bên trong, dựng đứng 2 ngón giữa, co như hình cái điện.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC BÁ DÃ NHẠ HẠ DÃ (Hoại tất cả nẻo ác) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_Vajra-dharma sarva apāyajahāya svāhā

37_ **Bảo Kinh Thủ** (Tay cầm quyển Kinh báu):



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_Câu thứ 53, 54,55,56 trong văn của bài Chú là: **"Tất đà dạ, sa bà ha, ma ha tất đà dạ, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu Trí Tuệ* tức **Bảo Kinh Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 39 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn thông minh, nghe nhiều học rộng chẳng quên mất thì nên cầu nơi tay Bảo Kinh (Quyển Kinh báu)"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 37:

"Nếu người nào vì nghe nhiều học rộng thì nên cầu nơi bàn tay cầm quyển Kinh báu"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 37 là:

Nếu người cầu đa văn nên tác Pháp Bát Nhã Kinh. Tượng BÁT NHÃ QUÁN TỰ TẠI.....chỉ có tay phải để ngang trái tim cầm Trí Ấn xuất sinh Bát Nhã Lý Thú Kinh, tay trái kết Quyền Ấn, tượng thành xong.



Tướng Ấn dùng Phạm Giáp Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁT LA NHẠ (Bát Nhã hay Trí Tuệ) TỐ ĐẠT TẬN (quyển Kinh) MA HA NA DA (lớn rộng) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma prajña-sutraṃ mahā-nāya svāhā

38_ **Bất Thoái Kim Luân Thủ** (Tay cầm bánh xe báu):



_Tay thứ năm trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 46 trong văn của bài Chú là: **"Bồ đề dạ bồ đề dạ"** dịch nghĩa là *Giác Đạo Giác Tâm* tức **Bất Thoái Kim Luân Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 40 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn từ thân này cho đến được Phật Thân chẳng bị thoái chuyển Tâm Bồ Đề thì nên cầu nơi tay Bất Thoái Kim Luân"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 38:

"Nếu người nào vì từ Thân hiện tại cho đến Thân Phật, Tâm Bồ Đề thường chẳng thoái chuyển thì nên cầu nơi bàn tay cầm Bất Thoái Kim Luân"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 38 là:

Nếu vì Tâm Bồ Đề chẳng thoái chuyển nên tu Pháp Bất Chuyển Luân. Tượng BẤT CHUYỂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... xong tay phải cầm Kim Luân (bánh xe vàng) tay trái ấn tòa làm thế bất động, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tay trái án mặt đất, tay phải nắm quyền dựng Phong (ngón trỏ) và Không (ngón cái) như thế cầm bánh xe.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẤT ĐÀ BỒ ĐỊA CHẤT ĐÁ (Thành tựu Tâm Bồ Đề) PHỘC LẬT NA CHƯỚC KHẤT LA (Kim luân) A TẤT NOA (không có lay động) SA PHỘC HẠ.



Oṃ_ Vajra-dharma siddha bodhi-citta suvarṇa-cakra acala svāhā

39_ **Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ** (Tay nâng vị Hóa Phật trên đỉnh đầu)



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

_ Câu thứ 47 trong văn của bài Chú là: **"Bồ đà dạ bồ đà dạ"** dịch nghĩa là *Trí giả Giác giả* tức **Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 25 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký thì nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 39:

"Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến xoa đỉnh đầu thọ ký thì nên cầu nơi bàn tay Đỉnh Thượng Hóa Phật"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 39 là:

Nếu người muốn được tất cả Như Lai quán đỉnh thọ ký nên tu pháp Đỉnh Thượng Hoá Phật. Tượng QUÁN ĐỈNH QUÁN TỰ TẠI..... chỉ có 2 tay quyền, trên đỉnh đầu đặt vị Hóa Phật, vẽ tượng xong.



Tướng ấn là: Hai tay cài buộc bên trong, dựng kèm 2 ngón cái đè lên bên cạnh ngón trỏ. Đem ấn đặt ở đỉnh đầu, rồi bung ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TỲ TRU GIẢ (Quán đỉnh) BÁT LA ĐỂ XA (truyền cho) BỒ ĐÀ ĐẠT LA NI (Phật Địa) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma abhiṣaika pratīccha buddha-dhāranāṃ svāhā

40_ **Bồ Đào Thủ** (Tay cầm chùm Bồ Đào):



_ Tay thứ tám trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_ Câu thứ 66,67 trong văn của bài Chú là: **"Sa bà ma ha a tất đà dạ, sa bà ha"** dịch nghĩa là *thành tựu vô lượng* tức **Bồ Đào Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BẤT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 41 trong Kinh Văn:

"Nếu muốn có được quả trái, các thứ lúa gạo thì nên cầu nơi tay Bồ Đào"

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 40:

"Nếu người nào vì quả trái, các thứ lúa đậu thì nên cầu nơi bàn tay cầm chùm Bồ Đào"

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 40 là:

Nếu vì thành tựu ngũ cốc ,tất cả thực vật nên tu Pháp Bồ Đào.Tượng HỘ ĐỊA QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay trái cầm chùm Bồ Đào, tay phải là thế Thí Nguyện Khế, tượng đó thành rồi.



Tướng Ấn là: quyền trái đặt ở eo, tay phải duỗi các ngón ấn lên mặt đất.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẤT ĐÀ ĐẠT LA NI, SA LA, SA LA (địa vị thành tựu) SA PHỘC HẠ.

Oṃ_ Vajra-dharma siddha dhārāṇāṃ, sala sala svāhā

THANH CẢNH QUÁN ÂM

Thanh Cảnh Quán Âm có tên Phạn là Nīlakaṇṭha trong đó **Nīla** là màu xanh, **Kaṇṭha** là cái cổ. Như vậy **Nīlakaṇṭha** có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là THANH CẢNH. Một số bản truyền thừa dịch âm tên này là: Na La Giản Đà, Ni La Kiến Tha, Nễ La Cẩn Trì, Nễ La Kiến Thế, Na La Cẩn Trì… Hoặc ghi nhận tên Phạn là: Nilaghace, Arya Nilaghace, Nīlakaṇṭhi, Nalakiddhi …

Theo truyền thống Mật Giáo thì Tôn này vì muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn cho tất cả chúng sinh nên đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại bất thiện uế ác … gom tụ ở cổ mà có cái cổ màu xanh và sau này cái cổ màu xanh được biểu thị cho nghĩa **Phiền Não tức Bồ Đề.** Do đây mới có tên là **Thanh Cảnh.**

Truyền thống này cũng tương đồng với truyện tích thần thoại cổ xưa của Ấn Độ về Śiva Thượng Đế. Tương truyền khi các Thiên Thần quấy động biển sữa tìm cầu **Cam Lộ** (Amṛta) thời Śiva (Thấp Bà Thần) phát hiện trong biển có cái bình độc, do sợ cái bình độc này sẽ gây hại chúng sinh nên Śiva đã phát Tâm Đại Bi tự mình nuốt hết cái bình độc và bị chất độc hại phát tác cho nên cổ gáy biến thành màu xanh. Từ truyền thống này mà **Thanh Cảnh Quán Âm** có hình tượng tương tợ với Śiva.



Theo truyền thống Hoa Văn thì Tôn này còn được xưng là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát**, là một Hoá Thân của Quán Âm Bồ Tát, thuộc vị Quán Âm thứ 14 trong 33 Thể Quán Âm. Hoặc là vị Minh Vương (Vidya-rāja) do Quán Âm Bồ Tát hoá hiện ra. Nếu có chúng sinh niệm vị Quán Âm này ắt xa lìa sợ hãi, ách nạn, được giải thoát các khổ.

Căn cứ vào **Ca Lâu La Vĩ Sa Pháp** thì **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) có 3 mắt, tên cổ hiện màu xanh, toàn thân có 18 tay nên được xem là tương đồng với Tôn này.

Theo ***Thai Tạng Giới Man Đa La của A Xà Lê*** thì **Thanh Cảnh Quán Âm** (Lộc Bì Y Hình: Hình mặc áo da hươu) có vị trí trong Viện Quan Âm và là một trong 4 vị Đa La Tôn tu trì thành tựu pháp Quán Âm đồng thời biểu thị cho **Công Đức nội chứng** của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Mật Giáo Trung Hoa ghi nhận rằng: do Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Lokeśvara-rāja-tathāgata) tu hành pháp yếu **Liên Hoa Đạt Ma** (Padma-dharma: Liên Hoa Pháp) nên Đức Phật **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ) có biệt hiệu là **Thanh Cảnh**.

❖ HÌNH TƯỢNG:
có 3 loại Tôn Tượng là 2 tay, 4 tay, 1000 mắt 1000 tay.

_ Phật Giáo Ấn Độ ghi nhận Thanh Cảnh là một trong 108 vị Quán Âm với danh xưng là **Thanh Cảnh Thế Tự Tại** (Nīlakaṇṭha-Lokeśvara)



_ Thanh Cảnh Quán Âm (hay **Thanh Đầu Quán Âm**): Tôn thứ 14 trong 33 Thể Quán Âm, tương đương với hóa thân Phật Đà của Bồ Tát Quán Âm



_ **Quyến Sách Kinh 9** ghi là: Thanh Cảnh Quán Thế Âm có tay trái cầm hoa sen, tay phải giương lòng bàn tay, ngồi kiết già.



_ **Khẩu Quyết** ghi là: như Thánh Quán Âm chỉ có cái cổ màu xanh, hiện 1000 mắt 1000 tay (Do Tôn tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm còn được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm).

_ **Thanh Cảnh Đại Bi Niệm Tụng Nghi Quỹ** ghi: Tượng ấy có 3 mặt, bốn cánh tay cầm 4 loại vật là: cây gậy, hoa sen, bánh xe, vỏ ốc (loa). Thân màu trắng hồng, cổ màu xanh biểu thị cho nghĩa **Phiền Não tức Bồ Đề.**



_ **Thanh Cảnh Nghi Quỹ** ghi là: Màu trắng có 3 mặt. Mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mão báu, trong mão có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn thân có 4 tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp là quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắng đen làm Thần tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh. Anh lạc, vòng xuyến tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.



∗ Tôn này có chủng tử là HRĪḤ (ह्रीः) hay SA (स) hoặc SAḤ (सः)

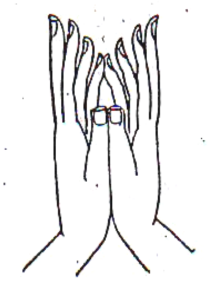
∗ Tam muội gia hình là *Hoa sen xanh mới nở* hoặc *vật báu có hình bánh xe*.

❖ **ẤN QUYẾT:**

1) Bát Diệp Liên Hoa Ấn:

Đây là Ấn thông dụng của các vị Quán Âm trong Liên Hoa Bộ. Bên trên hoa sen 8 cánh thù diệu, quán tưởng viên ngọc báu, biểu thị cho hình Tam Ma Gia của Bản Tôn là dùng Pháp Đại Bi thanh tịnh giúp cho chúng Hữu Tình tự trực ngộ Giác Tính Tối Thượng vốn có trong Tâm mình. Vì kết Hiển Ấn nên gọi là Tối Mật Ấn

Chắp 2 tay lại giữa trống không. 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng. 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở. Kết Ấn xong. Quán tưởng trên Ấn có viên ngọc Như Ý.



Chân Ngôn là:

ॐ मणि पद्मे हूं ह्रीः

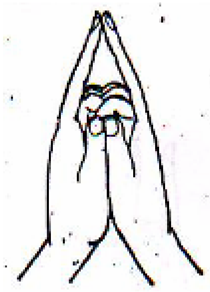
OṂ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

Nếu chỉ kết Ấn mà không quán viên ngọc Như Ý thì có thể dùng mọi Chân Ngôn của các vị Quán Âm trong Liên Hoa Bộ.

2) Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Tùy Tâm Ấn

Ấn này tức là Diệu Hương Ấn và có tên là **Đại Bi Bạt Khổ Ấn**.

Hai tay cài chéo các ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội Phộc Quyền). Duỗi 2 ngón trỏ sao cho đầu ngón hợp lại như cánh sen, kèm song song 2 ngón cái duỗi thẳng.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

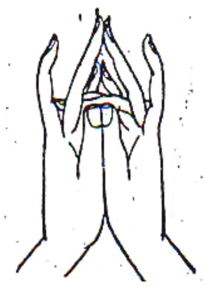
Nếu kết Ấn, tụng Chân Ngôn này thì hay trừ tất cả tai họa , bệnh tật. Sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc. Ngoài ra mọi mong ước của Thế Gian hay Đại Nguyện Xuất Thế Gian đều thành tựu

3) Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn

Còn gọi là Ngũ Phong Ấn, Ngũ Trí Ấn, Ngũ Đại Ấn, Ngoại Ngũ Cổ Ấn

Do 40 tay được chia làm 5 Bộ biểu thị cho diệu dụng của 5 Trí Như Lai nên Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn biểu thị cho 5 Trí của Liên Hoa Bộ. Vì thế Ngũ Cổ Mật Ấn nhiếp 40 tay tức là Tổng Ấn của 40 tay và được gọi là **Thiên Thủ Căn Bản Ấn**

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền (Ngoại Phộc Quyền) dựng 2 ngón giữa dính nhau như cây kim (hoặc hình cánh sen úp) 2 ngón cái, 2 ngón út đều kèm nhau dựng thẳng đứng, duỗi bung 2 ngón trỏ.



Chân Ngôn dùng **Đại Bi Tâm Đà La Ni**

4) Bổ Đà Lạc Sơn Ấn

Do núi **Bổ Đà Lạc** (Potala) có 9 ngọn và núi này biểu thị cho trú xứ của Thiên Thủ Quán Am, tức gọi là Thiên Thủ Thiên Nhãn Căn Bản Ấn. Theo Kinh Quỹ thì Ấn Tướng có 2 dạng là :

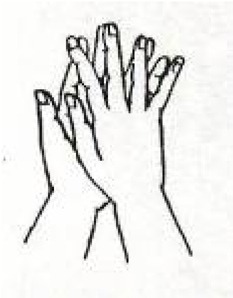
a_**Đại Tạng Kinh Đồ Tượng 8, phần Ấn Đồ** có vẽ tay Ấn Bổ Đà Lạc Sơn là:

Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng, duỗi bung các ngón: út, vô danh, trỏ, cái thành 8 ngọn và hơi hướng 2 lòng bàn tay về phía trước.

Câu xưng tán là " **Nam mô Bổ Đà Lạc Sơn Quán Âm Bảo Tháp"**

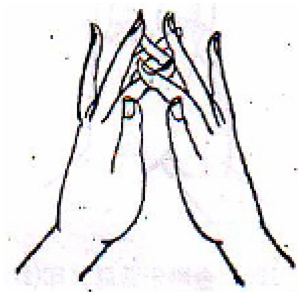
b_ Trong Quỹ ghi:

Căn Bản Ấn là 2 tay kết Kim Cương Hợp Chưởng (Vajra-jaliṃ) hơi cong ngón tay lìa tướng Hợp Chưởng. Hợp 2 Độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) với nhau, đều dựng 4 Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) liền thành



_ **Kim Cương Đỉnh Giáng Tam Thế Đại Nghi Quỹ Pháp Giáo Trung Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Chân Ngôn Nhất Thiết Như Lai Đại Mạn Trà La Phẩm** có ghi

Chắp 2 tay lại, 2 ngón vô danh 2 ngón trỏ giao nhau, 2 ngón cái 2 ngón út đều mở thẳng, 2 ngón giữa hợp nhau. Đây là **Căn Bản Ấn**



_ **Bất Không Quyến Sách 8** ghi là:

Ấn này làm hình 9 ngọn núi. 2 ngón út, 2 ngón cái là 4 ngọn. 2 ngón trỏ, 2 ngón vô danh là 4 ngọn. 2 ngón giữa hợp thành một ngọn, tổng cộng thành 9 ngọn , Năng Cư và Sở Cư đồng một Thể. Do đó Tướng của Căn Bản Ấn biểu thị cho 9 ngọn núi, đấy là 4 Trí của 2 Bộ. 8 ngón tay biểu thị cho 8 Đức, 2 ngón giữa là một Trí của Bình Đẳng biểu thị cho Tổng Đức, nên thường dịch là **Cửu Phong Mật Ấn**

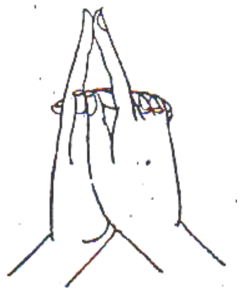
_ **Khẩu** ghi:

Ấn này: 2 ngón út, 2 ngón trỏ là ngàn ánh sáng (Thiên Quang) như Bảo Tràng Phật Ấn phóng ra ngàn ánh sáng. 2 ngón giữa là Hoa Sen chưa nở, trong hoa quán chữ Hrīḥ (ह्रीः) tức là hoa sen của Bản Giác. 2 ngón vô danh, 2 ngón trỏ cài nhau biểu thị cho nghĩa **Cột Buộc** tức là Yết Ma (Karma:Nghiệp Dụng). Như vậy Ấn này thành cành nhỏ, biểu thị cho Sự Nghiệp

Chân Ngôn của Căn Bản Ấn là **Đại Bi Tâm Đà La Ni.**

5) Bí Mật Ấn:

2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phướng. Ấn này có tên là Ngoại Phộc Thanh Liên Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHA JVALA BHRŪ BHRŪ HŪṂ

[Bản khác ghi là:

OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHEŚVARA BHRU BHRU HŪṂ] .

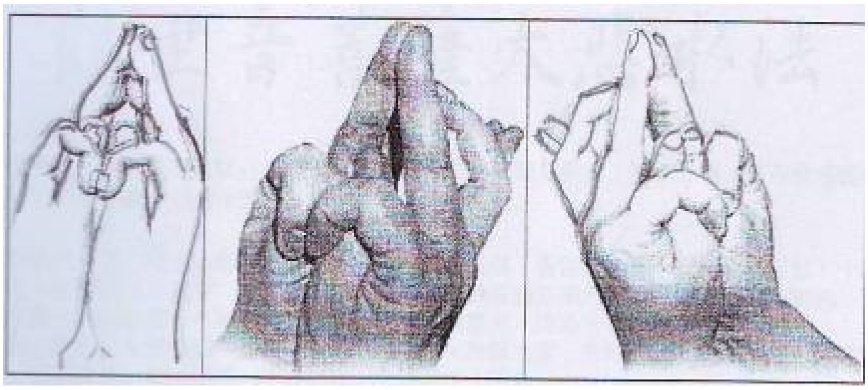
6) Thanh Cảnh Bồ Tát Ấn:

Hai tay cài chéo nhau bên ngoài. Đút ngón cái trái vào lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái phải, 2 ngón giữa làm hình cánh sen, duỗi thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út (bên phải đè bên trái) cùng cài chắc nhau

Chân Ngôn là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Đà La Ni**

7) Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Ấn:

Chắp 2 tay lại giữa rỗng, co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (đây là Loa Pháp) dựng hợp 2 ngón giữa (đây là Hoa Sen) dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (đây là bánh xe_ Luân Pháp) dựng hợp 2 ngón út (đây là Cây Gậy _ Trượng Pháp) Nơi một Ấn đủ 4 Ấn : Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng.



Chân Ngôn là **Đại Bi Tâm Chú**

8) Thanh Cảnh Tâm Ấn:

Hai tay kết Kim Cương Phộc, 2 ngón giữa như cây phướng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ LOKE-JVALA-RĀJA HRĪḤ

[Bản khác ghi là:

OṂ_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ]

Thanh Cảnh Quán Tự Tại Pháp **là Pháp cầu thỉnh** Thanh Cảnh Quán Âm.

Dùng Tôn này làm Bản Tôn để cầu nguyện trừ bệnh, diệt tội, kéo dài mạng sống (diên mệnh)...làm Bí Pháp để tu thì xưng là **Thanh Cảnh Quán Âm Pháp**.

_Lược Bản **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**, lại gọi là **Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Mahā-kāruṇika-citta-dhārāṇī) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva). Bài Chú này có các tên gọi là: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni… và thường gọi tắt là **Chú Đại Bi**

_Theo Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** do Ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad_Dharma) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là :

1) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni
2) Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni
3) Cứu Khổ Đà La Ni
4) Diên Thọ Đà La Ni
5) Diệt Ác Thú Đà La Ni
6) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni
7) Mãn Nguyện Đà La Ni
8) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni
9) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Người muốn tu trì Chú Đại Bi này, trước tiên phải phát khởi Tâm cảm ơn sự trong sạch của nguồn Pháp, quy mệnh Bản Tôn **Đại Bi Thanh Cảnh Quán Âm** cùng với Thần Chú này. Tiếp theo khẩn cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ chúng ta đến được cảnh giới viên mãn thanh tịnh, đập nát tất cả chướng ác. Ngoài ra chúng ta cần phải nhớ trì mười loại tướng mạo Đà La Ni này, nhằm tăng cường thêm cho uy lực của Chú Đại Bi.

1_ Tâm Đại Từ Bi: Đại Từ (Mahā-maitri) là giúp cho chúng sinh vui vẻ, Đại Bi (Mahā-kāruṇa) là nhổ sạch khổ đau của chúng sinh, cần phải đầy đủ Tâm Đại Từ Bi

này mới gọi là **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**. Tâm Đại Từ Bi là từ trong Thể Tính của Pháp Giới sinh ra, là lực lượng được sinh ra trực tiếp từ trong Tâm Bồ Đề

2_ Tâm Bình Đẳng: Là biết tất cả Pháp Giới đều bình đẳng. Chư Phật, chúng sinh chẳng có sai khác, ta và Chư Phật ngang bằng không hai. Ta trì tụng Chú này tức là chư Phật cũng trì tụng Chú này, mà trong Tâm không có bất cứ ngã mạn nào, toàn bộ là ở sức Pháp Giới trì tụng Chú này, phân biệt căn bản không có ta cũng không có Chư Phật. Ta trì tụng Chú này cúng dường tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng phải nhận cúng dường của Đức Phật Đà. Tất cả bình đẳng, không có hai.

3_ Tâm Vô Vi: Vô Vi là không chấp trước, không tác ý, tự nhiên mà khởi, không cần theo thứ tự mà tiến lên, buột miệng nói ra; tự nhiên sinh khởi, Tâm không có chướng ngại, bấy giờ tức là **Vô Trụ Sinh Tâm**, Tâm Quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng thể đắc. Vô Vi không chế tác, tự nhiên buột miệng mà niệm.

4_ Tâm không có nhiễm dính (Vô nhiễm trước): Không chấp dính cảnh giới của Chú Đại Bi, không chấp dính cảnh giới của chư Phật, không chấp dính cảnh giới của chúng sinh, không chấp dính hết thảy cảnh giới của Thần Thông, cũng không chấp dính vào công dụng của Chú Đại Bi, tất cả đều là **Như Huyễn** của Hiện Quán.

5_ Tâm Không Quán: Không Quán đó là như huyễn. Quán sát sự trống rỗng của Tính Duyên Khởi, Như Huyễn của Hiện Quán, đồng dạng cũng không có bất cứ sự nhiễm dính, ngay cả Chú Đại Bi cũng là trống rỗng (Śūnya: Không). Nhân vào Duyên của **trống rỗng** (Không) cho nên hay sinh khởi Chú Đại Bi.

6_ Tâm Cung Kính: Cho dù chúng ta biết rõ là trống rỗng, cho dù là như huyễn, cho dù là không nhiễm dính, nhưng đối với Chú Đại Bi vẫn có Tâm cung kính vô thượng, đối với Quán Thế Âm Bồ Tát có Tâm cung kính vô thượng, đối với chư Phật có Tâm cung kính vô thượng.

7_ Tâm Thấp Kém: Cho dù biết các Pháp bình đẳng không hai, nhưng không tự mãn, không tự cho là đủ, cúng dường Chú này. Nói chung giống như trái đất, cúng dường tất cả, Tâm không dâng lên cao.

8_ Tâm không có Tạp Nhiễm: Tâm không có tạp nhiễm là Định, buột miệng nói ra, an trụ vào trong Chú Đại Bi, Tâm không hỗn loạn bất cứ cái gì, an trụ ở cảnh giới **Đẳng Trì** (Samādhi) của Định Tuệ, là Tâm không có tạp nhiễm.

9_ Tâm không có Kiến Thủ: Kiến Thủ là ở trong pháp **Ngũ Uẩn** quên loại bỏ ngã chấp, loại bỏ sự dính mắc các Pháp. Tâm không có Kiến Thủ là tương ứng với Tâm **Không Quán**, Tâm không có Kiến Thủ là **Không Quán**, đó là khởi **Hiện Không**, không có chấp dính, niệm niệm chẳng thể đắc. Là pháp môn Vô Niệm, là pháp môn Bát Nhã, là Nhất Hạnh Tam Muội. Đi, đứng, ngồi, nằm trong Nhất Hạnh đều ở trì tụng Chú Đại Bi mà không có chấp dính; tuy độ tất cả chúng sinh mà quả thực không một chúng sinh nào được độ.

10_ Tâm Vô Thượng Bồ Đề: Cần phải phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát và mười phương chư Phật đồng một Từ Lực, cùng với chúng sinh đồng một Bi Ngưỡng, đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ tất cả chúng sinh.

Nếu hay như Pháp tụng trì Chú này, không những chỉ thông đạt Phật Pháp mà tất cả học vấn thế gian cũng đều hiểu biết hết, các loại Kinh Điển, Pháp Thuật cũng hay thông đạt, hay xua đuổi tất cả bệnh tật, cũng hay chế phục tất cả Thiên Ma và Quỷ Thần…. khiến cho không thể gây chướng ngại.

Ngoài ra bài Chú này còn hiển bày các thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm giúp cho tất cả chúng sinh mau chóng **dứt khổ trừ mê** qua Pháp **Đại Bi Tâm Đà La Ni Xuất Tướng**:

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI XUẤT TƯỚNG

1) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia

𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧

NAMO RATNA-TRAYĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm tràng hạt (Niệm Châu)

2) Nam mô a lợi gia
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧
NAMAḤ ĀRYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm bánh xe Pháp (Pháp Luân)

3) Bà lô yết đế thước bát la gia
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
AVALOKITEŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm cái bát.

4) Bồ đề tát đá bà gia
𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧
BODHI SATVĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm sợi dây Bất Không (Bất Không quyến sách)

5) Ma ha tát đá bà gia

𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧

MAHĀ SATVĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Bản Thân trì tụng Chú

6) Ma ha ca lô ni ca gia
𑖦𑖮𑖯 𑖎𑖯𑖨𑖲𑖜𑖰𑖎𑖯𑖧
MAHĀ KĀRUṆIKĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Mã Minh Bồ Tát**

7) Án
उं
OṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng các **Quỷ Thần Vương** chắp tay tụng Chú

8) Tát bà la phạt duệ

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖨 𑖥𑖧𑖸

SARVA RABHAYE



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tứ Đại Thiên Vương**

9) Số đát na đát tả
𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖡𑖯𑖟𑖬𑖿𑖧
ŚUDDHA NĀDAṢYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bộ Lạc của bốn Đại Thiên Vương**

10) Nam mô tất cát lợi đỏa y mông a lợi gia

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA

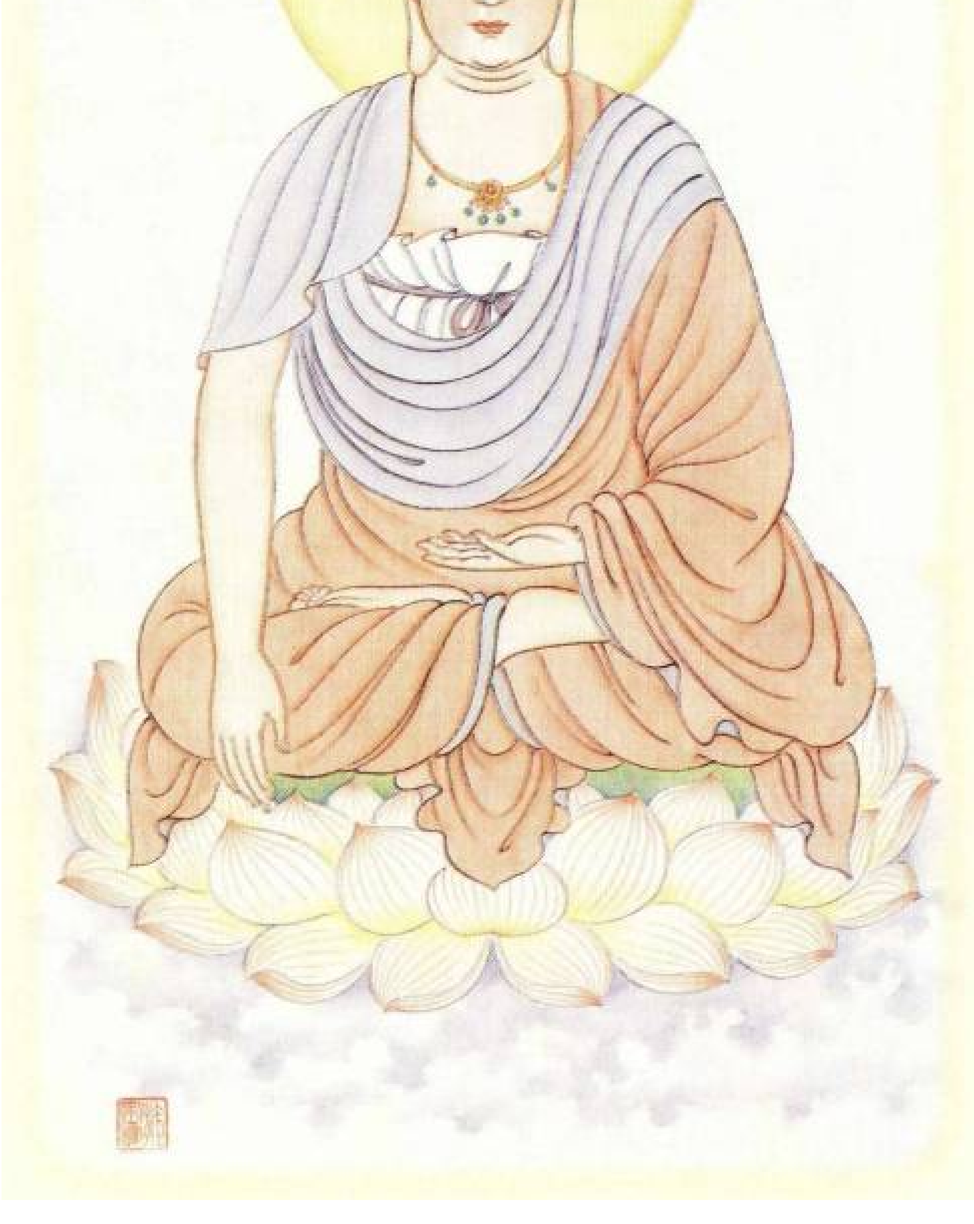


Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Long Thọ Bồ Tát**

11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà

𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨 𑖩𑖽𑖝𑖥

AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Viên Mãn Báo Thân **Lô Xá Na Phật**

12) Nam mô na la cẩn trì
𑖡𑖦𑖺 𑖡𑖱𑖩𑖎𑖽𑖘
NAMO NĪLAKAṆṬHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Thanh Tịnh Pháp Thân **Tỳ Lô Giá Na Phật**

13) Hề lợi ma ha bà đá sa mế
𑖮𑖴 𑖦𑖮𑖯 𑖢𑖝 𑖫𑖦𑖰
HṚ MAHĀ PATAŚAMI



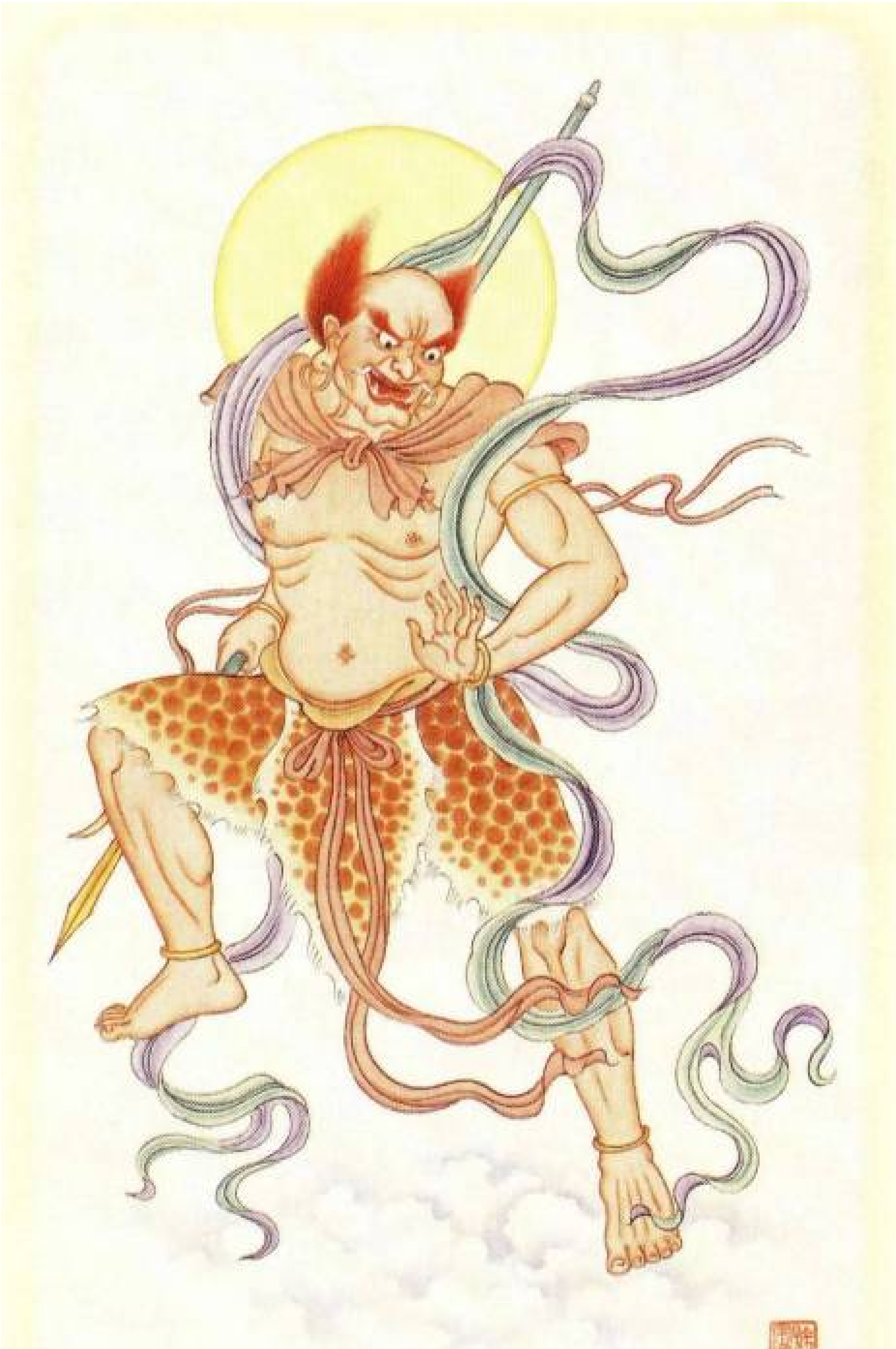
Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Dương Đầu Thần Vương**

14) Tát bà a tha đậu du bằng
𑖭𑖨𑖿𑖪𑖯𑖞 𑖟𑖲𑖫𑖲𑖣𑖽
SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Cam Lộ Vương Bồ Tát**

15) A thệ dựng
𑖀𑖕𑖰𑖧𑖽
AJIYAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phi Đằng Dạ Xoa Thiên Vương**

16) Tát bà tát đá, na ma bà tát đá, na ma bà già
𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖡𑖦 𑖥𑖐
SARVA SATVA NAMA BHAGA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bà Già Bà Đế Thần Vương**

17) Ma phạt đặc đậu
𑖦 𑖥𑖯𑖝𑖰 𑖟𑖲
MĀ BHĀTI DU



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Quân Tra Lợi Bồ Tát**

18) Đát điệt tha

不 弘吖

TADYATHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân tướng A La Hán

19) Án , a bà lô hề

𑖌𑖼 𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰

OṂ AVALOKI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiển tướng Từ Bi vô lượng

20) Lô ca đế
𑖩𑖺𑖎𑖝𑖸
LOKATE



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Phạm Thiên Vương**

21) Ca la đế
𑖎𑖩𑖝𑖰
KALATI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đế Thần**

22) Di hề lợi
𑖂 𑖮𑖸𑖩𑖰𑖾
I HELIḤ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tam Thập Tam Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên Thần**

23) Ma ha bồ đề tát đỏa

𑖦𑖮𑖯 𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪

MAHĀ BODHISATVA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Thanh Tịnh Vô Ngã Từ Bi

24) Tát bà tát bà

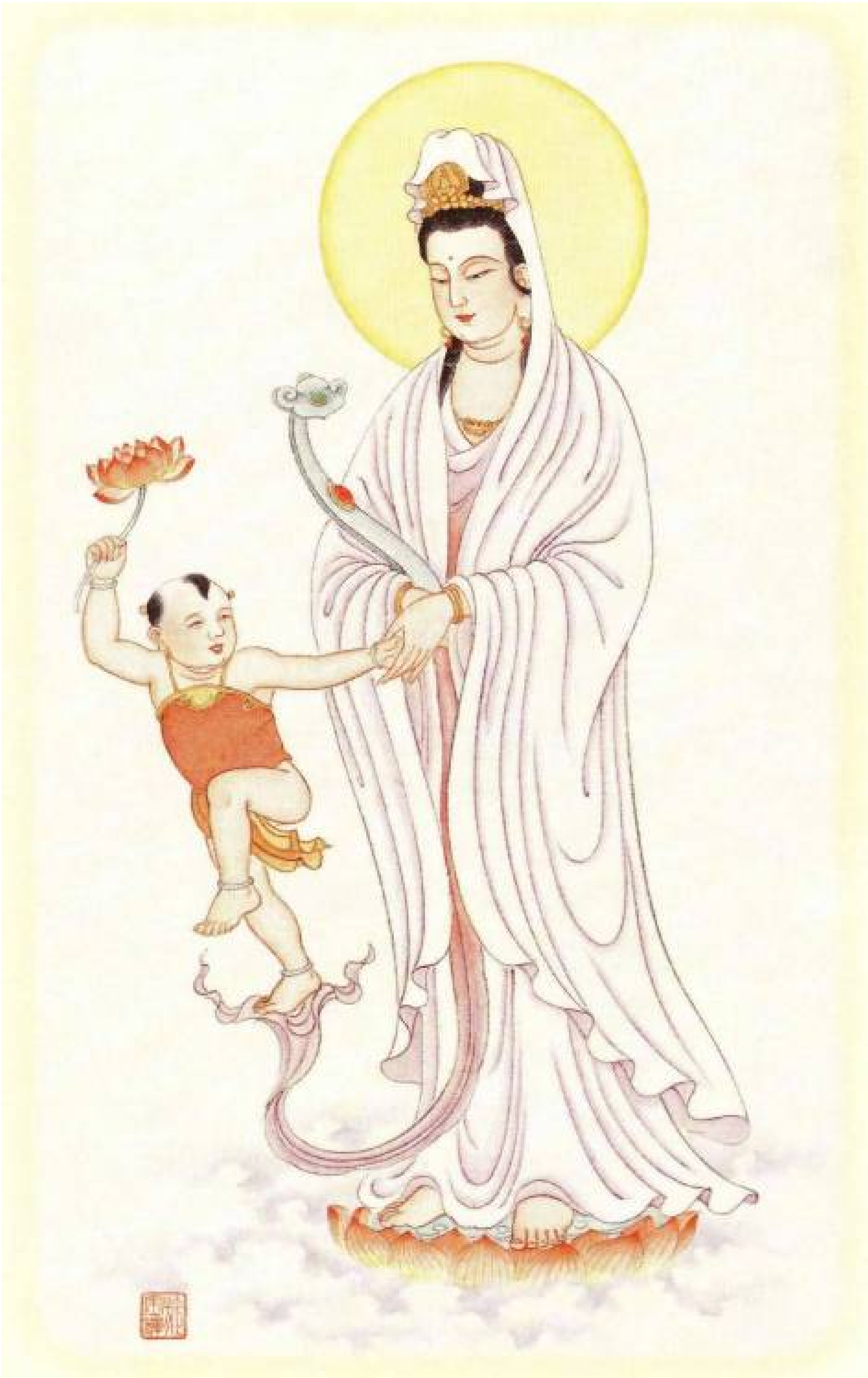
𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖭𑖨𑖿𑖪

SARVA SARVA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Hương Tích Bồ Tát**

25) Ma la ma la
𑖦𑖩 𑖦𑖩
MALA MALA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát**

26) Ma hề ma hề lợi đà dựng
𑖦𑖭𑖱 𑖦𑖭𑖱 𑖮𑖴𑖟𑖧𑖽
MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bạch Phát A Di Đà Phật**

27) Câu lô câu lô yết mông

𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖨𑖿𑖦𑖽

KURU KURU KARMAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Không Thân Bồ Tát**

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖥𑖬𑖰𑖧𑖝𑖰
TURU TURU BHAṢI YATI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Nghiêm Tuấn Bồ Tát**

29) Ma ha phạt xà gia đế

𑖦𑖮𑖯 𑖥𑖬𑖰 𑖧𑖝𑖰

MAHĀ BHAṢI YATI



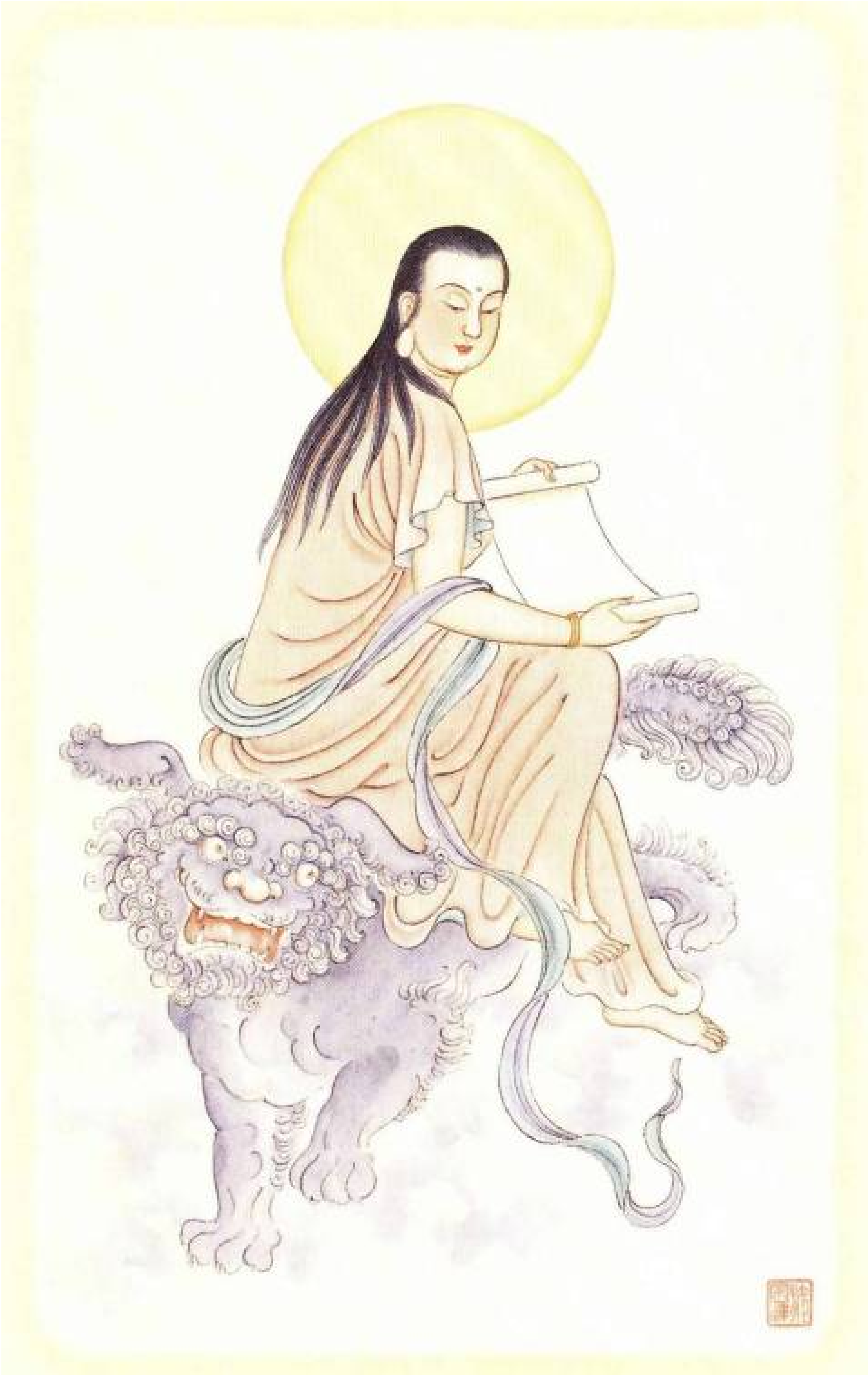
Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Lực Thiên Tướng**

30) Đà la đà la
𑖠𑖯𑖨 𑖠𑖯𑖨
DHĀRA DHĀRA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Thân Trượng Phu** tu khổ hạnh

31) Địa lợi ni
𑖠𑖰𑖨𑖰𑖜𑖰
DHIRIṆI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân tướng **Sư Tử Vương**

32) Thất phật la gia

IŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phích Lịch Bồ Tát**

33) Giá la giá la

𑖓𑖩 𑖓𑖩

CALA CALA



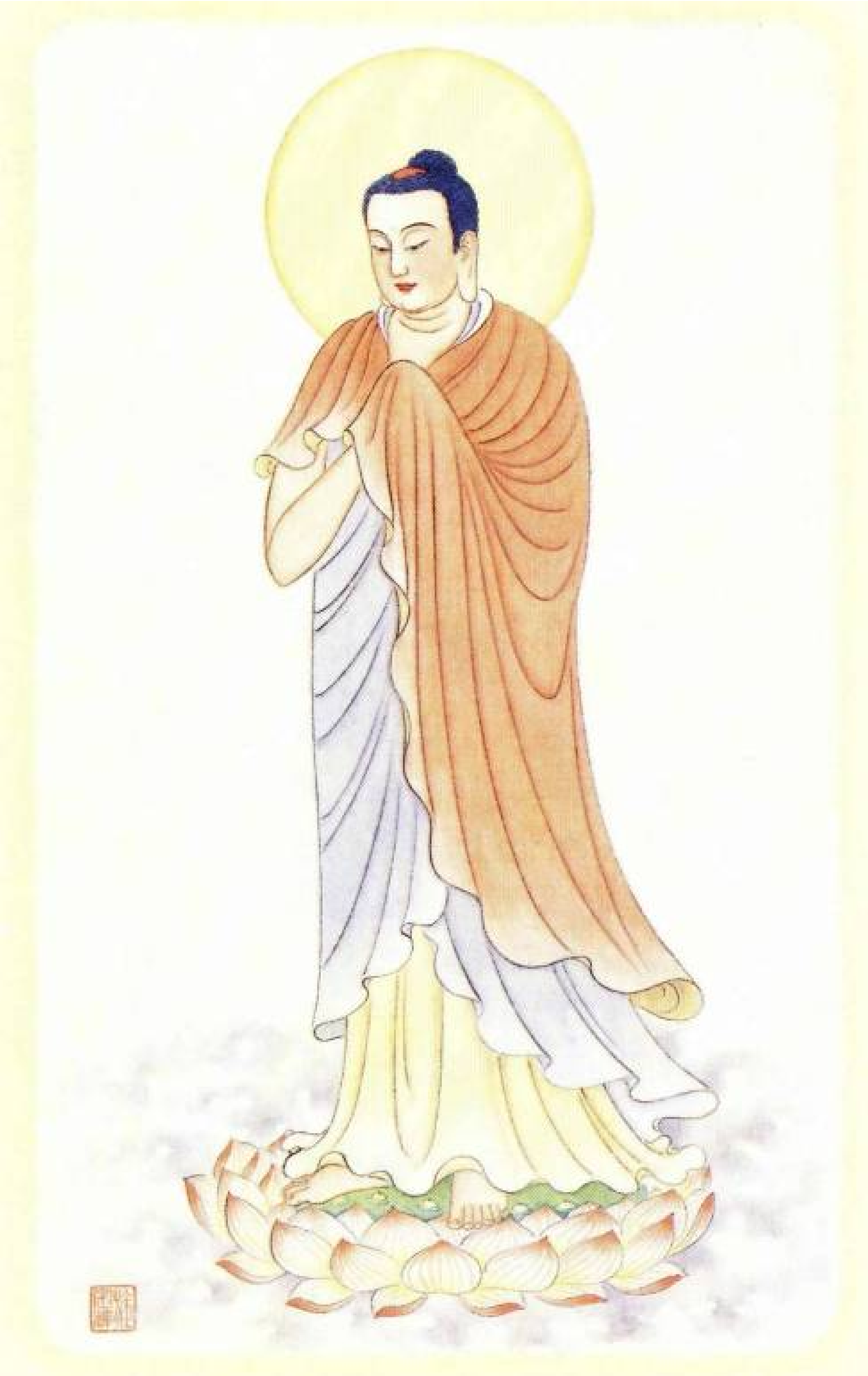
Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tồi Toái Bồ Tát**

34) Ma ma phạt ma la
𑖦𑖦 𑖪𑖰𑖦𑖩
MAMA VIMALA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Giáng Ma Kim Cương**

35) Mục đế lệ
𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖸
MUKTE



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng chư Phật Bồ Tát

36) Y hề di hề

ཨེ་ཧྱེ་ཧི

EHYEHI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ma Hê Thủ La Thiên Vương**

37) Thất na thất na
𑖫𑖰𑖡 𑖫𑖰𑖡
ŚINA ŚINA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Già Na Ma Tướng Thiên Vương**

38) A la sâm phật la xá lợi
𑖀𑖨𑖭𑖰𑖽 𑖥𑖩 𑖫𑖨𑖰
ARASIṂ BHALA ŚARI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng cầm giữ cái khiên (Bài), cung tên

39) Phạt xa phạt sâm
𑖥𑖬𑖯 𑖥𑖬𑖰𑖽
BHAṢĀ BHAṢIṂ



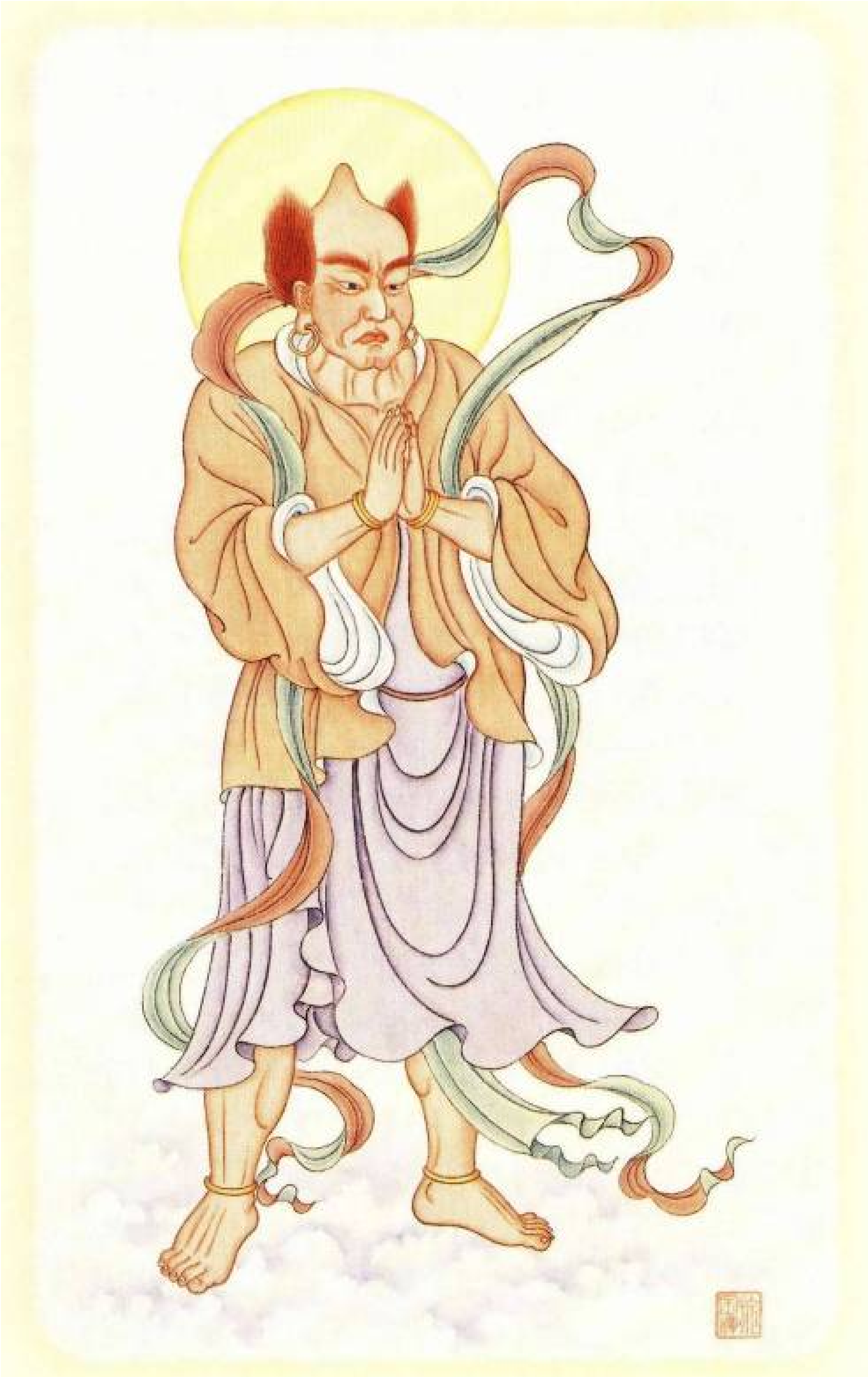
Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Kim Khôi Địa Tướng**

40) Phật la xá gia
𑖥𑖨 𑖫𑖧
BHARA ŚAYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **A Di Đà Phật**

41) Hô lô hô lô ma la
𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖢𑖿𑖨
HULU HULU PRA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bát Bộ Thần Vương**

42) Hô lô hô lô hề lợi

𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖫𑖿𑖨𑖱

HULU HULU ŚRĪ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tứ Tý Tôn Thiên**

43) Sa la sa la

𑖭𑖨 𑖭𑖨

SARA SARA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng đời ác năm trược

44) Tất lợi tất lợi
𑖭𑖰𑖨𑖰 𑖭𑖰𑖨𑖰
SIRI SIRI



Quán Thế Âm Bồ Tát cầm Tịnh Bình, cành Dương hiện tướng Từ Bi

45) Tô rô tô rô

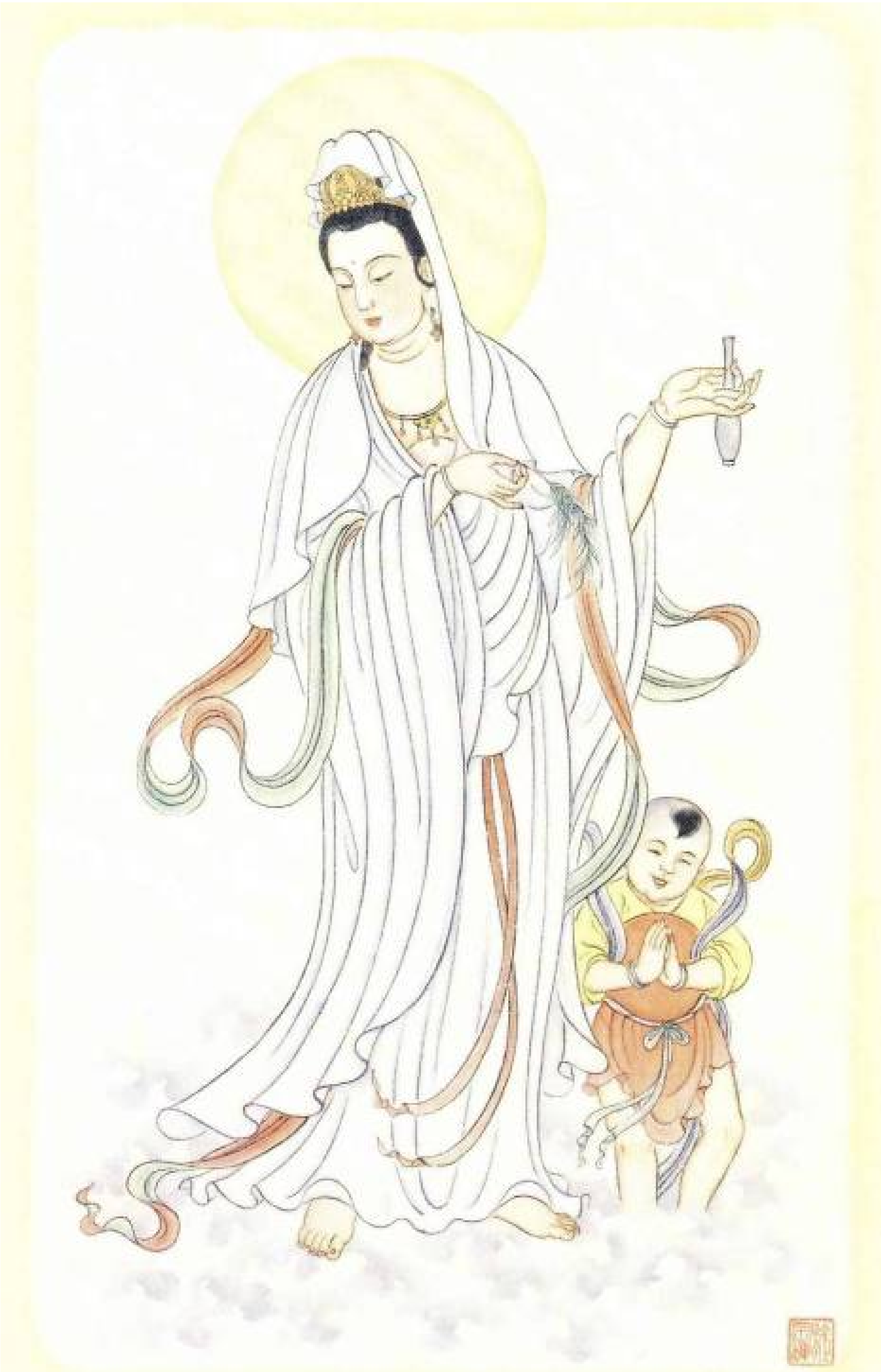
𑖭𑖲𑖨𑖲 𑖭𑖲𑖨𑖲

SURU SURU



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tiếng lá cây rơi của chư Phật

46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ
𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧
BUDDHIYA BUDDHIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát tuỳ dắt trẻ thơ (ấu đồng) hiện tướng Đại Từ Đại Bi

47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

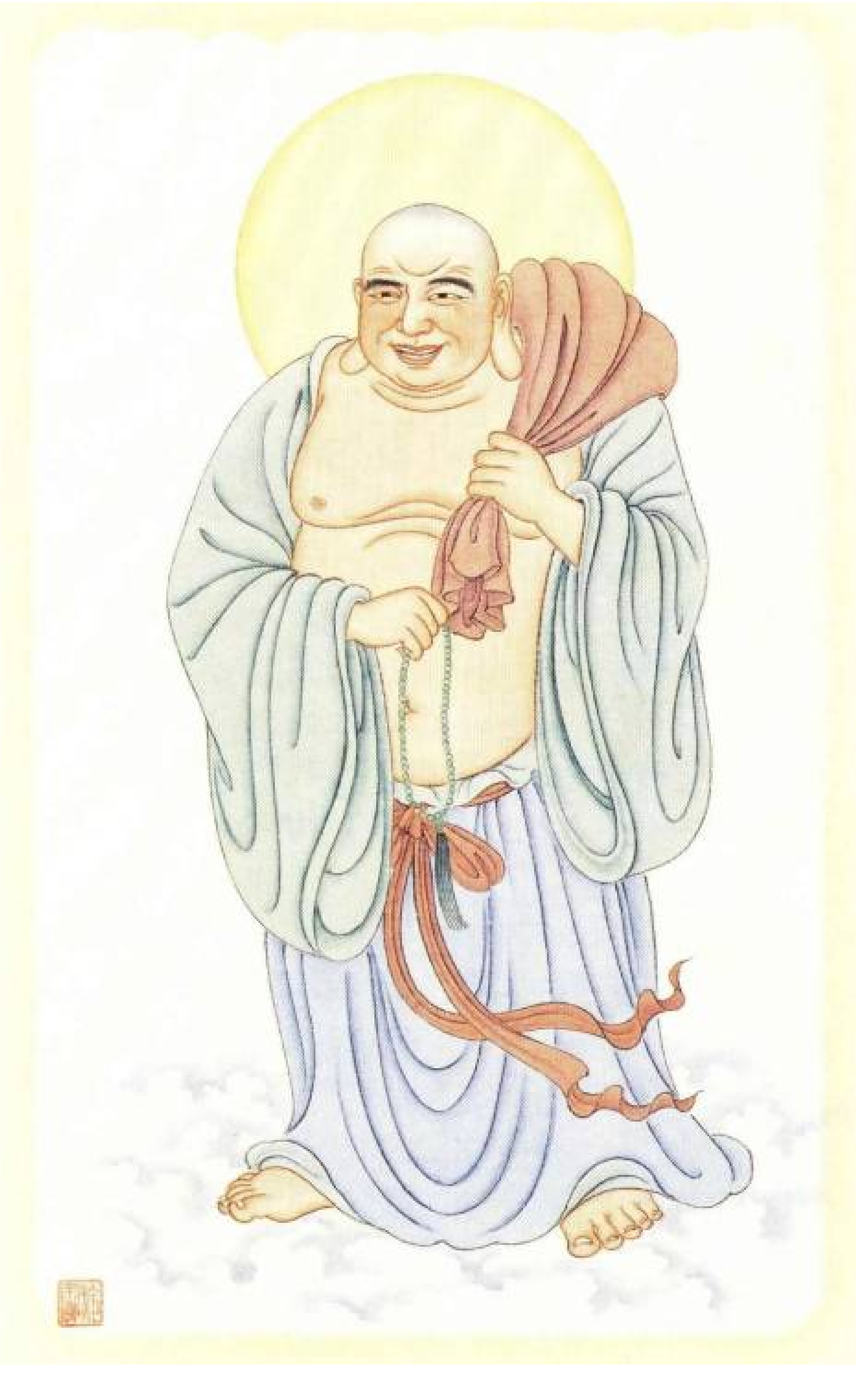
𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

BUDDHĀYA BUDDHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **A La Hán Tôn Giả**

48) Di đế lợi dạ
𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖰𑖧
MAITRIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Di Lặc Bồ Tát**

49) Na la cẩn trì
𑖡𑖱𑖩𑖎𑖽𑖙
NĪLAKAṆṬHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Địa Tạng Bồ Tát**

50) Địa lợi sắt ni na
𑖝𑖿𑖨𑖰𑖫𑖨𑖜
TRIŚARAṆA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bảo Tràng Bồ Tát**

51) Ba dạ ma na

𑖀𑖥𑖧 𑖦𑖜

ABHAYA MAṆA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Kim Quang Tràng Bồ Tát**

52) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tam Đầu Thiện Thánh**

53) Tất đà dạ

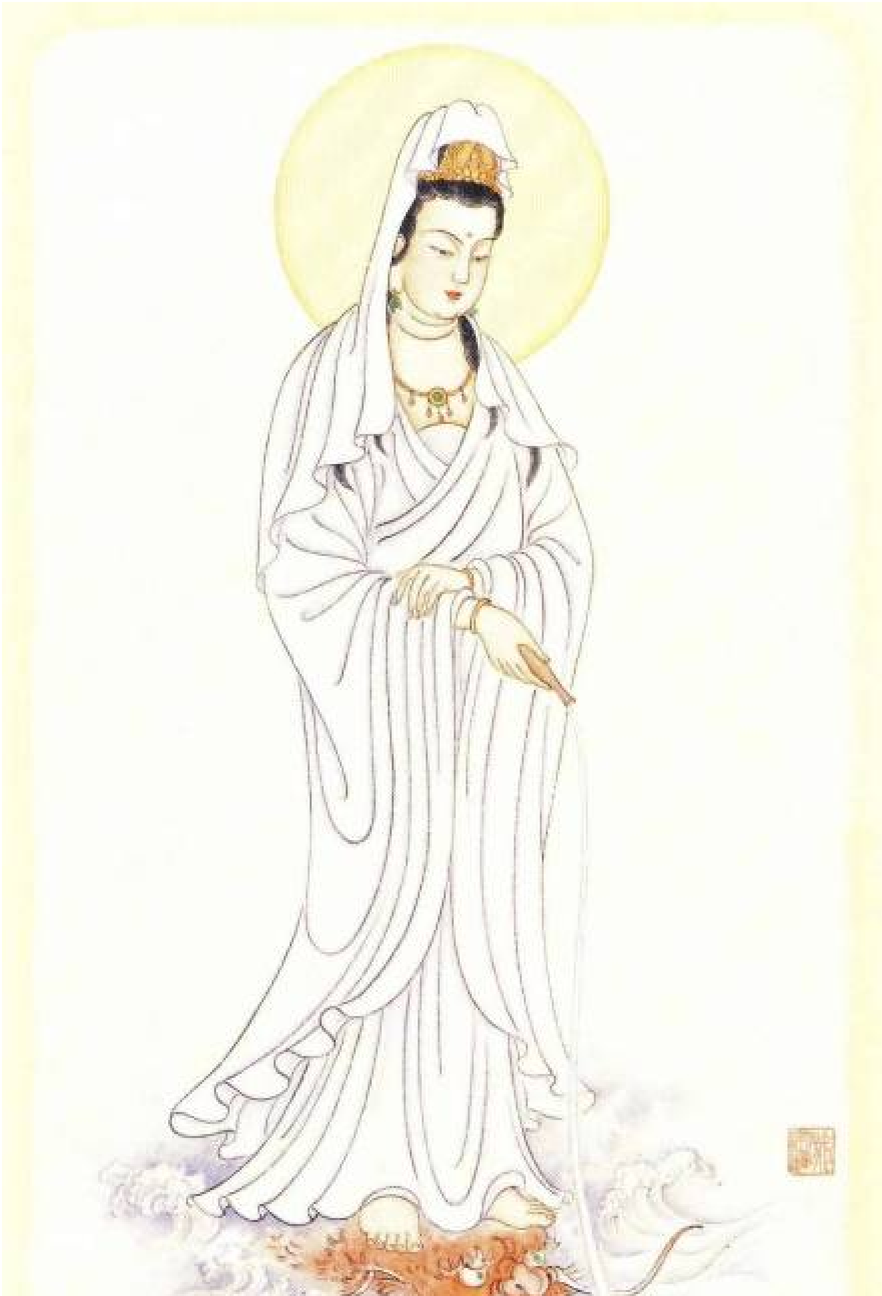
𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧

SIDDHIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Xá Lợi Phật Tôn Giả**

54) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Hằng Hà Sa Bồ Tát**

55) Ma ha tất đà dạ

𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧

MAHĀ SIDDHIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phóng Quang Bồ Tát**

56) Sa bà ha

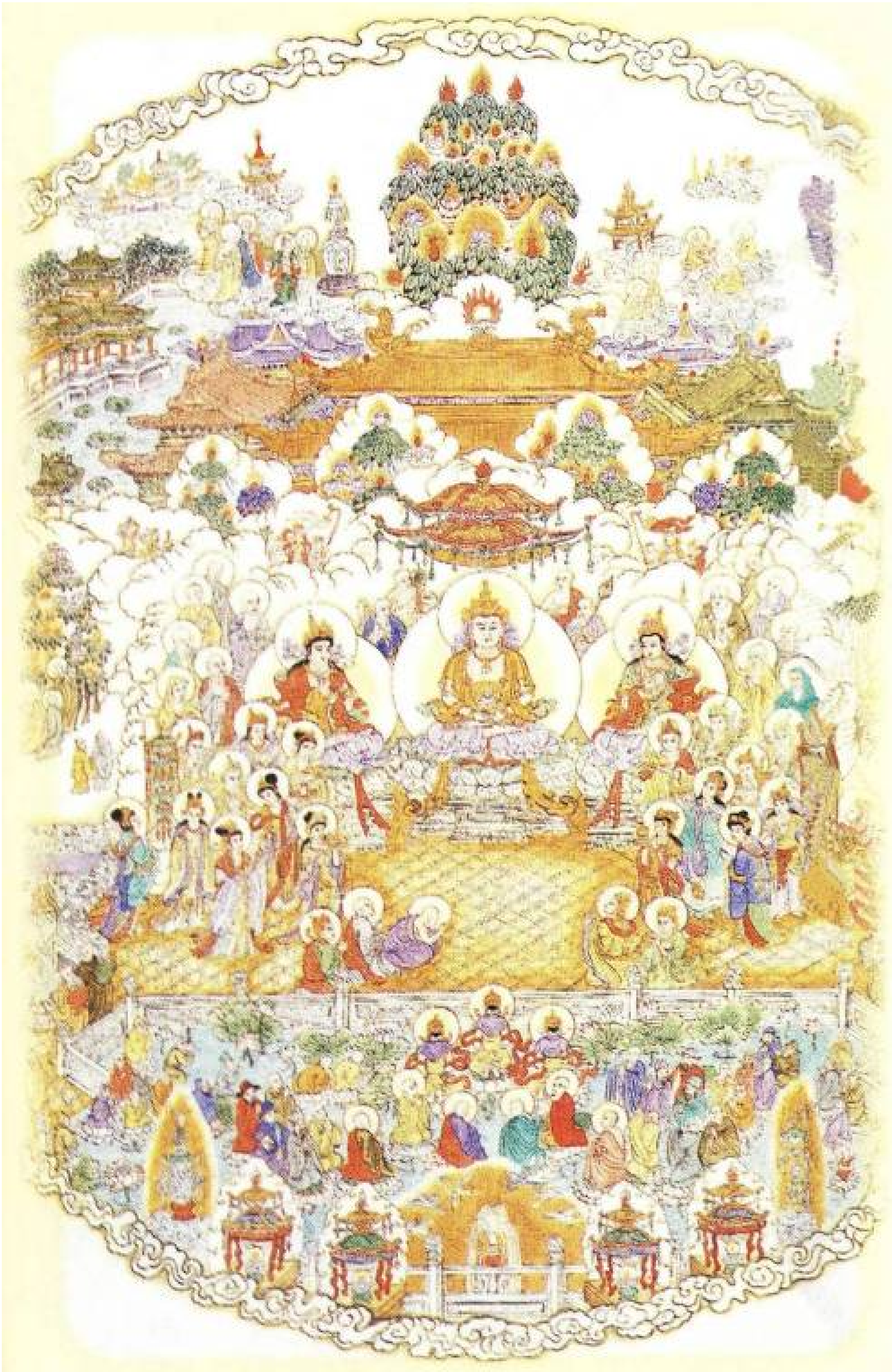
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Mục Kiền Liên Tôn Giả**

57) Tất đà dụ nghệ
𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠 𑖧𑖺𑖐
SIDDHAYOGA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiển tướng chư Thiên Bồ Tát trong Thế Giới Cực Lạc

58) Thất bà la gia
𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
IŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Thiên Nữ.

59) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **A Xà Na Tôn Giả**

60) Na la cẩn trì
𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙
NĪLAKAṆṬHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Sơn Hải Tuệ Bồ Tát**

61) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Chiên Đà La Tôn Giả**

62) Ma la na la

𑖢𑖿𑖨𑖪𑖨𑖯𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧

PRAVARĀHA MUKHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bảo Ấn Vương Bồ Tát**

63) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Câu Hy La Tôn Giả**

64) Tất la tăng a mục khư gia

𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖰𑖽𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧

ŚRĪ SIṂHA MUKHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Dược Vương Bồ Tát**

65) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Viên Mãn Bồ Tát**

66) Sa bà ma ha a tất đà dạ
𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖯𑖧
SARVA MAHĀ MUKTĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Dược Thượng Bồ Tát**

67) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Xá Lợi Phất Tôn Giả**

68) Giả cát la a tất đà dạ
𑖓𑖎𑖿𑖨𑖯 𑖧𑖲𑖠𑖯𑖧
CAKRĀ YUDHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Hổ Hàm Thần Tướng**

69) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Chư Thiên Ma Vương**

70) Ba đà ma yết tất đà dạ
𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖮𑖭𑖿𑖝𑖯𑖧
PADMA HASTĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Linh Hương Thiên Bồ Tát**

71) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tán Thiên Bồ Tát**

72) Na la cẩn trì bá già la gia, sa bà ha
𑖡𑖱𑖩𑖎𑖽𑖙 𑖫𑖽𑖏𑖨𑖯𑖕
NĪLAKAṆṬHA ŚAṄKHA RĀJA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phú Lâu Na Tôn Giả**

73) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đa La Ni Tử Bồ Tát**

74) Ma bà lợi thắng yết la dạ

MĀ VARI ŚAṄKARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tam Ma Thiền Na Bồ Tát**

75) Sa bà ha
स्वाहा
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Ca Diệp Tôn Giả**

76) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia
𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧
NAMO RATNA-TRAYĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ứng Hoá Hư Không Tạng Bồ Tát**

77) Nam mô a lị gia
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧
NAMAḤ   ĀRYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ứng Hoá Phổ Hiền Bồ Tát**

78) Bà lô cát đế
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝
AVALOKITA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ứng Hoá Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát**

79) Thước bá la dạ

𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧

IŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng hoa sen vàng ngàn cánh (Thiên Diệp Kim Liên)

80) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng buông rũ cánh tay màu vàng ròng

81) Án, tất điện đô
𑖌𑖼 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖿𑖧𑖡𑖿𑖝𑖲
OṂ SIDDHYANTU



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng mở năm ngón tay

82) Mạn đá la
𑖦𑖽𑖝𑖿𑖨
MANTRA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng bàn tay Đâu La Miên

83) Bạt đà dạ
𑖢𑖟𑖯𑖧
PADĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng giải thức ăn nhận các xúc chạm

84) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng giải phân các Pháp

THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Tôn này có tên Phạn là EKĀDAŚA MUKHA AVALOKITEŚVARA ( ), dịch âm là Ế Ca Na Xà Mục Khư A Phộc Lộ Chỉ Đế Thấp Phộc La. Dịch nghĩa là Thập Nhất Diện Quán Tự Tại, Thập Nhất Diện Quán Thế Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm. Cầu đảo Tôn này có thể trừ bệnh diệt tội.

Trong Quán Âm Bộ Tộc (Padma-kulāya:Liên Hoa Bộ) đặc biệt dùng Tôn này là Tôn của Diệu Thành Tựu, biểu thị cho tướng **Thành Tựu** của Nhân Đức với Quả Đức.

Một số Đạo Sư Mật Giáo lại nhận định rằng: Thập Nhất Diện Quán Âm là vị Hóa Tôn của Tu La Đạo, có biệt danh là **Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm** và Mật Hiệu là **Từ Mẫn Kim Cương** (hoặc Từ Oán Kim Cương)

_ Theo truyền thống của Bà La Môn Giáo ở Ấn Độ thì Tôn này là **Thập Nhất Hoang Thần** (Ekādaśa-rudra). Vào khoảng Thế Kỷ thứ 5, thứ 6 sau Công Nguyên thì Tôn này được du nhập vào Phật Giáo dưới hình thức là một Hóa Thân của Bồ Tát Quán Tự Tại.

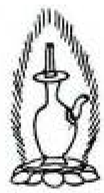
_ Theo truyền thống Hoa Văn:

.) **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** ghi nhận rằng:

Thập Nhất Diện Quán Âm có vị trí ở đầu bên phải của Viện Tô Tất Địa, Mật Hiệu là **Biến Dị Kim Cương,** hoặc **Từ Mẫn Kim Cương**

Chữ Chủng Tử là: KA ( ), hoặc SA ( )

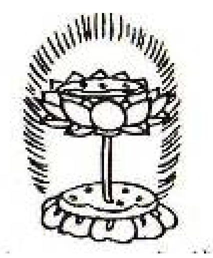
Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình.



Chủng Tử là KA ( ) là chữ lược của Kāruṇika (Bậc có tâm Bi) biểu thị cho Tác Nghiệp, dùng phương tiện Đại Bi tế độ chúng sinh, tạo tác nghiệp lành thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Chủng tử là SA ( ) biểu thị cho sự khai mở Tâm Bồ Đề vốn có của tất cả chúng sinh.

Tam Muội Gia Hình là hoa sen hé nở



Trong Viện này thì Ngài có thân màu trắng với 11 đầu chia làm 3 tầng: Tầng một có 3 mặt. Tầng hai có 5 mặt, tầng ba có 3 mặt. Thân ngồi Bán Già trên đài sen có 4 tay, bên phải: Tay thứ nhất kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm tràng hạt. Bên trái: Tay thứ nhất cầm hoa sen hé nở, tay thứ hai cầm bình Quân Trì .



-Thân màu trắng biểu thị cho Tự Tính Thanh Tịnh không dơ, chẳng vướng bởi hai chướng là: Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng

-11 mặt biểu thị cho Đức thành tựu của 11 Địa.

Mặt trên cùng là mặt Phật biểu thị cho Đức thành tựu Phật Quả của Địa thứ mười một, cũng có ý nói là: "Người đáng được dùng thân Phật để cứu độ thì hiện thân Phật để nói Pháp".

10 mặt còn lại biểu thị cho Diệu Tướng viên mãn đầy đủ Nhân Hạnh của 10 Địa, tức thành tựu Diệu Quả đã được.

-4 cánh tay biểu thị cho 4 Trí Nội Chứng

Tay cầm hoa sen biểu thị cho Diệu Quán Sát Trí

Tay cầm bình Quân Trì biểu thị cho Bình Đẳng Tính Trí.

Tay cầm tràng Hạt biểu thị cho Đại Viên Kính Trí

Tay tác Thí Vô Uý Ấn biểu thị cho Thành Sở Tác Trí.

.) **Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh** ghi nhận rằng:

Tôn Tượng có 11 mặt, 4 tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai kết Thí Vô Úy Ấn. Bên trái: Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

11 mặt gồm có: 3 mặt ngay phía trước có tướng tịch tĩnh (hay Từ Bi), 3 mặt bên trái có tướng uy nộ, 3 mặt bên phải có tướng ló răng nanh bén, 1 mặt phía sau có tướng cười giận, 1 mặt bên trên có tướng Như Lai (1 Hóa Phật của A Di Đà Phật)

Trong mão trên mỗi đầu đều có vị Hóa Phật. Thân tượng có mọi loại anh lạc trang nghiêm



.) **Đà La Ni Tập Kinh**, một vài Kinh do Ngài Huyền Trang dịch và hình tượng lưu bố trong nhân gian thì Thập Nhất Diện Quán Thế Âm có 11 mặt và 2 tay với tay bên phải cầm Pháp Khí (hoặc cầm bình Quân Trì với hoa sen), tay bên trái cầm tích trượng (hoặc đeo tràng hạt và kết Dữ Nguyện Ấn)



-11 mặt: biểu thị cho 11 Địa

-Tay cầm Pháp Khí (bình Quân Trì hoặc hoa sen): biểu thị cho Phước Trí Thanh Tịnh vốn có trong Bản Tâm của muôn loài.

_Tay cầm Tích Trượng (hoặc đeo tràng hạt và kết Dữ Nguyện Ấn): biểu thị cho ý nghĩa cắt đứt 108 Phiền Não cho tất cả chúng sinh





.) Ngoài ra còn lưu truyền Tôn Tượng 11 mặt có 6 tay, 8 tay, 40 tay, 42 tay…

_Tôn tượng 11 mặt có 6 cánh tay, hai tay chắp giữa ngực, bên trái: tay thứ hai cầm bánh xe, tay thứ ba cầm hoa sen. Bên phải: tay thứ hai cầm cái bình, tay thứ ba cầm tràng hạt



-11 mặt biểu thị cho 10 Địa và Phật Địa

-Hai tay chắp giữa ngực: biểu thị cho Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) ban cho những thành tựu tối cao và thông thường

-Tay cầm bánh xe: biểu thị cho việc vận chuyển Chính Pháp giúp cho chúng sinh dứt trừ nghiệp Luân Hồi

-Tay cầm hoa sen: biểu thị cho sự giúp cho tất cả chúng sinh thành tựu mọi loại Công Đức

-Tay cầm cái bình: biểu thị cho sự rưới nước Cam Lộ tràn khắp, ban Phước cho chúng sinh

-Tay cầm tràng hạt: biểu thị cho việc giúp cho tất cả chúng sinh gieo trồng hạt giống Bồ Đề, dứt trừ 108 phiền não

_ Tôn tượng 11 mặt, 8 cánh tay:

Thân màu trắng có 11 mặt xếp thành 5 tầng :

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng ló răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chắp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

Bên phải: Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái: Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên



-11 mặt: biểu thị cho 11 Địa (Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệu Tuệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Tuệ Địa, Pháp Vân Địa, Phật Địa)

-Tay cầm tràng hạt: biểu thị cho việc gieo trồng hạt giống Bồ Đề, dứt trừ 108 phiền não

-Tay kết Diệu Thí Thắng Ấn: biểu thị cho việc ban cho sức tương ứng với Pháp Lực vô biên

-Tay cầm Pháp Luân (bánh xe Pháp): biểu thị cho việc vận chuyển Chính Pháp giúp cho chúng sinh dứt trừ nghiệp Luân Hồi

-Tay cầm hoa sen vàng: biểu thị cho sự khai mở Phước Trí vốn có trong Tâm của tất cả chúng sinh

-Tay cầm bình chứa nước Cam Lộ: biểu thị cho sự rưới Cam Lộ tràn khắp, ban Phước cho chúng sinh

-Tay cầm cung tên: biểu thị cho sự khiến cho chúng sinh sớm kết được duyên lành





_Tôn Tượng 11 đầu có 40 cánh tay kết Ấn và cầm các khí trượng



-11 đầu biểu thị cho 10 Ba La Mật và Phật Địa

40 tay (tức 40 Pháp) biểu thị cho **5 Trí Tuệ của Như Lai** nhằm minh họa cho vạn Đức cứu cánh là:

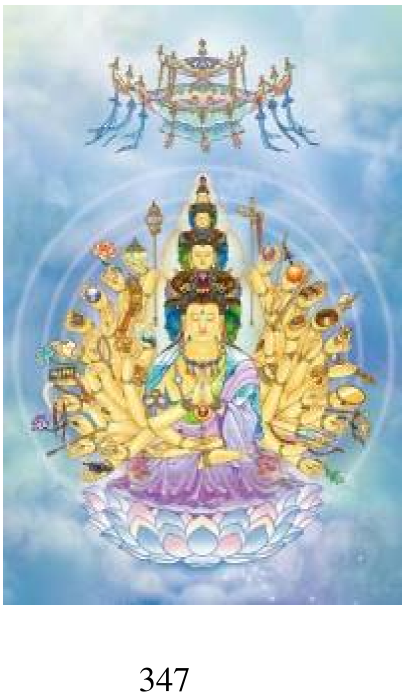
1.NHƯ LAI BỘ (Tathāgata-kulāya): biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna) là cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, 8 tay thuộc Bộ này là: Hóa Phật, Dây Lụa, Thí Vô Úy, Phất Trần Trắng, Bàng Bài, Việt Phủ, Kích Báu, Dương Liễu minh họa cho Pháp **Tức Tai** (Śāntika) là pháp tiêu trừ các loại bệnh nạn,việc ác của thân mình hoặc người khác.

2.KIM CANG BỘ (Vajra-kulāya): biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna)là cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắt vào sự vật nào, cũng không bị sự vật ấy động chạm hay lay động được. Có 8 tay thuộc Bộ này là Bạt Chiết La (Tam Cổ Kim Cương), Chày Kim Cương (Độc Cổ Kim Cương), Kiếm báu,Cung điện, Bánh xe vàng (Kim Luân), Bát báu, Nhật Tinh Ma Ni, Nguyệt Tinh Ma Ni minh họa cho Pháp **Điều Phục** (Abhicāruka) là pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các người ác.

3. BẢO BỘ (Ratna-kulāya): biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là cái trí phô bày tâm thức Từ Bi Bình Đẳng. Tám tay thuộc Bộ này là: Ngọc Như Ý, Kinh Báu, cây Cung Báu, Hoa Sen Trắng, Hoa Sen xanh, Chuông báu, Hoa Sen tím,Chùm Bồ Đào minh họa cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika) là pháp tu tăng ích về Trí Tuệ, Phước Đức, Thọ Mệnh cho mình và người khác .

4.LIÊN HOA BỘ (Padma-kulāya): biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các pháp mà không hề bị ngăn ngại. Tám tay thuộc Bộ này là: Hợp Chưởng, Gương báu, Ấn báu, Vòng ngọc, Hồ Bình, Quân Trì Bình, Hoa Sen hồng, Tích Trượng minh họa cho Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa) là pháp tu cho mình và người khác được Chư Phật, Bồ Tát gia hộ hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ .

5.YẾT MA BỘ (Karma-kulāya): biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là cái trí khéo léo thi hành mọi việc của thế gian chuyển chúng thành phương tiện giải thoát. Tám tay thuộc Bộ này là: Thiết Câu, hai tay kết Thiền Định Ấn, Tràng Hạt, Hoa Báu, mũi Tên Báu, Rương báu, Độc Lâu, Mây Ngũ Sắc minh họa cho Pháp **Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là pháp triệu thỉnh Bản Tôn, chư Thần.









_ Đặc biệt khi Tôn Tượng 11 đầu có một ngàn tay mắt thì được xưng tụng là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**

Theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng:

Ở vô lượng kiếp trước, với Tâm Đại Bi vô hạn, Quán Thế Âm Bồ Tát muốn cứu thoát tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, nên đối trước chư Phật 10 phương, Ngài phát nguyện rằng***: "Nguyện cho con cứu được tất cả chúng Hữu Tình. Nếu có khi nào con mệt mỏi trong công việc lớn lao này thì nguyện cho thân con tan thành ngàn mảnh"***

Thoạt tiên Ngài xuống cõi Địa Ngục, sau đó đến cõi Ngạ Quỷ và tiến dần đến cõi Trời. Tại đấy, Ngài nhìn xuống Thế Giới đau khổ với cái nhìn thấu hiểu của Thánh Trí thì Tâm Ngài bị xúc động sâu sắc. Vì mặc dù Ngài đã cứu nhiều chúng sinh thoát khỏi Địa Ngục nhưng vẫn còn có vô số chúng sinh khác đang sa vào. Điều này làm Ngài buồn rầu vô hạn. Trong một lúc, gần như Ngài đã mất niềm tin vào lời nguyền vĩ đại mà Ngài đã tuyên thệ và thân thể Ngài liền nổ tung thành ngàn mảnh. Giữa cơn tuyệt vọng, Ngài cầu cứu tất cả chư Phật. Ngay lập tức, hằng hà sa số chư Phật từ 10 phương đều hiện thân đến cứu giúp. Với Thần Lực nhiệm màu, chư Phật làm cho Ngài hiện trở lại toàn thân và từ đấy Ngài có 11 cái đầu, 1000 cánh tay, trên mỗi bàn tay có một con mắt. Sự kiện này biểu thị cho sự phối hợp giữa Trí Tuệ và phương tiện thiện xảo, là dấu hiệu của Tâm Đại Bi chân thật. Trong hình thức này, Ngài đã sáng chói rực rỡ và có nhiều năng lực lớn hơn để cứu giúp chúng sinh. Do vậy Ngài còn có tên gọi là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**.

Trong truyền thống này thì Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng :

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng ló răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chắp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

Bên phải: Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái: Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên

992 tay còn lại đều mềm mại như những cánh sen kết Diệu Thí Thắng Ấn.

Trong mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, không một cánh tay nào vượt quá vương miện và cũng không buông thấp quá đầu gối

Ngực trái của Ngài được che bằng miếng da hươu. Trang phục bên dưới làm bằng lụa vải tốt, thắt lưng bằng vàng có nạm ngọc quý, vương miện cũng nạm ngọc quý và thân của Ngài được trang điểm bằng mọi loại báu như vòng, xuyến, anh lạc, lụa nhiều màu … tỏa ánh hào quang sáng ngời.

Do Tôn này biểu thị cho Pháp **Liên Hoa Kim Cương** (Padma-vajra) nhằm giúp cho Chúng Sinh phá tan phiền não chướng đang ngăn che ánh sáng Thắng Diệu của Trí Tuệ bản nhiên thanh tịnh trong tâm của mình nên các bậc Đạo Sư Tây Tạng thường truyền dạy Pháp tu này và gọi Đại Chú của Ngài là **Đại Bi Chú.**

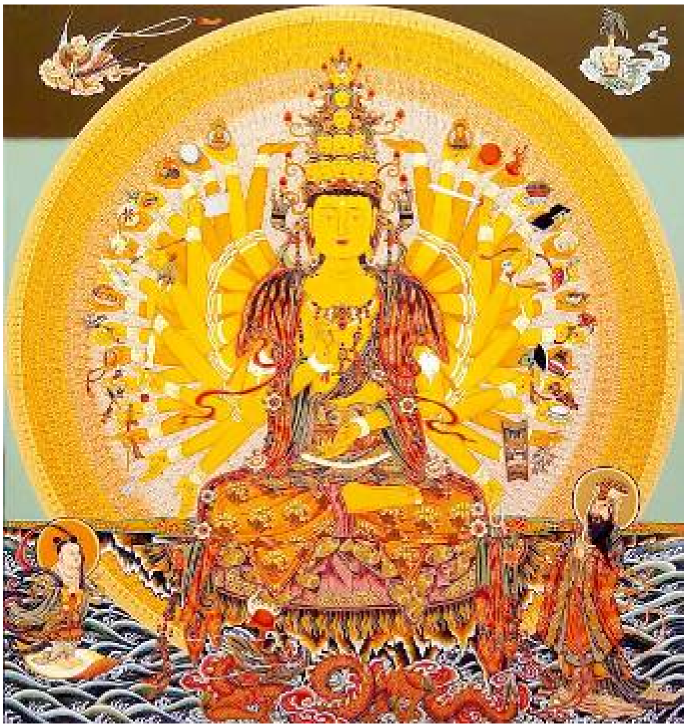


Từ Tôn Tượng căn bản này, Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Âm được thờ phụng qua nhiều dạng thức khác nhau










千手千眼觀世音菩薩



Ý NGHĨA CỦA 11 MẶT

Ý nghĩa của 11 mặt được nhận định theo nhiều cách khác nhau

_ **Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Sớ** ghi là :

3 mặt phía trước có tướng hiền lành (Từ) biểu thị cho việc nhìn thấy chúng sinh hiền thiện mà sinh **tâm Từ** (Maitri-citta). Đại Từ là ban vui

3 mặt bên trái có tướng giận dữ biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh ác mà sinh tâm Bi . Đại Bi là cứu khổ

3 mặt bên phải có tướng ló nanh trắng biểu thị cho sự nhìn thấy kẻ có Tịnh Nghiệp liền phát lời khen **"Thật hiếm có!"**, siêng năng tinh tiến trong Phật Đạo

1 mặt phía sau có tướng Bạo Đại Tiếu biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh có Thiện Ác Tạp Uế mà sinh nụ cười quái dị, sửa ác hướng theo Đạo

1 mặt bên trên có tướng Như Lai biểu thị cho sự mãn túc Nguyện.

_ **Tiên Phòng** ghi nhận là :

11 mặt là 10 Địa và Phật Quả, mỗi một thứ đều có 1 mặt.

10 Địa là viên mãn 10 Ba La Mật.

_ **Dã Quyết** ghi nhận là :

11 mặt là 11 Địa (Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệu Tuệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Tuệ Địa, Pháp Vân Địa, Phật Địa) biểu thị cho 11 phẩm Vô Minh, lại thêm mặt gốc biểu thị cho 12 phẩm Vô Minh. Hoặc nói là: Độ 12 nhân Duyên

3 mặt phía trước có tướng Tịch Tĩnh biểu thị cho nghĩa: xưa nay vốn tịch lặng của Đông Phương Bất Động Phật

3 mặt bên trái có tướng phẫn nộ biểu thị cho nghĩa: giáng phục của Nam Phương Bình Đẳng Tính Trí

3 mặt bên phải có tướng ló nanh bén biểu thị cho nghĩa: nói Pháp của Tây Phương Diệu Quán Sát Trí

1 mặt phía sau có tướng cười giận biểu thị cho Bắc Phương Sự Nghiệp Trí

1 mặt trên cùng có tướng Phật biểu thị cho Bất Nhị Pháp Giới Thể Tính Trí

_ **Khẩu Quyết** ghi nhận là :

3 mặt phía trước có tướng Đại Từ biểu thị cho 3 vị Phật là: Thích Ca Thế Giới Năng Tịch Như Lai, An Lạc Thế Giới Vô Ngại Quang Như Lai, Cà Sa Tràng Thế Giới Kim Cương Kiên Cố Hoan Hỷ Như Lai

3 mặt bên trái có tướng Đại Bi biểu thị cho 3 vị Phật là: Bất Thoái Chuyển Âm Thế Giới Cực Diệu Viên Mãn Hồng Liên Hoa Sổ Thân Như Lai, Tuyệt Trần Thế Giới Pháp Tràng Như Lai, Minh Đăng Thế Giới Sư Tử Như Lai

3 mặt bên phải có tướng ló nanh trắng biểu thị cho 3 vị Phật là: Trang Nghiêm Thế Giới Nhất Thiết Phật Thông Tuệ Quang Vương Như Lai, Kích Luân Thế Giới Minh Giác Như Lai, Phổ Hiền Thế Giới Hiền Thủ Như Lai

1 mặt phía sau có tướng Bạo Tiếu biểu thị cho 1 vị Phật là: Nan Siêu Thế Giới Thân Phóng Pháp Quang Như Lai

1 mặt Phật trên đỉnh biểu thị cho 1 vị Phật là: Diệu Quang Thế Giới Biến Chiếu Như Lai

CHÂN NGÔN CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI

Chân Ngôn của Thập Nhất Diện Quán Tự Tại có 2 loại là Đại Chú và Tiểu Chú . Tùy theo sự truyền thừa mà có nhiều sự ghi nhận khác nhau.

_ ĐẠI CHÚ :

.) Đức Dalai Lama đời thứ 7 ghi nhận là:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ Ārya-jñāna-sāgara-vairochana-vyūha-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ arhatebhyaḥ samyaksaṃbuddhebhyaḥ

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisattvāya mahā-sattvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā: Oṃ_ dhara dhara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, itti vatti, chale chale, prachale prachale, kusume kusuma vara, ili mili, jiti jvalaṃ āpanāya (Bản khác ghi là: **citi jvalaṃ apanaye)_ svāhā**

.) Đức Phật Sống Tây Khang NẶC NA ghi nhận là:

Namo ratna-trayāya

Namo bhagavate mahā-kāruṇikāya-vajra-sāra-pramarbhaṇi tathāgataya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Oṃ_ dhara dhara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, iṇte vaṇte, cale cale, pracale pracale, sarva kleśa sarva karma āvaraṇani śuddhe śuddhe, viśuddhe viśuddhe, gagana svabhāva viśuddhe svāhā

.) Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn Niệm Tụng Nghi Quỹ Kinh, Quyển Thượng ghi nhận là:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ Ārya-jñāna-sāgara-vairocana-bhyūha-rājaya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Namaḥ sarva tathāgatebhyu arhatebhyaḥ samyaksaṃbuddhebhyaḥ

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā: Oṃ_ dhara dhara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, ite vate, śale śale, praśale praśale, kusume kusuma vale, iri viri, ciri ciri, tijaram apanaya parama-śuddha-satva mahā-karuṇika svāhā

.) Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh ghi nhận là:

Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo sañghāya

Namo jñāna-sāgara-vairocanāya tathāgatāya

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā: Oṃ_ dhara dhara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, iti vati, cale cale, pracale pracale, kusume kusuma vale, iri miri ciri citi jvalaṃ āpanāya, bodhisatva mahā-kāruṇika svāhā

.) Thập Nhất Diện Thần Chú Kinh ghi nhận là:
Kính lễ Tam Bảo
Kính lễ Thánh Trí Hải Biến Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai
Kính lễ tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác
Kính lễ Bậc có tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
Tadyathā: Oṃ_ dhara dhara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, iti vati, cale cale, pracale pracale, kusume kusuma vare, iri miri, ciri ciri, tijaram āpanāya, śuddha-satva mahā-kāruṇika svāhā

.) Đồ Tượng Quyển 3, trang 26 ghi nhận Đại Chú là:
Tadyathā: Oṃ_ dara dara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, ite vate, śale śale, praśale praśale, kusume kusuma vale, iri viri, ciri ciri, tijaram apanaya, pariśthāsatva mahā-karunigha svāhā

.) Đồ Tượng Quyển 3, trang 142 ghi nhận Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn là:
Namo ratna-trayāya
Namaḥ Ārya-jñāna-sāgra-vairocana-bhyua-rājaya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya
Namaḥ sarva tathāgatebhyo arhatebhyaḥ samyaksaṃbuddhebhyaḥ
Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya
Tadyathā: Oṃ_ dhara dhara, dhiri dhiri, buru buru, ite vate, śale śale, praśale praśale, kusume kusuma vale, iri miri, ciri ciri, tijaram apanaya, parama-śuddha-satva mahā-kāruṇika svāhā
.) Đồ Tượng Quyển 3, trang 186 ghi nhận là:
(Quy mệnh như trên)
Oṃ_ dara dara, dhiri dhiri, dhurū dhrū, ite vate, śale śale, praśale praśale, kusume kusuma vale, iri viri, ciri ciri, jaram apanaya, rama-śuddha-sadva, mahā-karunigha svāhā

.) Đồ Tượng Quyển 4 , trang 430 ghi nhận là:
(Quy mệnh như trên)
Oṃ_ dara dara, dhiri dhiri, dhurū dhrū, ite vate, śala śale, praśale praśale, kusume kusuma vale, iri miri, ciri ciri, tijaram apanaya, paraśuddha, mahā-karunigha svāhā

_ TIỂU CHÚ :
.) Đồ Tượng Quyển 3 , trang 26 ghi nhận Tiểu Chú là:
Oṃ_ mahā-karuṇigha (?Mahā-kāruṇika: Bậc có Tâm Đại Bi) **svāhā**
Thế Gian lưu hành Tiểu Chú là :
Oṃ_ Ruheśvara (Thế Lực Tự Tại) **svāhā**

.) Đồ Tượng Quyển 3, trang 119 ghi nhận Tiểu Chú là:
Oṃ (Quy mệnh) **ruhe-jvala** (Uy Thế Quang Diễm) **Hrīḥ** (chủng tử của Liên Hoa Bộ) **svāhā** (Quyết định thành tựu)

.) Đồ Tượng Quyển 3, trang 186 ghi nhận Tiểu Chú là:
Oṃ_ mahā-karuṇigha svāhā
Thế Gian lưu hành Tiểu Chú là :
Oṃ_ Ruheśvara (Thế Lực Tự Tại) **Hrīḥ**

.) Đồ Tượng Quyển 4, trang 430 ghi nhận Tiểu Chú là:
Oṃ_ Rokaśvara Hrīḥ svāhā

.) Phật Quang Đại Từ Điển Quyển 1, trang 324 ghi nhận Tiểu Chú là:
"Án, lỗ kế nhập phộc la, hột-lị"
Oṃ_ Lokeśvara (Thế Tự Tại, tự tại trong Thế Gian) **Hrīḥ**

Qua sự tìm hiểu trên, dựa vào nghĩa lý căn bản của Chân Ngôn, chúng ta có thể phục hồi được 3 bài Đại Chú và 2 bài Tiểu chú như sau:

_ Đại Chú 1 :

Namo ratna-trayāya (Quy mệnh Tam Bảo)

Namaḥ Ārya-jñāna-sāgra-vairocana-vyūha-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya
(Kính lễ Thánh Trí Hải Biến Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ arhatebhyaḥ samyaksaṃbuddhebhyaḥ
(Kính lễ tất cả Như Lai Đẳng, Ứng Cúng Đẳng, Chính Đẳng Chính Giác Đẳng)

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya
(Kính lễ Bậc có Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát)

Tadyathā (Như vậy) **Oṃ** (cảnh giác) **dhara dhara** (gia trì cho ta và người) **dhiri dhiri** (người gia trì không kể nam nữ) **dhuru dhuru** (Lóe sáng, gom giữ đề mục) **iti vati** (năng lực tự nhiên: hư không, gió, mặt trời, mặt trăng … như vậy) **cale cale** (lay động, lay động) **pracale pracale** (lay động khắp, lay động khắp) **kusume kusuma-bala** (sức mạnh của bông hoa bên trong bông hoa) **jiti jvalam** (thâu nhiếp ánh sáng) **āpanāya** (xuất tức quán: quán sát hơi thở ra vào) **svāhā** (quyết định thành tựu)

_ Đại Chú 2

Namo ratna-trayāya

Namaḥ Ārya-jñāna-sāgra-vairocana-vyūha-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ arhatebhyaḥ samyaksaṃbuddhebhyaḥ

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā (Như vậy) **Oṃ** (cảnh giác) **dhara dhara** (gia trì cho ta và người) **dhiri dhiri** (người gia trì không kể nam nữ) **dhuru dhuru** (Lóe sáng, gom giữ đề mục) **iti vati** (năng lực tự nhiên: hư không, gió, mặt trời, mặt trăng … như vậy) **cale cale** (lay động, lay động) **pracale pracale** (lay động khắp, lay động khắp) **kusume kusuma-bale citi jvalam** (hiểu biết lưu ý đến ánh sáng bên trong sức mạnh của bông hoa bên trong bông hoa) **āpanāya** (Theo hơi thở ra vào) **iri** (Che chở triệt để) **miri** (Ngăn cản chận đứng) **ciri** (Sự gây thương tích, giết chết)

Paramas-śuddha-satva mahā-kāruṇika svāhā (Quyết định thành tựu Bậc **Chí Thượng Thanh Tịnh Hữu Tình có đầy đủ Tâm Đại Bi**)

_ Đại Chú 3:

Namo ratna-trayāya (Quy mệnh Tam Bảo)

Namo bhagavate mahā-kāruṇika-vajra-sāra-paramarthani tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya (Quy mệnh Đức Thế Tôn Đại Bi Kiên Cố Tối Thắng Nghĩa Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

Tadyathā (Như vậy) **Oṃ** (Cảnh giác) **Dhara dhara** (Gia trì cho ta và người) **Dhiri dhiri** (Người trì Chú không kể nam nữ) **dhuru dhuru** (Lóe sáng, tỏa sáng, gom giữ đề mục) **iti vati** (Năng lực thiên nhiên như vậy) **cale cale** (Lay động) **pracale pracale** (Lay động khắp) **sarva kleśa** (Tất cả phiền não) **sarva karma-avaraṇani** (Tất cả chướng ngại của nghiệp) **śuddhe śuddhe** (Tinh lọc, thanh tịnh) **viśuddhe viśuddhe** (Khiến cho thanh tịnh, tinh lọc hoàn toàn) **gagana-svabhāva viśuddhe** (Thanh tịnh như tự tính của hư không) **svāhā** (Quyết định thành tựu)

_ Tiểu Chú 1 :

Oṃ (Quy mệnh) **mahā-kāruṇika** (bậc có Tâm Đại Bi) **svāhā** (thành tựu cát tường)

_ Tiểu Chú 2 :

Oṃ (Quy mệnh) **Lokeśvara** (Đấng Thế Tự Tại) **Hrīḥ** (Chủng tử Thanh Tịnh của Liên Hoa Bộ) **svāhā** (Thành tựu tốt lành)

Ngoài ra để tăng cường cho lực gia trì của Chân Ngôn, các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã truyền dạy thêm các bài tán Quy Mệnh là:

_ **Giác Thiền Sao** ghi nhận **Thập Nhất Diện Quán Âm Hối Quá Tán** là :

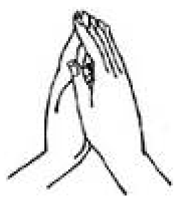
Nam mô Đương Tiền tam diện Từ Bi Tướng
Nam Mô Tiền tam Từ Diện Cầu Như Ý
Nam mô Tiền Tam Bi Diện Trừ Quỷ Tật
Nam mô Tả biên tam diện Sân Nộ Tướng
Nam mô Tả tam diện Giáng Oán Tặc
Nam mô Hữu biên tam diện Bạch Nha Tướng
Nam mô đương hậu nhất diện Bạo Tiếu Tướng
Nam mô Đỉnh thượng nhất diện Như Lai Tướng
Nam mô đỉnh thượng Phật Diện trừ tật bệnh
Nam mô tối thượng Phật Diện nguyện mãn túc

_ **Phòng Sao** ghi nhận là:

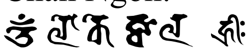
Nam mô Tả biên hậu diện tồi Ma Đạo
Nam mô trung diện ly khổ nạn
Nam mô tiền diện trừ Quỷ tật
Nam mô Hữu biên tiền diện cầu Như Ý
Nam mô trung diện Cữu Nộ (Giận dữ lâu dài)
Nam mô hậu diện trừ chướng nạn
Nam mô Kiếp Độ Tiền
Nam mô Tả biên hữu diện trừ Quỷ Thần
Nam mô trung diện Điều Phong Vũ
Nam mô Tả diện tăng thọ mệnh
Nam mô Hậu biên nhất diện thành ngũ cốc
Nam mô đỉnh thượng nhất diện phá Ma Quân

_Thập Nhất Diện Quán Âm Căn Bản Ấn:

Kim Cang Hợp Chưởng, mười đầu ngón tay giao nhau, bên phải đè bên trái, sau đó nâng lên trên đầu, tức là hành giả Quán mười đầu ngón tay là 10 mặt, thêm một mặt của chính mình nên thành 11 mặt, thời thân của mình liền thành thân của Thập Nhất Diện



Chân Ngôn:



Oṃ (Quy mệnh) **loke-jvala (**Thế Uy Quang:Uy Quang của Thế Gian) **Hrīḥ** (chủng tử của Liên Hoa Bộ)

NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Như Ý Luân Quán Âm: tên Phạn là **Cintā-maṇi-cakra**, dịch âm là Chấn Đa Ma Nê, dịch nghĩa là **Như Ý Luân** (bánh xe Như Ý). Trong đó thì **Cinta** có nghĩa là suy tư, ước vọng, nguyện vọng. **Maṇi** có nghĩa là viên ngọc báu. **Cakra** có thể dịch là Viên (tròn trịa) hay Luân (bánh xe). Do vậy dịch ý là: Sở Nguyện Bảo Châu Luân, hoặc Như Ý Châu Luân. Nhưng từ xưa đến nay, phần lớn dịch là Như Ý Luân, Như Ý Luân Vương.

Do Bồ Tát này an trụ ở Tam Muội **Như Ý Bảo Châu** có thể như ý sinh ra vô số trân bảo, thường chuyển bánh xe Pháp nhiếp hóa hữu tình, cứu độ chúng sinh trong lục đạo thoát khỏi khổ não và hay làm cho tất cả chúng sinh được thành tựu ước nguyện như phú quý, tài sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức…, vì thế Ngài được hợp xưng là **Cứu Khổ Cứu Nạn Cứu Thế Bồ Tát** đồng thời có tên gọi đầy đủ là **Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát**

Lại xưng là **Như Ý Luân Bồ Tát**, **Như Ý Luân Vương Bồ Tát**. Mật Hiệu là **Trì Bảo Kim Cương**, hoặc **Dữ Nguyện Kim Cương.** Chủng Tử là ཧྲཱིཿ (Hrīḥ)

Như Ý Luân Quán Âm có một tay cầm viên ngọc Như Ý tượng trưng cho sự hay sinh ra hai loại tài bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian. Một tay cầm bánh xe vàng (kim luân) tượng trưng cho sự hay chuyển động Pháp màu nhiệm vô thượng để cứu độ chúng sinh .

Ngoài việc ban cho chúng sinh Tài Bảo vô tận, Như Ý Luân Quán Âm cũng là **Bổn Tôn Diên Mạng Trường Thọ** rất quan trọng, hay khử trừ nhiều nhóm bệnh tật, khiến cho thân tâm của chúng sinh được tốt lành, khoẻ mạnh, trừ bệnh sống lâu.

Tôn này thường dạo chơi trong lục đạo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

HÌNH TƯỢNG NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Hình tượng của Như Ý Luân Quán Âm có rất nhiều loại, có 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay…. Trong đó thường thấy nhất là tượng 6 tay.

Tượng 2 tay truyền từ xưa đến nay có 4 loại. Trong 4 loại hình thái của tượng 2 tay lấy "**Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát**" làm hình chính nguyên thủy: Tay trái cầm Ma Ni Châu, duỗi bàn tay phải Kết Thí Nguyện Ấn, thân màu hồng trắng, ngồi trên Hoa Sen lớn.



如意輪觀音(二臂)



如意輪觀音



Tây Tạng còn phụng thờ Tôn Tượng Như Ý Luân Quán Âm 2 tay theo dạng thức **Bạch Như Ý Độ Mẫu**





Tượng 4 tay lưu truyền là: Trước mặt Quán Âm vẽ hồ nước, trên hồ có núi, trên núi có Hoa Sen hồng, Quán Âm ngồi trên Hoa Sen, chân trái buông thòng xuống, đặt chân phải gác lên trên chân trái, mang giày cỏ, trên đầu đội mão, trong mão có vị Hoá

Phật, Hóa Phật như nửa mặt trăng nằm ngửa, tay trái thứ nhất hướng xuống dưới đến thắt lưng, tay thứ hai dùng ngón cái, ngón trỏ cầm hạt châu làm bằng hạt màu trắng. Tay phải thứ nhất co khuỷu tay lại để gần đầu gối, ngón cái, ngón giữa cầm xâu chuỗi, tay thứ hai nâng cái Phạn Khiếp, 4 cổ tay đều đeo vòng xuyến. Trong hồ ở phương Đông lại vẽ hình Long Nữ, hàng Trời Người, phương Tây vẽ hình Long Quỷ và **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka: Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên).

_Còn như tượng 6 tay thường thấy trong " **Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Du Già**" ghi chép rằng:

Thân sáu tay màu vàng
Đều tưởng ở thân mình
Đỉnh kế báu trang nghiêm
Mão có **Tự Tại Vương**
Tay noi tướng Thuyết Pháp
Tay thứ nhất: suy tư
Thương nhớ các Hữu Tình
Thứ hai, cầm **Ý Bảo** (Báu Như Ý)
Hay mãn tất cả nguyện
Thứ ba, cầm tràng hạt
Vì cứu khổ Bàng sinh
Trái đè núi Quang Minh
Thành tựu không lay động
Thứ hai, tay cầm sen
Hay Tĩnh các Phi Pháp
Thứ ba, tay cầm **Luân** (bánh xe)
Hay chuyển Pháp Vô Thượng
Sáu tay: Quảng Bác Thể (thể rộng lớn)
Hay dạo chơi sáu nẻo
Dùng phương tiện Đại Bi
Chặt các khổ Hữu Tình









Ý nghĩa của Tôn Tượng 6 tay này là:

Toàn thân màu vàng biểu thị cho Niệm bình đẳng

Trên đầu kết báu quanh đỉnh tóc biểu thị cho sự trang nghiêm.

Trong mão có Đức Phật **A Di Đà** trụ tướng thuyết pháp, biểu thị cho sự tuyên dạy Pháp Phổ Môn

Bên phải: tay thứ nhất nâng mặt làm dạng suy tư biểu thị cho sự mẫn niệm chúng hữu tình, tay thứ hai cầm báu Như ý biểu thị cho sự làm mãn túc ước nguyện của tất cả chúng sinh. Tay thứ ba cầm Tràng hạt biểu thị cho sự cứu khổ chúng sinh.

Bên trái: Tay thứ nhất duỗi thẳng xuống ấn núi Quang Minh biểu thị cho sự khiến chúng sinh chẳng dao động Tín hạnh, tay thứ hai cầm hoa sen biểu thị cho sự hay trừ các phi pháp, tay thứ ba cầm bánh xe biểu thị cho sự chuyển pháp Vô Thượng.



Ngoài ra, cũng có tạo Tượng trên đầu đội mão báu, trên đầu an trí vị Hóa Phật, tay trái thứ nhất mở Hoa báu, tay thứ hai cầm cái mâm màu vàng ròng, tay thứ ba mở Hoa Sen hồng. Tay phải thứ nhất cầm **Bạt Chiết La** (Vajra:Chày Kim Cang), tay thứ hai tác Ấn Giáng Ma, tay thứ ba hướng xuống dưới rốn, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen báu, lại tạo hình dung mạo Thiên Nữ hiện lên rải Hoa ở hai bên trên đầu.

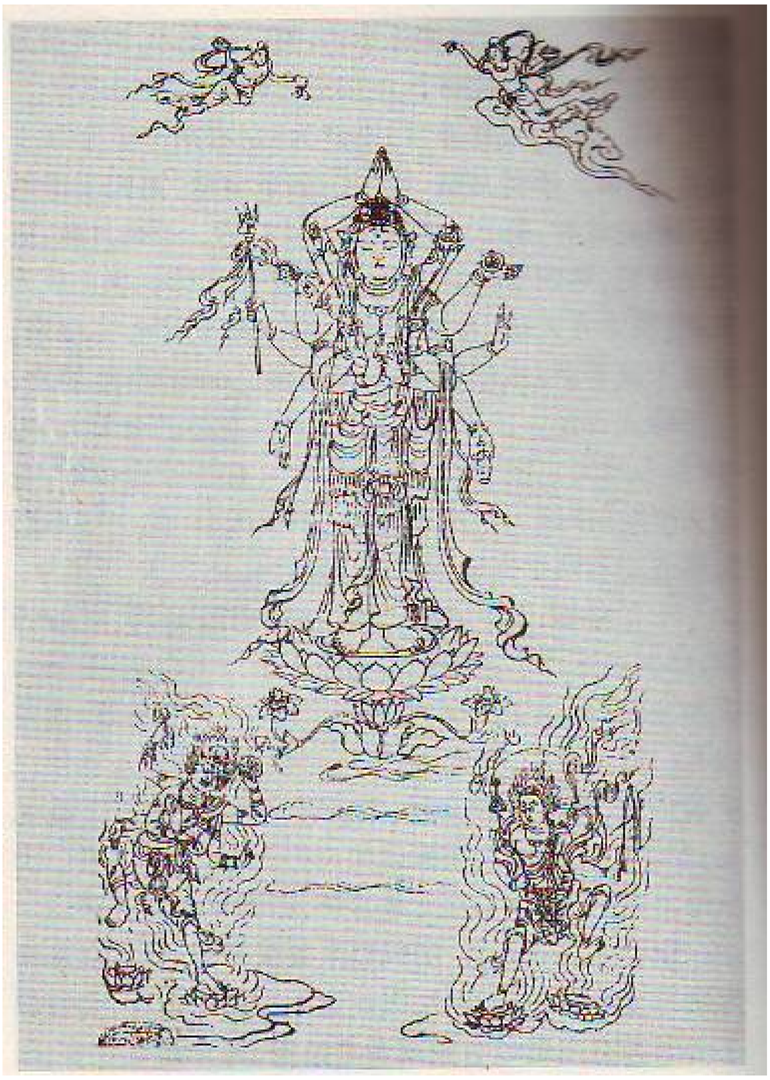


_"**Giác Thiền Sao**" ghi nhận Tượng 10 tay là:" Tay thứ nhất bên phải bên trái chấp tay lại để trên đỉnh đầu, tay thứ hai cầm Nhật Châu, tay thứ ba cầm Như Ý Bảo Châu, tay thứ tư cầm cái Táo Bình gần miệng bình có Hoa Sen Xanh, tay thứ năm cầm **Chú Sách** (Sợi dây chú), tay phải thứ hai cầm Nguyệt Châu, tay thứ ba cầm bánh xe, tay thứ tư cầm Bạt Chiết La, tay thứ năm cầm Tràng Hạt. Trên đỉnh đầu phóng ra nguồn ánh sáng lớn, chiếu 10 phương Đại Địa, thân mặc áo Thiên Y, đầu, gáy, hai tay có anh lạc 7 báu. Ngoài ra còn có **Thập Địa Bồ Tát** (Daśa-bhūmayaḥ-bodhisattva) từ dưới đất nhảy vọt lên, hai tay nâng chân của đức Quán Âm. Lại nữa, bên trái tượng Như Ý luân Quán Âm có vẽ Phạm Thiên (Brahma), Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa: Đa Văn Thiên), Tỳ Lâu Bác Xoa (Virūpakṣa: Quảng Mục Thiên). Bên phải có vẽ Trời Đế Thích (Indra:Đế Thích Thiên), Đề Đầu La Đà (Dhṛtarāṣṭra: Trì Quốc Thiên), Tỳ Lâu Lặc Xoa (Virūḍhaka:Tăng Trưởng Thiên)".

_Tượng 10 tay này lược bỏ tay thứ năm hai bên phải trái liền thành tượng 8 tay.

_Tượng 12 tay, thân màu hồng trắng, dùng lụa hồng đào buộc ở bên hông tỏa ráng mây ngũ sắc, lụa mỏng màu hồng làm quần, chân đạp lên Hoa Sen trắng trong hồ

nước. Hai tay bên trái bên phải chấp lại để trên đỉnh đầu, tay trái thứ hai cầm Kim Luân, tay thứ ba ngón cái, ngón áp út cầm cọng Hoa Sen báu, trong Hoa Sen có viên ngọc Như Ý, tay thứ tư tác Hân Hỷ Ấn, tay thứ năm cầm cái bình Táo Quán. Tay phải thứ hai cầm Bạt Chiết La, tay thứ ba cầm gậy như ý, tay thứ tư cầm Tam Cổ Xoa, tay thứ năm Tác Thí Vô Úy ; Tay thứ sáu bên phải bên trái kết Tự Tại Thần Thông Như Ý Thần Lực Ấn. Ở trên lại có hai vị Trời rải hoa cúng dường, ở dưới bên trái vẽ Kim Cang Vương Bồ Tát (Vajra-Rāja), bên phải vẽ Quân Trà Lợi Bồ Tát (Kuṇḍali)



Do **Như Ý Luân Quán Âm**, trải qua các triều đại đến nay được sùng kính rất nhiều, từ xưa đến nay các nước ở biển nam cũng có không ít người tín ngưỡng, do đó cũng chẳng thể thiếu Tượng để bảo tồn, như tượng vẽ Như Ý Luân quán Âm 6 tay trong động Thiên Phật ở Đôn Hoàng, ngoài ra ở các nước Tư Lí Lan Ca, Ấn Độ Ni Tây Á, Nhật Bản….Cũng có tạc các loại tượng của Bồ Tát này.

Dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Bản Tôn, vì động cơ của pháp tu này là tăng trưởng Phước Đức, ý nguyện đầy đủ, các tội giảm diệt, nhổ bỏ các khổ, gọi là **Như Ý Luân Quán Âm Pháp**, hoặc **Như Ý Bảo Châu Pháp.**

Trong "**Giác Thiền Sao**" đề cập đến việc tăng thọ mệnh của Tôn này: "Nếu uống thuốc cầu sắc đẹp, sức mạnh, lời nói căn bổn là niệm tụng mãn mười vạn biến (100.000 biến) hoặc 21 hoặc 35 biến. Nếu trì Diên Niên Cam Lộ Dược sẽ được sống lâu trong nhiều kiếp".

CHÂN NGÔN, THỦ ẤN CỦA NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Như Ý Luân Quán Âm có Mật Hiệu là: **Trì Bảo Kim Cương** , hoặc **Dữ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là : SA, A, HŪṂ, HRĪḤ

Tam Muộ Gia Hình là: viên ngọc báu Như Ý



*) NhưÝ Luân Thân Chú:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya
Tadyathā: Oṃ_ Cakra-vartti cintāmaṇi mahā-padme ruru tiṣṭa jvala akarṣaya hūṃ phaṭ svāhā

*) Như Ý Luân Tâm Chú:

Oṃ_ Padma cintāmaṇi mahā-jvala hūṃ

*) Như Ý Luân Tùy Tâm Chú:

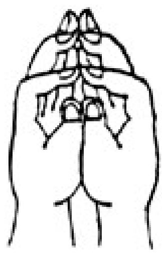
Oṃ_ Varada padme hūṃ





1_Như Ý Luân Căn Bản Ấn

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, cong hai ngón cái như hình báu, hai ngón giữa cũng co như dạng cánh sen, các ngón còn lạ đều hợp đầu ngón như cây phướng.



Đến đây, trên cây phướng có hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc báu. Lại do ngón giữ là lửa, Hỏa Đại là màu đỏ cho nên dùng đây là **Bảo Bồ Tát** của Liên Hoa Bộ.Vì thế dùng hình này biểu thị cho Bản Tôn Như Ý Luân.

Ngoài ra Như Ý Luân để trên cây phướng ắt biểu thị cho Đức **Tự Chứng Hóa Tha**

Chân Ngôn:

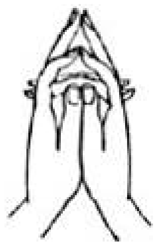
𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖓𑖰𑖡𑖿𑖝𑖯𑖦𑖜𑖰 𑖕𑖿𑖪𑖩 𑖮𑖳𑖽

Oṃ_ Padma cintāmaṇi jvala hūṃ



2_Như Ý Luân Tâm Trung Tâm Ấn:

Dựa vào Căn Bả Ấn trước, đem hai ngón giữ cài chéo nhau bên ngoài, dựng ngang hai ngón út.



Ấn này có hoa sen, viên ngọc báu, bánh xe nên là Ấn rất sâu kín vậy

Chân Ngôn:

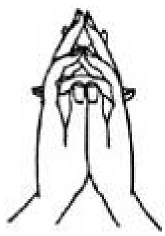
𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖟 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

Oṃ_ Varada padme hūṃ

3_Như Ý Luân Tùy Tâm Ấn:

Dựa vào Căn Bản Ấn trước, hai ngón giữ cài chéo nhau bên ngoài, đặt hai ngón út nằm ngang cùng giao nhau.

Hoặc là Hai tay Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón trỏ sao cho đầu ngón hợp nhau như hình báu. Hai ngón cái, ngón vô danh đều tự dựng đứng thành dạng cây phướng, hai ngón út cùng cài chéo nhau.



Đây tức từ **Tự Chứng** (Tâm Ấn) mà sinh nghĩa của Tâm **Hóa Tha** (Tâm Trung Tâm Ấn) cũng là nghĩa thuận ứng với Tâm của chúng sinh (Tùy Tâm Ấn)

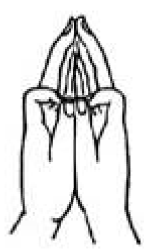
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖟 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

Oṃ_ Varada padme hūṃ

4_Như Ý Luân Tháp Ấn:

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, kèm dựng hai ngón cái rồi lui về phía sau dưới gốc của hai ngón giữa, co hai ngón trỏ vịn nhẹ đầu hai ngón cái.



Ấn này có Vị Phu Liên Hoa Hợp Chưởng, Kim Cương Hợp Chưởng là Ấn Mẫu để nói Pháp. Lại mở đứng hai ngón cái nên có riêng Khai Tháp Ấn với Bế Tháp Ấn.

MÃ ĐẦU QUÁN ÂM

Mã Đầu Quán Âm: tên Phạn là **Hayagrīva,** dịch âm là Hạ Dã Hột Lý Phộc, A Gia Yết Lợi Bà, Hà Gia Yết Lợi Ba; dịch nghĩa là **Đại Lực Trì.**

Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn, tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ hai răng nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh. Do đó Tôn này có tên là **Quán Âm Đầu Ngựa** (*Mã Đầu Quán Âm*).



_ Tại Ấn Độ: Tín ngưỡng Mã Đầu Quán Âm có liên quan mật thiết với tín ngưỡng Hayagrīva là một **Hoá Thân** (Avatar) ***Thân người đầu ngựa*** của Viṣṇu trong Ấn Độ Giáo. Mục đích chính của Hoá Thân này là phục hồi Kinh Điển Veda đã bị Asuras đánh cắp.

Khi *Hoá Thân Hayagrīva* được kết hợp với Kinh Veda thì được tôn thờ như vị chúa tể của kiến thức và Trí Tuệ, mang thân người đầu ngựa, màu trắng rực rỡ, có bốn tay: Tay thứ nhất cầm **vỏ ốc** (Śaṅkha), tay thứ hai cầm **bánh xe** (Cakra), tay thứ ba cầm **tràng hạt** (Akṣa-mālā), tay thứ tư kết **Ấn Vyakhya**. Ngồi trên một hoa sen trắng tượng trưng cho sự chiến thắng của kiến thức thuần khiết được dẫn dắt bởi bàn tay của Thượng Đế đối với các lực lượng Ma Quỷ thuộc đam mê và bóng tối.



Theo truyền thống Vaiśvaṇa thì Hayagrīva là một vị Thần rất quan trọng, được thờ phượng đặc biệt vào ngày trăng tròn trong tháng tám (Sravana-paurnami) và ngày

Mahānavami, ngày thứ chín của lễ hội Navarari. Ngài được ca ngợi là **Haya-śirṣai** nghĩa là ***đầu ngựa*** (với Haya là con ngựa, Śirṣai là cái đầu).

Hiện nay Thần Tượng **Hayagrīva** được thờ phượng tại ngôi đền **Hayagrīva-Madhava-temple** ở Hajo thuộc Assam. Một điều rất đặc biệt là phần mở đầu của Stotram-Hayagrīva, rất phổ biến trong các tín đồ của Hayagrīva, lại có nguồn gốc từ Kinh A Hàm **Pancaratra** (Kinh Điển của An Độ Giáo):

"Jñāna-anan-mayaṃ-devaṃ nirmala sphatikāriṃ ādhāraṃ_ Sarva-vidyānāṃ hayagrīva upāsmahe !"

_ Theo truyền thống Hoa Văn thì **Mã Đầu Quán Âm** có Bản Nguyện rất sâu nặng, thề nguyện diệt hết khổ não *sinh, già, bệnh, chết* của bốn loài trong sáu nẻo. Nếu tu trì Pháp **Mã Đầu** thì hay dứt trừ mọi bệnh, được trường thọ, hộ mệnh.

Do Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào tám đại Minh Vương (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja), tức **Phẫn Nộ Trì Minh Vương** (Krodha-vidya-dhāra-rāja) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là một trong ba Minh Vương của ba Bộ ở **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu). Có vị trí trong Quán Âm Viện của Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Mã Đầu Đại Sĩ**, **Mã Đầu Minh Vương, Mã Đầu Kim Cương Minh Vương**. Tục gọi là **Mã Đầu Tôn**.

Tôn này do nhân **Đại Bi** nên không trú ở Niết Bàn và do nhân **Đại Từ** mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử, cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Hám Thực kim Cương** (Khāda Vajra:Đạm Thực Kim Cương)

_ Ma Ha Chỉ Quán cũng nói Tôn này là **Sư Tử Vô Uý Quán Âm** khi phối trí với sáu nẻo là ***Tôn Cứu Hộ*** của nẻo súc sinh.

Vì **Mã Đầu Minh Vương** dùng Quán Âm Bồ Tát làm **Tự Tính Thân**, hiện bày hình đại phẫn nộ, đặt đầu ngựa ở trên đỉnh, là một trong những thân biến hóa của **Quán Thế Âm Bồ Tát**. Nhân vì Tâm Từ Bi sâu rộng, cho nên bẻ gãy, diệt trừ tất cả Ma chướng, dùng vành mặt trời Đại Uy chiếu soi phá tan ám tối của chúng sinh, ăn nuốt vô minh phiền não của chúng sinh.

_Trong quyển Thượng của "**Thánh Hạ Dã Hột Lý Phộc Đại Uy Nộ Vương Lập Thành Đại Thần Nghiệm Cúng Dường Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm**" nói rằng:

*"**Hạ Dã Hột Lý Phộc** (Hayagrīva – Mã Đầu)*

Hay đập các Ma chướng

Dùng phương tiện Từ Bi

*Hiện hình **đại phẫn nộ** (Mahā-krodha)*

Thành mặt trời đại uy

Chiếu sáng vô biên Giới

Kẻ tu hành ngu tối

*Mau chóng được **Tất Địa** (Siddhi)*

*Tưới rót nước **Cam Lộ** (Amṛta)*

Tẩy rửa hạt giống tạp

*Huân tập trong **Tàng Thức** (Ālaya)*

*Mau gom tụ **Phước** (Puṇya) **Trí** (Jñāna)*

*Được **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên tịnh*

Nên con cúi đầu lễ"

Trong quyển Hạ của **Phẩm Nghi Quỹ** trên lại nói: *"Vì tất cả bệnh não nên Ta làm **Y Vương** để chữa trị. Nếu chẳng khỏi bệnh, ắt không có chuyện này. Bản Nguyện xa xưa đó là Bản Nguyện **Đại Từ Đại Bi Mã Khẩu** sâu nặng của Ta, hóa độ tất cả chúng sinh, chuyên chú hơn hẳn các Tôn. Do **Đại Từ** (Mahā-maitra) cho nên chẳng dính sinh tử, do **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) cho nên chẳng trụ Niết Bàn. Thường trụ trong các cảnh giới vô minh, chặt đứt hết mọi loại các nẻo ác, diệt hết khổ **sinh, già, bệnh, chết** của loài sinh theo bốn cách (trứng, thai, ẩm ướt, biến hoá) trong sáu đường. Lại hay ăn nuốt diệt sạch hết, chọn việc gần nhất để dạy bảo như con ngựa đang đói chỉ biết ăn cỏ chứ không nhớ đến việc khác. Do sức của Bản Nguyện này cho nên ở cõi nước trong mười phương, không có chỗ nào mà không hiện thân.*

*Bậc Du Già khởi sâu **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), mỗi ngày tụng 108 biến thì Đại Uy Nộ Vương sẽ hiện thân phụng sự bậc Du Già ấy, ví như Nữ Tỳ cung kính, giống như Bà Nga Noan (Bhagavaṃ:Đức Thế Tôn), trải qua hai đời há chẳng thành Bồ Đề sao?*

Người nhớ nghĩ đến Đại Uy Nộ Vương thì chẳng bị đọa vào ba đường ác, quyết định vãng sinh về các cõi nước Phật.

*Khi được **Uy Nộ Tôn** này gia trì. Giả sử có các người ác, Ma ác, cầm thú ác, cho đến yểm mỵ, cổ thuật, Si Mỵ, Võng Lượng, Quỷ Thần ác.... khởi tâm ác muốn não hại Hành Nhân, xa gần hướng đến trú xứ của Hành Nhân, tức trong đường đi, tự bị giết hại.*

Thần nghiệm này, chu vi ngoài 40 dặm khiến cho không có các chướng ngại. Lại thường gia trì các người Trì Minh, khiến cho Tâm Bồ Đề chẳng bị thoái chuyển".

_ Trong **Hà Gia Yết lợi Bà Tượng Pháp** nói: "*Tu trì Pháp Mã Đầu Quán Âm sẽ được sống lâu đến 14000 tuổi, được 7 báu của Chuyển Luân Thánh Vương , sau khi chết được sinh về cõi nước **An Lạc*** (Sukhavatī) *và ngồi dưới bàn chân của Đức Quán Thế Âm*" .

HÌNH TƯỢNG CỦA MÃ ĐẦU QUÁN ÂM

_ Hà Gia Yết Lợi Bà Tượng Pháp ghi nhận là:

"*Vẽ làm Đức Bồ Tát có thân dài khoảng một trách tay của Đức Phật (Dài ngắn chính đúng nên dùng một khuỷu tay của người), tổng cộng có 4 khuôn mặt.*

Mặt chính giữa là mặt Bồ Tát rất đoan chính, dung mạo từ bi, nhan sắc màu trắng đỏ, tóc thuần màu xanh.

Một mặt bên trái là mặt sân nộ màu đen, ló nanh chó, tóc cực nhỏ dựng như màu lửa mạnh.

Một mặt bên phải làm dung mạo đại tiếu (cười to) màu trắng đỏ đoan chính như mặt Bồ Tát, đầu tóc thuần màu xanh.

Trên đầu của 3 khuôn mặt này đều đội mão trời (Thiên Quan) và đeo vòng tai. Trên mão có một vị ***Hóa Phật*** *ngồi kiết già.*

Trên đỉnh đầu của mặt chính giữa làm một cái đầu ngựa màu xanh biếc đang ngậm miệng.

Dưới cổ Bồ Tát đeo chuỗi Anh Lạc quý báu. Sau cổ và sau lưng có hào quang tròn với nhiều tầng màu sắc. Tay trái: co cánh tay để trước vú cầm hoa sen hồng, hoa sen đó ngang bằng với cái đầu của Bồ Tát đều hướng về bắp tay trái. Trên đài hoa ấy làm một vị Hóa Phật mặc áo cà sa ngồi Kiết Già, sau cổ, sau lưng có ánh hào quang.

Bồ Tát ngửa lòng bàn tay phải, duỗi 5 ngón và co ngang bằng khuỷu tay, bàn tay ấy nâng viên ngọc ***Chân Đà Ma Ni*** (Cintā-maṇi: Ngọc Như Ý), *viên ngọc ấy tròn trịa như làm màu trắng, chung quanh viên ngọc này có ánh lửa sáng màu đỏ bao vây, ngay bên dưới viên ngọc ở tay phải tuôn mưa các loại báu vật.*

Trên bắp tay trái khoác ***Hệ-gia ca la giả ma*** *(Vyāghra-camara: Da cọp) như khoác* ***Kỳ Chi*** *(Tức* ***Tăng Kỳ Chi Điều****), kết đeo ngay bên dưới nách, liền kéo lan da cọp ra đến cái háng. Ngoài ra vòng xuyến đeo cánh tay, áo khoác ngoài (Thiên y), quần đều như Pháp vẽ Bồ Tát của nơi khác".*



_ Quyển Hạ của **Đại Thần Nghiệm Cúng Dường Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm** ghi nhận là:

"*Vẽ làm bức tượng Đại Uy Nộ Vương, gồm có bốn mặt đều phẫn nộ. Bốn cái miệng, trên dưới một cái miệng đều hiện ra nanh chó. Tóc trên đầu cực nhỏ dựng đứng như đám lửa mạnh. Trên đỉnh đầu của bốn mặt đều đội mão Trời với đeo vòng tai, trên*

*mão Trời có vị Hóa Phật ngồi Kiết Già. Trên đỉnh đầu của mặt chính giữa làm một cái đầu ngựa màu xanh biếc, dưới cổ đeo các chuỗi Anh Lạc qúy báu, sắc thân hách dịch như mặt trời, toàn thân lửa mạnh mẽ như lửa của **Kiếp Tai**. Có tám cánh tay, hai tay trái phải kết **Căn Bản Mã Khẩu Mật Ấn**, một tay bên phải cầm cây kiếm bén nhọn, một tay bên trái cầm cây bổng Kim Cương, một tay bên phải cầm cây búa Kim Cương, một tay bên trái cầm bánh xe báu Kim Cương, một tay bên phải làm thế Thí Vô Úy, một tay bên trái cầm Tràng hạt. Ngồi yên ở bàn đá báu trên đài hoa sen xanh, bàn núi đá ấy có màu đỏ vàng xanh. Trên mỗi cổ tay của tám cánh tay đều đeo vòng xuyến. Thân phần trang nghiêm như nơi khác đã nói"*



_ Phẩm này cũng có ghi nhận Tôn Tượng như sau:

*"Lại có Pháp. Nếu có người ác, oan gia đối với người hiền lành khởi ý ác muốn gây nguy hại, cần phải đúc làm bức tượng **Kim Cương Uy Nộ Vương**, lớn nhỏ tùy ý. Hình tượng đó có bốn mặt tám cánh tay, trên dưới mỗi cái miệng đều ló ra răng nanh bén, tám tay cầm khí trượng Kim Cương, trên đỉnh đầu của mặt chính hiện một đầu ngựa màu xanh biếc, đầu tóc như lửa xoắn ốc, hình rất bạo ác, cỡi con trâu xanh, lưng con trâu có hình hoa sen, trên hình hoa sen có Bản Tôn ngồi xổm, toàn thân rực lửa nóng bức sáng chói như lửa nóng của kiếp Tai.*

Diệu hình (thân hình mầu nhiệm) ***Đại Uy Nộ Vương giáng phục Thiết Đô Lô*** *(Śatrū: Oan gia)* ***trong ba đời****, là như vậy".*

_ Trong **Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát tự Đà La Ni Tu Hạnh Mạn Trà La Thứ Đệ Nghi quỹ Pháp** ghi nhận:

"*Tượng có 3 mặt 8 cánh tay: Góc đông bắc vẽ Mã Đầu Minh Vương. Có 3 mặt, 8 cánh tay cầm các Khí Trượng.. Bên phải: Tay bên trên cầm hoa sen, 1 tay cầm cái bình, dùng 2 tay kết Ấn Khế. Bên trái: Tay bên trên cầm cây búa, 1 tay cầm xâu chuỗi, 1 tay cầm sợi dây. Luân Vương ngồi trong hoa sen, có Tướng đại phẫn nộ, xuất hiện tư thế rất ác mạnh mẽ*"



Tuy nhiên hình tượng của **Mã Đầu Quán Âm** đều có điểm chung là đầu đội đầu ngựa trắng, nhưng khuôn mặt biểu thị cho ***Tình*** hoặc là ***Tướng phẫn nộ*** hoặc là ***Tướng đại tiếu***, so với biểu thị *Tình của Bồ Tát* nói chung có chỗ khác nhau.



Tôn hình của Mã Đầu Quán Âm có nhiều loại hình tượng khác nhau: 1 mặt 2 cánh tay, 1 mặt 4 cánh tay, 3 mặt 2 cánh tay, 3 mặt 8 cánh tay, 4 mặt 8 cánh tay…. Trong đó, một mặt 2 cánh tay thì 2 cánh tay hoặc chấp lại hoặc kết Thí Vô Uý Ấn.

Giác Thiền Sao trích dẫn trong Kinh **Bất Không Quyến Sách** nói rằng: "Tay trái cầm cây búa, tay phải cầm hoa sen. Nhưng cũng có khi tay trái cầm sen, tay phải cầm gậy hoặc tay trái kết Thí Vô Uý Ấn, tay phải cầm sen".



Mật Giáo Tây Tạng lưu truyền một số Tôn Tượng **Mã Đầu Minh Vương** như sau:







Dùng Bồ Tát này làm Bổn Tôn để tu pháp thì khẩn cầu điều phục được người ác, dứt trừ mọi bệnh, oán địch lui tan, nghị luận được thắng, gọi là **Mã Đầu Pháp**.

Tam Muội Gia Hình là Đầu ngựa trắng,

Ấn tướng là Mã Đầu Ấn.

Chữ Chủng Tử là: 𑖮𑖽 (Haṃ) hoặc 𑖏𑖯 (Khā) hoặc 𑖮𑖳𑖽 (Hūṃ)



THỦ ẤN CĂN BẢN CỦA MÃ ĐẦU QUÁN ÂM

1_Mã Đầu Quán Âm Tối Thắng Căn Bản Ấn _**Mã Đầu Ấn**

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng (hoặc Liên Hoa Hợp Chưởng) co cong đầu hai ngón trỏ hợp móng ngón để ở bên dưới hai ngón cái, kèm duỗi đứng hai ngón cái rồi hơi ngửa móng ngón.



Chân Ngôn:

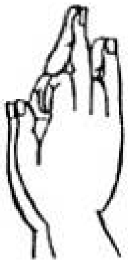
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖏𑖯𑖟𑖧 𑖥𑖽𑖕 𑖭𑖿𑖣𑖘𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAH SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬAYA SVĀHĀ

(Quy mệnh khắp cả chư Phật_ Ăn nuốt, đánh phá, phá hết,thành tựu)

2_Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn (2)

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng), co hai ngón trỏ hai ngón vô danh cùng hợp móng ngón, co vào trong lòng bàn tay, hai ngón cái hơi co cong. Đồng vớ Mã Đầu Ấn trước chỉ có ngón vô danh là sai khác.



Ấn này biểu thị cho Tam Muội Gia Hình. Hai ngón út là lỗ tai, hai ngón vô danh là con mắt, hai ngón giữa là cái mũi, ngoài ra khoảng giữa của ngón trỏ với ngón cái biểu thị cho miệng của con ngựa.

Lại Liên Hoa Hợp Chưởng là Tam Muội Đại Bi của Quán Âm, ngón vô danh là nước Cam Lộ Đại Bi, ngón trỏ tức là gió của Đại Nguyện. Dùng nước Cam Lộ làm nghĩa tẩy rửa hạt giống tạp nhiễm trong Tàng Thức của chúng sinh. Ngón cái là Tam Muội Đại Không (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) có nghĩa là hết mọi mầm giống tạp nhiễm.

Chân Ngôn:

a)

OṂ_ AMṚTODBHAVA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

(Quy mệnh, Cam Lộ phát sinh, khủng bố phá hoại (phá tan sự sợ hãi), thành tựu)

b)

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬAYA SVĀHĀ

3_ Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn (3)_ **Nhiếp Độc Ấn (1)**

Hai tay Nội Phộc, kèm dựng hai ngón cái, nghiêng đè lóng giữa của hai ngón trỏ



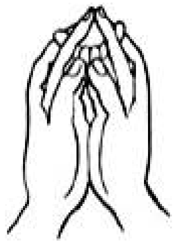
Lại hai tay Nội Phộc, cùng dựng đứng hai ngón cái, hơi co lóng trên.

Lại gọi là **Nhiếp Nhất Thiết Chư Độc Ấn.**

Chân Ngôn (giống như trước)

4_ Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn (4)_ **Nhiếp Độc Ấn (2)**

Kim Cương Hợp Chưởng, dựng đứng hai ngón giữa cùng hợp đầu ngón, hai ngón trỏ đều móc ngón vô danh, lại đem ngón trỏ nghiêng đè lóng trên của ngón giữa, kèm dựng hai ngón út để ở trong lòng bàn tay, rồi đem hai ngón cái kèm dựng đứng đến cùng nhóm tụ với ngón út.



Xong quán tưởng (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) ăn nghiệp ác, phiền não, ách nạn chẳng lành. Đưa ngón cái đến (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) ăn ba thứ

Ấn này lại có tên là **Ác Nạn** (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) **Thực Ấn.**

Chân Ngôn giống như trước

_Theo Tạng Truyền thì Mã Đầu Minh Vương có Chân Ngôn ăn nuốt tất cả vật độc. Trong Thế Gian: cọp, sói, rắn, bò cạp cắn hại chúng sinh hữu tình cho đến chất độc của Rồng độc…giả sử tất cả thú ác, vật độc đến trước mặt mổ cắn mà tất cả chúng Thần chẳng thể cứu giúp thì chỉ có cầu xin **Mã Đầu Minh Vương** mau đến, kèm tụng Chân Ngôn liền có thể cứu độ. Chân Ngôn như bên dưới

Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn:

"**Doãn hy hy, ma cáp phộc nhật lạp na khế, phộc nhật lạp mục khế, cáp na cáp na, nhẫn na nhẫn na, bản tả bản tả, nam ngã nam ngã, nặc na ba nặc na ba, a vĩ xả a vĩ xả, hát gia đốt lợi vũ nghê gia, bản gia để, thoa cáp**"

EHYEHI MAHĀ-VAJRA-NAKHA VAJRA-MUKHE, HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA, DAGDHA DAGDHA, DAṆḌA-BHĀJ DAṆḌA-BHĀJ, ĀVIŚA ĀVIŚA, HAYAGRĪVA JÑEYA-PARYANTI SVĀHĀ

_Chân Ngôn đoản Chú:

"Ông, ta, bối mã đạt cát, cáp gia cát ngõa, ta, hồng phôi"

OṂ_ HRĪḤ PADMA ṬAKKI HAYAGRĪVA HRĪḤ HŪṂ PHAṬ

BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM

Bất Không Quyến Sách Quán Âm (Amogha-pāśa). Lại xưng là Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bất Không Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quảng Đại Minh Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Tất Địa Vương Quán Thế Âm Bồ Tát. Là một trong 6 vị Quán Âm

Bất Không (Amogha) là một tên gọi của Bất Không Quyến Sách Quán Âm, ý nghĩa là chỉ Tâm Nguyện chẳng Không.

Quyến Sách (Pāśa) nguyên là chỉ ở Ấn Độ Cổ Đại, trong lúc chiến tranh hoặc săn bắn dùng dây thừng để bắt Người và Ngựa.

Dùng **Bất Không Quyến Sách** làm tên gọi, ý nghĩa là tượng trưng cho Quán Thế Âm Bồ Tát dùng sợi dây của Từ Bi, cứu độ hóa đạo chúng sinh, Tâm Nguyện ấy chẳng nhiễm dính sự trống rỗng (bất nhiễm không), nên cũng dùng sợi dây làm Tam Muội Gia Hình.

Tôn này biểu thị cho ý nghĩa **Nhiếp Phục chúng sinh**, thể hiện Từ Bi rộng lớn của Thệ Nguyện thâm sâu.

Kinh **Bất Không Quyến Sách Thần Chú Tâm** ghi chép rằng:

"Bấy giờ trong Hội có một vị Bồ Tát tên là **Quán Tự Tại** từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa soạn quần áo, trật áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng Phật, mặt mắt vui vẻ, nở mặt mỉm cười rồi bạch Phật rằng: "Con có Thần Chú Tâm tên là **Bất Không Quyến Sách** (Amogha-pāśa). Con ở thời xa xưa cách nay 91 kiếp, thời có Thế Giới tên là **Thắng Quán** (Vilokitāyaṃ), trong đó có Đức Phật tên là **Thế Chủ Vương Như Lai** (Lokendra-rāja- tathāgatāya) **Ứng Chính Đẳng Giác Minh Hạnh Viên Mãn Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ Thiên Nhân Sư Phật Bạc Già Phạm** Đức Phật Thế Tôn ấy thương xót con cho nên vì con nói Đại Thần Chú Tâm. Khi ấy do con thọ trì sức uy thần nên thường vì vô lượng chúng Tịnh Cư Thiên, chúng Tự Tại Thiên, chúng Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên Vương cùng với Thiên Chúng, vô lượng trăm Trời cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi. Con đều giáo hóa khiến cho họ hướng về Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề

Con y theo sức công đức như vậy liền được mười ức **Bất Không Diệu Trí Thượng Thủ Trang Nghiêm Đại Tam Ma Địa.** Do sức Định này, hiện thấy mười phương vô lượng vô số các Thế Giới Phật, tất cả Như Lai với các Chúng Hội.(Con) đều đi đến cúng dường, lắng nghe Chính Pháp, triển chuyển giáo hóa vô lượng Hữu Tình đều khiến cho họ phát tâm hướng về Vô Thượng Giác. Cho nên chẳng thể luận bàn sức của Chú này, hay cứu vô lượng nạn khổ của chúng sinh. Các kẻ có Trí đều nên thọ trì"

Do đó, nên Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện Hóa Thân, lúc dùng Pháp này cứu độ chúng sinh, liền gọi là Bất Không Quyến Sách Quán Âm.

HÌNH TƯỢNG CỦA BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM

Hình tượng của Tôn có nhiều loại: 1 mặt 8 cánh tay, 3 mặt 6 cánh tay, 1 mặt 3 mắt 18 cánh tay, 1 mặt 4 cánh tay (hoặc 32 cánh tay), 3 mắt 2 cánh tay (hoặc 4 cánh tay, 6 cánh tay, 10 cánh tay, 18 cánh tay)….

Kinh "**Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn**" ghi nhận rằng: "Tượng có 3 mặt 6 cánh tay, nói rằng: Mặt chính vui vẻ, mặt bên trái nhăn mày trợn mắt há miệng, răng nanh hướng lên trên, mặt bên phải nhăn mày trợn mắt ngậm miệng. Đầu đội Mão Báu, Mão có Vị Hóa Phật, các tay cầm Hoa Sen, Sợi Dây, Tam Kích Xoa,

một tay Tác Thí Vô Úy, một tay nâng Chưởng, (? tay thứ 6 cầm bình Quân Trì) ngồi Kiết Già trên Hoa Sen”

Tây Tạng thờ Tôn Tượng này với tư thế đứng trên hoa sen



Kinh **Bất Không Quyến Sách Đà La Ni Tự Tại Vương Chú, quyển Thượng** (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch) có ghi rằng: “Hình tượng của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát với thân màu vàng lợt, đầu đội mão hoa, tóc xanh rẽ ra hai bên vai sau trước, mặt mày vui vẻ, phóng trăm ngàn ánh sáng thanh tịnh hơn hết. Mặt có ba mắt, dùng toàn dây lụa trắng cột tréo nơi ngực, dùng da nai che nơi hai vai, trang sức, dùng dây lụa báu cột ở eo lưng. Tôn Giả có bốn tay, tay trái trên cầm hoa sen, tay trái dưới cầm Táo Bình (bình đựng nước rửa) tay phải trên Thí Vô Úy, tay phải dưới cầm xâu chuỗi đều dùng các báu nghiêm sức. Thân mặc áo Trời đứng trên hoa sen, có đại oai đức, Anh Lạc ngắn dài giao nơi cánh tay thòng xuống dưới, dùng các báu làm vòng xuyến. Trên đảnh vẽ Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)”



Nơi khác thì thờ Tôn Tượng này ngồi trên tòa sen

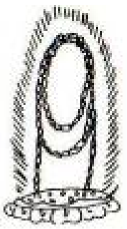


_Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Bất Không Quyến Sách Quán Âm có thân màu thịt trắng, 3 mặt 4 cánh tay, mỗi mặt có 3 mắt. Mặt chính diện màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen. *Bên trái*: Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm sợi dây. B*ên phải*: tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



-Ba mặt biểu thị cho 3 Đức: Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát
-4 cánh tay biểu thị cho 4 Trí Nội Chứng
Tay cầm hoa sen biểu thị cho Diệu Quán Sát Trí
Tay cầm bình Quân Trì biểu thị cho Bình Đẳng Tính Trí.
Tay cầm tràng Hạt biểu thị cho Đại Viên Kính Trí
Tay cầm sợi dây cho biểu thị cho Thành Sở Tác Trí.

Mật Hiệu là: **Đẳng Dẫn Kim Cương**
Chữ chủng tử là :MO (𑖦𑖺)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây



_Mật Giáo Tây Tạng thờ phụng Tôn tượng có ba mặt, bốn cánh tay:



_Tôn Tượng một mặt, bốn cánh tay



_Tôn Tượng một mặt, tám cánh tay: Sợi lông trắng giữa chân mày dựng lên, tay thứ nhất bên trái bên phải chấp lại để ngang ngực. Bên trái: kế đến tay cầm Hoa Sen, tiếp theo tay ở trên gối cầm Sợi Dây, tay thứ tư Tác Dữ Nguyện Ấn. Bên Phải: Tay thứ hai cầm cây Tích Trượng, tay thứ ba ở trên Già (thế ngồi) cầm cây Phất Trần Trắng, tay thứ tư Tác Dữ Nguyện Ấn, rũ các ngón xuống ngửa lòng bàn tay, Ấn bên phải bên trái giống nhau không cầm vật. 2 bàn chân bên trái đè bên phải, mặc Cà Sa làm bằng da Hươu.



Ngoài ra còn có Tôn Tượng một mặt, tám cánh tay với khí trượng khác như:



Hai tay phía trước kết **Cát Tường Ấn** biểu thị cho sự độ khắp chúng sinh được cát tường như ý

Tay cầm hoa sen trắng biểu thị cho sự thành tựu mọi loại Công Đức

Tay cầm chày Kim Cương biểu thị cho sự tồi phục tất cả oán địch

Tay cầm sợi dây biểu thị cho sự nâng cứu chúng sinh từ bất lạc không khiến được an ổn

Tay cầm cung tên báu biểu thị cho sự khiến cho chúng sinh sớm kết được duyên lành

Tay **Thiên Thủ Thiên Nhãn** hiển sức tương ứng với Pháp Lực vô biên

Tay cầm Tịnh Bình biểu thị cho sự rưới Cam Lộ tràn khắp, ban Phước cho chúng sinh

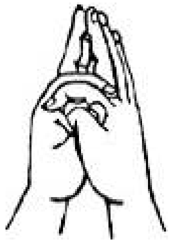


_Tôn Tượng ba mặt, 10 cánh tay:



_Bất Không Quyến Sách Quán Âm Thủ Ấn:

Hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng. Hai ngón trỏ, ngón cái cài chéo nhau bên ngoài, duỗi ngón cái phải đền khoảng giữa ngón cái trái và ngón trỏ trái (hổ khẩu). Lại có tên là Liên Hoa Quyến Sách Ấn



Liên Hoa Hợp Chưởng biểu thị cho gốc của Liên Hoa Bộ, là Tự Tính vốn có của hoa sen mà ngón cái ngón trỏ bốn ngón cài chéo nhau bên ngoài ắt tác quán hoa sen ở đầu sợi dây (Sách đoan liên hoa quán). Sợi dây biểu thị cho Bản Thể đem bốn loại dây như ngư dân ở Thế Gian câu cá để tế độ chúng sinh cực ác.

Chân Ngôn:

Oṃ_ Amogha-vijaya hūṃ phaṭ



Oṃ_ Amogha-padma-pāśa-krodha akarṣaya praveśaya mahā-paśu-pati, yama, varuṇa, kubera, brahma-veśa-dhara padma-kula-samayaṃ huṃ huṃ

Bí Mật Tiểu Tâm Chú Chân Ngôn

Oṃ_ Padma-dhāra amogha-jayane śru śru svāhā

Phàm người nào như Pháp Thọ Trì Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni, hiện đời có thể được 28 loại công đức như:

1_Tất cả bệnh đau nhức chẳng thể khiến thân ấy phiền não. Tuy có bệnh đau nhức, nhưng do sức của Phước Nghiệp nên mau được trừ khỏi.

2_ Thân ấy sáng loáng, da dẻ mềm mại vị diệu…. được nhiều người yêu kính.

3_ Các Căn điều phục

4_ Được nhiều tài bảo, mong cầu tuỳ xứng, chẳng bị kẻ khác cướp đoạt.

5_ Lửa chẳng thể thiêu đốt

6_ Nước chẳng thể cuốn chìm

7_ Vua chẳng thể đoạt được. Phàm Nghiệp đã làm thường được cát lợi

8_ Mưa đá ác chẳng thể gây thương tích, nhiếp chất độc của Rồng ác.

9_ Chẳng bị tai nạn, chẳng sợ gió ác mưa bạo ngược

10_ Nếu người bị sâu trùng ăn lúa mạ. Nên lấy cát, tro, nước… dốc tâm ý chú vào bảy biến rồi kết Giới tám phương, kết khắp cả các phương trên dưới thời tất cả điều sợ hãi, tất cả trùng độc liền được trừ diệt.

11_ Tất cả Quỷ ác hút tinh khí người, hoặc ở trong mộng kết làm vợ chồng, muốn gây Yểm Mỵ … cũng chẳng thể hại.

12_ Ở chỗ của tất cả chúng ác thường được an vui, tâm luôn kính trọng không tạm buông rời.

13_ Nếu có các Oán sinh khởi ý ác, muốn tìm đến trả thù cũng tự tiêu diệt.

14_ Nếu có người ác muốn đến gây hại thời chẳng thể hại, liền tự lìa bỏ

15_ Tất cả Chú Trớ, tất cả Cổ Đạo liền mau tự nhiếp, chẳng thể gây hại

16_ Giả Nhã Xứ ở trong Chúng rất cứng mạnh

17_ Phiền não của các Hữu chẳng thể ràng buộc quấy nhiễu.

18_ Ngay tại trận địch, mũi nhọn bén gây hại. Một lòng tụng Chú thì thân chẳng bị dính vướng tất cả dao, gậy, cung tên.

19_ Tất cả Thiện Thần thường theo ủng hộ.

20_ Đời đời, chốn chốn thường được chẳng lìa Từ Bi Hỷ Xả

21_ Vào ngày bị chết, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ hiển tướng Tỳ Kheo hiện trước mặt người ấy

22_ Khi bị chết thời tâm chẳng tán loạn, bốn Đại an ổn, không có các khổ não gây rối thân ấy.

23_ Tuy bệnh trầm trọng quẫn bách cũng không có các thứ rỉ thấm, tiết ra chất ô uế, phân nước tiểu chẳng sạch.

24_ Ngày bị chết, được nghĩ nhớ chân chính, tâm chẳng thác loạn.

25_ Ngày bị chết, chẳng phải úp mặt mà chết

26_ Ngày bị chết, được vô lượng biện tài

77_ Ngày bị chết, muốn sinh vào quốc độ của Đức Phật nào thời tuỳ ý vãng sinh.

28_ Thường được Thiện Tri Thức chẳng lìa bỏ.

CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT

Cuṅdhe: Chuẩn Đề được dịch âm từ các tên Phạn là Cundī, Cuṇṭi, Cuṇḍhi, Kuṇḍi, Cuṅdhe, Cunde, Cuṃdi, Cuṃdhe, Śuddhe (Trong các tên Phạn này thì 2 tên thường được dùng là Cuṅdhe với 'Suddhe) và được phiên dịch theo các ý nghĩa là Khiết Tĩnh, Thanh Tịnh, Diệu Nghĩa, Minh Giác, Hộ Trì Phật Pháp. Đây là vị Bồ Tát hay hộ mệnh và tế độ các chúng sinh khiến cho ngộ giải Phật Quả .

Theo Truyền Thuyết của Ấn Độ thì Cuṇṭi hay Cuṇḍhi là tên của một Apsara và có ý nghĩa là Nguồn suối nhỏ, cái giếng nhỏ, may mắn, tốt giỏi, người có tài ba lỗi lạc.

Theo Truyền Thuyết khác thì Chuẩn Đề (Kuṇḍi) là một tên gọi của Durga (Hóa thân của Hắc Mẫu Thiên Kāli) với bài Chú xưng tán là:

𑖌𑖼 𑖎𑖯𑖩𑖰 𑖎𑖲𑖩𑖰 𑖎𑖲𑖜𑖿𑖚𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Kāli kuli kuṇḍi svāhā

(Quy mệnh Hắc Mẫu Thiên. Nguyện tuân theo sự tôn kính Śākti mà thành tựu Pháp của Durga).

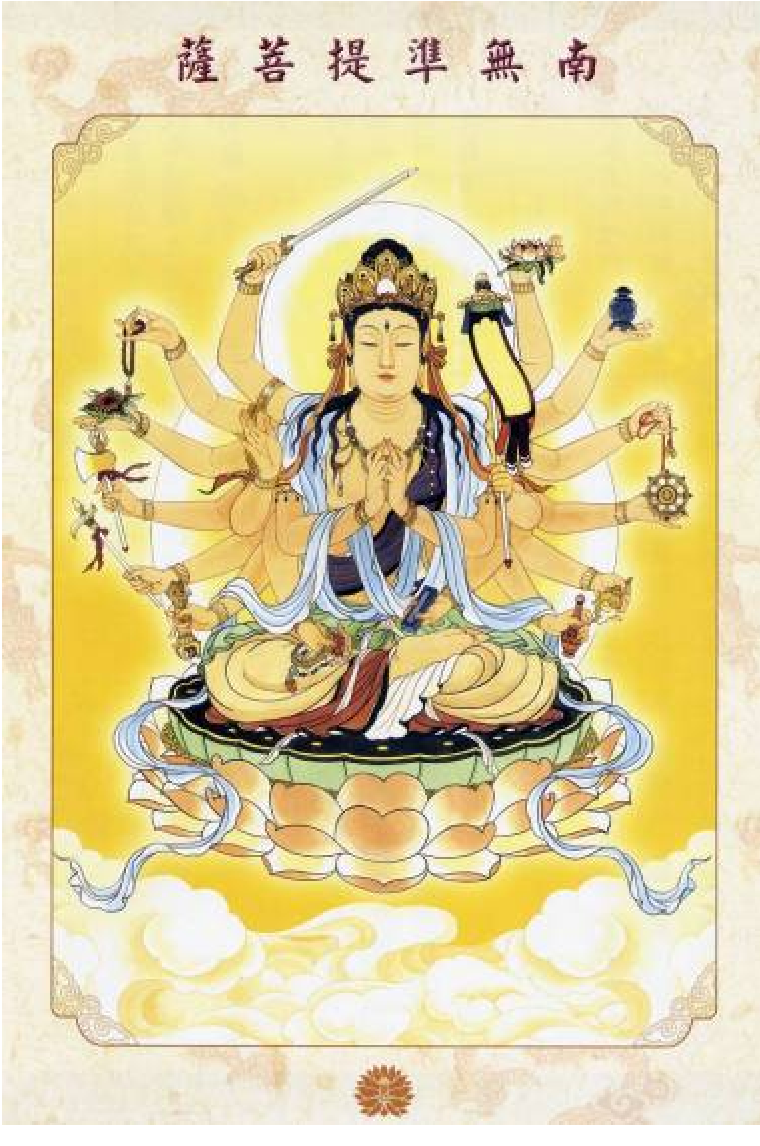
Theo Truyền Thống Hoa Văn thì Chuẩn Đề còn có các tên gọi khác là: Thất Câu Chi Phật Mẫu hay **Thất Câu Đê Phật Mẫu** (Sapta-koṭi-buddha-mātṛ), **Chuẩn Đề Phật Mẫu** (Cuṅdhe buddha-Màtṛ), **Thất Câu Đê Phật Mẫu Chuẩn Đề** (Sapta-koṭi buddha-mātṛ-Cuṅdhe), **Chuẩn Đề Bồ Tát** (Cuṅdhe Bodhisatva), **Chuẩn Đề Quán Âm** hay **Chuẩn Đề Quán Tự Tại** (Cuṅdhe-Avalokiteśvara)

Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La ghi nhận Chuẩn Đề là một trong 3 vị Phật Mẫu thuộc **Biến Tri Viện** với Tôn Tượng màu vàng lợt, mặc áo lụa mỏng như Thiên Y, đầu đội mão báu có ngọc lưu ly rũ treo, mặt có 3 mắt, ngồi trên tòa sen, toàn thân có 18 tay, mỗi tay có đeo vòng xuyến khảm Xà Cừ và mỗi tay đều cầm các loại khí cụ biểu thị cho các **Tam Muội Gia** (Samaya: Bản Thệ).



Trong Viện này thì Chuẩn Đề biểu thị cho sự thanh tĩnh vô nhiễm cấu là đặc tính của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) nên Chuẩn Đề được xem là **Mẫu** (Mātṛ) của Liên Hoa Bộ trong **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) nghĩa là từ Tôn này sinh ra các Tôn trong Liên Hoa Bộ.

Trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Chuẩn Đề được nhận biết dưới danh hiệu **Kim Cương Hộ Bồ Tát** (Rākṣa-bodhisatva) là một trong 4 vị Bồ Tát thân cận của Đức **Phật Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi-buddha) [tức là Đức Phật Thích Ca (Śākyamuṇi-buddha)] ở phương Bắc. Tôn này được sinh từ Môn **Giáp Trụ Đại Từ** của tất cả Như Lai vì thế Chuẩn Đề được dịch ý là **Hộ Trì Phật Pháp** và là vị Bồ Tát thường đi lại trong Thế Gian để đập nát các Hoặc Nghiệp của tất cả chúng sinh, khiến cho kẻ đoản mệnh được thọ mệnh lâu dài, tăng tiến Phước Tuệ, đời đời xa lìa nẻo ác, mau chóng phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) và viên mãn mọi ước nguyện. Ý nghĩa này thường được đại chúng nhận biết nhiều qua các công năng của Thần Chú Chuẩn Đề ghi trong các Kinh Quỹ.



Dựa trên hai truyền thống này mà các Dòng Phái Mật Giáo đã có sự nhận định khác nhau về Bồ Tát Chuẩn Đề.

_ Chuẩn đề thuộc **Quán Âm Bộ** (hay Liên Hoa Bộ)

Căn cứ và chủng tử BU ( ) nghĩa là *"Ngộ Giải chẳng thể đắc*": của Bồ Tát Chuẩn Đề trong **Biến Tri Viện** và **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) ở cánh hoa Đông Bắc trong **Trung Đài Bát Diệp Viện** cũng có chủng tử là BU, đồng thời cả 2 Tôn này đều biểu thị cho Tâm Tính thanh tịnh nên người đời hợp xưng thành

danh hiệu **Chuẩn Đề Quán Âm** và hồng danh này biểu thị cho Hạnh Nguyện của Tâm Bồ Đề với Đức Tự Chứng.



準提佛母

Dựa trên ý nghĩa này nên Hệ Đông Mật của Nhật Bản đem Chuẩn Đề làm một Tôn trong 6 vị Quán Âm và nhiếp vào trong 6 vị Quan Âm của Liên Hoa Bộ. Sáu vị Quán Âm này chia vào 6 nẻo tác **thân ứng hóa** để tế độ các chúng sinh.

Theo Ma Ha Chỉ Quán thì 6 vị Quán Âm với hình sắc, danh hiệu như sau đều hiển tướng Từ Bi cứu độ chúng sinh trong 6 nẻo, gồm có :

1) **Đại Từ Quán Âm** là Biến Thân của Chính Quán Âm có chủng tử là JAḤ (ཛཿ) cứu Địa Ngục Đạo. Thân màu xanh, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải Thí Vô Úy.

Kết Đại Tam Cổ Ấn, dùng Bản Chú.

2) **Đại Bi Quán Âm** là Biến Thân của Thiên Thủ Quán Âm có chủng tử là HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) Cứu Ngạ Quỷ Đạo. Thân màu vàng ròng, 6 mặt có tướng Từ Bi. Tay trái cầm hoa sen hồng, tay phải Thí Vô Úy.

Kết Liên Hoa Hợp Chưởng, tụng Chú là:

𑖌𑖽 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

Oṃ_ Vajra-dharma Hrīḥ

3) **Sư Tử Vô Úy Quán Âm** là Biến Thân của Mã Đầu Quán Âm có chủng tử là KHĪ (𑖏𑖱) hoặc HŪṂ (𑖮𑖳𑖽) cứu Súc Sinh Đạo. Thân màu xanh, tay phải cầm hoa sen trên hoa có Phạn Khiếp, tay trái Thí Vô Úy.

Kết Phạn Khiếp Ấn, tụng Chú là:

𑖌𑖽 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖏𑖱 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Vajra khī svāhā

4) **Đại Quang Phổ Chiếu Quán Âm** là Biến Thân của Thập Nhất Diện Quán Âm có chủng tử là KA (𑖎) cứu A Tu La Đạo. Thân màu thịt. Tay phải cầm hoa sen hồng trên hoa có bình hoa, miệng bình dựng báu Độc Cổ. Tay trái Thí Vô Úy.

Kế Bất Động Ấn, tụng Chú là:

𑖌𑖽 𑖦𑖮𑖯 𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Mahā-prabha svāhā

5) **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Âm** là Biến Thân của Chuẩn Đề Phật Mẫu có chủng tử là SU (𑖭𑖲) cứ Nhân Đạo.

Hợp 2 ngón út, 2 ngón vô danh cài chéo nhau bên trong. Dựng 2 ngón giữa, đem 2 ngón trỏ phụ lưng ngón giữa, đem 2 ngón cái phụ bên cạnh 2 ngón trỏ. Tụng Chú là:

𑖌𑖽 𑖭𑖲𑖨𑖸 𑖭𑖲𑖨𑖸 𑖭𑖲𑖜𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Sure sure suṇe svāhā

6) **Đại Phạm Tấn Tốc Quán Âm** là Biến Thân của Như Ý Luân Quán Âm có chủng tử là HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) cứu Thiên Đạo. Thân màu trắng. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa dựng chày Tam Cổ. Tay phải Thí Vô Úy

Kế Đại Tam Cổ Ấn, ngón trỏ như hình báu. Tụng Chú là:

𑖌𑖽 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖦𑖮𑖯 𑖢𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Hrīḥ mahā-pra svāhā

.) **Thắng Quân Bất Động Quỹ** ghi: "**Trùy Chung Ca Thái La Vương** là thân sở biến của Chuẩn Đề Quán Âm".

.) **Quỹ** ghi: "Tu Pháp Chuẩn Đề đều thấy tượng của Quán Tự Tại"

.) **Tiểu Dã Sao** ghi: "Thiên Nhân Trượng Phu là Chuẩn Đề Phật Mẫu cứu độ Nhân Gian"

.) **Khuyến Tu Tự Sao** ghi: "Chuẩn Đề là Quán Âm"

.) **Thạch Sơn** ghi: "Chuẩn Đề Quán Tự Tại BồTát"

.) **Thiền Tông** cũng dùng Chuẩn Đề là một Tôn trong Quán Âm Bộ.

Lại nữa Chuẩn Đề dịch là **Thanh Tịnh** (Śuddha) tức Thanh Tĩnh Quán Âm. Vì Bất Không Quyến Sách Quán Âm cũng có tên là Thanh Tịnh và cũng là một Hóa

Tôn cứu độ tất cả chúng sinh trong Nhân Đạo nên Chuẩn Đề chính là Bất Không Quyến Sách (Amogha-pāśa)

Do nhận định Chuẩn Đề là một Tôn trong Quán Âm Bộ, nên các hệ phái này đều dùng Kết Giới Minh Vương là Mã Đầu hoặc Quân Trà Lợi.

_Chuẩn Đề thuộc Phật Bộ

Theo Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La thì Chuẩn Đề là một Tôn trong **Biến Tri Viện** biểu thị cho đức **Năng Sinh** của chư Phật và từ Tôn này sinh ra các Tôn của Liên Hoa Bộ. Lại nữa, Chuẩn Đề còn biểu thị cho Tâm Tính Thanh Tĩnh là khuôn mẫu để sinh ra các **Phật Tử** (Buddha-putra) nên Chuẩn Đề được tôn xưng là Phật Mẫu (Buddha-mātṛ). Do Biến Tri Viện là một Viện trong Phật Bộ thuộc Thai Tạng Giới nên Chuẩn Đề phải là một Tôn trong Phật Bộ



Cao Huệ nói: "Chuẩn Đề là Hộ Bồ Tát, một trong 4 Bồ Tát thân cận của Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai mà Bất Không Thành Tựu Như Lai lại là Đức Phật Thích Ca. Do đó Chuẩn Đề là một Hóa Thân của Đức Phật Thích Ca"

Khẩu nói: "Bất Động là Hóa Thân của Thích Ca Mâu Ni mà Thắng Quân Bất Động Quỹ ghi: *Hiện Thân thứ năm trong 8 loại thân là thân sở biến của Chuẩn Đề*. Do đó Chuẩn Đề là hóa thân của Đức Phật Thích Ca"

Khẩu nói: "Tu Pháp Chuẩn Đề thì dùng **Ô Sô Sa Ma** (Ucchuṣma:UếTích Kim Cương) làm Kết Giới Minh Vương mà Ô Sô Sa Ma là thân sở biến của 2 Tôn Thích Ca và Bất Động. Do đó Chuẩn Đề là một hóa Thân của Thích Ca"

Quỹ ghi: "*Dùng Ô Sô Sa Ma hay Vô Năng Thắng làm Kết Giới Kim Cương*"vì Ô Sô Sa Ma và **Vô Năng Thắng** (Aparājita) đều là thân sở hóa của Thích Ca nên Chuẩn Đề phải là Hóa Thân của Thích Ca.

Bạch Bảo Khẩu Sao ghi nhận: "Chuẩn Đề là hoá thân của Thích Ca biểu thị cho Đức Thuyết Pháp"

Hệ **Đài Mật** của Nhật Bản đem Chuẩn Đề nhập vào Phật Bộ dùng làm một Tôn trong Phật Bộ

Do nhận định Chuẩn Đề là một Tôn trong Phật Bộ nên các Hệ Phái này thường dùng Ô Sô Sa Ma hay Vô Năng Thắng làm Kết Giới Minh Vương.

_Hầu hết các Tông Phái Mật Giáo đều công nhận Chuẩn Đề Phật Mẫu cư ngụ tại Trời Sắc Cứu Cánh.

TÔN TƯỢNG CHUẨN ĐỀ PHẬT MẪU

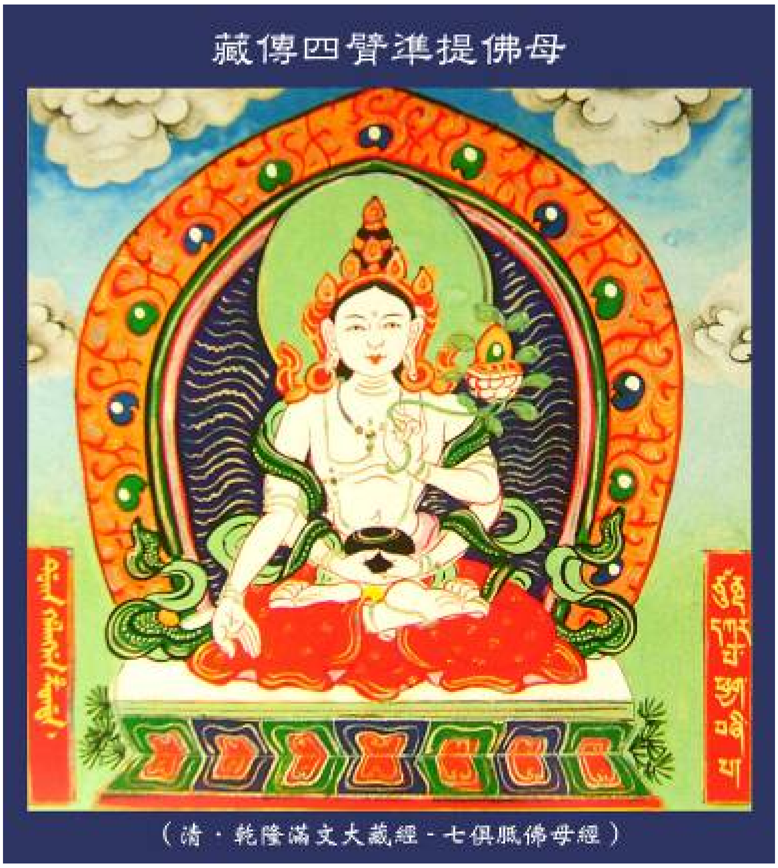
Tôn Tượng Chuẩn Đề có nhiều dạng: 4 tay, 6 tay, 14 tay, 18 tay… nhưng thông thường người ta hay thờ phụng Tượng 18 tay.

Tượng Chuẩn Đề Quán Âm của Trung Hoa: Tượng có 4 cánh tay, trên đỉnh đội Định Ấn là một vị Hóa Phật. Bên trái: Tay thứ nhất để trước eo, tay thứ hai cầm Bảo Châu (Viên ngọc báu). Bên phải: Tay thứ nhất cầm chày Độc Cổ, tay thứ hai nâng cao lên đem ngón cái và ngón vô danh cùng vịn nhau, Nhũ phòng (hai vú) sung mãn lộ xuất biểu thị cho tướng Phật Mẫu.

Tượng Chuẩn Đề Quán Âm của Tây Tạng: Tượng có 4 tay, ngồi Kiết Già trên hoa sen. Hai tay trái phải thứ nhất đặt ở trên rốn cầm Bình Bát. Tay phải thứ hai rũ xuống tác Thí Vô Uý Ấn, tay trái thứ hai co ở trước ngực cầm hoa sen trên hoa an trí một rương Kinh Phạn.



四臂準提佛母



Tôn Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu 18 tay được ghi nhận rất rõ trong Kinh Quỹ. Nay dựa vào **Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi nhận lại sự minh họa ý nghĩa của Tôn Tượng này .

Tượng có thân màu vàng trắng: Màu vàng (A) tượng trưng cho Thai Tạng Giới, màu trắng (VAM) tượng trương cho Kim Cương Giới. Màu vàng trắng biểu thị cho nghĩa *" Lý Trí chẳng hai, Định Tuệ một Thể*" và biểu thị cho Đức **Năng Sinh của chư Phật.**

Mặt Tượng có 3 mắt: 3 mắt là Phật Nhãn, Pháp Nhãn, Tuệ Nhãn biểu thị cho nghĩa *" 3 Đế chẳng dọc chẳng ngang, nhất như bình đẳng*"

Thân Tượng có mọi loại trang nghiêm tỏa ánh hào quang tròn sáng rực lửa: **Sắc Pháp** biểu thị cho nghĩa của Thai Tạng Giới. **Mọi loại** biểu thị cho các Pháp như cát bụi. **Trang Nghiêm** biểu thị cho nghĩa Bồ Tát dùng phiền não làm Bồ Đề.**Ánh hào quang tròn sáng rực lửa** biểu thị cho nghĩa Tâm Pháp của Kim Cương Giới, là Trí hay phá mọi ám chướng của Tâm hư vọng.

Thân Tượng có 18 tay:

Hai tay bên trên tác Tướng Thuyết Pháp: Tôn này vào Nhân Đạo hay làm vị Hóa Chủ phá 3 Chướng nên đặt biệt hiện ra 3 mắt Trí nói Pháp lợi sinh nên y theo giáo vì Pháp Cơ khiến cho chứng quả vị của 3 Thân

Bên Phải:

Tay thứ hai tác Thí Vô Úy: 5 ngón tay bên phải biểu thị cho 5 Trí là nghĩa của Quang Minh. Tôn này là Hóa Chủ của Nhân Đạo nên ở Thế Giới Sa Bà có hiệu là **Thí Vô Úy** (Abhayaṃdada). Do hiển nghĩa Đại Bi chân thật sạu rộng nên hiện tay này.

Tay thứ ba cầm cây Kiếm: Cây Kiếm biểu thị cho Trí Tuệ giáng 4 Ma , trừ 3 Chướng, hại 3 Độc , dứt 5 Dục.

Tay thứ tư cầm Sổ Châu Tràng Hạt) : Tràng Hạt biểu thị cho Trí Tuệ mang nghĩa Chuyển Pháp Luân. Mẫu Châu là Bản Tôn A Di Đà. Manh mối của tràng hạt là Quán Âm, đây là manh mối Đại Bi của Quán Âm xâu suốt 108 phiền não. Mỗi lần chuyển dời một hạt ắt dứt bỏ một phiền não, nên đoạn 108 phiền não chứng 108 Tam Muội, mỗi mỗi đều đủ cho Pháp, như Đức Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn,mỗi mỗi đều đủ vô lượng Bản Thệ Tam Muội của thân khẩu ý.

*Tay thứ năm cầm quả **Vĩ Nhạ Bố La*** **Ca** (Bījapūraka): **Bīja** là hạt, **Pūraka** là tràn đầy nên **Bījapūraka** được dịch là **Tử Mãn Quả**, quả này chí có ở Thiên Trúc.Quả này biểu thị cho hạt giống mãn vạn hạnh vạn thiện, hiển nghĩa công đức viên mãn của Phật Quả.

Tay thứ sáu cầm cây búa (Phủ Việt): Cây búa phá tất cả, không có gì không tồi phá được là tồi phá nạn Vô Minh, cắt đứt Hoặc Chướng biểu thị không dư sót.

Tay thứ bảy cầm móc câu: Móc câu (Aṃkuśa) có nghĩa là vua, 4 biển đều triều tôn nhà vua nên vạn đức đều quy vào Tôn này, nghĩa là vua của các Tôn nên gọi là Phật Mẫu. Sở Thuyên Câu Triệu tất cả chúng sinh khác vào cung Pháp Giới Nội Chứng vốn có là có triệu vào Như Lai Tịch Tĩnh Trí Đức. Do vậy hiện tay cầm móc câu.

*Tay thứ tám cầm **Bạt Chiết La*** (Vajra): Đời Đường gọi Độc Cổ Xử là chày Kim Cương, Tam Cổ Xử là Bạt Chiết La (Vajra). Tam Cổ Xử hay tồi diệt 3 Độc hiển chư Tôn của 3 Bộ nên là Phật Mẫu của 3 Bộ.

Tay thứ chín cầm vòng hoa báu (Ratna-mālā: Bảo Man): Hoa Man xâu suốt hoa lá biểu thị cho nghĩa Vạn Đức Trang Nghiêm, là công đức của Bình Đẳng Tính Trí.

Bên trái:

Tay thứ hai cầm cây phướng báu Như Ý: Phướng báu Như Ý là phướng báu của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) có địa vị cao tột. Đối với chúng sinh không có Phước Tuệ , bần cùng thì ban cho Nguyện Thế Xuất Thế. Viên ngọc báu (Bảo châu) là gốc rễ của mọi thiện, đáy nguồn của vạn hạnh.

Tay thứ ba cầm hoa sen hồng: Hoa sen hồng tên Phạn là Padma.

Hoa sen là tự tính thanh tĩnh biểu thị cho nghĩa Tự Tính Thanh tĩnh của tất cả các Pháp. Là Pháp tĩnh 3 Độc, 5 Dục, tất cả tội của Nhân Gian.

Màu hồng biểu thị cho màu sắc khả ái (đáng yêu)

Tôn này vào Nhân Đạo làm vị Hóa Chủ nên đặc biệt dùng hoa sen hồng biểu thị cho Đức này

Tay thứ tư cầm bình Táo Quán: Cái Bình mang nghĩa chứa đầy tất cả vật. Phật Mẫu Tôn sinh ra các Tôn trong 3 Bộ là Đức chứa đầy. Do vậy hiện thị tay cầm bình Táo Quán.

Tay thứ năm cầm sợi dây: Sợi dây biểu thị cho nghĩa giáng phục Ác Ma. Các **Tôn Phẫn Nộ** (Krodha-nātha) hay cầm sợi dây. Tôn này trói buộc kẻ khó phục khiến cho khuynh động dẫn vào cung Pháp Giới vốn có. Trong 4 Nhiếp Phương Tiện thì đây là phương tiện Đại Bi cực vị vậy.

Tay thứ sáu cầm bánh xe: **Bánh Xe** (Luân:Cakra) nghĩa là chuyển hoặc tồi phá, biểu thị cho sự lưu chuyển sinh tử trong 25 Hữu. Khi luân chuyển đã diệt thì bánh xe dừng lại vậy.

Tay thứ bảy cầm loa : Loa là **vỏ ốc** (Śaṅkha) mang nghĩa nói tịch tĩnh như Pháp. Lại biểu thị cho tiếng rống của sư tử, khi sư tử rống thì muôn thú trong sơn dã đều bị giáng phục. Nay dùng tiếng vang lớn của loa khiến giáng phục loại **phiền não hoặc chướng** của chúng sinh.

Tay thứ tám cầm Hiền Bình: Hiền Bình là **Tam Muội Gia** (Samaya) biểu thị sự chứa đầy 4 Trí Cam Lộ ban cho chúng sinh đều khiến mở Hoa Giác vốn có.

Tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã: Rương Kinh Bát Nhã biểu thị cho Thể của Trí Tuệ. 10 phương 3 đời Phật Bồ Tát đều y theo Bát Nhã này thành Chính Giác. Do Tôn này là Phật Mẫu của chư Phật nên cầm rương Kinh Bát Nhã.



Để giúp cho Đồ Chúng dễ ghi nhớ Tôn Tượng 18 tay của Chuẩn Đề Phật Mẫu, các vị Đạo Sư Trung Hoa đã biên soạn bài tán Chuẩn Đề Phật Mẫu là:

Khuôn mặt Bồ Tát như trăng đầy
Sắc tướng trắng vàng rất đoan nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện thấy Tôn nhan thường cúng dường
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Trên mặt Bồ Tát có ba mắt
Như bốn biển lớn thật lặng trong
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được năm loại mắt thanh tịnh
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tai Bồ Tát đeo báu trang sức
Mọi thứ thù thắng rất trang nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Nhĩ Thông, nghe Diệu Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Lồng ngực Bồ Tát hiện chữ Vạn
Như trăng tròn diệu hiển quang minh
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Tâm Thông, nghe liễu ngộ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát đội mão hoa trên đỉnh
Trong mão hóa hiện năm Như Lai
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Từ Tôn ban quán đỉnh
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát khoác áo màu trắng tinh
Sáu Thù đeo thể thật trang nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được quần áo khéo giải thoát
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Thân Bồ Tát đeo Châu Anh Lạc
Tay, ngón đeo vòng báu trang nghiêm
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện đủ băm hai (32) tướng Như Lai
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát ngồi thẳng trên hoa sen
Lớn cao chẳng động tựa núi vàng
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện sau sẽ ngồi tòa Bồ Đề
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Mọi chi phần trên thân Bồ Tát
Thường phóng vô lượng ánh sáng lớn
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được Từ Quang đến hộ niệm
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát kết Ấn Thuyết Pháp
Biểu thị khéo nói tất cả Pháp
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện được các Pháp đều thông đạt
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Phướng báu diệu
Biểu thị Thế Gian là Tối Thắng
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con hay dựng Phướng Đại Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát kết Ấn Thí Vô Úy
Dìu dắt chúng sinh bị hiểm nạn
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con mau lìa sự đáng sợ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm hoa sen diệu
Biểu thị sáu căn thường thanh tịnh
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con lìa dơ (ly cấu) như hoa sen
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm kiếm Trí Tuệ
Hay chặt trói buộc của phiền não
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con chặt đứt Tham, Sân, Si
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay bồ Tát cầm bình Táo Quán (rưới vảy)
Tuôn nước Cam Lộ thấm chúng sinh
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thường được Phật quán đỉnh
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm tràng hoa màu nhiệm
Mọi thứ trang điểm thật thù thắng
Nay con đỉnh lễ , thệ quy y
Nguyện con được buộc lụa Diệu Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm sợi dây Kim Cương
Khéo hay dẫn nhập vào tất cả
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con được vào Pháp tương ứng
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm quả Thiên Diệu
Biểu thị viên thành quả Bồ Đề
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con rộng tu các quả lành
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm bánh xe tám căm
Uy quang chiếu diệu khắp Tam Giới (3 cõi)
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thường chuyển Đại Pháp Luân
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm cây búa lớn
Hay phá Pháp Bất Thiện bền chắc
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con đập nát núi Nhân Ngã (Người và Ta)
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Loa Đại Pháp
Âm thanh chấn động ba ngàn cõi
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con hay nói tất cả Pháp
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm móc câu Kim Cương
Khéo hay câu triệu khắp tất cả
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thành tựu Pháp Câu Triệu
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm Bình Như Ý
Tuôn ra Tạng báu với Kinh Điển
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con thọ dụng thường như ý
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Tay Bồ Tát cầm chày Kim Cương
Tám Bộ Trời Rồng đều quy ngưỡng
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con điều phục kẻ khó phục
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

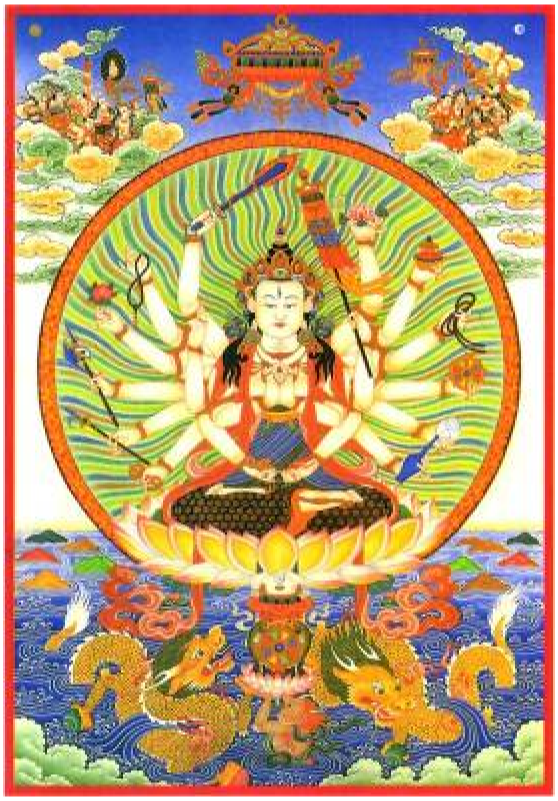
Tay Bồ Tát cầm Kinh Bát Nhã
Hàm chứa nghĩa vi diệu thâm sâu
Nay con đỉnh lễ, thệ quy y
Nguyện con không Thầy tự nhiên ngộ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Bồ Tát cầm viên ngọc Ma Ni
Hào quang tròn trắng không tỳ vết
Nay con đỉnh lễ , thệ quy y
Nguyện Tâm Địa con luôn lanh lợi
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ Tát
Hiện mười tám tay ngồi trên Đàn
Tám Đại Bồ Tát hộ tám phương
Đệ Tử một lòng quy mệnh lễ
NAM MÔ PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ ĐẠI BỒ TÁT

_Thông thường Tôn Tượng 18 tay của Chuẩn Đề Bồ Tát được thờ phượng chung với Đức Phật (hoặc cái lọng báu) ở trên đỉnh đầu, hai bên có hai vị Trời (hoặc các vị Trời) đi đến cúng dường và bên dưới là hai vị Long Vương nâng đỡ Pháp Tòa.





_Phật Giáo Tây Tạng còn thờ phượng Tôn Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu có 18 tay chung với các quyến thuộc



_Truyền thừa của Phái **Giác Nang** tại Tây Tạng có Pháp **Tam Diện Nhị Thập Lục Tý Chuẩn Đề Phật Mẫu** rất thù thắng, nên thường thừa phụng Tôn Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu có 3 mặt và 26 cánh tay







ལྷ་མོ་ཙུནྡ་དཀར་མོ།
宗达天母

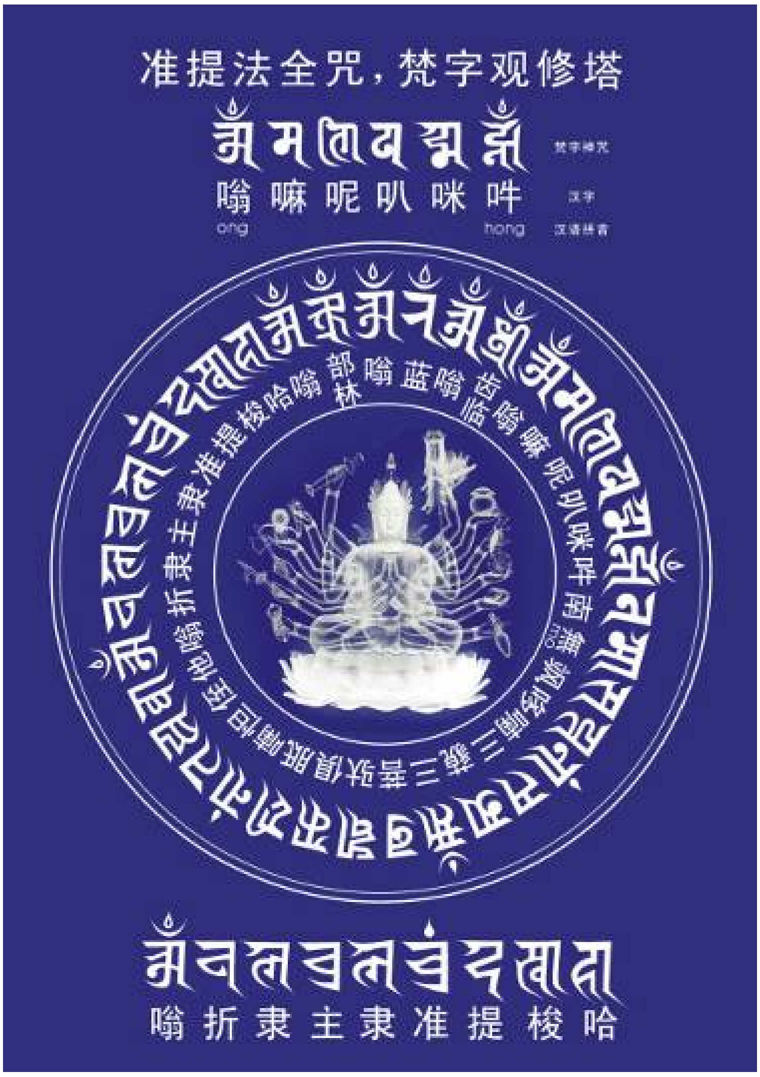
_Ngoài ra Mật Giáo còn thờ phụng Tôn Tượng của Chuẩn Đề Phật Mẫu chung với các Chú Ngữ:





七俱胝佛母大準提


唐山少林禅寺南無總持佛母大準提菩薩摩訶薩


准提法全咒，梵字观修塔
嗡 嘛 呢 叭 咪 吽
汉字
ong
hong
嗡 折 隶 主 隶 准 提 梭 哈

Ý NGHĨA PHÁP VẼ TƯỢNG CHUẨN ĐỀ PHẬT MẪU

Thất Câu Đê Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh (Do Tam Tạng BẤT KHÔNG dịch) có ghi:

"Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu với thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen, thân tỏa hào quang tròn có dính hạt thóc nhẹ như áo của 10 Ba La Mật Bồ Tát, phía trên bên dưới đều tác màu trắng. Lại góc áo khoác ngoài (Thiên Y) có quấn anh Lạc, đội Mão Trời, cánh tay đều đeo vòng xuyến. Đàn Tuệ (2 bàn tay) đều đeo vòng báu. Mặt Tượng ấy có 3 mắt, 18 cánh tay.

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp

Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, lòng bàn tay thứ năm cầm Cụ Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây Búa, tay thứ bảy cầm Móc Câu, tay thứ tám cầm chày Kim Cương, tay thứ chín cầm Tràng Hạt.

Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu Như Ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm Sợi Dây, tay thứ sáu cầm Bánh Xe, tay thứ bảy cầm Thương Khư (Śaṅkha:Vỏ ốc), tay thứ tám cầm Hiền Bình, tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã.

Bên dưới hoa sen vẽ ao nước. Trong ao có Long Vương **Nan Đà** (Nanda-nāga-rāja), Long Vương **Ổ Ba Nan Đà** (Upananda-nāga-rāja) nâng tòa hoa sen.

Bên trái vẽ người Trì Minh, tay cầm lò hương chiêm ngưỡng Thánh Giả. Chuẩn Đề Phật Mẫu thương xót người Trì Minh, hướng mắt nhìn xuống.

Bên trên vẽ 2 vị Tĩnh Cư Thiên Tử, một vị tên là Cụ Sách Đà Thiên Tử, tay cầm vòng hoa hướng xuống dưới, nương theo trên hư không đến cúng dường Thánh Giả".



Ý nghĩa của Tranh Tượng này là:

_ *Thân màu trắng vàng*: Biểu thị cho nghĩa Lý Trí chẳng hai, Định Tuệ một Thể hàm chứa Đức Năng Sinh của chư Phật.

_ *Ngồi Kiết Già:* Biểu thị cho tính Nhất Như của sinh tử và Niết Bàn

_ *Hoa sen* : Biểu thị cho Tâm Đại Bi

_ *Thân tỏa hào quang*: Biểu thị cho Trí phá ám chướng của Tâm hư vọng.

_ *Phía trên bên dưới toàn là màu trắng*: Biểu thị cho sự hiển bày Pháp Đại Bi trắng tịnh để hóa độ chúng sinh

_ *Mọi thứ trang sức trên thân:* Biểu thị cho hiện tượng Bồ Tát đi vào dòng sinh tử dùng phiền não để hiển thị Bồ Đề.

_ *Mặt có 3 mắt* : Hiện Phật Nhãn, Pháp Nhãn, Tuệ Nhãn biểu thị cho nghĩa **Ba Đế chẳng dọc chẳng ngang, nhất như bình đẳng.**

_ *Thân có 18 tay*:

Hai tay thứ nhất: tác tướng thuyết Pháp biểu thị cho sự hiển bày Phật Pháp hóa độ chúng sinh. Còn lại tám tay bên trái biểu thị cho Mê Giới và tám tay bên phải biểu thị cho Phật Giới .

Hai tay thứ hai: Tay trái cầm Phướng báu tượng trưng cho Tâm Bồ Đề vốn có nơi mọi chúng sinh mà chẳng tự biết . Nay dùng tay Thí Vô Úy bên phải gia trì khiến cho hiển đắc Tâm Bồ Đề đó .

Hai tay thứ ba: Tay trái cầm hoa sen tượng trưng cho Bản Thể vô cấu nhiễm vốn có của mọi chúng sinh, nhưng do dựa vào phiền não ngăn trệ mà dư Tập khí chưa hết nên chẳng hiển lộ được vạn đức . Nay dùng cây kiếm sắc bén bên phải tượng trưng cho Đẳng Giác của Phật giới, một lần chuyển kiếm chém đứt dư Tập khí ấy khiến cho hoa sen thanh tịnh nở bày những cánh hoa vạn đức vạn thiện .

Hai tay thứ tư: Tay trái cầm bình Quân trì chứa nước Táo quán (Nước rưới vảy) tượng trưng cho Trí Tuệ vốn có của chúng sinh. Nhưng do không có Phước, không có trí như đất khô cằn chẳng có nước thấm ướt nên mầm giống Bồ Đề chẳng thể sinh trưởng được, đây tức là dựa vào phiền não mà chẳng thể phát sinh Trí Tuệ. Nay dùng tay phải cầm Tràng hạt gia trì khiến cắt đứt 108 phiền não để cho hiển đắc được nước Trí Tuệ của Như Lai rưới thấm ướt đất tâm khô cằn. Nước ấy là Đức của Trí Thủy chứa trong bình Quân Trì vậy .

Hai tay thứ năm: Tay trái cầm sợi dây tượng trưng cho sự ràng buộc cột trói chúng sinh trong nhà sinh tử, sự ràng buộc này thiên về Thức thứ tám (Ālaya-vijñāna). Tay phải cầm Cụ Duyên Quả (Bīja-pūraka: Tử Mãn Quả) tượng trưng cho thức thứ tám là thức của tâm. Nhiều hạt giống của Pháp ở ngoài Tâm được thu nạp vào mà chẳng bị hư hoại hao tổn, lại tùy ý khiến sinh ra sự xoay chuyển làm cho Thức thứ tám lưu chuyển, chứng đắc được cảnh giới Đại Viên. Khi ấy tất cả năm ấm thuộc chủng tử trong Thức thứ tám đều bị thiêu hủy hết nên A lại gia hiển bày Tâm Tĩnh Bồ Đề vô cấu nhiễm giống như đẳng hư không. Như vậy, dùng Cụ Duyên Quả gia trì chuyển Thức thành Trí thì dây nghiệp bị thiêu cháy hết mà ngưng nghỉ sự luân chuyển của sinh tử bản hữu .

Hai tay thứ sáu: tay trái cầm Bánh xe tượng trưng cho sự luân chuyển trong ba cõi sáu đường của các chúng sinh. Tay phải cầm cây búa là lợi khí đập nát. Nay dùng búa lớn đập nát bánh xe luân chuyển khiến nó trở thành Đức Luân Viên Cụ Túc của Như Lai .

Hai tay thứ bảy: Tay trái cầm Thương Khư (Śaṅkha) là vỏ ốc trong biển tượng trưng cho chúng sinh đang trầm luân trong biển khổ sinh tử . Nay tay phải cầm Đại Bi Câu (*Móc câu Đại Bi*) tiếp dẫn khiến cho đến được bờ bên kia là Niết Bàn an lạc .

Hai tay thứ tám: tay trái cầm Hiền Bình tượng trưng cho sự hòa hợp của Sắc (Rūpa) Tâm (Citta) là nẻo sinh tử, nước trong bình tượng trưng cho sự nắm giữ tội của ba nghiệp mà lưu chuyển không cùng. Nay tay phải dùng Bạt Chiết La Tam Cổ Xử (*Chày Tam Cổ Kim Cương*) phá nát ba nghiệp ấy mà chan đứng dòng sinh tử

Hai tay thứ chín: Tay trái cầm Bát Nhã Phạm Khiếp là Trí Thức sở nạp trong Tâm, do chẳng tự biết nên phải bị trầm luân trong biển khổ. Nay tay phải dùng Bảo

Man (*Vòng hoa báu*) gia trì khiến khai phát Bản Trí ấy. Bảo Man là Tâm Tính Nghiêm vậy

Do các nghĩa này mà Chuẩn Đề (Cuṅdhe) còn được dịch ý là MINH hoặc Diệu Giác . Đây là thành quả của Tuệ Ba La Mật và là điều kiện căn bản để phát sinh Chư Phật vậy .

_ *Trong ao nước có 2 vị Long Vương Nan Đà, Ô Ba Nan Đà cùng nâng đỡ tòa sen:* Tòa sen tượng trưng cho núi Tu Di (Sumeru) 2 anh em Long Vương Nanda và Upananda là 2 Long Vương quấn quanh chân núi ấy.

Khi Đức Thích Ca đản sinh thời Long Vương dùng nước nóng tắm gội nên 2 vị Rồng này biểu thị cho Đẳng Giác Vị hay Vô Cấu Vị. Dùng nước Vô Cấu tắm gội khiến thành Diệu Giác, mãn Quả Diệu Giác này thì Thích Ca và Chuẩn Đề đồng Thể. Sau khi mãn Quả dùng Đẳng Giác Vô Cấu nên hai vị Rồng làm Tòa biểu thị cho nghĩa này.

Hai vị Rồng nâng đỡ cọng sen: Bồ Tát Đạo theo thứ tự tu hành Địa Ba La Mật từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười một. Nên biết Địa sau dùng Địa trước làm thềm bậc nên nói **Như Lai dùng Thân Bồ Tát làm Tòa Sư Tử.** Nay 2 rồng nâng đỡ cọng sen được biểu thị cho nghĩa này

Hoa sen sinh từ nước: Nước biểu thị cho nước Định (Định Thủy) mang ý nghĩa **Dưỡng Nuôi Thủ Hộ**. Do đó hoa sen sinh từ nước được hiểu là *Dùng nước Định nuôi dưỡng tự tính thanh tịnh bất nhị* .

_*Bên trên vẽ 2 vị Tĩnh Cư Thiên:* Chúng Tĩnh Cư gồm có 5 vị Thiên Tử là: Tự Tại Thiên Tử, Phổ Hoa Thiên Tử, Quang Man Thiên Tử, Ý Sinh Thiên Tử, Danh Xưng Viễn Văn Thiên Tử. Các vị Thiên này đều biểu thị cho nghĩa **Trong Sạch** (Śuddha) đều là Pháp căn bản để sinh ra Thánh Giả. Nay đề cử 2 vị Thiên này đều là Thánh Giả thân cận Đức Phật, lắng nghe nói Pháp để hóa độ phương khác. Vì Chuẩn Đề Phật Mẫu hay vào Nhân Đạo nói Pháp lợi sinh, xoay chuyển Pháp Luân tồi phá tội ác của chúng sinh. Nên trong tranh tượng vẽ 2 vị Thiên này.

_ *Bên trái vẽ người Trì Minh , tay cầm lò hương chiêm ngưỡng Thánh Giả. Chuẩn Đề Phật Mẫu thương xót người Trì Minh, hướng mắt nhìn xuống:*

Người Trì Minh cầm lò hương chiêm ngưỡng Thánh Giả: Biểu thị cho sự đem nhiệt tâm chân thành quán sát rõ ràng Pháp Yếu của Bản Tôn nhằm chuyên chú thực hành

Chuẩn Đề Phật Mẫu thương xót người Trì Minh, hướng mắt nhìn xuống: Biểu thị cho lực gia trì của Bản Tôn luôn luôn hiện hữu. Nếu Hành Giả biết cách thọ nhận sẽ thành tựu Tất Địa mong cầu.

Ngoài ra trong Kinh còn ghi rằng bên dưới tranh tượng nên viết Bài Kệ **Pháp Thân Duyên Khởi** nhằm giúp cho Hành Nhân chuyên chú quán niệm sẽ mau chóng thực chứng được Pháp Duyên Khởi mà chứng Đạo Bồ Đề.

Pháp Thân Duyên Khởi Kệ là:

" Chư Pháp tùng Duyên Khởi
Như Lai thuyết thị Nhân
Bỉ Pháp Nhân Duyên tận
Thị Đại Sa Môn thuyết"

Dịch là:

" Các Pháp theo Duyên khởi
Như Lai nói là ***Nhân***
Pháp ấy Nhân Duyên hết
Là Đại Sa Môn nói"

Các Bậc Đạo Sư Tây Tạng thì thay bài Kệ trên bằng Thần Chú **Duyên Khởi** là:

Oṃ_ Ye dharma hetu prabhāva hetun
Teṣāṃ tathāgato hya vadata
Teṣāṃ chayo nirodha
Evaṃ vādi mahā-śramaṇaḥ ye svāhā

CHỦNG TỬ, CHÂN NGÔN, THỦ ẤN CỦA CHUẨN ĐỀ PHẬT MẪU

Theo truyền thống Hoa Văn thì Chuẩn Đề có Mật hiệu là **Tối Thắng Kim Cương** (Vijaya Vajra) hay **Kim Cương Mẫu** (Vajra-mātṛ)

Chủng tử là: BU (𑖤𑖲) hay SA (𑖭) hay CA (𑖓)

Tam Muội Gia hình là: Hiền Bình, Hoa sen, Giáp trụ, chày Tam Cổ, chày Ngũ Cổ

Phạm Hiệu là ĀRYA BUDDHĀ BHAGAVATI (Thánh Phật Thế Tôn) hay ĀRYA BUDDHĀ BHAGAVATI BODHISATVA (Thánh Phật Thế Tôn Bồ Tát)

_**Tam Mật Phòng** ghi là: NAMO ĀRYA ŚUDDHA BODHISATVA MAHĀ-SATVA (Kính lễ Thánh Thanh Tịnh Bồ Tát Ma Ha Tát)

Tâm Chú của Chuẩn Đề được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau:

_ Hiển Mật Viên Thông ghi là:

Oṃ_ Cale cule cuṃde svāhā





_ Thắng Định Phòng ghi là:

Oṃ_ Śale śule śuddhe svāhā

_ Thất Câu Chi Viện ghi là:

Oṃ_ Śale śuddhe svāhā

_ Pháp Tự Luân Quán ghi là:

Oṃ_ Care sure śude svāhā

_ Bạch Bảo Khẩu Sao ghi là:

Oṃ_ Śale śule śunte svāhā

_ Tự Luân Quán ghi là:

Oṃ_ Cale śule śuddha svāhā

_ Đồ Tượng 10 ghi nhận là:

Oṃ_ Śale śule cuṃde svāhā

Hay

Oṃ_ Cale śure śundhe svāhā

_ Bản thường dùng ghi là:

Oṃ_ Cale cule cuṅdhe svāhā

_ Bản khác ghi là:

Oṃ_ Śari śuri śuddhe svāhā

_Tây Tạng ghi nhận là:

Oṃ_ Cale culai svāhā



Nay theo sự khảo cứu của chúng tôi thì chỉ có 3 bài Chú biểu thị rõ nghĩa của Phạn Văn là:

1) OṂ : Cảnh Giác
ŚARI : Thú tính hoang dã, người hung bạo, loài thú hoang
ŚŪRI : Biến đổi trở thành anh hùng
ŚUDDHE : Thanh tịnh
SVĀHĀ : Quyết định thành tựu.

2) OṂ : Nhiếp triệu
ŚALE : Cây thương , cây giáo
ŚŪLE: Tay cầm cây thương, quyền lực với cây thương
ŚUDDHE : Thanh tịnh
SVĀHĀ : Quyết định thành tựu

3) OṂ : 3 Thân quy mệnh
CALE : lay động. Nghĩa bóng là Giác động tức là chuyển động sự Giác Ngộ.

CULE : Nghi thức cạo tóc Quy Y, đỉnh cao của căn nhà, trung tâm của sao chổi. Nghĩa bóng là Trực khởi tức là đi thẳng đến

CUṄDHE (hay CUṆḌHI) là nguồn suối nhỏ, cái giếng nhỏ, nguồn hạnh phúc.Nghĩa bóng là Tự Tính thanh tĩnh của Tâm Bồ Đề.

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu, hay thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

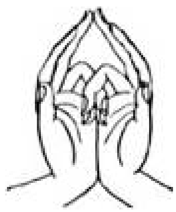
Nếu dựa theo nghĩa đen thì bài Chú trên hàm chứa nhiều ý nghĩa thô tục nên một số Học Giả đã loại bỏ câu Chú này và thay bằng câu Chú thứ hai bên trên (Nhật Bản thường dùng câu Chú thứ hai). Tuy nhiên dựa theo thói quen tu tập và nghĩa bóng thì người ta thường dùng câu Chú thứ ba này với ý nghĩa là:

"Khi thân khẩu ý hợp nhất với sự giác ngộ Phật Tính sẽ đi thẳng vào Tự Tính Thanh Tĩnh của Tâm Bồ Đề và thọ nhận mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn"

ẤN KHẾ

Ấn Khế của Chuẩn Đề có rất nhiều. Nay chỉ ghi nhận 2 Ấn với ý nghĩa cơ bản của Ấn Khế.

Đệ Nhất Căn Bản Ấn: Hai Luân Địa , hai Luân Thủy cài nhau đặt trong lòng bàn tay. Hai Luân Hỏa dựng đứng thẳng cùng vịn nhau. Hơi co hai Luân Phong vịn trên lóng thứ nhất trên lưng hai Luân Hỏa. Hai luân Không đặt bên cạnh hai Luân Phong



Ấn này gọi là Tam Cổ Ấn, Tam Năng Sinh Phật Mẫu Ấn tức là Phật Đỉnh Ấn biểu thị cho nghĩa của Phật Mẫu.Trong đó:

Hai Luân Địa (2 ngón út) cài bên trong biểu thị cho Thành Sở Tác Trí, làm **nghiệp Đức bên trong** là Phật Đỉnh Ấn nên tác nghiệp chẳng lộ ra ngoài.

Hai Luân Thủy (2 ngón vô danh) cài bên trong biểu thị cho Diệu Quan Sát Trí là **Đức Thuyết Pháp Đoạn Nghi** nên thường ở bên trong

Hai Luân Hỏa (2 ngón giữa) là Pháp Thể của Pháp Nhĩ căn bản

Hai Luân Phong (2 ngón trỏ) là Giới Tuệ của Tu Sinh Thủy Giác, thường hay khai mở nghĩa Tâm Bồ Đề của chúng sinh

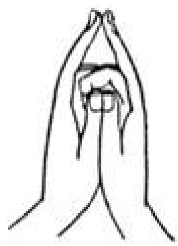
Hai Luân Không (2 ngón cái) là nghĩa **Nhất Đức Thành Tựu** của Pháp Giới Thể Tính Trí

Kết Ấn này, tụng Chân Ngôn:



Namo saptānāṃ samyaksaṃbuddhā-koṭīnāṃ
Tadyathā: Oṃ_ Cale cule cuṅdhe svāhā

Đệ Nhị Căn Bản Ấn: Hai tay hướng ra ngoài cài chéo nhau, kèm dựng 2 ngón trỏ, 2 ngón cái liền thành



Ấn này thường dùng để Hộ Thân. Khi kết Ấn Hộ Thân thì khởi Tâm Đại Bi duyên khắp 4 loài sinh trong 6 nẻo. Nguyện cho tất cả Hữu Tình đều mặc áo giáp Kim Cương bền chắc trang nghiêm Đại Thệ mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Kết Ấn này, tụng Chân Ngôn là:



Oṃ_ Kamale vimale cuṅdhe svāhā

Ý nghĩa của tay Ấn này là:

6 ngón (2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa) cùng cột buộc nhau biểu thị cho sự ràng buộc sinh tử trong 6 nẻo

2 ngón trỏ chỉ cho Thể ngưng nghỉ của Mệnh mà chúng sinh cột buộc trong Tả Đạo đã trở thành mệnh ngắn ngủi vô thường. Do Phật Giới thuận Hữu Đạo nên Tuệ Mệnh thường trụ bất biến. Như vậy 2 ngón trỏ hợp nhau biểu thị cho sự hòa dung của Phật Giới và Sinh Giới khiến cho chúng sinh đoản mệnh được hòa hợp với Tuệ Mệnh thường trụ của Phật Giới.

2 ngón cái hợp dựng biểu thị cho sự Quy **Pháp Giới Đại Không**.

Riêng Ấn này tập Giáp Trụ Ấn. Do Tôn này là sở biến của Bắc Phương Hộ Bồ Tát, mặc giáp trụ Kim Cương bền chắc hộ Phật, hộ mệnh cho chúng sinh. Bên trong tồi phá phiền não của nẻo ác, bên ngoài giáng phục 3 chướng nạn của Ma. Duyên khắp 4 loài trong 6 nẻo thành tựu diên mệnh cho Hữu Tình. Nếu cầu Diên Mệnh Tất Địa thời quán nghĩa lý này.

CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHÚ CHUẨN ĐỀ

Công Năng của Thần Chú Chuẩn Đề được ghi nhận rất nhiều trong các Kinh Quỹ. Nay chúng tôi chỉ ghi nhận thêm một số công năng mà Kinh Quỹ ghi thiếu như sau:

_ **Trừ Khẩu Thiệt**: Đoạn 5 Tân, đủ Trai Giới, trong 14 ngày vào Đạo Trường này liền tăng lộc ép buộc oan gia tai hoạnh vì khẩu thiệt. Mỗi đêm 3 thời hướng về Bản Tôn tụng Chân Ngôn 108 biến, cứ một biến thì xưng tên gọi của kẻ ấy một lần liền giải oán kết, thân như cha mẹ.

Trừ Khẩu Thiệt Lợi Quan Trị Tất Trúng Chú là:

"Phu phu, túc bà túc bà, a kính bà a kính bà, cứu tra cứu tra, sa ha"



Bhuḥ bhuḥ, śubha śubha, akaṃpa akaṃpa, kuṭa svāhā

_ **Cầu Thông Minh**: Nếu muốn cầu thông minh. Lấy Thạch Xương Bồ, Ngưu Hoàng mỗi thứ nửa lạng, đảo quết làm bụi nhỏ rồi hòa với bơ. Ở trước Phật làm Man Trà La, niệm tụng 5000 biến rồi uống vào liền được thông minh.

Thông Minh Chú là:

"Mỵ đế mỵ đế, ưu đế ưu đế, ưu đà đế , sa ha"



Miti miti, utti utti, udāti svāhā

_ **Thấy cha mẹ đã chết và diên mệnh:** Nếu muốn thấy cha mẹ đã quá vãng với nam nữ đã quá vãng kèm biết nơi thọ sinh. Trong 14 ngày y theo Pháp niệm tụng đều được thấy biết.

Lại Quỹ ghi rằng: Cha mẹ gặp Pháp này, được vào Quán Đỉnh hay khiến cho con cháu đều cùng được phước. Nếu nam nữ được vào Quán Đỉnh hay khiến cho cha mẹ sống lâu tăng phước, vĩnh viễn không có tai nạn, mong cầu vừ ý.

_ **Cầu mưa:** Nếu có đại hạn. Vào giữa đêm đốt An Tất Hương, kết Ấn rồi Sắc cho Rồng ở 5 phương mau khiến tuôn mưa. Nếu 21 ngày mà chưa tuôn mưa, liền lấy Trầm Thủy Hương khắc 5 vị Rồng dài 9 thốn, tùy phương vẽ 5 màu đều an trên Đàn. 7 ngày y theo Pháp niệm tụng liền được tuôn mưa. Nếu muốn tạnh mưa liền ngửa mặt hướng lên Trời tụng Đà La Ni 81 biến tức tạnh mưa.

_ **Hiện Thanh Y Đồng Tử phụng sự:** Mỗi ngày đêm 6 thời tụng Đà La Ni này 1080 biến. Trải qua 49 ngày như Niệm Tụng này tức Thanh Y Đồng Tử sẽ hiện thân phụng sự người niệm tụng. Hai Đồng Tử ấy đều tự có Sứ Giả (7 người). Đồng Tử bên trái biết việc sinh sống, thiện ác, cát hung của Nhân Gian. Vị Đồng Tử bên phải biết việc thiện ác trong Minh Đạo (Cõi Âm). Muốn biết việc Quan Lộc, tuổi thọ, cát hung của người liền Sắc cho Đồng Tử bên phải khiến nơi Minh Đạo sao chép Tính (Họ Tên) sắc cho Tư Mệnh với Diêm La mau chóng báo. Mỗi lần Sắc thời kết Ấn tụng Đà La Ni 7 biến liền ở trong cõi Âm biết đủ thiện ác. Vị Đồng Tử bên phải ấy tự hiện thân có thể hỏi gốc rễ.

Thầy nói: Nếu có thể 49 ngày như 6 thời này niệm niệm xong. Sau đó tụng thêm 108 biến, cũng chẳng khác biến số. Hai vị Đồng Tử ấy hỏi lấy Danh Tự, cần sai khiến liền sai khiến.

ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

Đại Tùy Cầu Bồ Tát: tên phạn là **Mahā-pratisārah**, dịch âm là Ma Ha Bát La Để Tát Lạc, tức **Đại Tùy Cầu Bồ Tát**, lược xưng là Tùy Cầu Bồ Tát. Ngài là một Hóa Thân của **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) và là một Tôn trong Quán Âm Viện trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) của Mật Giáo.

Do Tôn này có Nguyện Lực rất thâm sâu, thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh khiến cho được viên mãn, lại diệt trừ Tội Vô Gián; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc…. nên có tên là **Đại Tùy Cầu** và là vị Bồ Tát thuộc tín ngưỡng trong thời Mạt Thế



_ Kinh **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** ghi nhận là: "Nếu như có người nào nghe thấy Chú này, liền hay tiêu diệt tội chướng. Nếu thọ trì đọc tụng, thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, chất độc chẳng thể hại, hay được sự hộ thủ của tất cả Hộ Pháp. Nếu viết chép Chú này đeo ở trên cánh tay và ở dưới cổ, thì người này thường hay được sự gia trì của tất cả Như Lai".

_ Trong **Phật nói Kinh Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú** ghi nhận Công Đức của **Đại Tùy Cầu Bồ Tát Thần Chú** này là: "Đại Tùy Cầu này tức là Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú, hay ban cho chúng sinh sự an vui tối thắng, chẳng bị tất cả Dạ Xoa, La Sát và các bệnh điên loạn, cùi hủi, Quỷ đói, Quỷ Tắc Kiến Đà, các hàng Quỷ Thần gây não hại; cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại về chiến đấu oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trớ yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước thảy đều tiêu diệt, chất độc chẳng thể hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích,

nước chẳng thể cuốn chìm, chẳng bị sấm chớp, sét đánh, gió ác, mưa bão không đúng thời…. gây tổn hại.

Nếu có người Thọ Trì Thần Chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc lành thanh tịnh tối thắng. Thường được Chư Thiên Long Vương ủng hộ. Lại được Chư Phật, Bồ Tát nghĩ nhớ, các Thiên Thần Chúng luôn luôn theo ủng hộ.

Nếu có người nữ Thọ Trì Thần Chú này sẽ có thế lực lớn, thường sinh con trai, Thọ Trì lúc mang thai thì thai được an ổn, khi sinh sản được an vui, không có các bệnh tật. Mọi tội tiêu diệt nhất định không còn nghi ngờ gì, do lực Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận, thường được tất cả điều cung kính"

.)Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh, quyển 3 ghi nhận là:

"Lại nói Pháp Tam Ma Địa. Thời A Xà Lê quán tưởng chữ **Bát-lam** (ष्ं:Praṃ) biến thành Đại Trí, Đại Trí hoá thành **Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát** (Mahā-pratisāra-bodhisatva) có tám cánh tay, bốn mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Thân hiện màu vàng ròng, đủ Uy Đức lớn, làm thế Cống Cao không sợ hãi. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm bánh xe, tay thứ ba cầm cây Tam Xoa, tay thứ tư cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây búa, tay thứ tư cầm cây cung. Ngồi ở trên hoa sen, phóng ánh sáng lớn như một ngàn mặt trời, hay trừ các ác

Pháp Tam Ma Địa này. Hết thảy người nữ có con bị chết trong bào thai thời A Xà Lê y theo Pháp quán tưởng thân mình là **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī) cầm cái bình Át Già của các Hiền Thánh bên trong Mạn Noa La bí mật ấy rưới lên đỉnh đầu của người nữ, lại tưởng hết thảy đức con có Phước mỏng chẳng phải là người trong bào thai của người nữ ấy. Dùng Ấn với Chân Ngôn làm Phát Khiển Tịnh Trừ tội chướng xong, lại tưởng bào thai ấy nhiếp nhập đứa con có Phước, thời người nữ kia được đứa con an ổn.

Đây gọi là **Quán Sát Nhất Thiết Thai Tạng Tuỳ Cầu Đại Trí Tối Thắng Kim Cương Tam Ma Địa".**

.)**Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh, quyển 3** ghi nhận là:

"Bấy giờ Đức Thế Tôn Đại Biến Chiếu Kim Cương Như Lai lại nhập vào **An Ổn Nhất Thiết Thai Tạng Biến Hoá Kim Cương Tam Ma Địa**. Ra khỏi Định này xong, nói **Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát Chân Ngôn** là:

"Án, ma ni đạt lý (1) phộc nhật-lý ni (2) ma hạ bát-la để tát lý, sa-phộc hạ (3)"

Oṃ_ Maṇi-dhārī-vajrīṇi mahā-pratisārī svāhā

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn này xong, thời hết thảy tất cả Ma Oán đại ác với các hàng Đại Lực Quỷ Thần thường ở nhân gian xâm hại Hựu Tình, ăn đứa con trong bào thai ấy…nghe Đại Minh này thảy đều kinh sợ như lửa thiêu đốt thân, đi đến chỗ Đức Phật ngự thảy đều lễ bàn chân của Phật rồi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các Ma chúng con thọ nhận Tam Muội của Phật. Từ nay về sau chẳng hại chúng sinh, chẳng ăn đức con trong bào thai, ủng hộ hữu tình làm cho an ổn"

.)Liên quan đến Linh Nghiệm ấy, căn cứ theo sự ghi nhận của Kinh **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tịnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại Tùy Cầu Đà La Ni** là: "Ở trong đại thành **Ca Tỳ La** (Kapila), lúc **La Hầu La** Đồng Tử (Rāhula) còn nằm trong thai mẹ thì mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Yaśodhara) bị ném vào trong hầm lửa, bất chợt La Hầu La nhớ niệm Đà La Ni này nên hầm lửa ấy bỗng nhiên hóa thành ao Sen.

….. Ở thành **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyện Thủ** (Pratisāra-pāni) không có con, dùng Đà La Ni này viết chép đeo ở dưới cổ phu nhân mà cuối cùng thỏa mãn được ước nguyện"

….. Nếu có nơi nào lưu truyền Đại Tùy Cầu Đà La Ni này, nên dùng Hương Hoa, Phướng, Lọng mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp hoặc để trên đầu cây Phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiễu quanh cúng dường, chân thành lễ bái thì mọi mong cầu ước nguyện đều được đầy đủ.

Nếu hay y Pháp viết chép, đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở được an vui"

_ Trong **Tùy Cầu Bồ Tát Cảm Ứng Truyện**, **quyển 3** có ghi chép các loại Linh Nghiệm có liên quan đến Đại Tùy Cầu Đà La Ni này...

_ Trong "**Đại Tùy Cầu Tức Đắc Đại Đà La Ni Minh Vương Sám Hối Pháp**" có ghi chép "**Tùy Cầu Bát Ấn**". Căn cứ vào sự ghi chép thì: Xưa kia Đức Thế Tôn tu học khổ hạnh, vì còn có tội, sám hối chẳng thể hết được, mới liền kết Khế Ấn này sám hối, nên hết thảy chướng nạn nhất thời diệt hết, được mười phương Chư Phật thọ ký, đời sau có tên là **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākya-muṇi-buddha)

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát có thân hình màu vàng đậm, đầu đội mão hoa báu bên trong có tượng Đức Phật, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, 8 cánh tay đeo vòng xuyến giơ cao lên theo dạng Vô Úy. Bên phải, theo thứ tự 4 tay cầm: Chày Kim Cương Ngũ Cổ, Kích Xoa, Kiếm báu, Búa. Bên trái, 4 tay theo thứ tự cầm: Hoa sen bên trên có bánh xe (hoặc bánh xe), rương Kinh Phạn, cây Phướng báu, sợi dây.... ngồi trên hoa sen màu đỏ.



_Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Thân màu vàng đậm** đại biểu cho **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) viên mãn

.)**Đầu đội mão hoa báu bên trong có tượng Đức Phật** đại biểu cho năm Trí của Như Lai được gom tụ trong **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên mãn

.)**Tám cánh tay** đại biểu cho ngàn trăm ức **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

.)Bên phải:

Tay chính cầm cái chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính như Kim Cương, hay phá tất cả phiền não, lại chẳng bị phiền não làm cho lay động (Tức **không có chỗ trụ mà sinh Tâm ấy**). Hoặc có thể nói là chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính chẳng thể bị phá hoại, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng động chẳng lay, chẳng đến chẳng đi, chẳng dơ chẳng sạch như **Kim Cương** (Vajra)

Tay bên trên cầm cây kích đại biểu cho sự tồi phục quân Ma, đặc biệt chỉ **Ngoại Ma**

Tay ở giữa cầm cây búa đại biểu cho sự tồi phá tất cả Trọng chấp (sự chấp dính nặng nề)

Tay bên dưới cầm cây kiếm đại biểu cho Trí Tuệ, phá trừ tất cả Ngoại Đạo, Tà Pháp, Tà Tri, Tà Kiến

Bốn Pháp Khí này biểu thị cho Pháp **Giáng Phục** (Abhicāruka)

.)Bên trái:

Tay chính cầm bánh xe hoa sen đại biểu cho sự thanh tịnh không có nhiễm dính thường chuyển bánh xe Pháp, rộng độ Nghiệp lớn của chúng sinh không có cùng tận

Tay bên trên cầm rương Kinh Phạn đại biểu cho Trí Tuệ sâu rộng như biển, vào sâu trong Kinh Tạng

Pháp Khí trong hai bàn tay này còn biểu thị cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika)

Tay ở giữa cầm cái lọng đại biểu cho Đại Bi âm thầm hộ giúp cho chúng sinh, đồng thời biểu thị cho Pháp **Tức Tai** (Śāntika)

Tay bên dưới cầm sợi dây đại biểu cho sự nhiếp nhận chúng sinh tiến vào Phật Đạo, lìa khổ được vui, đồng thời biểu thị cho Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa)

.)**Ngồi trên hoa sen màu đỏ** đại biểu cho Thiền Định thâm sâu, trăm ngàn Tam Muội của Phật được biểu hiện trên cốt tủy của Tâm Đại Bi

Toàn thể Tôn Tượng đại biểu cho ba Thân **Pháp, Báo, Hóa** của Đức Phật với bốn loại sự nghiệp Độ Sinh: **Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục**




大隨求菩薩







_Theo Chùa Thiền Lâm thì tay bên phải cầm sợi dây, tay bên trái cầm Kích Xoa. Như vậy thì 2 vật khí này được ghi nhận trái ngược nhau. Nay căn cứ vào Bản PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH thì 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển thượng biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Vương Đại Tâm Chân Ngôn hàm chứa 4 tay Ấn: Ngũ Cổ Kim Cương Ấn, Phủ Việt Ấn, Sách Ấn, Kiếm Ấn. Còn 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển hạ biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Phi Đại Tâm Chân Ngôn bao hàm 4 tay Ấn : Luân Ấn, Tam Cổ Xoa Ấn, Như Ý Bảo Ấn, Đại Minh Tổng Trì Ấn. Do vậy thì vật khí bên trái chính là sợi dây và vật khí bên phải chính là Cây Kích.



_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Tôn Tượng **Đại Tùy Cầu Bồ Tát** có thân màu vàng đậm, bốn mặt: mặt chính màu vàng, hai mặt bên phải theo thứ tự có màu trắng và xanh dương đậm, mặt bên trái màu đỏ, đội mão năm cánh sen, tám cánh tay: bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cây kiếm, bánh xe, cây kích ba chia, mũi tên. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm: cây cung, sợi dây, cây búa, chày Kim Cương… nửa thân trên lõa thể, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, thân dưới mặc quần lụa màu, ngồi trên hoa sen trắng.



大隨求菩薩（清朝）

Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Thân màu vàng đậm** đại biểu cho **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) viên mãn

.)**Đầu đội mão năm cánh sen** đại biểu cho năm Trí của Như Lai, tượng trưng cho **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên mãn

.)**Bốn mặt** đại biểu cho bốn loại sự nghiệp Độ Sinh: **Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục**. Trong đó:

Mặt màu vàng biểu thị cho Công Đức **Giáng Phục**

Mặt màu trắng biểu thị cho Công Đức **Tức Tai**

Mặt màu xanh dương biểu thị cho Công Đức **Tăng Ích**

Mặt màu đỏ biểu thị cho Công Đức **Kính Ái**

.)**Tám cánh tay** đại biểu cho ngàn trăm ức **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

.)Bên phải:

Tay cầm cây kiếm đại biểu cho Trí Tuệ, phá trừ Tà Ma bên ngoài, diệt trừ Vô Minh phiền não bên trong

Tay cầm bánh xe đại biểu cho sự thường chuyển bánh xe Pháp, rộng độ Nghiệp lớn của chúng sinh không có cùng tận

Tay cầm cây kích ba chia đại biểu cho sự thuận theo **Tam Bảo** khắc phục được **Thân miệng Ý**

Tay cầm mũi tên đại biểu cho Trí Tuệ Đại Bi xuyên phá sự mê tín sai lầm

.)Bên trái:

Tay cầm cây cung đại biểu cho **Tính trống rỗng** (Śūnyatā:Không Tính) là phượng tiện khéo léo của Phật Pháp

Tay cầm sợi dây đại biểu cho sự cột buộc Tà Niệm, bắt trói Ma Chướng, dẫn dắt chúng sinh đi vào Chính Đạo

Tay cầm cây búa đại biểu cho sự phá bỏ Tà Ác, hủy diệt oán địch

Tay cầm cái chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính như Kim Cương, hay phá tất cả phiền não, lại chẳng bị phiền não làm cho lay động (tức **không có chỗ trụ mà sinh Tâm ấy**), biểu thị cho Giáo Pháp bất hoại của Đức Phật Đà

.)**Ngồi trên hoa sen màu trắng** đại biểu cho Thiền Định thâm sâu, trăm ngàn Tam Muội của Phật được biểu hiện trên thân Đại Bi thanh tịnh

_Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng **Đại Tùy Cầu Phật Mẫu** có thân màu vàng đậm, ba mặt: mặt chính màu vàng, mặt bên phải màu trắng mặt bên trái màu đỏ, đội mão năm cánh sen, tám cánh tay: Bên phải: tay chính cầm bánh xe, ba tay còn lại theo thứ tự cầm cây kiếm, cây kích ba chia, mũi tên. Bên trái: tay chính cầm sợi dây, ba tay còn lại theo thứ tự cầm: chày Kim Cương, cây búa, cây cung… nửa thân trên lõa thể, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, thân dưới mặc quần lụa màu, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Ý nghĩa của Tôn Tượng này cũng tương tự như bên trên, chỉ có ba mặt đại biểu cho 3 Đức: Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Trong đó

Mặt màu vàng biểu thị cho Đức **Pháp Thân**

Mặt màu trắng biểu thị cho Đức **Bát Nhã**

Mặt màu đỏ biểu thị cho Đức **Giải Thoát**



_Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận một số Man Đa La của Đại Tùy Cầu Phật Mẫu là:







CHỮ CHỦNG TỬ, TAM MUỘI GIA HÌNH, CHÂN NGÔN CỦA ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

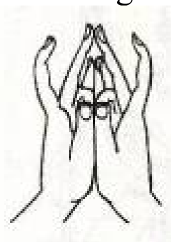
Đại Tùy Cầu Bồ Tát này có Mật Hiệu là **Dữ Nguyện Kim Cương**. Chủng Tử là PRA () biểu thị cho Chân Đế (_ PA: Nhất Nghĩa Đế) và Tục Đế (_ RA: Bụi của cõi tục) nên được xưng là **Lý Trí Bất Nhị Tôn**. Tam Muội Gia Hình là Rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp) là Lý biểu thị cho **Định Tuệ Nhất Thể**.

Ngoài ra Tôn này còn có các Chủng Tử khác là : SA (), VAṂ (), AḤ (), HŪṂ () với Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ, Tháp Suất Đỗ Ba trong đó có chứa rương Kinh Phạn.

Theo **Tùy Cầu Bát Ấn tinh** (và) **Thập Đại Ấn** (1 Quyển_ **Duy Cẩn_Từ Vận**) thì có 10 Ấn nhưng chỉ lưu truyền cho Thế Gian 8 Ấn. Tám Ấn này biểu thị cho 8 vật khí cầm tay, khi kết các Ấn này sẽ hiển hiện 8 tay của Bản Tôn. Trong đó 4 tay bên phải với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Vương**; 4 tay bên trái với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Phi**.

Tám Ấn Chân Ngôn là :

1. **Ngũ Cổ Kim Cương Xử Ấn** (Căn Bản Ấn): Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm lại thành quyền (Nội tương Xoa) hợp cứng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ ở sau ngón giữa và hơi co lại như móc câu. Đều hợp cứng 2 ngón út và 2 ngón cái rồi hơi co lại liền thành. Ấn này còn được gọi là Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương Ấn, Phát Bồ Đề Tâm Ấn, Sám Hối Ấn. Khi kết xong thì gia trì ở 5 nơi là: trái tim, đỉnh đầu, tam tinh, lông mày bên phải, lông mày bên trái. Chân Ngôn là A VIRA HŪṂ KHAṂ, trong đó A (: Trì quốc_ Giữ gìn đất nước), VĪ (: Đại Bi làm gốc), RA (: Phương tiện làm cứu cánh), HŪṂ (: Tất cả Như Lai Bí Mật Thần Thông), KHAṂ (: Các Pháp chân thật_ Tất cả các Pháp rốt cuộc quy về Không Không) hoặc dùng **Đại Chân Ngôn**.



Đại Chân Ngôn tên Phạn là **Mahā-pratisāra-vidya-dhàraṇī** lại ghi là: Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni, Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni, Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn. Lược xưng là Tùy Cầu Đà La Ni. Đây là Chân Ngôn hay tiêu diệt tất cả tội chướng, phá trừ nẻo ác, tùy sự mong cầu liền được phước đức.

Câu chữ của Chân Ngôn này thì các Kinh ghi không giống nhau. Tuy vậy nội dung của Chân Ngôn thì không khác nhau bao nhiêu. Ví dụ Bản của Ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG ghi là MAMA SARVA SATVĀNĀṂCA (: Tôi và tất cả chúng hữu tình) thì bản của Ngài BẢO TƯ DUY ghi là MAMAṢYA (: Nhóm chúng tôi) hoặc một vài câu có ghi trong bản này nhưng không được ghi trong bản kia. Tựu trung nội dung của Bài Đại Chân Ngôn có thể chia làm ba đoạn

Đoạn đầu biểu thị cho *lý Quy mệnh chư Phật Bồ Tát và Tam Bảo*

Đoạn giữa diễn nói là ***Tùy Cầu Bồ Tát bạt tế hết thảy tội chướng, sự sợ hãi, bệnh tật của tất cả chúng sinh khiến cho thân tâm an vui, viên mãn sự mong cầu***

Đoạn cuối diễn nói là ***Người thọ trì Đà La Ni sẽ được các hàng Trời, Rồng, Quỷ Thần… thủ hộ và được sự hộ niệm của tất cả Như Lai***.

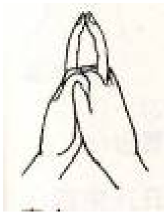
2. **Phủ Việt Ấn** : Tay trái úp, tay phải ngửa sao cho dính lưng nhau. 10 ngón tay cùng trợ nhau móc lưng như hình cái búa.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Chân Ngôn:**

OṂ_ SARVA-TATHĀGATA-MŪRTTE PRAVARA VIGATI, BHAYE ŚAMAYAṂ SVAME BHAGAVATI, SARVA-PĀPEBHYAḤ SVASTIRBHAVATU, MUṆI MUṆI VIMUṆI CARE CALANI, BHAYA VIGATE, BHAYA HĀRAṆI, BODHI BODHI, BODHIYA BODHIYA, BUDHILI BUDHILI, SARVA-TATHĀGATA-HṚDAYA JUṢṬAI SVĀHĀ

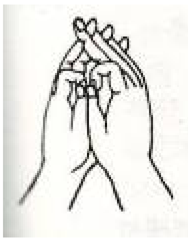
3. **Sách Ấn**: Hai tay nội tương xoa, dựng 2 ngón giữa rồi hơi co lại sao cho phần trên trụ dính nhau giống như hình sợi dây liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Ấn Chân Ngôn**:

OṂ_ VAJRA-VATI VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE, TATHĀGATA-MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRE SVĀHA

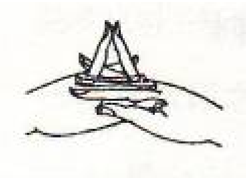
4**. Kiếm Ấn**: Chắp 2 tay, co lóng giữa của 2 ngón giữa khiến cho đầu ngón cùng trụ nhau liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Bị Giáp Chân Ngôn**:

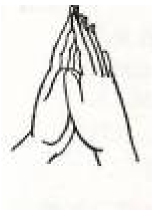
OṂ_ MUṆI MUṆI MUṆI VARE, ABHIṢIṂCA TUMĀṂ, SARVA-TATHĀGATA SARVA-VIDYA ABHIṢEKAI, MAHĀ-VAJRA-KAVACA-MUDRA MUDRITEḤ, SARVA-TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ

5. **Luân Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, hợp đứng 2 ngón vô danh, giao cứng 2 ngón út liền thành.



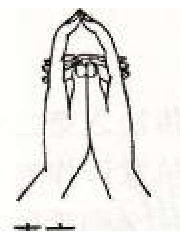
Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Chân Ngôn**:
OṂ_ AMṚTA VARE, VARA VARA PRAVARA VIŚUDDHE, HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

6. **Tam Cổ Xoa Ấn** : Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Các ngón còn lại hợp cứng như hình Tam Kích Xoa liền thành.



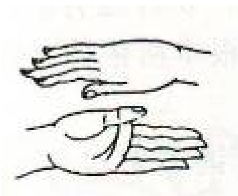
Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Kết Giới Chân Ngôn**:
OṂ_ AMṚTA-VILOKINI-GARBHA SAṂRAKṢAṆI ĀKARṢAṆI, HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

7. **Như Ý Bảo Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, 2 ngón trỏ trụ như hình Báu, kèm cứng 2 ngón cái liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Trung Tâm Chân Ngôn**:
OṂ_ VIMALE-JAYA-VARE-AMṚTE HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

8. **Đại Minh Tổng Trì Ấn**: Tay trái ngửa ngay trái tim, đem tay phải úp trên tay trái, cùng cài nhau khiến cho bằng phẳng liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tùy Tâm Chân Ngôn**:
OṂ_ BHARA BHARA SAṂBHARA SAṂBHARA INDRIYA VIŚODHANE NŪṂ HŪṂ RURU CALE SVĀHĀ

Tám Ấn Chân Ngôn này biểu thị cho Lý Trí. Riêng Ấn thứ tám (Phạn Khiếp Ấn) dung hòa 5 Trí của 2 Bộ. Tất cả chư Phật Pháp Tạng dùng 5 Trí làm gốc. 5 Trí của 2 Bộ hòa hợp biểu thị cho một Đại Pháp Giới, trong Cung Pháp Giới này dung nhiếp tám vạn Pháp Tạng. Đại Sư nói theo thứ tự là **Nghịch chuyển Tiểu Thừa, Thuận chuyển Đại Thừa**. Trong rương Kinh Phạn dung nạp nghĩa thú rõ ràng của tất cả Giáo Pháp về Đại Tiểu Thừa cho nên Ấn Ngôn này có công năng thù thắng. Do vậy Ấn Ngôn này thường được dùng để tác Bản Tôn gia trì. Ngoài ra tụng Tùy Tâm Chân Ngôn có thể làm ngưng các tai nạn, diệt tội chướng và tất cả nguyện cầu đều được mãn túc.Riêng Tùy Tâm Chân Ngôn thì Bản của Ngài Bảo Tư Duy có ghi thêm câu KURU CALE (: Làm cho lay động) vào cuối Bài Chú mà các Bản khác không có.

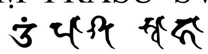
_Thông thường người tu Mật Pháp này hay trì tụng Lược Pháp của 8 Ấn Chân Ngôn là:

1. 

OṂ VAJRĀYA SVĀHĀ (Ngũ Cổ)

2. 

OṂ PRAŚŪ SVĀHĀ (Việt Phủ)

3. 

OṂ PĀŚA SVĀHĀ (Quyến sách:sợi dây)

4. 

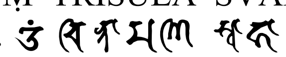
OṂ KHADGA SVĀHĀ (Bảo Kiếm)

5. 

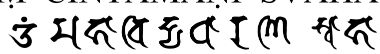
OṂ CAKRA SVĀHĀ (Luân)

6. 

OṂ TRIŚŪLA SVĀHĀ (Tam Cổ Xoa)

7. 

OṂ CINTĀMAṆI SVĀHĀ (Bảo:viên ngọc Như Ý)

8. 

OṂ MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆI SVĀHĀ (Phạn Khiếp:Rương Kinh Phạn).

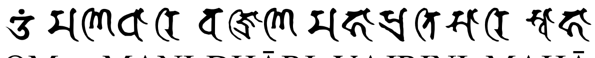
Tám Đạo Chú này đều được 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa đẳng chư Phật cùng nhau diễn nói, cùng nhau khen ngợi, cùng nhau tùy hỷ nên 8 Chân Ngôn này có thế lực lớn, hay giáng phục Ma Chúng. Nếu viết chép, đeo giữ, tâm thường ghi nhớ 8 Đạo Chú này thì tất cả mộng ác, tướng ác, việc Bất Cát Tường chẳng phạm vào thân.

Đôi khi các bậc Đạo Sư lại gom 8 Đạo Chú trên thành môt câu và truyền dạy cho đệ tử là:



OṂ _ VAJRA PARAŚŪ PĀŚA KHADGA CAKRA TRIŚŪLA CINTÀ-MAṆI MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆI SVĀHĀ

Ngoài ra trong Kinh Tạng còn ghi nhận thêm một câu Chú khác của Đại Tùy Cầu Bồ Tát là:

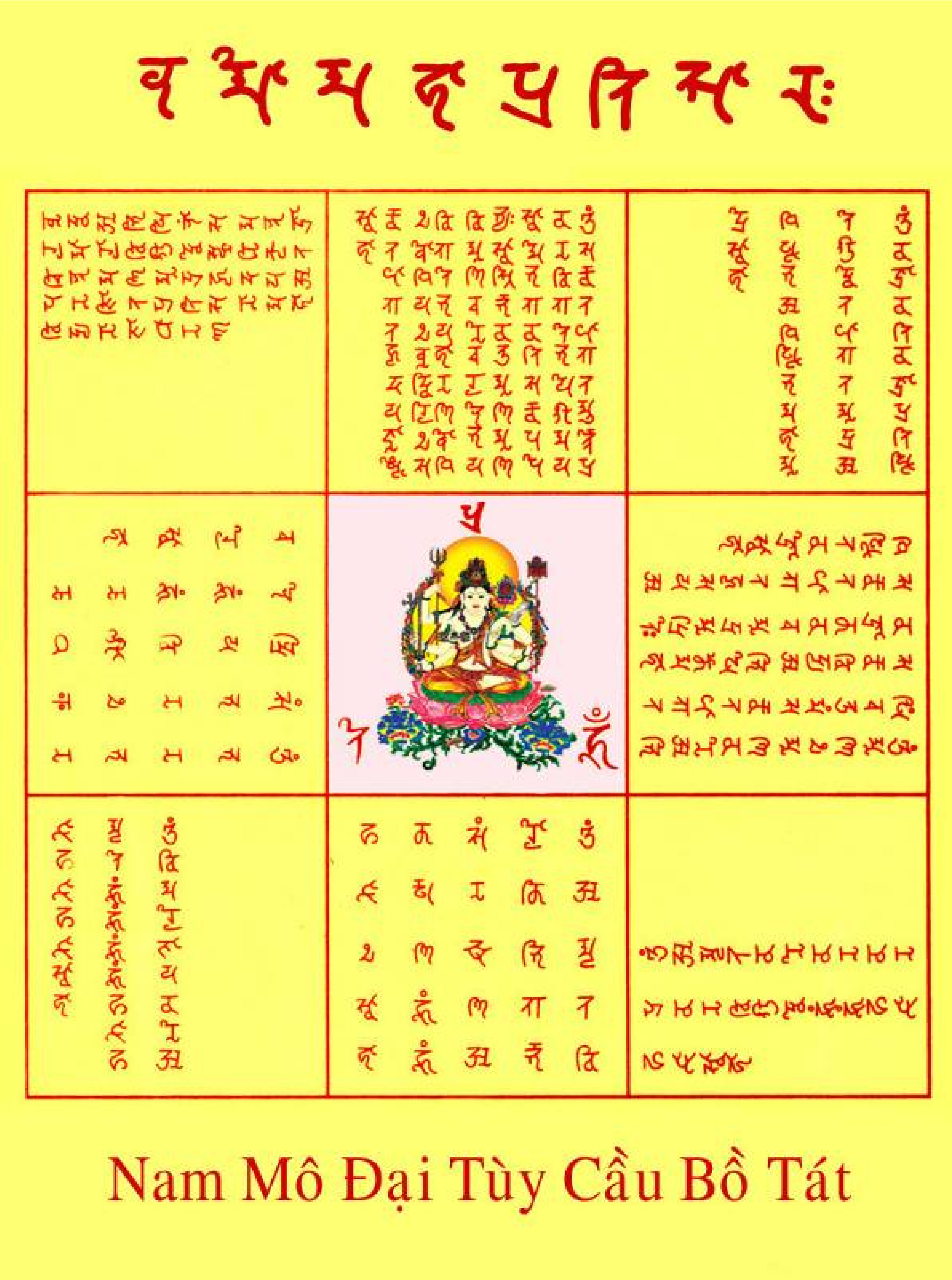


OṂ _ MAṆI-DHĀRI VAJRIṆI MAHĀ-PRATISĀRI SVĀHĀ

_Trong trang web dharanisangraha của Nepal có ghi nhận câu Chú của Đại Tùy Cầu (Pratisarā-dhāraṇī) là:



OṂ _ MAṆI-DHĀRI VAJRIṆI MAHĀ-PRATISĀRE HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ



Nam Mô Đại Tùy Cầu Bồ Tát

ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI CHÚ LUÂN

Chú Luân này là **Chú Văn** của **Đại Tùy Cầu Đà La Ni**. Đại Tùy Cầu Bồ Tát có tám cánh tay đều cầm Pháp Khí: chày Kim Cương, cây búa, sợi dây, cây đao, Ngọc Như Ý, bánh xe, cây kích, rương Kinh… ngồi trong hào quang tròn lớn, bên trong hào quang tròn ghi chép đầy đủ Đà La Ni bằng Phạn Văn

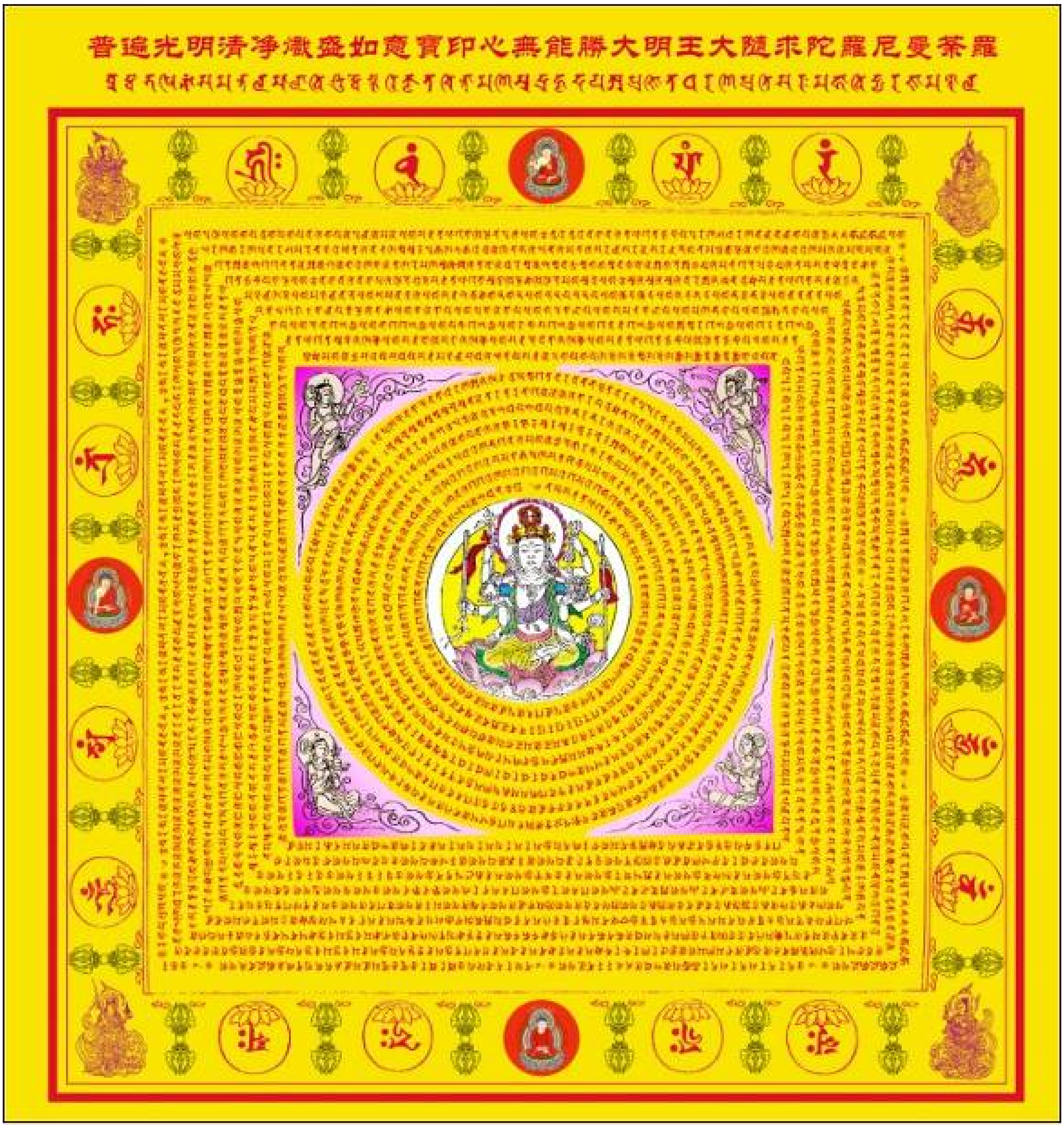
_Công Đức lợi ích của Đại Tùy Cầu Đà La Ni Chú Luân: Nếu người y theo Pháp viết chép Đại Tùy Cầu Đà La Ni này rồi đeo ở cổ, trên cánh tay thì nên biết

Người này là nơi mà tất cả Như Lai đã gia trì
Người này ngang bằng đồng với thân của tất cả Như Lai
Người này là thân Kim Cương bền chắc
Người này là thân của tất cả Như Lai Tạng
Người này là con mắt của tất cả Như Lai
Người này là thân ánh sáng rực rỡ của tất cả Như Lai
Nên biết người này hay tồi phá tất cả Oán Địch
Người này hay thiêu đốt tất cả tội chướng
Người này hay tịnh hóa được nẻo Địa Ngục






普遍光明清淨熾盛如意寶印心無能勝大明王大隨求陀羅尼
金剛頂瑜伽最勝秘密成佛隨求即得神變加持成就陀羅尼
樂多─飛天馬的家
http://blog.roodo.com/flyhorse/


普遍光明清淨熾盛如意寶印心無能勝大明王大隨求陀羅尼曼荼羅

CÔNG HIỆU CỦA PHÁP ĐẠI TÙY CẦU

Do **Đại Tùy Cầu** cũng là ý tưởng **tất cả sự mong cầu đều được như nguyện**, cho nên Pháp Đại Tùy Cầu có Uy Lực thỏa mãn mọi nguyện cầu thuộc Thế Gian (tài phú, mạnh khỏe, sống sâu) với Xuất Thế Gian (cầu sinh về Tịnh Thổ, thành Phật). Công hiệu của Pháp Đại Tùy Cầu là:

1_Thành tựu tất cả Chân Ngôn Pháp

2_Hay tồi diệt tội nặng cực ác khó điều phục

3_Chiến đấu ở nơi nguy hiểm chẳng bị Oán Địch hủy hoại mà đều diệt hoại được kẻ địch, cuối cùng không có sợ hãi Oán Địch

4_Hoại diệt được các Quỷ Mỵ: mạnh ác, hút Tinh Khí, Quỷ Mỵ thường hại hữu tình

5_Chẳng bị các Pháp **Chú Trớ** gây hại, chẳng bị trúng **Cổ Độc**

6_Hết thảy tai nạn về: nước, lửa, dao gậy, chiến tranh, sấm sét, mưa đá sương mù, gió mạnh bạo, mưa ác… đều được giải thoát

7_Mọi sự cầu nguyện đều thành, tất cả ước nguyện thảy đều được như ý

8_Nếu người nữ mang thai, trì Đà La Ni này đều hay khiến cho thai nhi bình yên, sinh nở được an vui

9_Lời nói ra khiến người ưa thích nghe, đi đến chỗ nào đều nhận được sự cung kính

10_Chẳng gặp mộng ác, ngủ nghỉ được an lành

11_Giúp cho vong linh được sinh về cõi Trời

12_Hay ngưng dứt được sự đấu tranh kiện tụng

13_Hay trừ khử loài trùng gây hại cho nhà nông, khiến cho tất cả mầm lúa, hoa quả đều được tăng trưởng, có mùi thơm, vị ngon ngọt

14_Khi khí hậu khô hạn nắng lâu dài, do uy lực của Đà La Ni này thời Long Vương cùng nhau vui vẻ, tuôn mưa kịp thời giúp cho trăm họ

15_Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái

16_Hay lìa mọi loại Ma Nghiệp, hay đập tan tất cả Ma Chúng, hay chặt đứt sự ngăn trở của tất cả **Ma La** (Māra: loài Ma)

17_Hay chặt đứt tất cả Tập Khí

18_Hay khiến cho chúng sinh có Tâm ác, khởi lên Tâm **Đại Từ**

19_Hay ở tất cả nơi chốn được Đại Cúng Dường như Phật Đại Sư Lưỡng Túc Tôn

20_Người ngày ngày trì tụng, được Đại Thông Tuệ, Đại Uy Lực, Đại Cần Dũng, Đại Biện Tài thành tựu

21_Sẽ khiến cho Tinh Khí nhập vào thân, tăng thêm uy lực, thân tâm thường được vui thích

22_Nếu có loài Bàng Sinh, cầm thú mà lỗ tai được nghe qua Đà La Ni này thì nhóm ấy thảy đều đối với Vô Thượng Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng thoái lùi

23_Chứng Đại Niết Bàn

Tổng kết công hiệu của tất cả thì **Đại Tùy Cầu** có thể nói là không có điều gì chẳng thể làm được: Thế Gian với Xuất Thế Gian đều có công hiệu rất lớn. Trong nhiều loại Mật Chú là điều hiếm có. Nhân đây, **Đại Tùy Cầu** rất thích hợp với Cư Sĩ tại gia

ĐA LA BỒ TÁT

Đa La Bồ Tát: tên Phạn là **Tārā**: dịch âm là Đa La; dịch ý là con mắt, Diệu Mục Tinh, Đồng Tử (con ngươi), Cực Độ, Cứu Độ, Tinh Thần (ngôi sao).

Tạng Ngữ là: Droma, Trác Mã, Đóa Mã… dịch ý là Cứu Độ.

Lại dịch là Đa La Mẫu, Đa La Phật Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Phật Mẫu.

_Trong Ấn Độ Giáo: Tārā là vị Thần **cứu hộ** đứng thứ hai trong 10 vị Nữ Thần **Mahà-vidya** (Daśa-mahà-vidya). Mật Giáo Ấn Độ công nhận Tārā là hiện thân của Mahā-devī, Kāli, Parvatī… ví như một ngôi sao đẹp tự chiếu sáng mãi mãi và Tārā được xem là một niềm khao khát tuyệt đối không bao giờ tắt, tạo lực đẩy cho cả cuộc sống.

Truyền thuyết về Tārā bắt nguồn từ sự kiện khuấy động đại dương giữa chư Thiên và A Tu La (Asura) tạo thành chất độc (Halahala). Vì muốn cứu Thế Giới thoát khỏi sự hủy diệt nên Thần Śiva phải uống chất độc ấy [đây là hiện tượng làm cho cổ họng của Śiva biến thành màu xanh dương và có Hiệu là **Thanh Cảnh** (Nīlakaṇṭha)]. Do cường độ của độc tính nên Śiva đã bất tỉnh, lúc đó Tārā -ma hiện ra, đặt Śiva lên đùi và Tārā đã cho Śiva bú sữa, sữa từ bầu ngực của Tàrà đã hóa giải chất độc và cứu được Śiva.

Truyền thuyết khác ghi rằng: Để ngăn chặn sự nổi điên của Kāli, nên Śiva đã biến thành một đức trẻ. Khi nhìn thấy đứa trẻ, bản năng làm mẹ của Kāli đã trổi dậy và Kāli đã cho đứa trẻ bú sữa. Nhờ thế Śiva đã hút được cơn thịnh nộ của Kāli trong khi bú sữa.



Từ hai truyền thuyết này, Śiva được giả định là trở thành đứa bé sơ sinh khi đối mặt với các Nữ Thần. Chủ yếu Tārā là một hình thức của Durga hoặc Parvatī.

Sự tương đồng giữa Tārā và Kāli rất rõ ràng, không thể nhầm lẫn. Cả hai đều được mô tả là đứng trên thân Śiva đang nằm ngửa trơ ra, hoặc một cái xác giống như vậy. Tuy nhiên, Kāli có thân thể màu đen, còn Tārā có thân thể màu xanh. Cả hai đều lõa thể, Tārā mặc váy da cọp, Kāli chỉ dùng cánh tay người làm vòng quấn chung

quanh để che hạ thể. Cả hai đều đeo vòng cổ làm từ đầu người và vòng quấn cánh tay. Cả hai đều le lưỡi đầy máu hoặc miệng đầy máu



Hình tượng Kāli



Hình tượng Tārā Sự hiện tướng như vậy có sự tương đồng và rất dễ nhầm lẫn với nhau. Sự thật cả hai đều là hiện thân của nhau. Họ chia sẻ tên gọi theo tính mô tả, cũng như có tên của nhau. Tàrà được gọi là Kālika, Ugra-kāli, mahā-kāli và Bhadra-kāli.

Tārā được cho là dễ tiếp cận hơn với Tín Đồ (Bhakta) hoặc Tantrika vì bản năng yêu thương giúp đỡ của bà mẹ (Từ Mẫu: mẹ hiền). Tuy nhiên, phần đông dân Ấn Giáo **Bengal** thường xem Kāli như là người mẹ (**Ma**).

Tārā là vị phối ngẫu của Śiva. Pháp Khí của Tārā là cây đao (Khaḍga), cây kiếm, cây kéo

Thần Chú quan trọng nhất của Tārā trong 10 Mahā-vidya là:

Oṃ_ Aīṃ hrīṃ strīṃ tārāoyī hūṃ phaṭ

Thần Chú khác là:

Oṃ_ Hrīṃ srtīṃ hūṃ phaṭ

Thần Chú phổ biến trong Nghi Lễ và được cho là Thần Chú mạnh mẽ khiến Tārā hiện thân trước người làm lễ là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture svāhā

_ Vào khoảng 150 năm sau Tây Lịch, do duy trì ý tưởng Mẫu quyền nên tín ngưỡng về Nữ Thần Tính đã được du nhập vào giáo điển Phật Giáo Ấn Độ nhằm thỏa mãn cho ước vọng của con người. Trong giai đoạn này, một số giáo đồ Phật Giáo Ấn Độ chuyên xưng tán thờ phụng Đấng **Cứu Thế Mẫu** (Tārāyati) là bà mẹ chuyên giúp đỡ cho con người vượt qua các ách nạn sợ hãi, chấp nhận mọi ước nguyện và dắt dìu từng người vượt qua bờ bên kia. Đồng thời xuất hiện các Kinh Bản rất được ca ngợi và sùng bái là:

1_ **Đa La Bồ Tát 108 Danh Tán** (Ārya Tārā-Bhaṭṭārikā-Nāmâṣṭôttaraśataka – stotra).

2_ **Cứu độ Phật Mẫu 21 lễ tán** (Bhagavaty-Ārya-Tārā-Devyā Namaskārâika-Viṃśati sotraṃ guṇa – hita – sahitaṃ).

3_ **Thánh Đa La Trì Quan** (Cái mão) **Tán** (Ārya-Tārā-srag-dharā – sotrra).

4_ **Thánh Đa La Cứu Độ Bát Nạn Kinh** (Ārya-Tārā- Aṣṭa-ghora-Tārāṇi – Sùtra).

Dân gian thường ví Ngài như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên xưng Tôn này là **Đa La Nễ Vĩ** (Tārā-devī: Đa La Thiên Nữ) và hay gọi tắt là **Tārā.**

Sau này, do sự nhân cách hóa Trí Tuệ siêu việt nên Đa La Tôn được xem là nguyên lý Âm của **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī-Bodhisatva) và biểu tượng cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyāmuṣṭhāna-jñāna: Trí Tuệ chuyển mọi hành động của thế gian thành trạng thái giải thoát). Như thế, Tôn này thường song hành với Bồ Tát Văn Thù trong mọi công tác hóa độ chúng sinh.

Từ Ấn Độ, Tín ngưỡng **Tārā** lan rộng đến nhiều nơi trên Thế Giới như: Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Indonesia, Chiêm Thành, Cam Bốt, Thái Lan... và lưu lại rất nhiều Tôn Tượng

Hiện nay nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hóa Đa La Tôn với Mẹ Vũ Trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật Mẫu Śākti.

_Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Tôn được xưng là: Đa La Bồ Tát, Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Đa Lợi Tôn, **Đạt Ma Đa La** (Dharma Tārā: Pháp Cứu Tôn), **Thánh Đa La Bồ Tát** (Ārya Tāra-bodhisatva) và xưng là **Thánh Cứu Độ Phật Mẫu** (Ārya-Tārā-buddha-mātā).

Hiện đồ **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu maṇḍala) ghi nhận rằng: Đa La Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trung Quán Âm viện. Do Tôn này chủ về hai Đức: **Đại Bi** (Mahā Kāruṇa) và **Hàng Phục** (Abhicāruka) nên được xem là **Phật Mẫu** (Buddha-mātṛ) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và được tôn xưng là Đa La Phật Mẫu.

Ngoài ra trong Quán Âm viện còn ghi nhận thêm 04 vị Đa La Bồ Tát tu trì thành tựu pháp Quán Âm là:

1_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭhī) đại chú của tôn này được truyền tụng là Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahā-kāruṇika-citta-dhāraṇī)

2_ **A Ma Tai Quán Âm** (Avatai: Nguồn hạnh phúc)
2_ **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja)
4_ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka-candra)

Kinh **Bất Không Quyến Sách (28)** ghi là: "*Đa La Bồ Tát cũng gọi là **Thấp Phế Đa*** (Śveta) *tức Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng gọi là **Tỳ Câu Đê Quán Thế Âm Bồ Tát*** (Bhṛkuṭi: Phẫn Nộ Mẫu)".

Kinh **Đại Phương Quảng Man Thù Thất Lợi, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi là: *"Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**, dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ra ánh sáng lớn và Đa La Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra. Ánh hào quang của Đa La Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sinh giống như lòng thương xót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử".*

Do ý nghĩa này mà Tàrà được dịch là con mắt, con ngươi hay **Mục Quang** (Tārā-jvala). Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là thân sở biến của **Hoa sen xanh** (Nīlapadma, hay Utpāla) và có danh hiệu là ***Phật Thanh Liên Từ Bi Nhãn*** (Buddha-nīla-padma-maitra-kāruṇa-netre). Từ đó Tārā còn được dịch là **Diệu Mục** (Sunetre: Con mắt màu nhiệm).

Kinh **Bất Không Quyến Sách (Hạ)** ghi là: *"Đa La Thiên Nữ Mục Ngôn Đồng Tử"*

Kinh **Tô Ma Hô (Hạ)** cũng ghi là: "*Đa La là Diệu Mục Tinh"*

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Đa La qua danh xưng **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu** tức vị Phật Mẫu có thân màu trắng tinh chuyên cứu tế thế gian.

Theo Thầy truyền thì dùng Đại Từ Bi của chư Phật Bồ Tát mà nhiếp Quán Âm, nên các bậc Đại Bi của Quan Âm đều là Đa La Bồ Tát như trong Đại Bản có ghi: *"500 Đa La Tôn đều sinh ra từ mắt của Quán Âm nên là Tam Muội Tỷ Muội (Chị Em gái) của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha)".*

Theo nghĩa rộng thì TA (𑖝) có nghĩa là Thể Như Như, vì bên cạnh có ký hiệu hiển thị cho chữ A (𑖀) mà thành TÀ (𑖝𑖯) tức là Hạnh của Như Như

Chữ RA (𑖨) có nghĩa là Trần (bụi bặm) mà sáu Trần hiển thị cho biển lớn sinh tử tức là nơi mà hết thảy chúng sinh bị chìm đắm không thấy bến bờ. Do bên cạnh có ký hiệu chữ A (𑖀: có nghĩ là xưa nay vốn chẳng sinh) nên RÀ (𑖨𑖯) tức là Thật tướng của sáu Trần.

Do đó, TĀRĀ là quán LÝ TÍNH của Như Như, cho nên tấ cả các Trần đều được biết Như Thật, từ đấy vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ giải thoát bên kia. Chính vì thế mà TĀRĀ được dịch ý là Cứu Độ hay Cực Độ và mọi người thường xưng tán Ngài qua câu "***Namo Ārya Tārā Jvala Bodhisatvāya mahā-satvāya"*** (Quy mệnh Thánh Mục Quang Bồ Tát Ma Ha Tát).

Riêng Mật Giáo Nhật Bản với nhân gian Trung Hoa, Đại Hàn thường xưng tụng Đa La Tôn là một trong 33 vị Quán Âm và sùng bái rộng rãi.

_Theo truyền thống Tây Tạng, vào vô lượng kiếp trước có thế giới tên là Tụ Quang, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Duṇḍbhi-svara Tathāgata). Bấy giờ có cô công chúa tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajñā-candra) có Tuệ căn, kính lễ Tam Bảo. Sau một quá trình cúng dường các Đệ tử của Đức Phật với các bậc Thượng Tọa, nàng Bát Nhã Nguyệt phát thệ nguyện rằng: ***"Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận. Tôi dùng thân nữ để độ chúng sinh".*** Sau khi phát nguyện xong, Bát Nhã Nguyệt liền ngồi quán sáu căn cho đến lúc được Tâm khai, chứng nhập Vô Sinh Pháp Nhẫn thành Phật Mẫu độ tất cả Hữu Tình. Đây chính là tiền thân của Độ Mẫu Tārā.

Theo truyền thống khác, trong khi quán sát để cứu độ các chúng sinh đang trầm luân nơi sáu nẻo luân hồi, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chợt xúc động khóc thương cho chúng Hữu Tình nên giọt nước mắt rơi ra từ mắt phải biến thành **Bạch Độ Mẫu** (Sgrol – Ma dhar - Po) còn giọt nước mắt rơi ra từ mắt trái biến thành **Lục Độ Mẫu** (Sgrol – Ma Ljan - Khu) chuyên cứu khổ độ sinh cho chúng sinh. Do vậy, các vị đạo sư Mật Giáo Tây Tạng cho rằng Đa La Tôn là thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát nên xung là Đa La Tôn Quán Âm hay Đa La Quán Âm. Và lưu truyền pháp của 21 Độ Mẫu tượng trưng cho 21 hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, gồm có:

1_ Lục Độ Mẫu.
2_ Cứu Tai Nạn Độ Mẫu.
3_ Cứu Thủy Tai Độ Mẫu.
4_ Cứu Địa Tai Độ Mẫu.
5_ Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu.
6_ Cứu Phong Tai Độ Mẫu.
7_ Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu.
8_ Cứu Thiên Tai Độ Mẫu.
9_ Cứu Binh Tai Độ Mẫu.
10_ Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu.
11_ Cứu Đạo Nạn (Nạn Trộm Cướp) Độ Mẫu.
12_ Tăng Uy Quyền Độ Mẫu.
13_ Cứu Ma Nạn Độ Mẫu.
14_ Cứu Súc Nạn Độ Mẫu.
15_ Cứu Thú Nạn Độ Mẫu.
16_ Cứu Độc Nạn Độ Mẫu.
17_ Phục Ma Độ Mẫu.
18_ Dược Vương Độ Mẫu.
19_ Trường Thọ Độ Mẫu.
20_ Bảo Nguyên Độ Mẫu.
21_ Như Ý Độ Mẫu.

Trong 21 Độ Mẫu (Sgrol – Ma) thì Đa La Tôn hiện tướng Thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục nên được xưng là Lục Độ Mẫu.

Ngoài ra, các vị Lạt Ma Tây Tạng còn truyền dạy cách tu 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu của Ấn Độ là:

1_ Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu (Sgrol – Ma – Myurmadpah – Mo, tên phạn là: Tāre Ture vīre).

2_ Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu (Ston – Kahi zlabakun – Tugsal – Brgya, tên phạn là: Śata-śarac-candra).

3_ Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Ser – Sdechu, tên phạn là: Kanaka-Nīlâbja).

4_ Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (De – bshin – g'segs – pahi – gtsug – tor, tên phạn là: Tathāgatôṣṇīsa).

5_ Đát La Hồng Tự Mẫu (Tārā Hūṃ yi – ge, tên phạn là: Tuttāra – Hūṃ - Kāra).

6_ Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu (Brgya – byin melha – Tshans – pa, tên phạn là:Śakrânala- Brahma).

7_ Đặc La Đê Phát Mẫu (Trad – Cis _ Bya – Dan phat, tên phạn là: Traḍiti phaṭ - Kāra).

8_ Đô Lị Đại Khẩn Mẫu (Tures – hjìgs – pachen – mo, tên phạn là: Ture Mahā-Ghore).

9_ Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (Dkon – Mchog – Gsum mtshon – phyag – rgya, tên phạn là: Tri– Ratna - Mudrânka).

10_ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Rab – tu – dgah – babrdsid – ba, tên phạn là: pramuditâṭopa).

11_ Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Sa – Gahi skyon – pa, tên phạn là: Samanta– bhū–pāla).

12_ Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Zla – bahibum – bus – dpral – rgyah, tên phạn là: Śikhaṇḍa – khaṇḍêndu).

13_ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu (Bskal – bahi – thamahi – me – ltar, tên phạn là: Kalpânta - hutabhug).

14_ Thủ Án Đại Địa Mẫu (Sa – ba, tên phạn là: Kara - Talâghāta).

15_ An Ẩn Nhu Thiện Mẫu (Bde – Ma dgl – Mashi – Ma, tên phạn là: Śive śubhe śānte).

16_ Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Kun – nas – bskor – rab – dgah – ba, tên phạn là: pramuditābandha).

17_ Đô Lị Ba Đế Mẫu (Turi – Sha – pa, tên phạn là: Ture padâghĀta).

18_ Tát La Thiên Hải Mẫu (Lha – yi – mtsho, tên phạn là: Sura – sarâkāra).

19_ Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Lha – yi – tshogs – rnams – rgyas – ma, tên phạn là: Sura – gaṇâdhyakṣa).

20_ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Nima – zla – ba – rgyas – ma, tên phạn là: Candrârkâ – sampūrṇa).

21_ Cụ Tam Chân Thật Mẫu (De – nid gsum – Rnam bhod – pa, tên phạn là: Tri – Tattva – vinyāsa).

Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1_ Pravīra-Tārā (Thắng Dũng Đa La).

2_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).

3_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).

4_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).

5_ Hūṃ- sarva-nādinī-Tàrà (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).

6_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).

7_ Vādi-Pramardaka- Tārā (Tồi Hoại Tranh Luận Đa La).

8_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).

9_ Varada-Tārā (Dữ Nguyện Đa La).

10_ Śoka-vina-udana-Tārā (Diệt Tận Phiền Não Đa La).

11_ Jagad-vaśi-vipan-nirbarhaṇa-Tārā (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).

12_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).

13_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).

14_ Bhṛkuṭī-Tārā (Phẫn Nộ Đa La).

15_ Mahā-śānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).

16_ Rāga-niṣūdana- ārā (Tồi Phá Tham Ái Đa La).

17_ Sukha-sādhana-Tàrà (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).

18_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).

19_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).

20_ Siddhi-saṃbhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).

21_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).

Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tàrà của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyện Đa La

Riêng Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng đồng hóa Đa La Tôn với Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Tự Tại Bồ Tát nên xưng tán thờ phụng Ngài qua danh hiệu Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát.

Maṇḍala Ngũ Trí Như Lai của Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận rằng: Đa La Tôn chính là Cứu Độ Phật Mẫu hiển thị cho Thành Sở Tác Trí của **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata). Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển năm Thức Thân thành phương tiện thiện xảo, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành quả giải thoát. Biểu tượng của Trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh qua màu xanh Pháp Tính vũ trụ với màu vàng Từ Bi bình đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho mọi chúng sinh đang chìm trong biển khổ đau. Đây cũng chính là **năng lực gia trì** (Adhiṣṭhana) của chư Phật Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàrà được tôn xưng bằng danh hiệu **Pháp Cứu Tôn** (Dharma-Tārā).

Mật Giáo Tây Tạng thường minh họa năm vị Tārā biểu thị cho những phương tiện khác nhau tương ứng với năm vị **Thiền Phật** (Dhyāna-buddha) ở năm phương là:

_ **Bạch Đa La** (Sīta-Tārā) ở phương trung ương: biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt, tinh thần vô nhiễm, phương tiện của giải thoát.

_ **Lam Đa La** (Ekajaṭa:Nhất Kế, hay Ugra-Tārā: Uy mãnh Đa La) ở phương Đông: biểu thị cho tinh thần sung mãn, tâm tỉnh thức

_ **Hoàng Đa La** (Bhṛkuṭi:Tỳ Câu Chi) ở phương Nam: biểu thị cho tinh thần thuần khiết, giác ngộ tâm linh.

_ **Xích Đa La** (Kurukulla) ở phương Tây: biểu thị cho sức mạnh tình yêu từ Tārā nguyên thủy, tinh thần phấn chấn, đời sống khổ hạnh.

_**Thanh Đa La** (Syama-Tārā) ở phương Bắc là Tārā nguyên thủy: biểu thị cho tính sẵn sàng cứu khổ phò nguy, chuyển 5 giác quan thành phương tiện thiện xảo, chuyển khổ hạnh thành giải thoát.

Trong năm vị Tārā này thì nhân dân Tây Tạng thường phụng thờ 2 vị Bạch Tārā và Thanh Tārā

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh trên đất nước Tây Tạng nên nhân dân Tây Tạng đã xưng tán hai vị Thứ phi của Nhà vua **Khí Tông Lộng Tán** (Srong – Tsan - Gampo) là: **Văn Thành công chúa** (con vua Đường Thái Tôn) là Bạch Đa La Bồ Tát và công chúa Xứ Nê Pan (Nepal) **Ba Li Khổ Cơ** (Bhṛkuṭi) là Lục Đa La Bồ Tát.

Tại Việt Nam, tín ngưỡng Tārā phát triển rất chậm, hầu hết Giáo đồ Phật Giáo Việt Nam chỉ mường tượng Tàrà dưới hình bóng Đức Quán Thế Âm qua câu chú: ***"Án, đa lị , đa lị, đốt đa lị, đốt đốt đa lị, đốt lị, ta bà ha"*** được ghi nhận trong nghi thức tụng niệm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn.

Thời gian gần đây, Việt Nam mới ghi nhận được pháp tu Tārā qua **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Trí Thông** truyền thụ, Pháp **"Tu Trì Thánh Cứu Độ Phật Mẫu"** do Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA** Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ và đặc biệt là các nghi quỹ Tàrà do các vị Lama Tây Tạng sang Việt Nam truyền thụ

Tại Âu Mỹ, tín ngưỡng Tārā tuy mới phát triển nhưng lan tỏa rất nhanh, nhiều nhà nghiên cứu Âu Mỹ đã tìm hiểu và ghi chép rất kỹ các kinh điển liên quan đến Tārā.

Tóm lại, hệ thống tín ngưỡng Đa La Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn...... và mọi hệ thống Mật Giáo đều xem Đa La Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi "Ban Vui, Cứu Khổ" của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong Kinh **"Quán Tự Tại Bồ Tát Thụ Ký"** là:

Đấng Đại Bi Đa La
Từ Bi của tất cả
Trời, Người với Dạ Xoa
Đều là con của Ngài
Nên hiệu Thế Gian Mẫu
Và cho xuất Thế Gian.
Quán Âm, Đại Thế Chí
Kim Cương với Thiện Tài
Văn Thù, Tu Bồ Đề
Từ Thị với Hương Tượng
Nguyệt Quang, Vô Tận Ý
Vô Cấu, Hư Không Tạng
Diệu Nhãn với Đại Bi
Duy Ma, Đẳng Bồ Tát
Là con của Đa La
Các Như Lai ba đời
Tất cả Ma Ha Tát
Không ai không là con.
Đều xưng là MẸ TA
Nuôi dưỡng các Hữu Tình
Ôm nâng như Đại Địa

TÔN TƯỢNG ĐA LA BỒ TÁT

Đại Nhật Kinh, quyển 1, phẩm Cụ Duyên ghi là: *"Hình tượng của Tôn này là trạng người nữ trung niên da màu xanh và màu trắng pha tạp, hai tay chắp lại cầm hoa sen xanh, thân mặc áo trắng"*

Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đà La thì vẽ hơi khác là: *"Toàn thân màu xanh trắng, mặc áo Yết Ma, đầu đội mão tức bên trên có vị hóa Phật, hai tay chắp lại không cầm hoa sen, ngồi Bán Già trên Tòa Sen, vị trí ở bên phải của Quán Tự Tại Bồ Tát, bên trái Ngài có một vị Sứ Giả"*.



Sớ thứ 5 giải thích ý nghĩa của Tôn Tượng trên là: "*Đa La Bồ Tát là Tam Muội của Quán Tự Tại nên làm tượng người nữ. Đa La có nghĩa là con mắt. Hoa sen xanh có nghĩa là trong sạch không dơ bẩn. Dùng Phổ Nhãn như vậy nhiếp thụ quần sinh, đã chẳng trước cũng chẳng sau nên làm dạng người nữ trung niên chẳng quá già, chẳng quá trẻ. Màu xanh là màu giáng phục, màu trắng là màu Đại Bi do diệu (sự mầu nhiệm) ở trong hai dụng ấy nên tạo hai màu hòa hợp, vì nghĩa ấy nên chẳng xanh chẳng trắng. Tượng ấy chắp tay, cầm hoa sen xanh trong lòng bàn tay, hướng tay và mặt về Đức Quán Âm như hình mỉm cười, toàn thân có hào quang tròn như màu vàng ròng thanh tịnh, mặc áo màu trắng, đầu có búi tóc như dạng tóc của Chư Thiên, đồng với mão tóc của Đại Nhật Như Lai*".

Quỹ ghi là: "*Liền quán hoa sen màu nhiệm (Diệu Liên) làm Bản Tôn, thân ấy có ánh sáng vàng lục tràn đầy thanh tịnh, với báu Diệu Ma Ni làm Trân Lạc, đầu đội mão tóc có Vô Lượng Thọ Phật, bên phải hiện tướng Dữ Nguyện làm thù thắng, bên trái dùng tay cầm hoa sen xanh*".

Biệt Tôn Tạp Ký ghi là: *"Trên Đàn có chữ* 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 (HRĪḤ) *biến thành hoa sen báu. Trên hoa có chữ* 𑖝𑖽 (TAṂ) *biến thành hoa sen xanh rồi chuyển thành thân Đa La Bồ Tát có màu xanh trắng (hoặc màu thịt) mặc áo màu lam với mọi thứ trang nghiêm, trên mão có Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai* (Avalokiteśvara-rāja-tathāgata), *tay trái cầm hoa sen xanh để bên trái tim, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy* (Abhayaṃdāda-mudra) *hoặc chắp hai tay lại cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa báu phóng ra ánh hào quang màu trắng, hay làm mãn các Nguyện"*.

Theo sự truyền thụ của Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Pháp Đồ (Phật sống NẶC NA của Tây Tạng) thì Bản Tôn có thân màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi báu già trên hoa sen, có vành Nhật Nguyệt. Hoa sen đó có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm một cành hoa Ô Ba Lạp (Utpāla:Hoa sen xanh da trời), đầu đội mão Ngũ Phật, thân trên khoác áo bay phất phới như lá phướng, thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Cổ đeo 03 chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai đến trái tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tai đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyến, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ với các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Trên đây là Tôn tượng Lục Độ Mẫu, một trong 21 Độ Mẫu hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Hình tượng của 20 Độ Mẫu còn lại đều có tư thế ngồi, mão, áo, vật trang sức giống nhau và chỉ khác nhau về nhan sắc (dung mạo và màu sắc) với vật cầm tay.

Bách Khoa Tự Điển mở Wikipedia ghi là*:" Thần Tārā thực sự là một vị Thần trẻ đẹp, có khả năng thay đổi hình dạng đúng lúc đúng chỗ. Thần có thể hiện ra trong màu xanh, màu trắng, đỏ hay màu của vàng. Mỗi màu đều có ý nghĩa riêng của nó. Sắp đặt:*

Phía sau đầu của Thần Tārā là ánh sáng của trăng tròn, là biểu tượng của ánh sáng soi sáng trái đất, cao hơn sự hỗn độn, ảo tưởng và đau khổ của vòng Luân Hồi nhưng lại không tách rời khỏi nó. Thần ngồi trên một tòa sen nở và một chiếc đĩa tròn. Vòng quanh Thần là một vòng lửa màu vàng. Mà lời Kinh cầu nguyện số 21 nói rằng Như lửa cháy ở cuối Thời Đại này.

Hoa:Trên mỗi bàn tay, Thần Tārā nhẹ nhàng cầm một cánh hoa dài màu xanh trắng, hoa Utpala, một loại hoa có mùi hương thơm ngọt giống như hoa Kèn hay hoa Sen, loại hoa mọc trên mùi mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Hoa Utpala là sự trong sạch tự nhiên, mà theo Genlek Rinpoche nói Để có thể nghĩ mình là người trong sạch, hãy hành động một cách trong sạch.

Ba ngón tay trái của Thần Tārā chỉ lên trên để biểu hiện ba thứ quý giá, đó là Đức Phật , Phật Pháp và Giác Ngộ, và sự tự giải phóng tự tại. Tay phải duỗi ra, ngửa bàn tay về phía trước với một cử chỉ mời gọi.Genlek Rinpoche nói Thần Tārā nói với những người bị mất hy vọng và không có ai giúp đỡ rằng Hãy lại đây, Ta đang ở đây.

Y Phục:Thần có những sợi thừng lụa mềm được trang điểm bằng những hạt châu báu, dái tai dài và thanh nhã biểu hiện rõ ràng Thần là một vị Bồ Tát, người đã có lời Thề ở lại trên trần gian vĩnh viễn để cứu nhân độ thế. Trên thực tế, những Đức Phật truyền Giáo thì không đeo châu báu, tại sao họ lại đeo trên cõi Niết Bàn? Các Bồ Tát thường trì hoãn việc vào Cõi này vì những vị khác. Thần Tārā mang châu báu là để thể hiện sự hoàn thiện của mình, những châu báu này lấp lánh như sự cảnh báo về những sự đau khổ trên trần thế, nơi mà Thần đang ra tay cứu chữa"

_ Theo kinh nghiệm tu tập của Bhatta Charya thì *"Trong ánh hào quang sáng chói lạ lùng hiện ra một vị Thánh Nữ màu lục biếc, đẹp tuyệt hảo trong mọi đường nét tay chân đến nỗi không thể dùng lời nói diễn tả được. Thánh Nữ ngồi theo thế Du Hý Tam Muội trên một hoa sen hai tầng, tay trái cầm vài cành lá, tay phải kết ấn Vô Úy với một viên ngọc sáng ngời".*

Riêng 21 Độ Mẫu thì Kinh Tạng Hoa Văn không ghi nhận bằng lời mà chỉ lưu truyền hình ảnh Tôn tượng trong kinh "Lễ tán 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu".

1_ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tāre Ture vīre): có 08 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.



2_ **Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu** (Śata-śarac-candra): có 12 tay, thân hình màu trắng, đứng trên tòa sen.



3_ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka-Nīlâbja): có 10 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



4_ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatôṣṇīṣa): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



5_ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttāra-Hūṃ-Kāra): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



6_ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Śakrânala-Brahma): có 04 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.



7_ **Đặc La Đê Phát Mẫu** (Traḍiti phaṭ-Kāra): có 04 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



8_ **Đô Lị Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahā-Ghore): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi theo thế Du Hý trên lưng rồng trên tòa sen.



9_ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-Ratna- Mudrânka): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi kiết già trên tòa sen.



10_ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâtopa): có 04 tay, thân hình màu hồng, đứng trên hoa sen.



11_ **Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu** (Samanta–bhū–pāla): có 02 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



12_ **Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu** (Śikhaṇḍa– khaṇḍêndu): có 08 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



13_ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta-hutabhug): có 04 tay, thân hình màu đỏ, đứng trên tòa sen.



14_ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghāta): có 03 đầu 06 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



15_ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** (Śive-śubhe-śānte): có 06 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



16_ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha): có 02 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



17_ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghāta): có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi chéo chân trên tòa sen.



18_ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura–sarâkāra): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



19_ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura–gaṇâdhyakṣa): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



20_ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – saṃpūrṇa)có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



21_ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri–Tattva–vinyāsa): có 02 tay, thân hình màu xanh, ngồi trên lưng con trâu trên hoa sen.



Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1_ Pravīra- Tārā (Thắng Dũng Đa La).



2_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).



3_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).



4_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).



5_ Hūṃ- sarva-nādinī-Tārā (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).



6_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).



7_ Vādi-Pramardaka-Tārā (Tồi Hoại Tranh Luận Đa La).



8_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).



9_ Varada-Tārā (Dữ Nguyện Đa La).



10_ Śoka-vina-udana- Tārā (Diệt Tận Phiền Não Đa La).



11_ Jagad-vaśi-vipan-nirbarhaṇa-Tārā (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).



12_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).



13_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).



14_ Bhṛkuṭī-Tārā (Phẫn Nộ Đa La).



15_ Mahā-śānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).



16_ Rāga-niṣūdana-Tārā (Tồi Phá Tham Ái Đa La).



17_ Sukha-sādhana-Tārā (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).



18_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).



19_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).



20_ Siddhi-saṃbhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).



21_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).



Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-Vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tārā của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyện Đa La



Tôn Tượng 21 Tàrà là:



1) Lục Cứu Độ Mẫu:

Bản Tôn có thân hình màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi bán già trên vành nhật nguyệt của hoa sen. Hoa sen có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm cành hoa **Ô Ba Lạp** (Utpāla: hoa sen màu xanh da trời), đầu đội mão Ngũ Phật. Thân trên áo bay phấp phới như lá phướng. Thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Chuỗi đeo ba chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai dài đến tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tay đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyến, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ, các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Hai mươi Tôn Độ Mẫu còn lại, tư thế ngồi với mão áo, vật trang sức cũng giống như Lục Độ Mẫu, xong nhan sắc đều khác biệt.

Bản Tôn xưa kia xưng là **Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát** (Tārā Avalokiteśvara Bodhisatva) tức Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát. Bản Tôn là Tôn Chủ của 21 Độ Mẫu. Chú Lục Độ Mẫu là chú Căn bản của 21 Độ Mẫu. Nếu thường chuyên cần niệm tụng hay cắt đứt gốc rễ của Luân hồi. Miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cướp. Hay tăng trưởng thọ mệnh và Phước Tuệ. Phàm sự mong cầu không có gì không như nguyện. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Thành tâm phụng trì, linh ứng đến liền như âm dội của tiếng vang vọng, Công Đức rộng lớn không thể nói hết. Nếu lúc trì bái Nam Hải Phổ Đà Sơn, trì tụng Chú này càng dễ đạt được sự cảm ứng đặc thù.

Lục Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāra tuttāre ture svāhā

2) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về đất, núi,…

Cứu Tai Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Vajra-tāre sarva vighnan śāntiṃ kuru svāhā

3) Cứu Địa Tai Độ Mẫu



Bản Tôn có thân màu lam, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Kim Cương Ngũ Cổ dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về: động đất, núi lở, đất nứt, nhà cửa nghiêng sập.

Cứu Địa Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva laṃ laṃ bhāya śāntiṃ kuru svāhā

4) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Hỏa Kính. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về nước và tất cả sự nguy hiểm về nước.

Cứu Thủy Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva vaṃ vaṃ, jāla-bhāya śāntiṃ kūru svāhā

5) Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu:

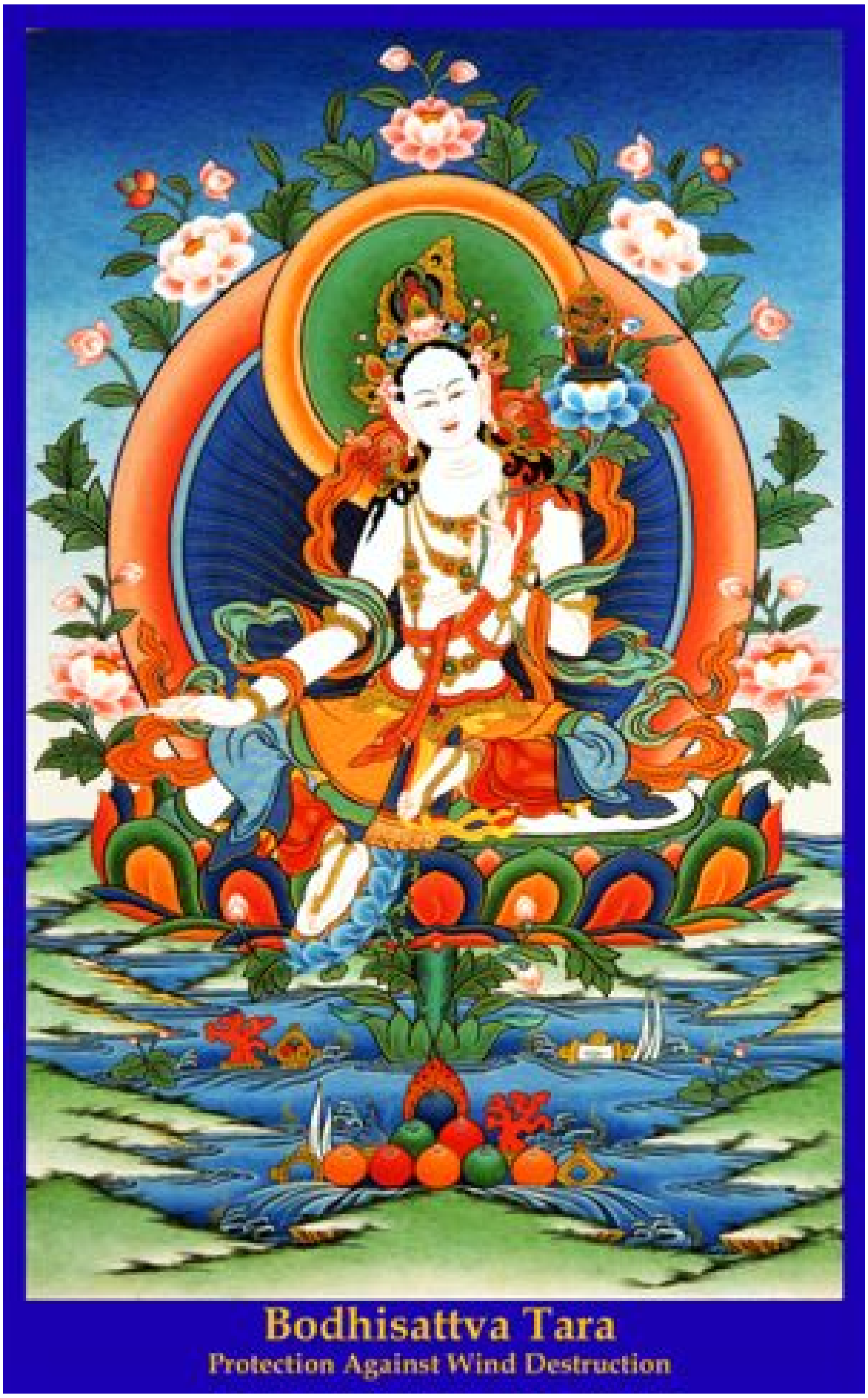


Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có viên Thủy Tinh Châu, trong châu tuôn ra nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về lửa và tất cả sự nguy hiểm về lửa.

Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva raṃ raṃ, jvala-bhāya śāntiṃ kūru svāhā

6) Cứu Phong Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có núi Tu Di, trên núi Tu Di có bánh Xe (luân). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về gió và tất cả sự nguy hiểm về gió.

Cứu Phong Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva yaṃ yaṃ, cala-bhāya śāntiṃ kūru svāhā

7) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tướng mạo uy mãnh . Tay phải cầm Như Ý Bảo Châu (Cinta mani) tay trái cầm móc sắc là cán của Bảo châu. Trì tụng chú của Bản Tôn có thể được tiền của, thế lực, trí tuệ và thần thông.

Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu chú là:

Oṃ_ Ratna-tāre, sarva loka-jñāna-vidya, dhāra dhāra, dhiri dhiri, Hrīṃ Hrīṃ, Jaḥ, puṇya jñāna puṣṭiṃ kuru_ Oṃ

8) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Yết Ma (Karma danda). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ sự sợ hãi về sấm sét, mưa đá, hạn hán, sóng lớn với tất cả thiên tai.

Cứu Thiên Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva E E mahā-hana-bhāya śāntiṃ kuru svāhā

9) Cứu Binh Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây kiếm báu dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về binh khí, đạn dược…

Người tu pháp này nên chăm chỉ chân thành nghiêm trì Trai Giới . Nếu lúc gặp nạn nguy cấp trong chiến tranh thời tu Pháp này dù cho có loại: đao, kéo, cung tên, thương giáo, khí giới,… cũng chẳng thể khiến cho mũi nhọn của nó hướng vào thân mình được. Nếu có giày, ủng , hài chẳng có thể treo trên đầu được. Con gái tu Pháp này càng nên xét tìm sự Tĩnh Khiết ở bên ngoài.

Cứu Binh Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva tig tig tīkṣṇa, rakṣa rakṣa kuru svāhā

10) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái búa (phủ việt). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về trộm cướp.

Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva cora bandha bandha trig thum svāhā

11) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái móc sắc. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả lao ngục và tất cả tai nạn về hình phạt oan uổng.

Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva rāja-duṣṭan krodha śāntiṃ kuru svāhā

12) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu:

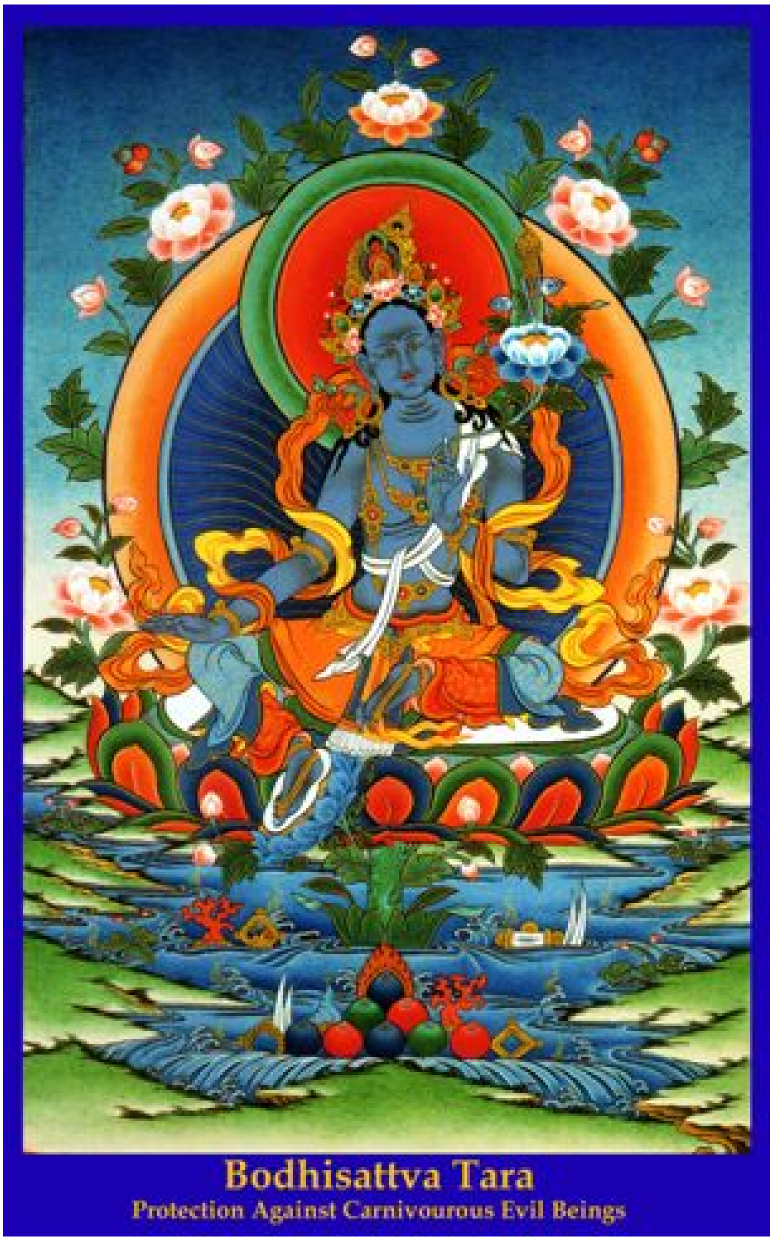


Bản Tôn có thân màu hồng, tướng mạo nhu hòa, tay phải cầm Hoa Câu hướng lên trên, tay trái cầm sợi dây. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay được uy quyền lớn khiến cho người khâm kính. Như Bộ Thuộc, dân chúng chẳng phục tùng thì hay khiến cho tuân phục. Lại vợ chồng chẳng hòa thuận, chân thành tu pháp của Bản Tôn hay khiến cho thuận hòa thương yêu nhau mãi mãi.

Tăng Uy Quyền Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Padma-tāre saṃdhāre Hrīḥ, sarva loka bhaṣiṃ kuru hoḥ

13) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái chày Giáng Ma có ba đầu (Tam Đầu Giáng Ma Xử). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả các bệnh quái về Cổ Mị, Linh Tinh và tất cả tai nạn về Thiên Ma, Địa Ma, Không Ma, Địa Long.

Cứu Ma Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva duṣṭan vighnān Hūṃ phaṭ svāhā

14) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu:

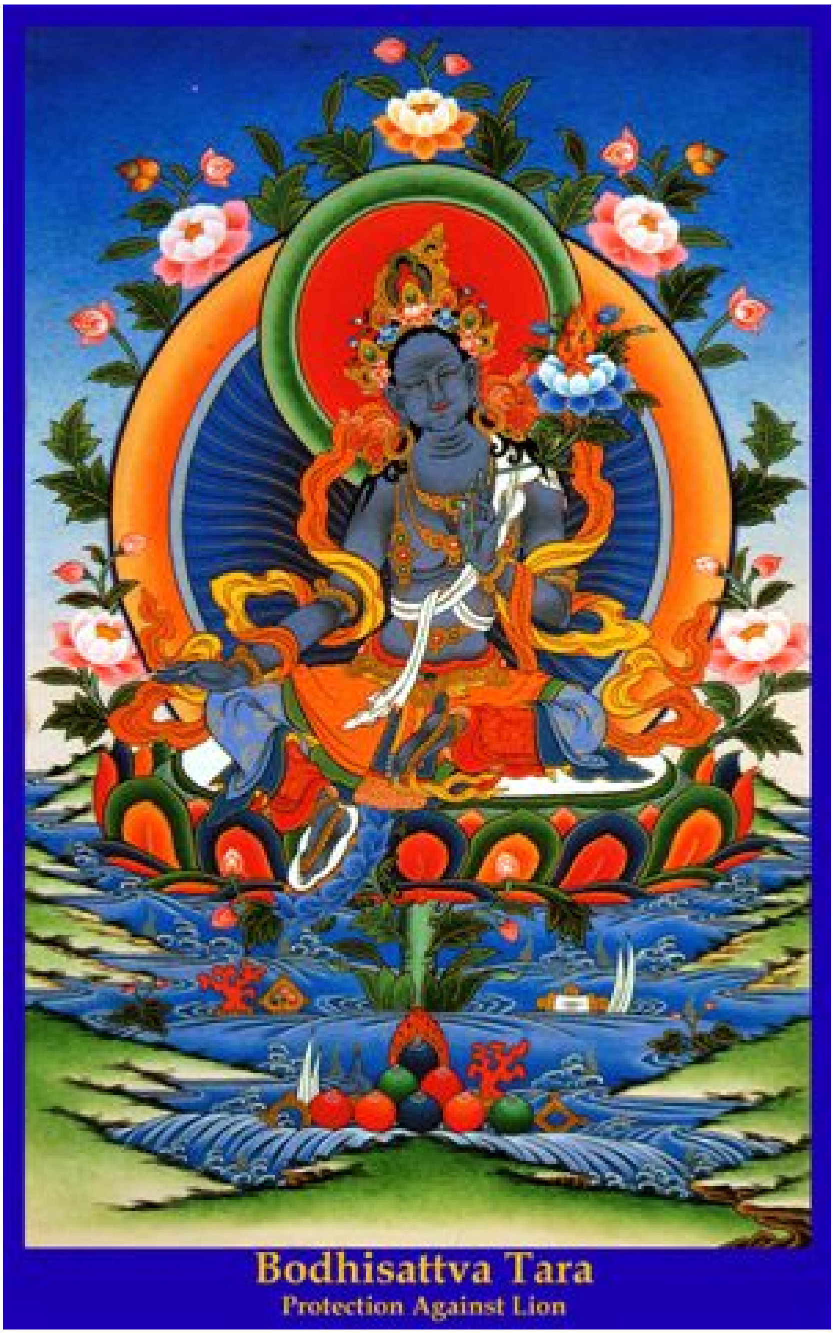


Bản Tôn có thân màu nâu đậm, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây giáo dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả sự nguy hại về các loài vật không ăn thịt như voi, bò, ngựa, … làm cho người bị thương.

Cứu Súc Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva haṃ haṃ duṣṭān hana hana trāsaya phaṭ svāhā

15) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có ngọn lửa. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả các loài thú mạnh ăn thịt người như sư tử, chó sói, cọp, heo, và sự nguy hại về tất cả động vật khác.

Cứu Thú Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva He He, cale cale, bandha phaṭ svāhā

16) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình thủy tinh chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả thuốc độc, khí độc, trùng độc, với tất cả tai nạn về đất, nước, gió, không khí, chất độc tự nhiên, chất độc do con người tạo ra.

Cứu Độc Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva viṣa-calāya, hara hara phaṭ svāhā

17) Phục Ma Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, một mặt ba mắt, tướng rất phẫn nộ, hai tay chắp lại cầm Tam Đầu Giáng Ma Xử. Nếu lúc gặp nạn cấp bách đem cái chày này chà chuyển chẳng ngừng thì hay đập vỡ tâm Ma. Trì tụng Chú này của Bản Tôn hay giáng phục Thiên Ma, chế ngự Ngoại Đạo.

Phục Ma Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Karma tāre, sarva śatrūn mārasena, Ha Ha, He He, Ho Ho, Haṃ Haṃ, bhindha bhindha phaṭ

18) Dược Vương Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có quả Ha Tử sáng như ánh mặt trời. (Ha tử chính là Thanh quả Liên Chi Diệp ở Tây Tang như vật cầm trong bàn tay phải của Đức Phật Dược Sư) phóng ra mũi nhọn ánh sáng như nước Cam Lộ tiêu trừ bách bệnh. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ bệnh truyền nhiễm với tất cả bệnh tai, ôn dịch.

Dược Vương Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva jvara sarva duḥkha praśamanaya phaṭ svāhā

19) Trường Thọ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Trường Thọ chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay diên niên ích thọ , miễn trừ tất cả sự nguy hại về chết yểu, đoản mệnh và tất cả hung tai.

Trường Thọ Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, vajra-āyuṣe svāhā

20) Bảo Nguyên (Nguồn Báu) Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Bảo Tàng chứa đầy châu báu nhiều vô cùng, vô biên – Trì tụng Chú của Bản Tôn hay đủ tài bảo, miễn trừ sự nghèo khổ và tất cả sự bức bách về kinh tế.

Bảo Nguyên Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, jambhe mohe dhana medhi Hrīḥ svāhā

21) Như Ý Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Như Ý Kết (?). trì tụng Chú của Bản Tôn hay như Ngọc Báu Ma Ni, mọi sự như ý, tùy nguyện mong cầu không có gì không thành tựu, như cầu con kế tự, tu pháp của Bản Tôn rất linh nghiệm.

Như Ý Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva artha siddhi, siddhi kuru svāhā

21 Độ Mẫu bên trên . Bình thường thì quán tưởng ngồi nhưng lúc cấp bách liền quán tưởng đứng. Tổng Tâm Chú thứ 22 là Tâm Chú chung của các Tôn Độ Mẫu. Niệm Chú này hay tổng quát tất cả Công Đức của 21 Độ Mẫu.

Lại nữa, trong mỗi tháng mùa hạ, ngày 25 là ngày kỷ niệm Độ Sinh của tất cả Phật Mẫu. Nếu ở ngày đó mở lập Pháp hội Độ Mẫu thì cảm ứng rất nhanh.

Độ Mẫu tổng Tâm Chú là:

Oṃ_ Tāre Tāṃ svāhā

Tóm lại, hình tượng Đa La Tôn thường được sùng bái, thờ phượng, quán tưởng nhiều nhất qua hai loại thân

1_ Thân nữ màu xanh lục, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xưng là **Lục Độ Mẫu** (hay Thanh Tārā)



2_ Thân nữ màu trắng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xưng là **Bạch Độ Mẫu** (hay Bạch Tārā)



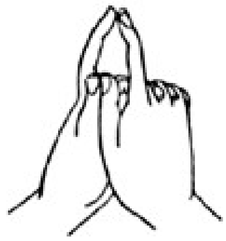
ĐA LA BỒ TÁT CHÂN NGÔN PHÁP

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Bồ Tát có mật hiệu là **Bi Sinh** (Kāruṇa-Udbhave:Nghĩa là do tâm Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát mà sinh ra) hoặc có một mật hiệu là **Hạnh Nguyện Kim Cương** (Caryā Praṇidhāna-Vajra).

Tam Muội gia hình của Tôn này là "Hoa sen xanh hé nở" biểu thị cho nghĩa "***Hóa độ chúng sinh vượt thoát mọi trần cấu ô nhiễm, thực chứng được bản tính trong sạch không dơ bẩn***".

Chủng tử của Ngài là (TA) hay (Taṃ) hoặc (Tāṃ) minh họa cho nghĩa ***"Như Như bất khả đắc"***

Ấn căn bản của Ngài là **Thanh Liên Căn Bản Ấn**: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội phộc) dựng 02 ngón trỏ dính đầu ngón như cây kim, dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trỏ. Đây cũng là Ấn căn bản của **Thanh Cảnh Quán Thế Âm BồTát**.



Tâm Chú của Đa La Tôn được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau:

1_ Bản thường tụng của Tùy La Tăng ĐẠT MA MỘ XA là:

Đá điệt tha: Án – Đa lị đa lị– Đốt đa lị, đốt – Cấp bà ha.

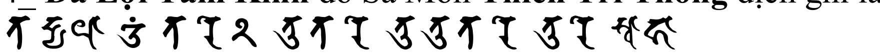
2_ Bản của Nam Thiên Trúc Tăng A ĐỊA QUẬT ĐA là:

Đá điệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt – Cấp bà ha.

3_ Bản do các Đại Đức cổ xưa kết tập là:

Đá điệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, sa bà ha.

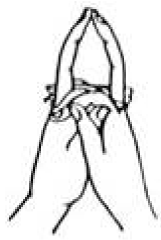
4_ **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Thích Trí Thông** dịch ghi là:



Đá điệt tha: Án – Đa lị, đa lị, đô đa lị, đô đô đa lị, đốt lị, sa bà ha.

(Tadyathā: Oṃ_ tare tare, tutare tututare, ture, svāhā)

Ấn căn bản của câu Chú này lại là **Ngoại Phộc Thanh Liên Hoa Căn Bản Ấn**: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái, sao cho 10 đầu ngón tay bám vào lưng 02 bàn tay rồ nắm lại thành Quyền (Ngoại phộc). Dựng đứng 02 ngón trỏ sao cho đầu ngón dính nhau như hình cánh sen. Dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trỏ. Đây cũng là Ấn căn bản của **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trong Kim Cương Giới Man Đa La Tứ Ấn Hội.



5_ Bản thường tụng của Diễm Tân Quốc Tăng ĐẠT MA THƯƠNG ĐÀ là:
Án, đá điệt tha: Đa lợi , đa lợi , đô đốt lợi, đốt lợi, đốt lợi, cấp bà ha.

6_ Kim Cương Đỉnh Kinh Đa La BồTát Niệm Tụng Pháp ghi:
Đát nễ-dã tha: Án – Đa lê, đốt đa lê, đốt lê, tất phộc ha.

7_ Thánh Cứu Độ Phật Mẫu 21 Lễ Tán Kinh ghi là:

Oṃ – Tare tutare ture – Svàhà.

8_ Tây Khang NẶC NA Hồ Đồ Khắc Đồ truyền thụ Lục Độ Mẫu Chú là:
Án – Đạt liệt, đôi đạt liệt, đô liệt, toa hàm.
*) OOM – Dareh, Dudareh, Dūreh, Soha.
(OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ).

9_ Đại Nhật Kinh, quyển 02, phẩm Phổ Thông Chân Ngôn Tạng ghi là:

Na ma tam mãn đa bột đà nẫm – Ca rô noa nạp bà phệ đá lệ, đá lý nễ, sá ha.
(Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Kāruṇa-udbhave tāre tāriṇi svāhā)

Sớ thứ 07 giải thích câu Chú trên là:
→ **Namaḥ samanta-buddhānāṃ**: nghĩa là Quy mệnh khắp tất cả các Đấng giác ngộ
→ **Kāruṇa**: là Bi
→ **Udbhave**: là Sinh
Như thế **Kāruṇa-udbhave** nghĩa là ***theo Bi mà Sinh***, tức là trong Quán Tự Tại mà sinh ra.
→ Tāre: là con mắt, cũng có nghĩa là ĐỘ – Nay Chân Ngôn lấy chữ TA (𑖝) làm Thể. TA nghĩa là "**Pháp nghĩa Như".** vì tất cả các Pháp vốn chẳng sinh ra nên **Nhân** (Hetu) của Pháp cũng chẳng thể đắc, bởi vậy cho nên biết "**không có tướng khác**" Vì không có tướng khác nên **Như** cũng chẳng thể đắc, tức là nơi **Như** được **thật tướng** của các Pháp. Bên cạnh nó có 01 nét Tam Muội nên thành TĀ (𑖝𑖯) tức là Vạn Hạnh đều Như
RA (𑖨) là nghĩa 06 Trần. Vì các Pháp chẳng phải Như chẳng phải Khác, nên 06 Trần đều như THẬT TƯỚNG, tức bản tính của nó không có trần cấu, gọi là ***"Con mắt không bụi, thanh tĩnh, thấy biết như thật"***. Lại nữa, 06 căn 06 trần gọi là biển sinh tử, tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong đó chẳng được bờ mé nào. Nay thấy 06 Trần như thật tướng mà đến bờ bên kia của Phật Nhãn nên gọi là "**được độ**"
→ Nói lập lại TĀRIṆI là cực độ, tự độ, được rồi lại hay phổ độ chúng sinh, tự được Phổ Nhãn không bụi, lại cũng khiến cho tất cả chúng sinh được Phổ Nhãn không bụi. Theo như Đại Bản thì có đến 500 Đa La Tôn đều từ mắ của Quán Tự Tại mà sinh ra. Mật Ngữ Du Già lấy chư vị đó làm Tam Muội của A Di Đà.

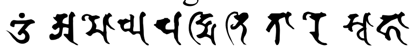
10_ Sớ thứ 10, phẩm Mật Ấn ghi câu Chú là:

Na ma tam mãn đa bột đà nam. Đá lệ, đá lý nễ, ca rô noa, ốt nạp-bà phệ, sá ha.
(Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Tāra tāriṇi kāruṇa-udbhave svāhā)

Rồi giải thích là:
_ **Tāre**: là người (tự độ).
_ **Tāriṇi:** là độ, như đưa người qua sông lớn đặt ở bờ bên kia.
_ **Kāruṇa**: là Bi.
_ **Udbhave**: là Sinh.
Do Bồ Tát này từ **Bi** mà sinh, cũng độ chúng sinh đến chỗ **Bi** vậy.

11_ Bất Không Quyến Sách Thần Biến Kinh, quyển 19, phẩm 37 Đa La Bồ Tát Hộ Trì có ghi là:

a) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:
"Án – A mô già bát đầu nhĩ nễ, đã lệ, sa-phộc ha"



Oṃ_ Amogha-padmini tāre svāhā

b) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:
"Án – Ma ni, đả lê, hàm"



Oṃ_ Maṇi-tāre hūṃ

12_ Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán ghi là:

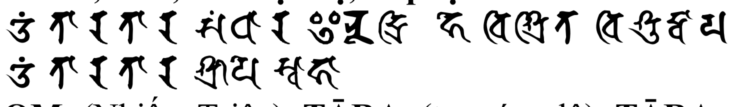
Án – Đáp liệt, đô đáp liệt, đô liệt, ma ma, A du lị bổ nột diệp, ni nạp bổ chân, cô lỗ diệp, sa ha.

(Oṃ_ Tàre tuttāre ture_ mama Āyuḥ puṇye jñāna puṣṭim kuru svāhā)

13_ Bản phổ thông lưu truyền trong nhân gian Trung Hoa thì ghi là:

Cúi lạy Viên Thông Chân Đại Sĩ
Tuyên dương Thần Chú phá ngu môn.
Nay con trì niệm mtộ triệu biến
Trí Tuệ nguyệ bằng Quán Tự Tại.

"Úm– Tara, tara, tam ta ra nhân tha rị– Hê, vĩ thuật rị đa, vĩ thuật đa gia. Úm – Tara, tara, thất-rị duệ, ta-phạ ha"



OṂ (Nhiếp Triệu) **TĀRA** (tự cứu độ) **TĀRA** (tha cứu độ) **SAṂDHĀRA INDRI** (giữ gìn năng sinh, liên kết với quyền năng tự nhiên).

HE (Mừng thay) **VIŚRITA** (vang lại, dội lại, đáp ứng lại) **VIŚUDDHĀYA** (Khiến cho tấ cả đều được thanh tịnh).

OṂ (Nhiếp Triệu) **TĀRA** (Tự độ) **TĀRA** (tha độ) **ŚRĪYE SVÀHÀ** (quyết định thành tựu mọi sự tốt lành).

14_ Truyền thống Ấn Độ thường lưu hành câu Chú kèm với nghĩa căn bản là:



OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE - SVĀHĀ
.) **Oṃ**: Kính lễ
.) **Tāre:** dũng mãnh mau chóng
.) **Tuttāre**: trừ khử sự sợ hãi
.) **Ture**: hay truyền các thắng nghĩa
.) **Svāhā:** con tác kính lễ

15_ Truyền thống Tây Tạng thường lưu hành 02 câu Chú chính của Lục Độ Mẫu và Bạch Độ Mẫu là:

a) Lục Độ Mẫu Chú:

OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE - SVĀHĀ

.) **Oṃ**: Quy mệnh kính lễ mẹ Tārā.

.) **Tāre**: sự tự do thoát khỏi luân hồi

.) **Tuttāre**: sự tự do thoát khỏi 08 nạn

.) **Ture**: sự tự do thoát khỏi bệnh tật

.) **Svāhā**: thành tựu tốt lành.

b) Bạch Độ Mẫu Chú:

OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE - MAMA ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUSṬIṂ KURU – SVĀHĀ.

.) Oṃ – Tāre tuttāre ture

.) **Mama**: Tôi

.) **Āyuḥ**: thọ mệnh

.) **Puṇye**: công đức

.) **Jñāna**: Trí Tuệ

.) **Puṣṭiṃ kuru**: hãy làm cho tăng trưởng

.) **Svāhā:** thành tựu tốt lành

Ngoài ra, tùy theo từng Bộ tu tập, các vị Đạo sư Tây Tạng đã truyền dạy các câu Chú khác nhau là:

1_ Như Lai Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA – SĀGARĀYA VAIROCANA – VYŪHA – RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

2_ Liên Hoa Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMITĀBHA–DEVA–VYŪHA–RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

3_ Kim Cương Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AKSOBHYA – VYŪHA– RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

4_ Bảo Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–RATNASAṂBHAVA – VYŪHA–RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TĀRE - TUTTĀRE – TURE – SVĀHĀ.

5_ Nghiệp Dụng Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMOGHASIDDHI– VYŪHA–RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

Để giúp cho đệ tử mau chóng diệt trừ mọi tội nghiệp ác đã gây ra, các bậc Đạo sư Mật Giáo Tây Tạng đã truyền dạy một trong ba bài chú sau:

1_OṂ- NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ- SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA!.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA DUṢṬĀṂ PARA DUṢṬĀṂ MAMA KṚTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ – SVĀHĀ.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKABHAYĀ NARĀ BODHISATTVĀ MAHĀ SATTVĀNI ADHISṬHĀNA ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚODHAYA VIŚODHAYA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ.

2_ NAMO RATNA-TRAYĀYA!.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA!.

TADYATHĀ: OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA DUṢṬĀṂ PARADUSṬĀṂ MAMAKṚTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ! SARVA DUṢṬA STAMBHANI – TĀRE SVĀHĀ.

3_ OṂ – TĀRAṆI – TĀRAṆI – MAHĀ- TĀRAṆI – SVĀHĀ

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh mẽ và sâu rộng trên đất nước Tây Tạng, nên các bậc Đại sư đã truyền dạy một số định thức về Thần chú để cho các Giáo đồ tiện dùng, Nay chúng tôi xin ghi lại phần định thức do Đức Dalai Lama thứ nhất truyền dạy và do Stephan Beyer biên soạn trong quyển "The cult of Tārā" từ trang 208 đến trang 210.

1. Định thức thứ nhất:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva …… śāntiṃ Kuru – Svāhā

_ Trừ Quỷ Thần: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva grahān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ chướng nạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva vighnān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ bệnh tật truyền nhiễm : **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva vyādhīn śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ nhiệt bệnh: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva jvarān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ bệnh hoạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva rogān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ phiền não: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva upadravān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ sự chết yểu phi thời**: Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva akāla-mṛtyūn śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ giấc mơ xấu: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva duṣvapanān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ sự Bất Tường: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva durni mittāni śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ sự lầm lẫn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva cittā kulāni śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

2_ Định thức thứ hai:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva …… Rakṣaṃ Kuru – Svāhā

_ Trừ oan gia và kẻ thù: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva śatrūbhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ chất độc, các loại độc: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva viṣebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ Chú Trớ Yểm Đảo: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva kṛtyā-kākhordebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ binh trận: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva yudhebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ sự phiền não tai nạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bhaya upadrvaebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ hành động xấu ác: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva duṣkṛtebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

3_ Định thức thứ ba:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture …… Svāhā.

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bhaya vimocana – Rāja, caura, Agni, Viṣa, Udaka bhayāni praśamaya – Svāhā.

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Vượt thoát mọi sự sợ hãi, chận đứng, tiêu diệt sự sợ hãi về: vua chúa, trộm cướp, lửa, thuốc độc, nước - Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bandhana – Taḍana – Rāja, Taskara, Agni, Udaka, Viṣa śastrāni parimocaka – Svāhā.

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Vượt thoát mọi sự trói buộc, sự đánh đập, vua chúa, trộm cướp, lửa, nước, thuốc độc, dao gậy - Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva pāpam Āvaraṇa viśuddhe – Svāhā.

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Tinh lọc hoàn toàn mọi tội lỗi và chướng ngại – Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture _ mama dhana sarva cora bandha _ Svāhā
(Oṃ Tāre Tuttāre Ture _Cột trói tất cả giặc cướp của cải của tôi _ Svāhā)
_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture _ Asmān apakāra sarva cora bandha _ Svāhā
(Oṃ Tāre Tuttāre Ture _Cột trói tất cả trộm cướp, kẻ gây ra thiệt hại cho chúng tôi _ Svāhā)
_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture_ Dhanaṃ me Dehi – Svāhā (Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Hãy ban cho tôi sự giàu có - Svāhā)

4_ Định thức thứ tư:
Oṃ – Tāre Tuttāre Ture …… Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.

_ Tăng trưởng Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Mama Āyuḥ puṇye jñāna Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.**

_ Tăng trưởng năng lực Công Đức: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture –puṇya Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.**

_ Tăng trưởng Trí Tuệ: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture –Prajña Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.**

Tóm lại: Tuy Thần chú căn bản của các Đa La Tôn có nhiều sự sai khác, nhưng đấy chỉ là pháp lưu truyền của từng Dòng Phái mà thôi. Thực tế muốn tu tập Chân Ngôn được hiệu nghiệm thì điều căn bản là phải biết **thành thật với chính mình** và người khác. Ngoài ra còn phải giữ gìn kỹ lưỡng Tam quy, Ngũ giới, tám Biệt Giới Giải Thoát đồng thời cần phải tránh xa và diệt trừ cho được tâm ý **tự ti mặc cảm và tự cao ngã mạn**, phát huy tâm ý **bình đẳng như thật.** Có như thế Hành Giả mới dần dần thâm nhập vào Tâm Đại Bi của Bản Tôn và thành tựu được mọi lợi ích mà Kinh Điển ghi nhận là: *"Nếu tu trì Chân Ngôn này thì hãy cắt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ các ma chướng, nghiệp chướng, bệnh khổ,… và hay tiêu tai, tăng phước, sống lâu, rộng mở Trí Tuệ. Phàm có sự mong cầu thì không có gì không thành tựu, sau khi mệnh chung sẽ vãng sanh về Thế giới Cực Lạc."*

BẠCH ĐỘ MẪU

Bạch Độ Mẫu: tên Phạn là Sita-tārvā, lại xưng là **Tăng Thọ Cứu Độ Phật Mẫu**, cùng với **Phật Vô Lượng Thọ, Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu** hợp lại gọi là *Ba Tôn Trường Thọ*. Tôn này được thị hiện từ Tâm Bi của Quán Âm, là một trong 21 Tôn hóa thân của **Thánh Cứu Độ Mẫu**. Ngoài ra cũng có thuyết cho rằng Tôn này được hóa hiện từ con mắt trái của Đức Phật A Di Đà.

Do khuôn mặt có 3 con mắt, mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, mỗi lòng bàn chân đều có một con mắt…nên Bạch Độ Mẫu còn được gọi là **Thất Nhãn Phật Mẫu**.



_Tạng Mật lưu truyền hình tượng của Bạch Độ Mẫu là:

Thân màu trắng, có một đầu hai cánh tay, đầu đội mão Ngũ Phật, tóc đen chia làm 3 phần, 2 phần búi ở trên đỉnh, phần còn lại phủ trên hai vai. Khuôn mặt có 3 con mắt, mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, mỗi lòng bàn chân đều có một con mắt. Tay phải để trên đầu gối tác Ấn **Tiếp Dẫn**, tay trái để trước ngực, dùng Tam Bảo Ấn cầm hoa Ô Ba Lạp (Utpala). Hoa trải dài theo cổ tay, cánh tay, đến bên cạnh tai, gồm có 3 đóa hoa: 1 đóa hoa nụ, 1 đóa hoa hé nở, 1 đóa hoa nở tròn, đại biểu cho Tam Bảo, hoặc đại biểu cho Bạch Độ Mẫu là Mẹ sinh ra tất cả chư Phật ba đời, cứu độ 8 nạn.

Thân mặc Thiên Y ngũ sắc, quần lụa, khuyên tai, vòng tay, nhẫn báu, vòng cánh tay, vòng ống chân có đầy đủ châu bảo anh lạc. Chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, chuỗi thứ hai dài đến ngực, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, eo nhỏ vú đầy đặn, như thiếu nữ tuổi 16. Thân phát ánh sáng trắng Như ý, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.



_Ý nghĩa của Tôn Tượng **Bạch Độ Mẫu:**

Thân màu trắng như trăng trong: biểu thị cho sự đầy đủ Uy Đức của Tâm Đại Bi trắng tịnh

Con mắt giữa trán: biểu thị cho sự quán chiếu vô lượng cõi Phật ở mười phương không có chướng ngại

6 con mắt còn lại: biểu thị cho sự quán sát chúng sinh trong sáu nẻo Luân Hồi. Trong đó 4 con mắt ở hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân biểu thị cho bốn loại mắt Giải Thoát để quán sát cứu giúp chúng sinh

Tay phải tác Ấn **Thí Tiếp Dẫn**: biểu thị cho sự ban tặng hòa bình với sự Giác Ngộ viên mãn của tám Đại Thánh

Tay trái tác **Tam Bảo Ấn**: biểu thị cho sự cứu độ 8 nạn.

Vành trăng sau lưng: biểu thị cho sự đã chặt đứt phiền não 3 độc.

Hai chân ngồi Kiết Già: biểu thị cho sự không có phiền não.







_Trong **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán:** đối với thân mình thời Công Đức của **Bạch Độ Mẫu** được ca ngợi rất tỉ mỉ, y theo **bài Tán** ca tụng rằng:



*** Nạp ma Chí Tôn Thánh Cứu Độ phật Mẫu**

- **Án** (Oṃ) **Cứu Độ Du Hồi Đáp Liệt Mẫu** (Saṃskāra-tāre: Độ thoát luân hồi Mẫu)

Dùng **Đô Đáp Liệt** (Tuttāre) thoát tám nạn.
Tất cả bệnh tội, **Đô Liệt** (Ture) cứu
Trước Cứu Độ Mẫu kính tán lễ
- Chính giữa hoa sen màu Trắng tịnh
Trên đó an bày tòa Nguyệt Luân.
Tòa hiện **Kim Cương Du Già Mẫu** (Vajra yoginī)
Trước Thí Nguyện Mẫu, chí kính lễ.
- Mặt như tướng ánh sáng Trăng Thu
Thân Phật Mẫu tựa Hạo phách luân.
Mọi thứ trang nghiêm đầy đủ cả
Trước Đấng cầm hoa (Ulpala – Hoa sen xanh da trời) xin kính lễ
- Đầy đủ Thể tướng mười sáu tuổi.
Tất cả chính Giác đều là con
Đảm đương ban bố tùy ước muốn
Kính lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu.
- Luân Trắng tinh tỏa hào quang trắng
Trên tám cây căm hiện tám chữ.
Tất cả đồng với tướng xoay chuyển
Hướng trước Cụ Luân, chí kính lễ.
- Tất cả sát Thổ (cõi, nước) đều thanh tịnh
Trong đó rải đầy nhiều hoa báu
Đản sinh Mẹ của Phật ba đời
Trước Mẫu Tôn ấy, chí kính lễ.
- Thánh Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu
Tăng ích Thọ Mẫu, Như Ý Luân.
Trước phật Mẫu Tôn xin cầu đảo
Làm tiêu thọ duyên Ma của con.
- Bệnh tật, tất cả nạn khổ đau.

Cầu xin bảo hộ giúp cho con.
Các Thành Tựu Thắng với Thông Thường
Ban bố cho con không dư sót
- Trước Thánh Mẫu Tôn, thành kính lễ
Xin thường ghi nhớ như con đỏ
Trước Tôn con cũng chí khẩn cầu
Cầu xin thường cầm Từ Bi Câu (móc câu Từ Bi)
- Thắng Thân Phật Mẫu như ánh trăng.
Yểu điệu nhu thiện thể đoan nghiêm.
Diệu tướng điểm tô nhiều vật báu
Dùng lụa là tốt tạo quần xiêm
- Trên tòa báu vành trăng hoa sen.
Hai chân ngồi Kim Cương Kiết Già
Một mặt, hai tay, dung mạo vui
Sinh làm mẹ của Phật ba đời.
- Trước **Phật Mẫu Tôn** thường quì lạy
Nay đối trước Tôn dùng **Diệu Tán**
Xin giúp chúng con lúc tu đạo
Từ nay cho đến được Bồ Đề
Tiêu trừ mọi nghịch duyên trong đó.
Nguyện được đầy đủ nơi Thuận duyên.
(**Bạch Độ Mẫu Chú** là)

"**Án – đáp liệp, đô đáp liệp, đô liệp, mạ mạ, a du lị bổ nột diệp, ni nạp, bổ chân, cổ lỗ diệp, sá ha".**



OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUṢṬIṂ KURU – SVĀHĀ.

_Pháp tu Bạch Độ Mẫu còn được gọi là Pháp tu **Như Ý Luân**.

Kinh **Tán Bạch Độ Mẫu** nói rằng: "Pháp tu trì Bạch Độ Mẫu, hay tăng trưởng Thọ Mệnh với Phước Tuệ, chặt đứt gốc rễ sinh tử luân hồi, miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ… Phàm có người nào mong cầu không gì không như nguyện".

TỲ CÂU CHI BỒ TÁT

Tỳ Câu Chi Bồ Tát: tên Phạn là **Bhṛkuṭi**, dịch âm là Tỳ Lý Câu Chi, Tỳ Lý Câu Đê…nghĩa là **chau màu**

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10 ghi chép rằng: "Trong Đại Hội của Phật thời các vị Kim Cang hiện trạng thái giáng phục rất là đáng sợ, trạng thái đó như không có ai có thể giáng phục, thời trong nếp nhăn trên trán Quán Âm hiện vị Bồ Tát này, phương Tây gọi nếp nhăn trên trán là Tỳ Câu Chi, như người đời nay khi giận dữ thời trên trán có nếp nhăn vậy. Bồ Tát hiện thân làm trạng thái rất giận dữ, thời các Kim Cang đều sinh lòng sợ hãi, nhập vào trong thân Kim Cương Tạng.

Khi vị Tỳ Câu Chi ấy tiến đến trước Chấp Kim Cương Tạng thời Ngài cũng rất sợ hãi, liền nép vào bên dưới Tòa của Đức Như Lai rồinói rằng: "Nguyện xin Đức Phật cứu giúp con". Lúc đó, Đức Phật bảo Tỳ Câu Chi ấy rằng: "Ngươi hãy dừng lại". Thời Tỳ Câu Chi ấy liền đứng yên và bạch Phật rằng: "Chỉ có Đức Phật ban giáo sắc thì con sẽ phụng hành".

Bấy giờ sự sợ hãi của các Kim Cương cũng tiêu trừ, đều rất vui mừng mà nói rằng: " Đấng Đại Bi này hay hiện sức uy mãnh lớn này, quả là hiếm có".

Do đây có thể biết nhân duyên hiện khởi của Tỳ Câu Chi Bồ Tát cùng với thế lực đại uy chẳng thể nghĩ bàn.

_Theo ý nghĩa khác thì Tỳ Câu Chi Bồ Tát là Hóa Thân của Thánh Mẫu Tārā, chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu Độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của **Trí Đại Không** (Mahā-śūnya-jñāna) để hoàn thiện phước báu Diệu Hữu.

_Mật Giáo Tây Tạng thờ phượng Tỳ Câu Chi Bồ Tát với thân màu vàng, ngồi Kiết Già trên tòa sen, có một mặt bốn cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm cái bình. Bên phải: tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai rũ xuống dưới tác **Dữ Nguyện Ấn**



_ Phật Giáo Nepal thờ phượng Tỳ Câu Chi Bồ Tát qua hình tượng đứng, có một mặt 4 cánh tay





_Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu thịt, có búi tóc hình mũ giống như đất giữ gìn vạn vật, chung quanh kết bởi các báu, chính giữa có hình Đức Phật A Di Đà trụ tướng Thuyết Pháp. Điều này biểu thị cho sự kính vâng theo **Trí Tuệ Phổ Môn** (Viśva-mukhe-jñāna) của Như Lai để hoàn thiện Phước Đức.

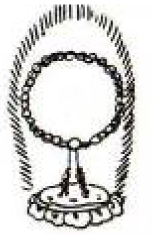
Thân hình có 4 tay. *Bên phải*: Tay thứ nhất rũ xuống thành Ấn **Dữ Nguyện**, tay thứ hai co ngửa lên cầm Tràng hạt .*Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Bình Quân Trì.



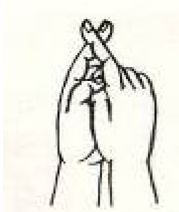
Mật Hiệu là: **Định Tuệ Kim Cương** (Ngoài ra còn có Mật Hiệu khác là: **Giáng Phục Kim Cương, Trừ Chướng Kim Cương**)

Chữ chủng tử là: BHṚ ( ) hay TRĀ ( )

Tam Muội Gia Hình là: chuỗi tràng hạt (Sổ Châu Man)



Tướng Ấn là: Tỳ Câu Chi Ấn. Chắp hai tay lại, giữa rỗng không, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) so le áp cùng nhau



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Sarva bhaya trāsani hūṃ sphaṭya svāhā

Hay:

Oṃ_ Bhṛkuṭi padme Trā Trā Hūṃ

TỨ TÝ QUÁN ÂM

Tứ Tý Quán Âm (Tên Phạn là: Caturbhūja-avalokiteśvara), là **Tôn Chủ Đại Bi Quán Âm** của Tạng Mật, đại biểu cho Đại Bi, Đại Trí, Đại Lực, là pháp môn của người tu theo Mật Thừa. Tôn này có tên gọi là **Lục Tự Đại Minh** (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya) cùng với Văn Thù Bồ Tát, Kim Cương Thủ Bồ Tát hợp lại gọi là "**Tam Tộc Tính Tôn**". Ngài có địa vị là Hộ Chủ của vùng núi Tuyết, là Bản Tôn tối cao của Tạng Mật và Tạng Địa.



Trong Tạng truyền Phật giáo, Tôn này là Chủ Tôn của Lục Tự Đại Minh Chú **"Oṃ maṇi-padme hūṃ"** là Chân Ngôn có lợi ích với Công Đức vô cùng rộng lớn cho nên được lưu truyền rất rộng lớn ở các vùng Hán với Tạng.

Các vị Đạo sư Mật giáoTây Tạng đều nhận định rằng: "OṂ MAṆI PADME HŪṂ là tinh túy Trí Tuệ của chư Phật, là tinh hoa của 05 cõi Phật và các vị Thượng sư. Văn tự Thần chú của 06 âm vận thể hiện là nguồn gốc của tất cả sự thiện mỹ, căn nguyên của mọi sự lợi lạc tốt lành, hoàn toàn viên mãn con đường thẳng tắt vượt qua Thế gian, thành tựu sự giải thoát Xuất Thế gian".

Để cho nhận định trên được rõ ràng hơn, các vị Đạo sư Tây Tạng đã minh họa Lục Tự Đại Minh Chú như sau:

OṂ () màu trắng, âm vận thể hiện Thánh Đức của Quán Thế Âm Bồ Tát được phát ra từ Thần lực du hý tự tại. OṂ là tướng thể của Thiền định viên mãn, hằng diệt trừ tính kiêu ngạo, nhất là tính tự cao của cõi Trời, vì đó là cội nguồn phát sinh phiền

não sa đọa (rơi xuống các cõi thấp hơn). OṂ tiêu trừ kiêu ngạo và nghiệp phiền não. OṂ đồng với hình tướng và công năng uy lực của vua trời Đế Thích (Indra), vị Thánh của hàng Trời. OṂ thể hiện cho Bình Đẳng Tính Trí (Samatā-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Nam vào thế giới Chúng Bảo Trang Nghiêm của Đức Phật Bảo Sinh (Ratna-saṃbhava).

MA (མ) màu xanh lục, âm vận tiêu biểu cho công hạnh, phát sinh từ năng lực Thần thông Từ Bi vô ngại của Quán Thế Âm Bồ Tát, thị hiện trước tất cả chúng sinh. MA là tính thể của Nhẫn Nhục Ba La Mật, có công năng tiêu trừ tính ganh ghét đố kỵ đặc biệt đang ngự trị cõi A Tu La (Asura). MA đồng hóa với Tướng và Dụng của Ngài Dũng Hiền (Vīra-bhadra hay Vemacitra), vị Thánh trong hàng A Tu La. MA thể hiện cho ánh sáng của Thành Sở Tác Trí (Kṛtya muṣṭhāna jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Bắc vào thế giới Thanh Tịnh Diệu Hạnh Thành Tựu của Đức Phật Bất Không Thành Tựu (Amogha-siddhi).

ṆI (ཎི) màu vàng, âm vận biểu hiện cho Trí Tuệ bao hàm Thân, Khẩu, Ý, Đức và Hạnh. ṆI hoán chuyển bản tính vượt qua Thế gian luân hồi khổ não. NI biểu hiện cho năng lực Thần thông Du Hý rộng lớn bao trùm tất cả, tùy duyên thị hiện của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. ṆI là tính thể của Trì Giới Ba La Mật, hay diệt trừ sự si mê, là nguyên nhân đưa đến sự sinh già bệnh chết của loài người. ṆI đồng với hình tướng và công hạnh của Đức Thích Ca Mâu Ni (Śākya-siṃha: Thích Sư Tử) hóa thân của những vị Thánh trong loài người. NI thể hiện ánh sáng Trí Tuệ Thần thông diệu dụng, dẫn dắt chúng sinh vào thế giới Thanh Tịnh Viên Mãn của Đức Phật Thứ Sáu là Ngài Chấp Kim Cương (Vajra-dhāra: Trì Kim Cương).

PAD (པདྨ) màu xanh da trời, âm vận tiêu biểu cho bản thân (THÂN) , thể hiện Thần thông du hý bình đẳng vô tận của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. PAD là tính thể của Tinh Tiến Ba La Mật có công năng diệt trừ sự vô minh, là nguyên nhân đưa đến các sự khổ đau của cõi Súc sinh. PAD đồng với hình tướng và công hạnh của Ngài Sư Tử Dũng Mãnh (Siṃha-Ugra hay Dhruva-siṃha), vị Thánh trong cõi Súc sinh. PAD là ánh sáng Pháp giới Thể Tính Trí (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) hướng dẫn 06 loài chúng sinh đi vào Thế Giới Trung Ương Mật Nghiêm của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana).

ME (མེ) màu đỏ, âm vận của ngôn ngữ (KHẨU) biểu hiện cho năng lực Thần thông an lạc vô tận của Đức Đại Bi Quán Thế Âm ban bố cho tất cả chúng sinh. ME là tính thể của Bố Thí Ba La Mật có công năng tẩy trừ tính tham lam, tham dục, keo kiệt là nguồn gốc sinh ra sự khổ não đói khát của loài Ngạ Quỷ. ME đồng hóa với sắc thân và công hạnh của Tiêu Diện Đại Sĩ (Diệm Khẩu:Jvala-mukha) vị Thánh trong cõi Ngạ Quỷ. ME là ứng hiện của ánh sáng Diệu Quán Sát Trí (Pratyave-kṣana-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Tây đi vào Thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà (Amitābha).

HŪṂ (ཧཱུྃ) màu đen, âm vận của ý, biểu hiện cho năng lực Thần thông du hý của Tâm Từ vô tận mà Đức Quán Thế Âm đã nhìn tất cả chúng sinh như con một của Ngài. HŪṂ là tính thể của Trí Tuệ Ba La Mật, có công năng tiêu trừ tính giận dữ và thù hận là nguyên nhân đưa đến quả báo phải chịu cực hình khổ não ở cõi Địa ngục. HŪṂ đồng với sắc tướng và công hạnh của Đức Diêm La Pháp Vương (Yama-dharma-rājā hay Dharma-rāja), vị Thánh cứu tinh cho chúng sinh trong cõi Địa ngục. HŪṂ là ứng

hiện của ánh sáng Đại Viên Kính Trí (Adarśa-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Đông đi vào Thế giới Diệu Lạc của Đức Phật Bất Động (Akṣobhya).

Ngoài ra, các danh sư Tây Tạng còn cho biết rằng 06 chữ này có rất nhiều nghĩa lý nhiệm màu bí mật, không ai có thể hiểu biết hết được. Tuy nhiên, do câu chú này quá thông dụng lại có công năng vô cùng màu nhiệm nên được nhiều nhà Luận giải giải thích theo sự hiểu biết của riêng mình. Tựu trung đối với giáo đồ Phật giáoTây Tạng thì Lục Tự Đại Minh Chú đã trở thành câu chú tiêu biểu cho Tâm Đại Bi và sự ân sũng của tất cả chư Phật Bồ tát, nhất là ân sũng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm cứu độ muôn loài thoát khỏi mọi ách nạn khổ đau, đồng thời nhân dân Tây Tạng rất tin tưởng rằng Bồ Tát Quán Thế Âm là một vị Phật của lòng Bi mẫn, là vị Thần hộ mệnh bậc nhất của dân tộc (Chenresi – Thần Hộ mệnh của Núi Tuyết).

Ngày nay, khắp mọi nơi ở Tây Tạng: trong những điệp khúc cầu nguyện, trên những hòn đá ở những đỉnh núi cao, trên những bia đá, trên những lá cờ, trên vật khí chuyển pháp luân, trên đôi môi của dân chúng … đều có thể nhận thấy sự hiện hữu của Minh Chú này.

_Tượng **Tứ Tý Quán Âm** có một mặt bốn cánh tay, thân màu trắng như mặt trăng, đầu đội mão Ngũ Phật, tóc đen kết thành búi, hai tay chính giữa chắp lại để ở trước ngực, nâng viên ngọc báu Ma Ni; tay bên phải cầm Tràng Hạt Thủy Tinh, tay bên trái cầm Hoa Sen tám cánh ngang bằng lỗ tai. Diện mạo Tịch Tĩnh mỉm cười, dùng mắt Tuệ của Bồ Tát lặng nhìn chúng sinh. Phàm người nào được Quán chiếu, tận cùng đều hay được giải thoát.

Thân mặc quần áo làm bằng tơ lụa ngũ sắc, eo buộc dây lụa màu quý báu, toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.



Ý nghĩa của Tôn Tượng này là:

.)Thân thể đẹp đẽ: biểu thị cho Báo thân Phật.

.)Một cái đầu: biểu thị cho sự BẤT NHỊ của Bản tính tuyệt đối.

.)Bốn tay: biểu thị cho 04 tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

.)Hai chân xếp bằng trong tư thế Kim Cương Tọa: biểu thị cho tính NHẤT NHƯ của Sinh tử và Niết Bàn.

.)Ngồi trên hoa sen ngàn cánh: biểu thị cho tâm Đại Bi.

.)Vành trăng dung chứa Tôn Tượng: biểu thị cho TÍNH KHÔNG (Śūnyatā).

.)Hai tay chắp ở tim và cầm viên ngọc: biểu thị cho tâm Bồ Đề, viên ngọc như ý ban cho những thành tựu tối cao và thông thường.

.)Hai tay còn lại: Tay phải cầm một xâu chuỗi pha lê biểu thị cho lòng Từ Bi không ngưng nghỉ của Ngài trải dài như một dòng không dứt qua trái tim của mỗi một chúng sinh. Tay trái cầm một hoa sen trắng biểu thị cho sự thanh tịnh không biến đổi của Trí Tuệ của Ngài, nở trọn vẹn trên bùn lầy sinh tử.

.)Viên ngọc: biểu thị cho Trí Tuệ đại lạc như phương tiện.

.)Hoa sen: biểu thị cho trí Tuệ Tính Không như sự chứng ngộ.

_Hoặc có thuyết nói:

Tượng Tứ Tý Quán Âm có một mặt có bốn cánh tay, thân màu trắng như mặt trăng, đầu đội mão Ngũ Phật, tóc đen kết thành búi, hai tay chính giữa chắp lại để ở trước ngực, nâng viên ngọc báu Ma Ni; Tay bên phải cầm Tràng Hạt Thủy Tinh, tay bên trái cầm hoa sen tám cánh ngang bằng lỗ tai. Diện mạo Tịch Tĩnh mỉm cười, dùng mắt Tuệ của Bồ Tát lặng nhìn chúng sinh. Phàm người nào được Quán chiếu, tận cùng đều hay được giải thoát. Khoác tấm da Hươu bên ngực trái phủ kín vai, thân mặc Thiên Y ngũ sắc, phía dưới mặc xiêm y, quần lụa màu đỏ, eo buộc dây lụa màu quý báu, toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, các vật trang sức như : Khuyên tai, vòng xuyến ở cổ tay, vòng đeo trên cánh tay, vòng đeo chân… đều làm bằng ngọc báu Anh Lạc. Vòng chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, vòng chuỗi thứ hai dài đến ngực, vòng chuỗi thứ ba dài đến rốn. Hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.



.)Cái đầu: biểu thị cho Thông Đạt Pháp Tính, một vị của Pháp giới

.)Bốn cánh tay: biểu thị cho bốn Tâm Vô Thượng

.)Thân màu trắng biểu thị cho Tự Tính Thanh Tịnh không dơ, chẳng vướng bởi hai chướng là: Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng

.)Đầu đội mão năm Phật biểu thị cho Ngũ Trí

.)Tóc màu đen biểu thị cho sự Bất Nhiễm

.)Thiên Y ngũ sắc biểu thị cho Phật ở năm phương

.)Quần lụa màu hồng biểu thị cho Chủng Tính của Hoa Sen, Diệu Quán Sát Trí

.)Từ khuyên tai trở xuống gồm sáu loại trang nghiêm biểu thị cho sáu Độ.

.)Xâu chuỗi Anh Lạc thứ nhất đeo ở cổ biểu thị cho Đức Bất Động Như Lai do thành tựu Thiền Định mà được

.)Xâu chuỗi thứ hai dài tới ngực biểu thị cho Đức Bảo Sinh Như Lai do thành tựu Bố Thí mà được

.)Xâu chuỗi thứ ba dài tới rốn biểu thị cho Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai do thành tựu Tinh Tiến mà được

.)Toàn thân có vòng Hoa trang nghiêm biểu thị cho Vạn Hạnh

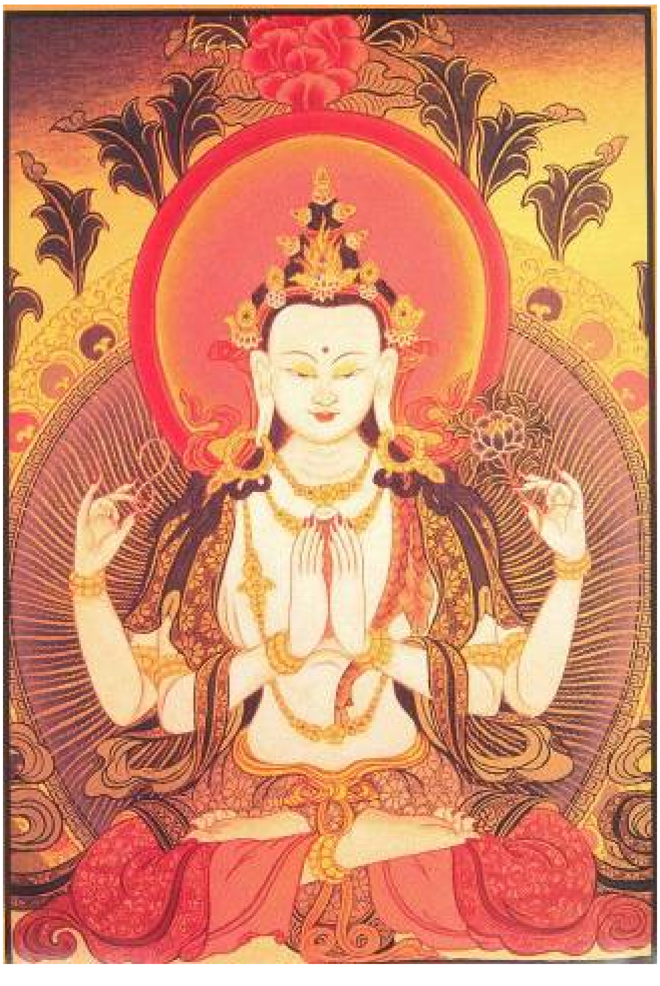
.)Hai chân ngồi Kiết Già biểu thị cho không trụ ở sinh tử

.)Tay Ấn biểu thị cho không trụ ở Niết Bàn

.)Lại hai tay chính giữa chắp lại để ở trước ngực, đại biểu cho Trí Tuệ và Phương Tiện cùng vận chuyển hợp nhất

.) Riêng tay phải cầm xâu chuỗi bằng Thủy Tinh, đại biểu cho mỗi viên ngọc liền cứu độ một Chúng Sinh xa lìa luân hồi

.) Riêng tay trái cầm Hoa Sen, đại biểu cho Thanh Tịnh phiền não.





CHÂN NGÔN VÀ THỦ ẤN CỦA TỨ TÝ QUÁN ÂM

_**Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn**

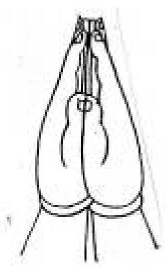
𑖌𑖼 𑖦𑖜𑖰 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

OṂ MAṆI PADME HŪṂ

_Thủ Ấn căn bản:

.)**Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn**: (Padma-jāli-mudra)

Chắp hai tay lại sao cho mười đầu ngón tay dính vào nhau. Xong đặt trước lồng ngực biểu thị cho tư thế kính lễ (Namaskara) rồi tụng Lục Tự Minh Chú.



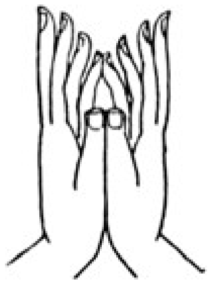
- Ý nghĩa: 05 ngón tay trái biểu thị cho 05 đại của chúng sinh, 05 ngón tay phải biểu thị cho 05 đại của Giác Ngộ giới. Chắp hai tay dính nhau biểu thị cho năng lực chẳng thể phân chia hai giới. Nếu năng lực này bị Tham Sân Si chi phối thì nó đưa chúng Hữu Tình đi vào cõi luân hồi, ngược lại năng lực này được Giới Định Tuệ điều khiển thì nó đưa người tu hành đến cõi giải thoát sinh tử.

Đây cũng là ý nghĩa là các Đạo sư Mật giáo thường nói : "Dâm, Nộ, Si chính là Giới, Định, Tuệ"

Nay chắp tay để trước ngực theo tư thế kính lễ, nghĩa là tôi xin một lòng từ bỏ cõi luân hồi, nguyện xin mau vào cõi giải thoát.

.)**Bát Diệp Liên Hoa Ấn**:

Chắp hai tay lại sao cho ở giữa hai lòng bàn tay có khoảng trống không (Hư Tâm hợp chưởng) rồi trì tụng hồng danh Quán Thế Âm. Từ từ mở các ngón vô danh, giữa, trỏ…ra giống như hoa sen nở thành 8 cánh, rồi trì tụng Lục Tự Minh Chú.



- Ý nghĩa: 02 tay chắp lại giữa trống không biểu thị cho ý nghĩa mỗi một chúng sinh vốn có Tâm Bồ Đề cực thanh tịnh. Trì tụng Hồng danh Quán Thế Âm Bồ Tát để cầu xin lực gia trì của ngài giúp cho ta phá vỡ màn Vô minh che lấp Bản Tâm.

- Mở các ngón tay thành hoa sen 08 cánh, biểu thị cho sự chuyển đổi Tâm phàm phu thành Tâm Thánh Nhân. Trì tụng Lục Tự Minh Chú để cầu xin mau chóng trực ngộ được Phật Trí vốn có trong Tâm của mình.

*) Nếu Hành Giả quán tưởng trong lòng hai bàn tay của Bát Diệp Liên Hoa Ấn có viên ngọc Như Ý thì trì tụng Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖜𑖰 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

Oṃ_ Maṇi-padme hūṃ_ Hrīḥ

_Chú Luân của Lục Tự Đại Minh theo văn tự siddhaṃ:



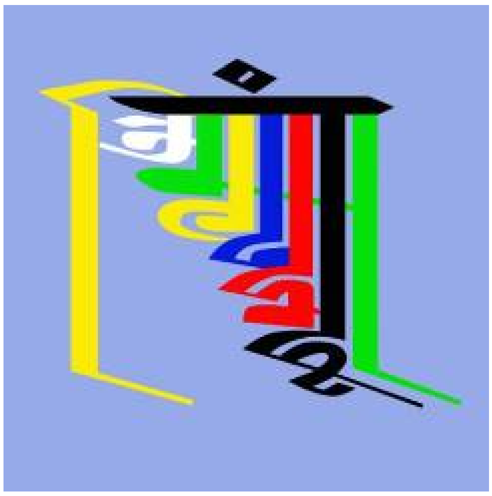
_Chú Luân của Lục Tự Đại Minh theo văn tự Uchen trong Tạng Mật:



_ Chú Luân của Lục Tự Đại Minh theo văn tự Lantsa:

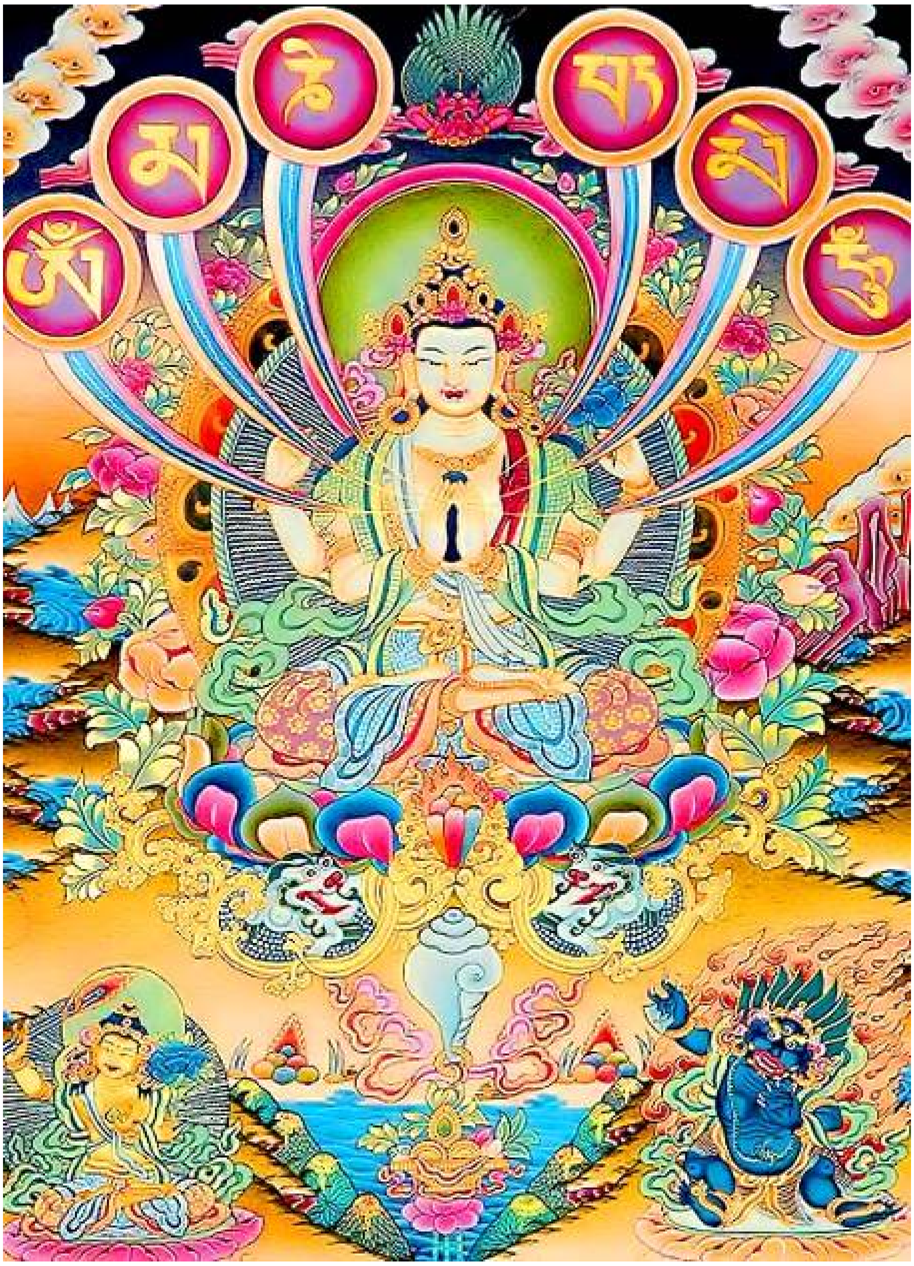


Sáu chữ **Lục Tự Đại Minh** được viết thành một chữ, nhằm giúp cho Đồ Chúng thờ phượng hoặc mang theo thân mình, nhằm tránh tai hoạ, cầu Phước Báo.



_Ngoài ra, người ta còn thờ phượng Tôn Tượng của Tứ Tý Quán Âm chung với Lục Tự Đại Minh





_ **Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**, quyển 4 ghi nhận cách tạo dựng Mạn Noa La (Maṇḍala: Đàn Trường) để tu tập **Lục Tự Đại Minh** là:

"Quán Tự Tại Bồ tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Người chẳng thấy **Mạn Noa La** (Maṇḍala:Đàn Trường) thì chẳng thể được Pháp này. Làm sao biết là **Liên Hoa Ấn** (Padmāṅkamudra)? Làm sao biết là **Trì Ma Ni Ấn** (Maṇidhāra-mudra)? Làm biết **Nhất Thiết Vương Ấn** (Sarva-rājendrā-mudra)? Làm sao biết là **Thể Thanh Tịnh của Mạn Noa La** (Maṇḍala-pariśuddhiṃ)?

Nay tướng của Mạn Noa La này: Chu vi bốn phương vuông vức, đều dài khoảng năm khuỷu tay, chính giữa (trung tâm) Man Noa La an lập Đức **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha). Dùng phấn an bày, nên dùng bột báu **Nhân Nại La Nỉ La** (Indra-nīla-cūrṇaṃ), bột báu **Bát Nột Ma La Nga** (Padma-rāga-cūrṇaṃ), bột báu **Ma La Yết Đa** (Marakata-cūrṇaṃ), bột báu **Pha Để Ca** (Sphāṭika- cūrṇaṃ), bột báu **Tô phộc La Noa Lỗ Bá** (Suvarṇa-rūpya- cūrṇaṃ)

Ở bên phải Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, để **Trì Đại Ma Ni Bảo Bồ Tát** (Mahā-maṇi-dhāra-bodhisattva)

Ở bên trái Đức Phật để Đức **Lục Tự Đại Minh** (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya) có bốn cánh tay, màu thịt trắng như màu mặt trăng mùa Thu với mọi loại báu trang nghiêm. Tay trái cầm hoa sen, bên trên hoa sen để báu Ma Ni. Tay phải cầm tràng hạt, hai tay bên dưới kết Nhất Thiết Vương Ấn.

Ở bên dưới bàn chân của Đức **Lục Tự Đại Minh** để Trời Người với mọi thứ trang nghiêm; tay phải cầm lò hương, lòng bàn tay trái bưng cái bát chứa đầy các thứ báu.

Ở bốn góc của Mạn Noa La bày hàng **bốn vị Đại Thiên Vương** cầm giữ mọi loại Khí Trượng.

Ở bốn góc bên ngoài Mạn Noa La để bốn cái **Hiền Bình** (Pūrṇa-kumbhā) chứa đầy mọi loại **báu Ma Ni** (Maṇi-ratna)

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện muốn vào Mạn Noa La đó thì hết thảy quyến thuộc chẳng được theo vào trong Mạn Noa La đó mà chỉ viết tên của họ. Người vào trước tiên ném tên họ của quyến thuộc ấy vào trong Mạn Noa La thời các quyến thuộc đều được địa vị của Bồ Tát. Ở trong người ấy lìa các khổ não, mau chứng được **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)"

_Phàm người trì niệm danh hiệu của **Tứ Tý Quán Âm** với tụng trì Lục Tự Đại Minh Chú không chỉ có thể tiêu trừ sự sợ hãi của bệnh khổ, hình phạt, cái chết đột ngột không đúng thời, mà còn khiến tăng thêm thọ mạng, tiền của dư dả giàu có. Tức là khiến sau khi mạng chung đi đến các cửa ở 3 nẻo ác cũng được đóng kín lại, mà được sinh về các nẻo lành. Lại được học tập Phật Pháp, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, lợi ích công đức rất là rộng lớn.

BẠCH Y QUÁN ÂM

Bạch Y Quán Âm tên Phạn là **Pāṇḍara-vāsinī**, dịch âm là Bán Nõa La Phộc Tất Ninh, Phả Nõa La Phộc Tất Ni, dịch ý là Bạch Xứ, Bạch Trú Xứ. Lại còn gọi là Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Đại Bạch Y Quán Âm, Phục Bạch Y Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Là Tôn thứ sáu trong 33 Thể của Quán Âm, trong đó **Bạch Y Quán Âm** mặc áo mỏng màu trắng, ngồi ở đám cỏ mềm mại trên tảng đá, tay kết Định Ấn, ngồi Kiết Già. Hình tượng này tương đương với **thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni** trong 33 thân của Quán Âm.



六、白衣觀音



_"**Đại Nhật Kinh Sớ**", quyển 5 ghi chép rằng: "Bán Nõa La Phộc Tất Ninh đặt ở bên phải Đa La (Tārā), dịch là Bạch Xứ. Tôn này thường ở trong Hoa Sen trắng, cho nên dùng làm tên".



_"**Đại Nhật Kinh Sớ**", quyển 10 lại nói: "Bạch tức là Tâm của Bồ Đề, Trụ cũng là Tâm Bồ Đề, tức là Bạch Trụ Xứ vậy. Tâm Bồ Đề này sinh ra từ cảnh giới Phật, thường trụ này hay sinh ra Chư Phật. Đó là Quán Âm Mẫu, tức là Liên Hoa Bộ Chủ vậy".

Do đây có thể biết, Tôn này thường ở trong Hoa Sen trắng, cho nên gọi là Bạch Xứ hoặc Bạch Trụ Xứ Bồ Tát.

Lại nữa, do Tôn này trụ ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ (Padma Kulāya) hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ.

_**"Giác Thiền Sao", "A Sa Phộc Sao"** đều cho rằng Tôn này đồng với Diệp Y Quán Âm



_ "**Bạch Bảo Khẩu Sao**" lại ghi rằng: "Lại toàn thể trú nhập vào trong lá Sen, dùng lá Sen làm quần áo, cho nên có tên gọi là Diệp Y Quán Âm".



Hình tượng của Bạch Y Quán Âm, trong Kinh Quỹ đều nêu khác nhau.

_"**Đại Nhật Kinh Sớ**", quyển 5 ghi chép là: "Đỉnh đầu đội Mão **tóc kết của hàng Trời** (Thiên Phát Kế Quan), thân mặc áo màu xanh mỏng, tay trái cầm Hoa Sen nở".





_Kinh "**Nhất Tự Phật Đỉnh Luân Vương**", quyển 3 ghi nhận: "Tay trái tác Thí Nguyện Ấn, tay phải cầm viên ngọc báu Chân Đa Ma Ni".

_ "**Giác Thiền Sao**"có nêu rõ Bạch Y Quán Âm có hình Từ Bi mềm mại, như là Thiên Nữ mặc áo trắng mỏng, tóc trên đầu phủ vải lụa trắng, trên đỉnh đội Tôn Bản Sư A Di Đà, tay trái cầm Tràng Hạt, tay phải cầm Ấn Văn, chân đạp lên Hoa Sen trắng".

Lại có nêu tay trái cầm Ấn Thược, tay phải cầm cành Dương Liễu, hoặc đứng trên hai Hoa Sen, tay phải cầm Tràng Hạt, tay trái dùng móng ngón cái và ngón vô danh vịn nhau…. Chẳng giống với đồ hình đã lưu truyền.





_“**A Sa Phộc Sao**” còn có nói tay trái cầm cây Gậy hoặc sợi Dây, tay phải cầm rương Kinh Phạn Bát Nhã”

_Kinh “**Bất Không Quyến Sách**”, quyển 8, quyển 9, quyển 30 thì ghi nhận: “Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải giơ chưởng hoặc duỗi bàn tay ngửa hướng lên trên”



Ngoài ra còn có tượng 3 mặt 6 tay, phần nhiều là tượng nuôi con nít nên là đối tượng của những người cầu con. Do đó Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**



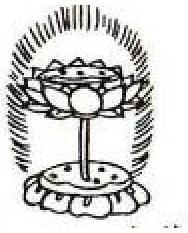
Tây Tạng còn thờ phượng Tôn Tượng của Bạch Y Quán Âm chung với các Tôn



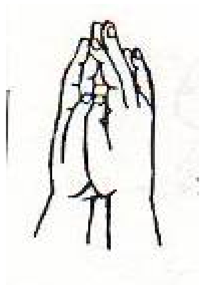
Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** ghi nhận Tôn có thân màu vàng trắng, khoác áo trắng có một mặt hai tay. Tay phải duỗi các ngón ngửa ra hướng xuống dưới thành Ấn **Dữ Nguyện** (Varada Mudra), tay trái co lại cầm cành hoa sen trắng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Ly Cấu Kim Cương**, **Phổ Hóa Kim Cương**
Chữ chủng tử là PA (𑖢) hay PAṂ (𑖢𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là:**Bạch Xứ Tôn Ấn**. Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, co hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, kèm hai ngón cái chạm hai ngón vô danh biểu thị cho Tôn này là Bộ Mẫu của Liên Hoa Bộ, hay sinh các Tôn trong Liên Hoa Bộ



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Tathāgata-viṣaya saṃbhave padma-mālini svāhā

Từ xưa đến nay dùng Bạch Y Quán Âm làm Bản Tôn để tu Pháp cầu thỉnh được Tức Tai, Diên Mệnh... thì gọi là Bạch Y Quán Âm Pháp hoặc Bạch Xứ Tôn Pháp.

BẠCH THÂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát (Tên Phạn là: Śveta-bhagavatī), dịch âm là Thi Phệ Đa Ba Nga Phộc Để. Lại gọi là **Thấp Phệ Đa Bồ Tát**, **Bạch Thân Bồ Tát, Ma Ha Thấp Phế Đa Bồ Tát, Thấp Phế Đa Bạch Thân Bồ Tát, Đại Bạch Bồ Tát, Bạch Thân Quán Âm, Bạch Tôn Giả, Bạch Quán Tự Tại Bồ Tát**.

Bạch (Śveta:màu trắng) biểu thị cho Đại Bi thanh tịnh. **Thân** (Aṃge: trong các chi phần của thân) biểu thị cho Đức tụ tập. **Bạch Thân** (Śvetāṃge) biểu thị cho ý tụ tập Đại Bi thanh tịnh

Tôn này biểu thị cho sự tụ tập Đại Bi trắng tịnh

_Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La**. Tôn này có toàn thân màu vàng trắng, tay trái cầm Hoa Sen, tay phải duỗi 5 ngón bàn tay úp hướng lên vai, khuỷu tay co lại để trên đầu gối phải, đầu gối phải hơi dựng đứng, ngồi trên Hoa Sen đỏ.



Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật Trí. Tay phải chống khuỷu tay trên đầu gối phải, úp bàn tay hướng che vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

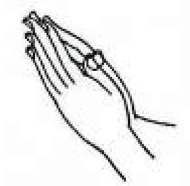
Mật Hiệu là: **Phổ Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (स)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen mở khép



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

Oṃ_ mahā-padme śvetāṃge, huru huru svāhā

ĐẠI MINH BẠCH THÂN BỒ TÁT

Đại Minh Bạch Thân Bồ Tát (Tên Phạn là: Gaurī-mahā-vidya), dịch âm Ngao Lợi Ma Ha Vi Địa Dã.

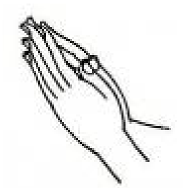
_Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu vàng lợt, tay phải co cánh tay kết Dữ Nguyện Ấn để trước ngực, tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen hé nở, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Thường Tịnh Kim Cương, Phóng Quang Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖭), nghĩa là ***Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể đắc***
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta buddhānāṃ_ Kṣaḥ daḥ ra yaṃ kaṃ

_Trong "**Kinh Đại Bi Không Trí Kim Cương Đại Giáo Vương Nghi Quỹ,** Phẩm 15, Kim Cương Vương hiện ra" dùng Tôn này là một trong 8 vị Minh Phi (Vidya-yoginị) có tên gọi là **Ngao Lý Minh Phi** (Gaurī-yoginị), tên Tây Tạng là: Gos-

dkar-mo, dịch ý là Bạch Y Nữ nên được xem đồng Thể với Bạch Y Quán Âm, biểu thị cho Tâm Bồ Đề trắng tịnh.

Ngao Lý Minh Phi có chân phải kết thế Bán Già, đứng như thế múa, hai cánh tay, ba mắt, búi tóc dựng đứng phẫn nộ, tay phải nắm cây đao báu, tay trái cầm con cá Ma Kiệt, đều dùng năm Ấn trang nghiêm.



_Kinh **Đại Bi Không Trí Kim Cương Đại Giáo Vương Nghi Quỹ,** Phẩm 08, **Đại Tương Ứng Luân** và phẩm 09 **Thanh Tịnh**" ghi nhận là:

"Ở **Ngoại Viện** an 8 vị Minh Phi, trong đó **Ngao Lý Minh Phi** (Gaurī-yoginī) ở phương Đế Thích (phương Đông) biểu thị cho **Sắc Cảnh** thanh tịnh"

DIỆP Y QUÁN ÂM

Diệp Y Quán Âm, tên Phạn là **Palāśaṃbarì** hay **Parṇa-śavari,** dịch âm là Bát Lan Noa Xa Phộc Lý, dịch ý là mặc áo lá (bị diệp y). Lại xưng là Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Diệp Y Bồ Tát, Phi Diệp Y Quán Âm, Bị Diệp Y Quán Âm, Sơn Gian Diệp y Mẫu, Sơn Gian Diệp Y Phật Mẫu, Diệp Y Phật Mẫu… là một trong các **Ứng Hóa Thân** của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Diệp Y Bồ Tát là một Bồ Tát nữ tính thuộc **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) thường thị hiện cư trú ở sườn núi. Do khoác mặc lá cây làm quần áo cho nên xưng là **Diệp Y Bồ Tát.** Tôn này hay trừ tất cả tai họa, bệnh dịch, đói kém, giặc cướp bóc, nạn đao binh, nước lũ hạn hán chẳng điều hòa, Tú Diệu mất thứ tự… của tất cả hữu tình, cũng là vị Bồ Tát có đặc sắc hay làm cho tăng trưởng Phước Đức, quốc giới phong thịnh, nhân dân an vui

Tôn này cũng có nhiều loại Hóa Thân chẳng đồng như **Hắc Diệp Y Bồ Tát, Lam Diệp Y Bồ Tát, Lục Diệp Y Bồ Tát, Hoàng Diệp Y Bồ Tát**…

Trong 33 Thể của Quán Âm thì Diệp Y Quán Âm ngồi ở đám cỏ trên tảng đá, có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Đế Thích** của Bồ Tát Quán Am



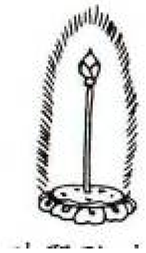
Căn cứ vào Kinh **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** thì tại Pháp Hội ở Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī), Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajra-pāṇi-bodhisatva) đã thỉnh cầu **Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva-mahā-satva) tuyên nói Pháp hay trừ khổ não cho tất cả Hữu Tình, ban cho lợi ích an vui của **Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara). Nhân đó, Bồ Tát Quán Tự Tại đã tuyên nói **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Đà La Ni** hay trừ tai họa cho tất cả hữu tình như: bệnh tật, tần tiện đói khát, giặc cướp, binh đao, hạn hán, nước chẳng điều hòa, Tú Diệu mất thứ tự. Cũng hay tăng trưởng Phước Đức, quốc giới phong ích, nhân dân an vui.

HÌNH TƯỢNG CỦA DIỆP Y QUÁN ÂM

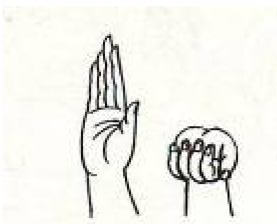
.)Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới mạn Trà La**: Diệp Y Quán Âm có thân màu thịt, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây gậy, co dựng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Dị Hạnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA ()
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy trên có hoa sen chưa nở



Thủ Ấn là: Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm sợi dây



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Palāśaṃbarī hūṃ phaṭ

Hay 
Oṃ_ Parṇa-śavarī hūṃ phaṭ

_Kinh **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi nhận rằng: "Tượng **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** (Palāśaṃbarī avalokiteśvara bodhisattva). Tượng đó làm hình Thiên Nữ, đầu đội mão báu trong mão có **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha). Dùng lưu ly, vòng xuyến trang nghiêm thân. Thân có hào quang tròn chung quanh dậy lửa mạnh. Tượng có bốn tay, ngồi trên hoa sen. Bên phải: Tay thứ nhất để ngang trái tim cầm lá Cát Tường, tay thứ hai tác Thí Nguyện Thủ. Bên trái: Tay thứ nhất cầm cây búa (Phủ Việt), tay thứ hai cầm sợi dây.



Tâm Chân Ngôn là:

"Án, bát la noa, xả phộc lị, hồng, phát tra"



OṂ_ PALĀŚĀMBARĪ HŪṂ PHAṬ

.)Kinh **Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương** ghi nhận là: Đại Trí hóa thành Bồ Tát **Bát Lan Noa Xa Phộc Lý** (Parṇa-śavari), thân hiện màu vàng ròng ngồi trên hoa sen, đỉnh đầu đội mão năm Như Lai, tưởng tuôn mưa Cam Lộ. Thân có hào quang tròng rực rỡ chiếu sáng, dùng vòng hoa nghiêm sức… có sáu cánh tay, ba mặt mỗi mặt đều có ba con mắt, hiện tướng vui giận, tất cả trang nghiêm. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm cây búa, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm cành cây Bối Diệp, tay thứ ba cầm cây cung. Hay biến hóa Phẫn Nộ Minh Vương như mây trên trời, rồi Minh Vương ấy dùng ánh sáng rực rỡ giáng các sao Diệu ác, lại làm thế phẫn nộ sí thịnh. Đỉnh đầu của Minh Vương ấy đội **A Súc Phật** (tức Bất Động Phật).

Như vậy y theo Pháp quán tưởng thì hay trừ các Ma, sự kinh sợ với các tai chướng. Đây gọi là **Tức Trừ Nhất Thiết Chư Ma Trần Cấu Đại Trí Kim Cương Tam Ma Địa**"

Theo Giáo Lý này thì Diệp Y Phật Mẫu thuộc về **Kim Cương Phật Bộ** của Bất Động Phật.





_Diệp Y Phật Mẫu Tâm Chú:

"**Án, tất hạ tự, ba na, hạ oa nhật, tát oa, tác a tráp, hạ ma na gia, thoa cáp**"

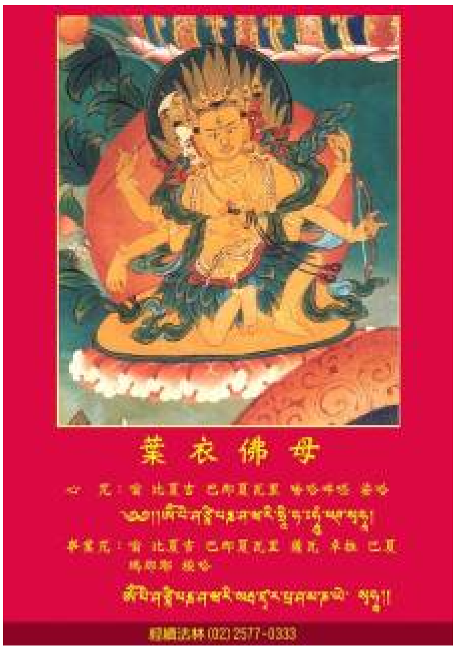
OṂ_ PIŚĀCE PARṆA-ŚAVARI SARVA-JVARA PRAŚAMANA SVĀHĀ

Tu trì Tâm Chú này thì có thể đối trị tất cả bệnh tai ôn dịch, bệnh truyền nhiễm, ghẻ lở, mụn nhọt, các độc, chứng ung thư… với mọi loại chứng bệnh chẳng biết tên mà y dược đã khó trị liệu được.

_"**Bạch Bảo Khẩu Sao"** cũng có nêu trong "**Bí Tạng Ký**" nói rằng: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm Hoa Sen chưa nở. Lại nói tay phải cầm cây Phướng Như Ý.

_Mật Giáo Tây Tạng thờ phượng Tôn này qua danh hiệu **Diệp Y Phật Mẫu** qua các hình tượng một mặt hai tay, 3 mặt 6 tay







札什倫布寺－葉衣佛母







葉衣佛母

_Dùng Diệp Y Quán Âm làm Bản Tôn, niệm tụng " **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Kinh"** có thể khử trừ các loại bệnh tật, chiến loạn, và hay tăng trưởng phước đức, sống lâu không bệnh tật thì gọi là **Diệp Y Pháp**.

Nếu dùng để xin cho Quốc Vương Đại Thần được sống lâu không bệnh tật, thì xưng là **Diệp Y Trấn**.

Nếu dùng Pháp Tu này để trấn an nhà cửa thì xưng là **Trấn Trạch Pháp**.

_Kinh **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi nhận rằng: "Lại có Pháp. Nếu quốc vương, nam nữ bị nạn lâu dài, nạn đang phát triển, hoặc đoản thọ, bệnh tật vấn quanh, ngủ nghỉ ăn uống chẳng an… đều do nhân duyên đời trước, sinh Ác Tú trực. Hoặc số bị 7 Diệu lấn bức Bản Tú khiến thân chẳng an. Tức ở nơi cư ngụ dùng Ngưu Hoàng viết Chân Ngôn của 28 vị Đại Dược Xoa đặt trên 4 cái bệ.

_ Trước tiên trên cái bệ ở phương Đông đặt Chân Ngôn của 4 vị Đại Dược Xoa, bắt đầu khởi theo hướng Đông Bắc.

.) Đệ Nhất Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, nễ la-già, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ_ DĪRGHA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Nhị Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, tô mạt đát-la, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ_ SUNETRA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Tam Dược Xoa Tướng là:

Án, bố la-noa ca, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ_ PŪRṆA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Tứ Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, Ca tỳ la tế, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ KAPILA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở phương Nam đặt Chân Ngôn của 4 Đại Dược Xoa Tướng

.) Đệ Nhất Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, tăng già, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ SIṂHA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Nhị Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, ô ba tăng già, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ UPASIṂHA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Tam Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, Thương xí la , tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ ŚAṄKHARA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Tứ Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, nan ná, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ CANDANA ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở phương Tây đặt Chân Ngôn của 4 Đại Dược Xoa Tướng

.) Đệ Nhất Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, ha lị, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ HARI ṬAKKI HŪṂ JAḤ SVĀHĀ

.) Đệ Nhị Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, ha lị kế xa, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ HARIKEŚA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ
.) Đệ Tam Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, bát-la bộc, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ PRABHŪ ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ
.) Đệ Tứ Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, Ca tỳ la (? Băng già la) , tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ PIṄGALA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở phương Bắc đặt Chân Ngôn của 4 Đại Dược Xoa Tướng
.) Đệ Nhất Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, đà la noa, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ DHARANA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ
.) Đệ Nhị Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, đà la nan đà, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ DHARANANDA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ
.) Đệ Tam Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, ô nễ-dữu nga bả la, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ UDYOGAPĀLA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ
.) Đệ Tứ Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, vĩ sái noa, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ VIṢṆU ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở góc Đông Bắc đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, bán chi ca, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ PAÑCIKA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở góc Đông Nam đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, bán tả la nghiễn noa, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ PAÑCALA CAṆḌA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở góc Tây Nam đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:
Án, đá nghi lị, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ
OṂ _ SAPTAGIRI ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Trên cái bệ ở góc Tây Bắc đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, hại ma phộc đa, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ HEMAVATA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Tiếp ở phương dưới, trên tảng đá mà chân chẳng đạp lên, dùi ghi Chân Ngôn của 4 Đại Dược Xoa Tướng để dưới mặt đất ở 4 phương

.) Dưới mặt đất ở phương Đông đặt Dược Xoa Đại Tướng Chân Ngôn là:

Án, bệ mạc, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ BHŪMA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

.) Dưới mặt đất ở phương Nam đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, tô bộ mạc, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ SUBHŪMA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

.) Dưới mặt đất ở phương Tây đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, ca la, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ KĀLA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

.) Dưới mặt đất ở phương Bắc đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, ô ba ca la, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ UPAKĀLA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

_ Tiếp trên phòng, ở 4 góc đều đặt Chân Ngôn của một vị Đại Dược Xoa Tướng

.) Trên phòng, ở góc Đông Bắc đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, tô lị-dã , tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ SŪRYA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

.) Trên phòng, ở góc Đông Nam đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, A ngận-nễ, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ AGNI ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

.) Trên phòng , ở góc Tây Nam đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, tô ma, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ _ SOMA ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

.) Trên phòng, ở góc Tây Bắc đặt Đại Dược Xoa Tướng Chân Ngôn là:

Án, phộc dữu, tra chỉ, hồng, nhược, sa-phộc hạ

OṂ_ VĀYU ṬAKKI HŪM JAḤ SVĀHĀ

Đặt Chân Ngôn xong. Ở vị trí của 28 vị Đại Dược Xoa Tướng, mỗi mỗi đều dùng hương xoa tô một cái Đàn nhỏ. Trên Đàn thiêu đốt Bạch Đàn Hương. Bày hoa tạp, thức ăn uống, đèn đuốc, Át Già… kiền thành khải cáo:

"Nguyện xin 28 vị Đại Dược Xoa Tướng và các quyến thuộc đều trụ Bản Phương hộ trì, thủ hộ cho con (họ tên…) khiến trừ tai họa, việc chẳng lành, bệnh tật. Đạt được sắc thân, tăng trưởng thông tuệ, đầy đủ uy túc đoan nghiêm"

Làm gia trì ấy xong, tức 28 vị Đại Dược Xoa Tướng chẳng dám trái vượt chư Phật như Giáo Sắc của Quán Tự Tại Bồ Tát với Kim Cương Thủ Bồ Tát, ngày đêm ủng hộ, thức ngủ yên ổn được đại uy đức.

Nếu có quốc vương tác Pháp này thì trong nước của vị vua ấy sẽ tiêu diệt mọi tai nạn, đất nước an ninh, nhân dân vui sướng".

A MA ĐỀ QUÁN ÂM

A Ma Đề Quán Âm tên Phạn là (Avaṭai: nguồn hạnh phúc), lại gọi là A Ma Tai Quán Âm, Am Ma Tai Quán Âm. Dịch ý là Vô Úy Quán Âm, Khoan Quảng Quán Âm, tức là Vô Úy Quán Tự Tại, Vô Úy Quán Âm. Là Tôn thứ 21 trong 33 Thể của Quán Âm. Trong đó, Tôn này ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay để trên đầu gối.



Có người cho rằng Tôn này ương đương với **hóa thân Tỳ Sa Môn** của Bồ Tát Quán Âm

Theo Thuyết khác thì Tôn này có thân màu thịt trắng, có 3 con mắt và 4 cánh tay, cỡi con Sư Tử trắng, toàn thân tràn đầy lửa rực, mặc áo Trời, anh lạc….đại biểu cho việc trang nghiêm; diện mạo từ bi, trạng thái chuyên tâm chăm chú nhìn về bên trái.



_**Quán Tự Tại Bồ Tát A Ma Tai Pháp** ghi chép rằng: "Xưa kia, nước Vu Điền có vị Thanh Tín Sĩ (người có niềm tin trong sạch) tinh tâm trì niệm **Quán Tự Tại Bồ**

Tát Chân Ngôn , nguyện thấy Đại Thánh. Trải qua nhiều năm vẫn chẳng thỏa được tâm trước (Túc Tâm), nhưng vẫn nuôi chí chẳng đổi thay, lại còn tinh tiến gấp bội.

Sau này, vào một đêm , nghe trong hư không có tiếng nói là:*"Ngươi hãy qua nước lân cận, xin yết kiến vị vua ấy"*. Hành Giả y theo lời liền đến nước ấy, nghe Pháp Lệnh của vua rất nghiêm khốc phi thường, hễ ai vi phạm ắt bị hành hình. Người tu hành bèn xin gặp nhà vua. Nhân nhờ người dẫn dắt hỏi han mà bộc bạch ước muốn của mình, nên được dẫn vào Hậu Cung thì thấy nơi ấy như quốc độ của Phật còn vị vua tức là Quán Tự Tại Bồ Tát.

Hành Giả bạch với Bồ Tát rằng:"Đại Thánh trị hóa, khởi dụng hình lục (xử phạt chém giết) thời Đại Bi ở chỗ nào?"

Bồ Tát bảo rằng:"Chúng sinh ở đất này vốn cang cường khó cai quản. Ta thương xót nên dùng đường lối dẫn dụ, phân thân làm vua. Kẻ bị xử phạt chém chết đều là Hóa Nhân (người được biến hóa ra) khiến cho thói quen hung bạo ấy sợ uy mà thuận theo nếp tốt. Nếu Chính Lịnh đã thành thời Ta sẽ ẩn mất"

Hành Giả được nhà vua giữ lại nhiều tháng, thông ngộ Đại Thừa , sau đó xin từ giã quay về. Đức vua mặc nhiên hứa cho.

Người tu hành bạch với Bồ Tát rằng:"Đệ Tử may mắn được gặp Đại Thánh Từ Bi, được thấy nghe Pháp, gần gũi thấm gội **Từ Hóa**, 12 mùa sau mới được Nghiệm này. Ở đời vị lai, cầu thấy Bồ Tát, chẳng đổi tâm xưa (túc Tâm), siêng năng khổ nhọc lâu dài thì không có chỗ nào không thành. Một khi khởi tâm Nghi, phỉ báng Pháp sẽ bị tội. Nguyện xin Từ Bi bày Pháp Yếu cho đời vị lai"

Bồ Tát bảo rằng:"Ta có chương cú của **A Ma Tai Chân Ngôn** (Avaṭai-mantra), nay trao cho ngươi, cúng dường giản dị, lại ngày thời chẳng nhiều, chí tâm tụng trì thì Ta sẽ hiện thân khiến ngươi mãn nguyện.

Người tu hành đã nhận được sự Giáo Hối, từ giã quay về nước của mình lưu truyền. Tín Sĩ (người tin tưởng) chỉ năm ngày được ứng nghiệm. Số ấy chẳng phải một

….. Lại nữa, nếu người trì tụng Chân Ngôn này. Ở nơi nhàn tĩnh, hoặc A Lan Nhược, ở trước Tháp Xá Lợi an đặt Quán Tự Tại Bồ Tát, tùy sức cúng dường, trong sạch tắm gội, ăn thức ăn Tịnh, một mình ở Đạo Trường, một này một đêm trì niệm, đến sáng sớm thì Đại Thánh sẽ thấy, các Nguyện mãn túc, mọi người yêu kính, được Túc Mệnh Trí, hay chứng mười Địa, Tam Muội hiện tiền. Nếu phạm tội nặng năm Nghịch thì hai ngày hai đêm sẽ thấy

Bấy giờ vị vua Bồ Tát ấy nói Chân Ngôn đó xong liền bảo Hành Giả rằng: "Chân Ngôn này có Thần Lực lớn, hay diệt tất cả Nghiệp Chướng của chúng sinh, mau được Thần Nghiệm, mong cầu như ý "

_Quán Tự Tại Bồ Tát A Ma Tai Pháp lại ghi nhận phương cách tu Pháp của Tôn này là: "Nếu người muốn trì Chân Ngôn này, cầu thấy Quán Tự Tại Bồ Tát thời Nghi Quỹ: Kết Hộ, Gia Trì, cúng dường… đều y theo Đại Giáo Tô Tất Địa Kinh với thứ tự đã nói trong Kim Cương Đỉnh Du Già.

Trước tiên nên chí tâm tụng đủ một ngàn biến. Ở nơi thanh tịnh, hoặc A Lan Nhược, hoặc ở núi rừng, hoặc chốn Già Lam thanh tịnh, trước Tháp Xá Lợi như Pháp xây dựng **Quán Tự Tại Bồ Tát Đạo Trường**, để tượng Quán Âm, tùy theo sức mà tinh thành cúng dường, tắm gội trong sạch, mặc áo sạch mới, cẩn thận giữ che ba Nghiệp, đừng quên vui giận. Một ngày một đêm, ở một mình, cắt đứt tất cả việc nói năng, tâm chẳng theo Duyên khác, chuyên tưởng Quán Âm, tâm chẳng gián đoạn, tụng Chân Ngôn này. Đốt Trầm Thủy Hương, hoặc đốt Ngũ Vị Hòa Hương, đừng để cho khói hương chấm dứt, niệm niệm liên tục, một lòng cầu thấy Bồ Tát.

Ở bốn góc của Đàn đều để một thứ thiêu đốt. Lại đều để một cái chén nước thơm, một là nước uống Thạch Mật (Thạch Mật Tương), một là sữa bò sạch, một là nước Uất Kim Hương, một là nước Bạch Đàn Hương như thường. Cúng dường bánh, quả, cháo, cơm… đều nhau. Sáng sớm hiến cơm ăn, riêng ngày Trai thời nên gom lại bỏ ở chỗ an tịnh , bố thí cho các loài chim quạ.

Lại bên dưới, làm thức ăn uống cúng dường mới… đến lúc mặt trời sắp lặn thời dựa theo lúc trước **Tống Khước** (tiễn đi)

Lại bên dưới, vật mới tạo thành, cúng dường cho đến trời sáng, trong một ngày đêm chẳng được để cho bị hôn trầm, lười biếng, sợ khó… sẽ được thấy.

Lại tưởng trong Hào Tướng (sợi lông trắng xoáy vòng ở tam tinh) có hai luồng ánh sáng, một luồng vào thẳng trong các Địa Ngục cứu chúng sinh bị khổ khiến được giải thoát, một luồng nhập vào đỉnh đầu của người tu hành. Tưởng khắp thân mình, mọi ác các nghiệp thảy đều tiêu trừ, trong ngoài thanh tịnh.

Quán tưởng như vậy, niệm tụng chí tâm ắt được thấy Ta. Ta sẽ vì kẻ ấy hiện thân khiến cho mãn ước nguyện. Ngươi có thể thọ trì . Giả sử đã từng phạm tội nặng, năm tội Vô Gián thì hai ngày hai đêm siêng năng niệm tụng ắt sẽ được thấy, huống chi người vốn thanh tịnh. Chỉ trừ kẻ chẳng chí tâm".

_**Quán Tự Tại Bồ Tát A Ma Tai Pháp** lại ghi nhận hình tượng của Tôn này là: "Tượng của A Ma Tai Quán Tự Tại Bồ Tát như hình Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát có ba mắt bốn cánh tay, cỡi sư tử trắng, đầu hướng về bên trái đều nghiêng xuống dưới, đầu đội mão báu, dùng hoa sen trắng nghiêm sức phía trước, hai tay cầm cái đầu con chim **Phượng** và **Không Hầu.** Một tay bên trái: ngửa lòng bàn tay cầm con cá **Ma Kiệt**. Một tay bên phải cầm con chim **Cát Tường** màu trắng. Co chân trái ngay trên háng con sư tử, buông thõng chân phải xuống dưới, dùng Thiên Y Anh Lạc nghiêm sức. Toàn thân tỏa lửa sáng, diện mạo từ bi, hướng về bên trái chân thật quán".



Thủ Ấn là: Hai tay chắp lại theo thế Phù Dung Hợp Chưởng, hai Phong (2 ngón trỏ) như móc câu để ngang trái tim.



Chân Ngôn là:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya-bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyatha: Avaṭai pravaṭai vivaṭai taraṭai saṃpravyeṭai. Iline kiline kiline, aruhane diruhane, dharane dharane dhapane, avatarane, sarva-tarane, repane arepane, napha napha naphane, naḍa naḍa naṇḍa, neḍo ḍone, sa-mṛdhyaṃ me, aśavana parapuridhaneyaṃ

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya-bodhisatvāya svāhā

Ngoài ra, trong "**Giác Thiền Sao**" có nói về Hình Tượng do **Tâm Giác** A Xà Lê truyền miệng là: "Bồ Tát ngồi trên Hoa Sen xanh, đội Mão báu có Phật Vô Lượng Thọ. Nhưng Tôn này trên lửa sáng có một vị Phật, tay trái cầm Hoa Sen, trên Hoa có Bảo Khiếp (cái rương Báu), tay phải Kết Thí Vô Úy Ấn".

Do Tôn này ngồi trên lưng con sư tử trắng nên được xem là đồng thể với **Sư Tử Hống Quán Âm** (Siṃha-nāda-avalokiteśvara)



SƯ TỬ HỐNG QUÁN ÂM

Sư Tử Hống Quán Âm (Tên Phạn là: Siṃha-nāda-avalokiteśvara, hay Siṃha-nāda-lokeśvara), được phiên dịch là **Kì Hống Quán Âm, Sư Hống Quán Âm, Sư Tử Hống Quán Tự Tại**. Là một trong những hóa thân của Quán Âm Bồ Tát, là sự hóa hiện của Quán Âm để giáng phục tất cả bệnh khổ nơi sinh ra Long Ma (Ma của loài Rồng), khiến chúng sinh trong 3 cõi thoát lìa biển khổ, có lực lượng rất là uy mãnh. Tôn này và A Ma Đề Quán Âm được xem là đồng một Thể, đều ngồi cỡi trên con Sư Tử. Tại Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng đều có lưu truyền.



Sư Tử Hống Quán Âm có thân màu trắng tỏa ánh sáng, đầu đội mão Phật A Di Đà, có tóc kết thành búi trên đỉnh đầu; có 3 mắt 2 cánh tay, tay trái cầm Hoa Sen; Tay phải cầm Tràng Hạt hoặc Kết Dữ Nguyện Ấn, phía sau thân mình còn có cây Kích Tam Xoa, trên cây Kích Tam Xoa có con rắn quấn quanh. Chân phải co chân trái duỗi, ngồi tự tại cỡi trên con Sư Tử trắng. Tay phải cầm Tràng Hạt hoặc Kết Dữ Nguyện Ấn, ý nghĩa là biểu thị cho hay giải trừ nhóm ác của 3 cõi, và thường ban tặng sự Từ Bi cho chúng sinh trong 3 cõi. Tay trái cầm Hoa Sen, biểu thị cho bản thân mình không dơ bẩn.



Đặc biệt Sư Tử Hống Quán Âm được xem như là một vị thầy thuốc hay cứu độ những người bệnh phong cùi. Mắt Bồ Tát nhìn vào người bệnh và mắt chính giữa (Tuệ Nhãn) tập trung chẩn bệnh. Hai vật báu ở hai bên cũng là những dụng cụ của người thầy thuốc, bên trái có bình thuốc (hay cây thuốc) biểu thị cho năng lực chữa trị, bên phải có cây Tam Kích Xoa có con rắn quấn (hoặc chỉ có con rắn quấn) biểu thị cho sự trừ Tà chữa bệnh.



Theo truyền thuyết, có một con sư tử sinh được một con nhưng con của nó chết ngay sau khi sinh. Đau đớn quá nó rống lên thật to và nhờ tiếng rống uy dũng này, nó làm cho con nó sống lại. Do vậy, con sư tử đỡ chân cho Bồ Tát được biểu thị cho sự liên hệ giữa tên gọi **Sư Tử Hống Quán Âm** với nghề nghiệp của người thầy thuốc "gọi người sống lại".

Từ ý nghĩa này nên trong quá khứ, tại vùng Tây Tạng bị bệnh Ma Phong (bệnh cùi hủi), có rất nhiều hàng **Tăng, Tục** cúng dường Tôn Quán Âm này.



_Tu trì Pháp của **Sư Tử Hống Quán Âm**, ngoài việc hay thu được Công Đức chung của Quán Âm Bồ Tát, lại hay giải cứu được các loại bệnh tật do Rồng độc gây hại như bệnh Ma Phong (bệnh cùi hủi), thu được Công Đức điều phục Long Vương, Pháp ác và Thủy Ma (Ma ở dưới nước), ban cho chúng sinh hạnh phúc an vui.

_Sư Tử Hống Quán Âm Căn Bản Chú:
Namo ratna-trayāya
Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya-bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya
Tadyathā: Oṃ_ Akaṭe vikaṭe nikaṭe kataṃkaṭe karoṭe karokaṃte veryai svāhā

_Sư Tử Hống Quán Âm Tâm Chú:
Oṃ_ Aḥ hrī _ siṃha-nāda hūṃ brūṃ aṃ jreṃ khaṃ hūṃ_ Oṃ āḥ hūṃ

Công Đức của 2 Chú này hay trị tất cả bệnh tật cũng hay trị Long Vương, Thổ Thần....các loại bệnh tật khó trị như chứng bệnh hủi. Chân thành niệm Chân Ngôn này mãn 10 vạn biến thì không có bênh gì không trừ hết được. Do Chú này có uy lực cực lớn, chỉ hay mặc niệm chẳng thể cao giọng. Lại ở bên cạnh giòng nước với sông,biển đều chẳng thể niệm vì sợ làm kinh động đến Long Vương, nhiễu não chúng sinh. Người trì hãy cẩn thận.

DƯƠNG LIỄU QUÁN ÂM

Dương Liễu Quán Âm: là Tôn thứ nhất trong 33 Thể của Quán Âm. Do Quán Thế Âm Bồ Tát vì lợi ích chúng sinh mà thuận theo nguyện vọng của họ để hiện bày, cũng giống như cành Dương Liễu thuận theo gió bay phất phới mà không thể làm trái nghịch được, nhân đây mới có tên gọi là Dương Liễu Quán Âm.

Đặc trưng của Tôn này là tay phải cầm cành Dương Liễu, lấy sự cứu tế bệnh tật mọi người làm Bản Thệ. Do đó trong Kinh Điển có nói: "Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân, cần phải nên tu tập Pháp thuốc men của cành Dương Liễu"

Hình tượng của Tôn này thường thấy là: Ngồi xổm trên mỏm núi đá, tay phải cầm cành Dương Liễu (có thuyết nói biểu thị cho Tam Muội thuộc tay phải cầm Dương Liễu của Thiên Thủ Quán Âm), lòng bàn tay trái mở ra để ở trước ngực. Hoặc là tay trái cầm cái Tịnh Bình.





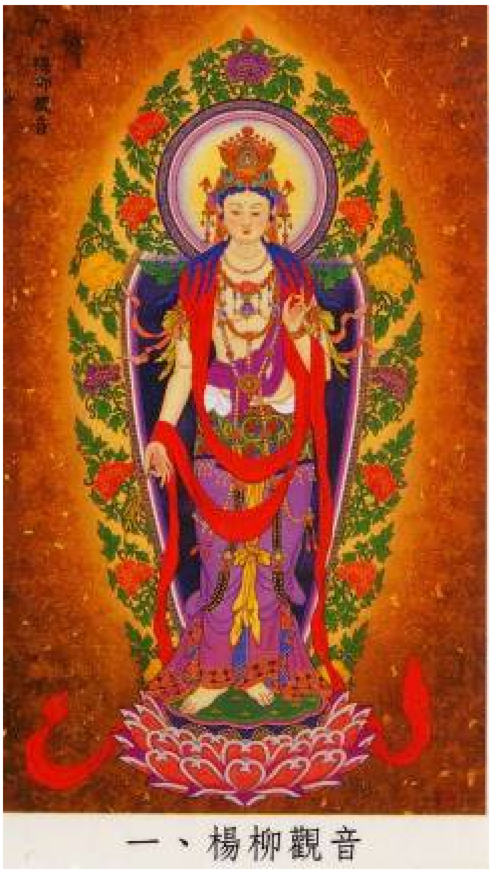
Hình Tượng Tôn này từ xưa phần nhiều là hình vẽ khắc. Tượng Dương Liễu Quán Âm Bồ Tát lưu hành ở thế gian là tay phải cầm cành Dương Liễu hoặc cắm cành Liễu vào trong bình bên phải tòa ngồi, ngồi ngay thẳng trên bàn đá bên cạnh dòng nước.





Sau này hình tượng Dương Liễu Quán Âm còn được minh họa theo tư thế đứng





_ Dương Liễu Quán Âm được xem là tương đương với thân **Dược Vương Quán Tự Tại.** Tượng Dược Vương Quán Tự Tại này Tướng tốt trang nghiêm, tay phải cầm cành Dương Liễu, tay trái chắp lại để trên vú trái”.



_ Do Bản Thệ **cứu tế bệnh tật cho chúng sinh**, nên Tôn này còn được xem là nơi hóa hiện tay cầm cành Dương Liễu trong Thiên Thủ Quán Âm. Nếu có người nào tu Pháp thuốc men của cành Dương Liễu cũng có thể tiêu trừ các loại bệnh nan y.

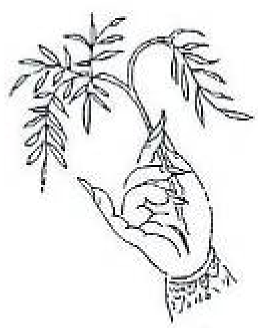
Tôn này có chữ chủng tử là SA (𑖭)

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖥𑖹𑖬𑖕𑖿𑖧𑖨𑖯𑖕𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Vajra-dharma bhaiṣajya-rājāya svāhā

*) Hệ thống Mật Giáo ghi nhận Pháp **tay cầm cành Dương Liễu** của Thiên Thủ Quán Âm là:



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: “***Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân , nên tu pháp thuốc của nhành Dương Liễu . Tụng Dược Vương Quán Tự Tại , tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước. Chỉ có tay phải cầm nhành Dương Liễu, tay trái hiển chưởng đặt trên vú”***



Tướng Ấn là: Tay phải co cánh tay, buông các ngón rũ xuống .

Chân Ngôn là: "Án – Phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) Bệ sái nhĩ gia (thuốc) la nhạ gia (hàng vua chúa) sa phộc hạ".

OṂ – VAJRA-DHARMA – BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: "***Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm nhành Dương Liễu***"

-Chân Ngôn là: "Án –Tô Tất Địa, ca rị, phạ rị đa nẫm, đa mục đa duệ, phộc nhật la bạt đà, hạ nẵng hạ nẵng, Hồng phấn tra"

OṂ (Quy mệnh) SUSIDDHI KARI (tác diệu thành tựu) VARDHĀNĀṂ SAMUKTĀYE (tăng trưởng thiện giải thoát) VAJRA-BANDHA (Kim Cương Phộc) HANA HANA (thiêu đốt, đốt cháy) HŪṂ (Hộ khắp) PHAṬ (phá bại)

Dương Liễu là một loại cây mọc cạnh bờ ao hay bờ nước tắm rửa nên lá liễu hay sanh ra nước mát mẻ. Do đó Dương Liễu biểu thị cho loại thuốc lá mát mẻ (lương dược) dùng để trừ nhiệt ác.

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Thụ Vương (cây vua) nên cầm nhành Dương Liễu tẩy rửa các bệnh trên thân của chúng sanh khiến cho họ mạnh khoẻ.

Bệnh thường có ba loại bệnh là:bệnh do nghiệp báo, bệnh do bốn Đại chẳng hòa, bệnh do Quỷ Thần gây ra.

Khi bị Tỳ Xá Na Uy Quỷ gây bệnh thì Quán Thế Âm Bồ Tát dùng nước sạch rửa cành Dương Liễu vẩy lên thân, trừ tất cả các bệnh nhiệt (nóng bức, sốt) khiến cho thân được mát mẻ.

-SAO ghi: "Dùng Nhành Dương Liễu chú 108 biến hòa với nước đem tắm rửa thân thể thì trừ được 444 bệnh (KHẨU ghi là trừ 404 bệnh)

-TẬP KINH ghi: Tất cả bệnh Quỷ đều dùng Dương Liễu màu xanh .

Muốn thành tựu pháp này. Hành Giả lấy ba nhành Dương Liễu đặt trước Bản Tôn,tác tưởng niệm Chú 108 biến, sau đó hòa hợp với nước sạch trong. Nấu nước xong vẩy lên thân thể thì trừ được các bệnh.

Như KINH nói: 4800 bệnh của Thế Gian, không có gì không trị được.

DIÊN MỆNH QUÁN ÂM

Diên Mệnh Quán Âm là Tôn thứ 16 trong 33 Thể của Quán Âm, tượng trưng cho đoạn văn trong Phẩm Phổ Môn là:

“Như thuốc độc, ếm đối
Muốn hại đến mệnh thân
Do sức niệm Quán Âm
Người gây bị hại ngược”

Do Tôn này hay làm tiêu trừ chú thuật ếm đối và thuốc độc khiến cho chúng sinh kéo dài mạng sống, tăng thêm tuổi thọ, nên có các tên gọi là **Diên Mệnh Quán Âm** hay **Trường Thọ Quán Âm**

Tôn hình có tư thế tựa vào mỏm núi bên cạnh nước, nhãn nhã thưởng thức cảnh vật trên mặt nước




延命觀音



_Trong **Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh_Kế Nhất Pháp Trung Xuất Vô Lượng Nghịa Nam Phương Mạn Nguyện Bổ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chủ Tôn Phương Đẳng Hoằng Thệ Lực Phương Vị Cập Uy Nghi Hình Sắc CHấp Trì Tam Ma Già Tiêu Xí Mạn Trà La Nghi Quỹ** ghi nhận Tôn Hình của Diên Mệnh Quán Âm là:

"Nay nói Viện thứ ba: Pháp Tăng Ích Giáng Phục
Cửa Đông: **Diên Mệnh Quán Âm**
Mão báu lớn trên đỉnh
Thân Phật trú trong mão
Thân tướng màu vàng sậm
Tướng nhu nguyễn Từ Bi
Cứu Thế hai mươi tay
Dẫn tiếp loại quần sinh
Hai chân tướng Phúc Luân (bánh xe có căm)
Hóa đạo các Hữu Tình
Trái, Định: nâng ngọc báu
Trái, Lý: cầm Kiếm báu
Trái, Định: nắm Kim Luân (bánh xe vàng)
Trái, Lý: Kim Cương Quyết (cây cọc Kim Cương)
Trái, Định: cầm Bàng Bài
Trái, Lý: Kim Cương Đạc (cái mõ Kim Cương)
Trái, Định: Kim Cương Linh (cái chuông Kim Cương)
Trái, Lý: hoa sen lớn
Trái, Định: cầm Tràng hạt
Trái, Lý: Kết Quyền ấn
Phải, Tuệ: cầm Kích Tỏa
Phải, Trí: Kiếm Kim Cương
Phải, Tuệ: tượng Hóa Phật
Phải, Trí: báu Kim Cương
Phải, Tuệ: cầm gương báu
Phải, Trí: dây Kim Cương
Phải, Tuệ: Thí Vô Úy
Phải, Trí: Bạt Chiết La
Phải, Tuệ: chày Ngũ Cổ
Phải, Trí: Phộc Nhật La (chày Ngũ Cổ)
Trăm ngàn loại anh lạc
Vòng hoa diệu, Thiên y
Trang nghiêm thân Thượng diệu
Hào quang tròn chẳng biến
Trú hoa Phả Đầu ma (Padma:hoa sen hồng)
An trú vành trăng lớn"

_Ngoài ra, Diên Mệnh Quán Âm còn được thờ phượng qua Tôn Tượng có 20 cánh tay



_ Do Bản Thệ **cứu giúp cho chúng sinh được trường thọ**, nên Tôn này còn được xem là nơi hóa hiện tay cầm đám mây ngũ sắc trong Thiên Thủ Quán Âm. Nếu có người nào tu Pháp này thì có thể thành vị Trường Mệnh Tiên

*) Hệ thống Mật Giáo ghi nhận Pháp **tay cầm đám mây ngũ sắc** của Thiên Thủ Quán Âm là:

NGŨ SẮC VÂN THỦ (Tay hóa Mây Ngũ Sắc)



-Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Nếu người vì thành tựu pháp Tiên, nên tu pháp đám Mây Ngũ Sắc. Tượng Tiên Vân Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói. Chỉ có tay phải cầm đám Mây Ngũ Sắc, tay trái nâng lên trên cầm thẳng cái áo khoác ngoài (thiên y) để mặc"*** .



-Tướng Ấn là: Hai tay phải trái kết Vũ Khế (ấn múa) làm tướng bay .

-Chân Ngôn là: "Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) bán giả lô ba minh già (mây ngũ sắc) tát đà, tất địa dã đà la lam (thành tựu Minh Môn) sa phộc hạ".

Oṃ_ Vajra-dharma paṃca-rūpa-megha, siddha vidya-dhāranāṃ svāhā

Ở hang núi nơi vắng vẽ , tác pháp niệm tụng đã một vạn tám ngàn (18000) biến xong sẽ được quả thành Tiên.

-Thiên Thủ Kinh ghi là: "***Nếu muốn được Đạo Tiên , nên cầu nơi tay hiện Mây Ngũ Sắc*"** .

-Chân Ngôn là : "Án, phạ nhật ra, ca rị, ra tra, hàm tra".

Oṃ_ Vajra-kari (Quy mệnh Kim Cương Chưởng) **Raṭ** (quát hét) **Maṭ** (trì hoãn, chậm chạp)

Mây Ngũ Sắc (Paṃca-rūpa-megha) là điềm lành kỳ lạ của đạo Tiên, biểu thị cho nghĩa: "Đạo Pháp được thành tựu, thành Ngũ Thông Tiên". Năm màu là tinh sắc của năm Tạng (màu trắng thuộc lá phổi, màu vàng thuộc tuỵ tạng, màu đỏ thuộc trái tim, màu đen thuộc trái thận, màu xanh thuộc lá gan, nên biểu thị cho thọ mệnh (Āyuḥ) 14 chi, 5 tạng đều giúp ích cho sự mau chóng phát triển của thọ mệnh.

Trong Chân Ngôn tuy có nói về Đức của Diên Thọ (Sống lâu), nhưng trong 40 tay không có Diên Thọ Khế. Vì thế tay hóa hiện Mây Ngũ Sắc biểu thị cho Diên Thọ Khế .

Do tinh thần con người như mây nổi, nên Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi hóa hiện tay này để giữ lại không cho ly tán nhằm giúp cho chúng sanh được sống lâu và khoẻ mạnh như chư Thiên .

Hành Giả muốn thành tựu Pháp này thì phải vào nơi núi sâu rừng thẳm; ngưng ăn lúa nếp, thân cây Tùng với thảo dược, không phạm vào ba nghiệp ác, hướng về Bản Tôn, quán tưởng tay, tụng Chú từ một đến ba năm thì thành Trường Mệnh Tiên.

THỦY CÁT TƯỜNG BỒ TÁT

Thủy Cát Tường Bồ Tát: tên Phạn là Udaka-śrī, dịch nghĩa là Thủy Cát Tường. Lại xưng là **Thủy Cát Tường Quán Âm** hoặc **Đại Thủy Cát Tường Bồ Tát**.

Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát, dùng nước Trí (Trí Thủy) của Đại Nhật Như Lai rưới rót chúng sinh.

Từ xưa đến nay phần nhiều cho rằng Tôn này đồng với Thủy Nguyệt Quán Âm.



Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu vàng lợt, tay trái dựng đứng bàn tay, co 3 ngón: cái, trỏ, giữa lại, cầm hoa sen mới nở biểu thị cho phương tiện Đại Bi hay làm cho muôn điều lành tốt đẹp thêm lên. Tay phải duỗi các ngón xuống dưới thành Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh. Ngồi trên hoa sen đỏ

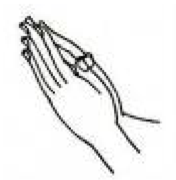


Mật Hiệu là: **Nhuận Sinh Kim Cương**

Chữ chủng tử là :SA (𑖭)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖁𑖨𑖿𑖧 𑖄𑖟𑖎 𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ Ārya-udaka-śrī svāhā

THỦY NGUYỆT QUÁN ÂM

Thủy Nguyệt Quán Âm: tên Phạn là Udaka-candra, dịch nghĩa là Thủy Nguyệt hay mặt trăng trong nước. Do hình tượng của Tôn Quán Âm này, phần nhiều có liên quan với Mặt Trăng trong nước, cho nên được gọi là Thủy Nguyệt Quán Âm.

Thủy Nguyệt Quán Âm là ứng hóa thân của Quán Thế Âm, một lòng Quán tưởng **mặt trăng trong nước**. Pháp quán tưởng này nhằm giúp cho Hành Giả hiểu thấu được hiện tượng mặt trăng chỉ hiện ảnh trong nước, chứ trong nước không có thật thể của mặt trăng, từ đây thực chứng được **các Pháp không có Tự Tính**.

Thủy Nguyệt Quán Âm là Tôn thứ 12 trong 33 Thể của Quán Âm với Tôn hình đứng trên một cánh Sen tựa như chiếc thuyền dưới ánh trăng, nổi trên biển quán tưởng mặt trăng trong nước yên tĩnh.



Tôn này tương đương với **Hóa Thân Bích Chi Phật** của Bồ Tát Quán Âm

_Danh xưng **Thủy Nguyệt Quán Âm** được giải thích theo nhiều cách khác nhau:
.) Có thuyết nói là bởi vì Tướng Trạng của Hình Tượng ấy quán nhìn Mặt Trăng trong nước cho nên tên là Thủy Nguyệt Quán Âm.
.) Cũng có thuyết nói là do Hình Tượng ấy nổi trên mặt biển, giống như Mặt Trăng trong nước, do đó mà đặt tên.

_Hình Tượng của Tôn này có nhiều loại, có loại đứng trên cánh hoa Sen và cánh hoa Sen thì nổi trên mặt biển



Quán Thế Âm đang quán nhìn Mặt Trăng trong nước



Riêng một loại là dùng tư thế ngồi trên Hoa Sen, ngồi xếp bằng trên núi đá trong biển lớn, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã. Tay trái để trên đầu gối trái làm thế chạm đất



Đồ Tượng Sao, quyển 7 nói rằng: "Thủy Nguyệt Quán Âm ngồi trên bàn đá trong biển lớn, thòng chân trái xuống, dựng thẳng gối chân phải, câu móc chéo nhau với gối trái, khuôn mặt hơi nghiêng, tác Tướng suy nghĩ".











Về sau Tôn tượng Thủy Nguyệt Quán Âm còn được thờ phượng theo nhiều dạng thức ngồi khác khau







Ngoài ra có Tượng 3 mặt 6 cánh tay, 3 tay bên trái phân biệt cầm Hoa Sen Báu, Bánh Xe Vàng, Đuôi Chim Công, 3 tay bên phải phân biệt cầm Cây Kiếm bén, Viên Ngọc Báu, Hoa Sen Xanh, thân màu như ánh sáng Mặt Trời, ngồi trên Núi Báu.

_Tôn này còn được xem là Đồng Tôn với **Thủy Cát Tường Bồ Tát** trong Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Giới Man Đa La.

CHỮ CHỦNG TỬ, CHÂN NGÔN CỦA THỦY NGUYỆT QUÁN ÂM
Chữ Chủng Tử: 𑖭 (SA)
Chân Ngôn Căn Bản là:
𑖌𑖼 𑖪𑖰𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠𑖢𑖟𑖿𑖦𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖎𑖸𑖝𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ Viśuddha-padma-satva kete svāhā

Tu Pháp Tôn này chủ yếu cầu Quan Vị, Tài Bảo và Độ người lữ hành thoát khỏi các loại tai nạn nguy hiểm.

HƯƠNG VƯƠNG QUÁN ÂM

Hương Vương Quán Âm: tên Phạn là: Gandha-rāja, dịch âm là Kiên Đà La Xà, dịch nghĩa là Hương Vương. Lại xưng là **Hương Vương Bồ Tát**.

Gandha: Hương có ý nghĩa là tràn khắp

Rāja: Vương có ý nghĩa là tự tại

Gandha-rāja: tức là Tự Tại Độ Hóa khắp cả chúng sinh trong Pháp Giới

Tôn này là bộ thuộc của Quán Âm và Tôn thứ 15 trong 15 vị Quán Âm

_Kinh **Hương Vương Đà La Ni Chú** ghi chép rằng: "Vẽ Hương Vương Bồ Tát có thân thịt mầu trắng, diện mạo đoan chính, đầu đội mão Trời, cổ đeo chuỗi Anh Lạc. Rũ đều 5 ngón tay phải thành **Thí Vô Úy** với 5 đầu ngón tay đều tuôn mưa Cam Lộ ban bố cho chúng sinh trong 5 nẻo. Dưới bàn tay vẽ 3 hay 5 con Quỷ màu đen. Tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen đặt ở vú trái, hoa đó mọc từ hoa sen dưới chân, cả 2 hoa sen này đều có màu trắng hồng. Phía sau cổ có vầng hào quang tròn, trên có lọng che. Quần áo bằng gấm lụa ngũ sắc. Trên bắp tay quấn 2 vòng Châu bằng tơ: Một sợi màu đỏ, một sợi màu vàng".



Chữ Chủng Tử là: (GA) hoặc (GAṂ)

Chân Ngôn là:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Namo Gandha-rāja-bodhisatvāya mahā-satvāya

Iṣṭi miṣṭi mata manti_ Sarvārtha sādhane karsa-paṇḍa dhidhime prayaccha svāhā

_Trong 33 Thể của Quán Âm thì **Lưu Ly Quán Âm** (Vaiḍurya-avalokitesvara) là Tôn thứ 23, còn được xưng là Cao Vương Quán Âm, Hương Vương Quán Âm.

Hình tượng là hai tay nâng một cái bình Lưu Ly, cỡi cánh sen đứng nổi trên mặt nước

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Tự Tại Thiên** của Bồ Tát Quán Âm





Nếu muốn cầu tăng ích Phước Đức hoặc diệt trừ tội lỗi tai nạn, thì nên phụng thờ Bồ Tát này làm Bản Tôn của Pháp Tu gọi là **Hương Vương Bồ Tát Pháp**. Khi Tu Pháp ở trước Tượng làm 1 cái Đàn vuông rộng 4 tấc, dâng cúng các vật của nhóm: Hương, Hoa kèm thắp đèn dầu. Nửa đêm thức dậy, mặc quần áo khô sạch, tụng **Hương Vương Bồ Tát Đà La Ni Chú** 1008 biến cho đến sáng mà không buồn ngủ, thì cầu nguyện Phước sẽ được đầy đủ.

PHẪN NỘ CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Phẫn Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát: tên Phạn là Amogha-krodha-aṃkuśa-rāja dịch âm là A Mục Khư Cú Lộ Đà Ương Cú Xả La Nhạ, dịch nghĩa là Phẫn Nộ Câu Vương. Lại xưng là Phẫn Nộ Câu Bồ Tát

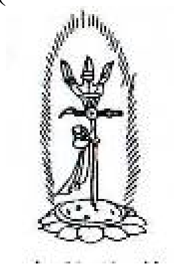
Trong **Hư Không Tạng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có ba mặt bốn cánh tay. Mặt chính màu thịt, mặt bên trái màu xanh, mặt bên phải màu xanh lục, mỗi mặt đều có 3 con mắt, trên mặt có vị Hoá Phật. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên Phải: tay thứ nhất cầm Thiết Câu, tay thứ hai tác Dữ Nguyện Ấn. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



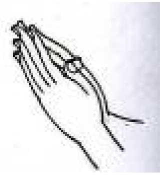
Mật Hiệu là: **Trì Câu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (अ), hay O (उ)

Tam Muội Gia Hình là: Việt Câu (móc câu có lưỡi búa)



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn, hoặc Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖎𑖲𑖪𑖩𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Namaḥ samanta buddhānāṃ_ Kuvalaya svāhā

BẤT KHÔNG CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát có tên Phạn là Amogha-aṃkuśa, dịch âm là A Mộ Già Ương Câu Xả, dịch nghĩa là Bất Không Câu. Lại xưng là Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát.

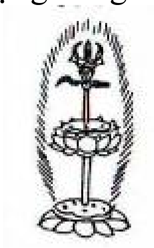
Bồ Tát này có Bản Thệ là dùng móc câu Đại Bi dẫn nhiếp chúng sinh, hay câu triệu Thánh Trí của chư Phật nhập vào tâm của chúng sinh và hay câu triệu tất cả chúng sinh nhập vào cảnh giới của chư Phật, ý nguyện ấy quyết định chẳng trống rỗng (Amogha: bất không).

Trong **Hư Không Tạng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu thịt, có bốn mặt bốn cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen bên trên có móc câu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên phải: Tay thứ nhất cầm móc câu, tay thứ hai cầm chày Tam Cổ.

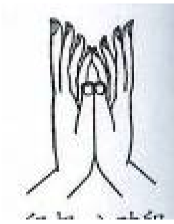


Mật Hiệu là: **Hoá Hiện Kim Cương**
Chữ chủng tử là: DHI (ধ) hay DHIRAṂ (ধ ṭ)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu dựng đứng trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Dhiraṃ padmālaya svāhā

Theo **Bí Tạng Ký**: thì Tôn này có toàn thân màu thịt, 3 mặt 4 tay, 2 mặt bên trái bên phải màu xanh. Bên trái: Tay ở trên cầm Hoa Sen trên có cái móc câu, tay ở dưới cầm Sợi Dây. Bên Phải: Tay ở trên cầm cây Móc Câu, tay ở dưới cầm cái Chày Tam Cổ.

Cũng có lưu truyền Hình Tượng có 3 mặt 4 cánh tay.

ĐẠI CÁT TƯỜNG MINH BỒ TÁT

Đại Cát Tường Minh Bồ Tát: tên Phạn là: Śrī-mahā-vidya, dịch âm là Thất Lợi Ma Ha Vi Địa Dã, dịch nghĩa là Cát Tường Đại Minh. Lại xưng là **Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Cát Tường Bồ Tát, Cát Tường**.

Śrī: Cát Tường biểu thị cho chẳng nhiễm ở sinh tử, trong sạch không dơ bẩn

Mahā-vidya: Đại Minh biểu thị cho ánh sáng to lớn phá trừ mọi sự tăm tối

Śrī-mahā-vidya tức là dùng Pháp Môn trong sạch chẳng nhiễm để phá trừ vô minh ám tối của chúng sinh.

_Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái cầm hoa sen chưa hé nở, tay phải dựng lòng bàn tay hướng ra ngoài, co ngón vô danh và ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại.



Mật Hiệu là: **Thường Khánh Kim Cương**

Chữ chủng tử là SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖯𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖪𑖰𑖟𑖿𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Mahā-śrī-vidye svāhā

ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐẠI MINH BỒ TÁT

Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát, tên Phạn là: Mahā-śrī- mahā-vidya, dịch âm là Ma Ha Thất Lợi Ma Ha Vi Địa Dã, dịch nghĩa là Đại Cát Tường Đại Minh. Lại xưng là Đại Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Đại Cát Tường.

Mahāśrī: Đại Cát Tường biểu thị cho nghĩa chẳng nhiễm sinh tử, là Tam Muội **Thanh Tịnh Vô Cấu Liên Hoa**.

Mahā-vidya: Đại Minh biểu thị cho nghĩa **chiếu ứng độ cơ** không có bờ mé.

_Trong **Quán Âm Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái cầm hoa sen hé nở để bên cạnh eo, tay phải co khuỷu tay, dựng đứng lòng bàn tay hướng ra ngoài, co 4 ngón tay lại, dựng thẳng ngón cái vịn cạnh ngón trỏ.



Mật Hiệu là: **Linh Thụy Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖎𑖿𑖬𑖾 𑖟𑖾 𑖨 𑖧𑖽 𑖎𑖽

Namaḥ samanta buddhānāṃ_ Kṣaḥ daḥ ra yaṃ kaṃ

NHẤT KẾ LA SÁT

Nhất Kế La Sát: tên Phạn là **Eka-jaṭā-rākṣasaḥ**, dịch âm là Ế Ca Nhạ Tra, dịch nghĩa là Nhất Kế La Sát. Lại xưng là Nhất Kế La Sát Vương Bồ Tát, Nhất Kế La Sát Quán Âm.

Tôn này dùng Đại Bi Trí Tuệ hiện bày hình phẫn nộ giáng phục sự phiền não của chúng sinh cho nên được tên gọi ấy.

Kinh **Nhất Kế Tôn Đà La Ni** ghi chép nhân duyên hóa hiện của Nhất Kế La Sát là: "Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát nương nhờ sự ấn khả của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, lui về ngồi một bên rồi nhập vào Tam Muội **Vô Năng Thắng**. Từ đỉnh đầu hóa ra vị **Ế Ca Nhạ Tra La Sát Vương** (Ekajaṭa-rākṣasa-rāja) có ba mắt bốn cánh tay. Hết thảy tám Bộ Quỷ Thần, Đại Lực Nhiên Đỉnh Quỷ Vương kinh sợ chạy tan, đều mất Bản Uy không biết ở chỗ nào. *"Nguyện thầy cứu giúp! Nguyện thầy cứu giúp! Đều buông bỏ hết thảy tâm ác hại, từ nay trở đi cùng các quyến thuộc quy y Phật Pháp Tăng Bảo"*

Khi ấy Ế Ca Nhạ Tra giáng phục được Nhiên Đỉnh Quỷ Vương với các quyến thuộc xong, liền đi đến chỗ của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, chắp tay cung kính bạch với Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Tôi có Đà La Ni Chân Ngôn bí mật thâm sâu hay đập nát Thiên Ma với hàng Dạ Xoa, La Sát Tư ác, Quỷ Thần độc ác với các bệnh dịch, nước, lửa, trộm cướp cũng hay chận đứng các oán địch. Nguyện xin lắng nghe, hứa cho tôi nói Đà La Ni đó"

Sau khi được Quán Tự Tại Bồ Tát cho phép, Nhất Kế La Sát liền tuyên nói Pháp Môn Đà La Ni thù thắng này.

Thọ trì Đà La Ni của Tôn này, hay tồi phá Thiên Ma, Dược Xoa ác, La Sát. Quỷ Thần độc ác với sự nguy hại của tất cả bệnh tật, nước, lửa, trộm cướp... cũng hay chận đứng các oán địch.

HÌNH TƯỢNG CỦA NHẤT KẾ LA SÁT

_ Trong **Tô Tất Địa Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La:** Nhất Kế La Sát vị trí ở đầu phương Nam, toàn thân màu xanh lục, tóc màu đỏ, đầu đội mão đầu lâu, 3 mặt 4 cánh tay, hiện tướng giận dữ. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây Kiếm, tay thứ hai cầm Việt Phủ Câu (cây Búa có cái móc câu). Bên trái: Tay thứ nhất cầm sợi dây rũ xuống, tay thứ hai cầm chày Tam Cổ. Ngồi trên Hoa Sen đỏ.



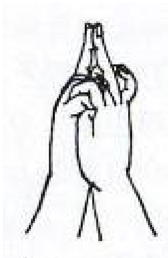
Mật Hiệu: **Điển Lôi Kim Cương**.

Chữ Chủng Tử là: E (ए)

Tam Muội Gia Hình là:Cây kiếm. Hoặc móc câu.



Tướng Ấn là: Hai tay: ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 2 ngón vô danh cùng trụ nhau, 2 ngón út cùng đè nhau.



_ "**Thai Tạng Giới, tập 7**" ghi nhận: Hình Tượng ấy là toàn thân màu xanh lục, hiện tướng giận dữ, có 4 cánh tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây Kiếm, tay kế tiếp cầm Việt Phủ Câu (cây Búa có cái móc câu). Bên trái: Tay thứ nhất cầm sợi dây rũ xuống, tay kế tiếp cầm cái Chày Tam Cổ, ngồi trên Hoa Sen đỏ.



Ngoài ra cũng có Thuyết nói là: "Vẽ Nhất Kế La Sát, mắt màu đen đỏ, nhìn xuống bên dưới, dùng rắn làm chuỗi Anh Lạc, răng chó hướng lên trên, mặc quần da cọp, tóc có Mãng Xà quấn tròn như cái mâm. Tay phải cầm cây Búa, tay trái cầm sợi dây rắn, dùng máu xoa bôi lên thân, 2 tay chấp lại, chau mày trợn mắt, tác Tướng đáng sợ, móng vuốt nhọn bén, da voi quấn quanh".

*) Theo Mật Giáo Tây Tạng: Nhất Kế La Sát (Ekajaṭi) còn có tên gọi là **Lam Đa La** (Đa La màu xanh lam) hay **Dũng Mãnh Đa La** (Ugra-tārā) ở phương Đông biểu thị cho tinh thần sung mãn, Tâm tỉnh thức và đặc biệt là vị Thiên Nữ ủng hộ Thần Chú, bảo đảm việc thành tựu các mục đích cho những Đệ Tử hộ trì giáo lý Mật Thừa.

Tôn này có hình tướng như Thiên Nữ, thân màu xanh lam. Chỉ có một búi tóc, một răng nanh, một vú tượng trưng cho Bản Tính nền tảng của chúng sinh, viên mãn trong trạng thái **chỉ có một không có hai** của Tính Không tối thượng.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ mama rulu rulu hūṃ phaṭ

_Ngoài ra Tây Tạng còn phụng thờ **Nhất Kế La Sát** qua các hình tượng: một mặt 2 cánh tay, một mặt 4 cánh tay, một mặt 8 cánh tay, 20 mặt và 24 cánh tay









_Bí Mật Căn Bản Đà La Ni:

"Na mưu la đa-na đá-la dạ gia

Na mạc a lý-gia phộc lỗ chỉ đế thấp-phộc la gia, mạo địa đá-phộc gia, ma ha đá-phộc gia, ma ha ca lỗ nê ca gia.

Na mưu ế ca nhạ tra gia, ma ha la cật-xoa tư, a ha hiệt-lý đà diêm, ma ha la cật-xoa tư, ma ma, mẫu khư tả, tát phộc ca lý-dạ nễ ca lỗ hứ minh

Đát nễ-dã tha: Án, a nan để, nhạ gia, sa-phộc ha

Nhạ gia, nhạ gia gia, sa-phộc ha

Ma ha vĩ nhạ duệ, sa-phộc ha

Ma ha lô tỳ duệ, sa-phộc ha

Tát phộc vĩ cận-na, vĩ na dạ ca nan gia, sa-phộc ha

Giả la gia noa sắt-tra, sa-phộc ha

La cật-xoa, la cật-xoa, sa-phộc ha

Bả xa, ha tắc-đá gia, sa-phộc ha"

***) Namo ratna-trayāya**

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Namo Ekajaṭāya mahā-rākṣasī aha hṛdayaṃ, mahā-rākṣasī mama mukhaṣya, sarva kārya nikāru mehin

Tadyathā: Oṃ_ anante jaya svāhā_ mahā-vijaye svāhā_ mahā-ṛtejā _ sarva vighna vināyakānāṃ ya svāhā_ carya-daṣṭa svāhā_ rakṣa rakṣa svāhā_ Pāśa-hastāya svāhā

_Tâm Chân Ngôn là:

"Án, lô thất-la gia, mẫu niết-lý ninh duệ, nhạ tra, nhạ tra duệ, hồng hồng, tra, sa-phộc ha"

***)Oṃ_ Rudrāya-mudrī-ṇye, jaṭa jaṭāye hūṃ hūṃ phaṭ svāhā**

_Tùy Tâm Chân Ngôn là:

"Ế hứ-duệ hứ, ế ca nhạ tra, ma ma, mục khư, nhạ gia, sa-phộc ha"

***)Ehyehi ekajaṭa mama mukha-jāya svāhā**

Kinh **Nhất Kế Tôn Đà La Ni** ghi nhận rằng: "Nếu có kẻ trai lành, người nữ Thiện nào có thể ngày đêm ân cần thọ trì, đọc tụng khiến chẳng quên mất. Lúc tụng Đà La Ni này thời đừng duyên theo cảnh khác. Mỗi khi đến ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt hoặc ngày thứ tám (08) của kỳ Hắc Nguyệt, tắm rửa thân mình, mặc áo sạch mới, thọ trì Đà La Ni này, tác An hộ Thân. Lấy bùn sạch xoa tô Đàn, vuông tròn rộng bốn khuỷu tay, kết Giới xong rồi thỉnh Con, **Nhất Kế Minh Vương** (Ekajaṭa-vidya-rāja) ngồi ở chính giữa Đàn, đốt hương, rải hoa, mọi thứ cúng dường, lễ bái, sám hối, tụng Chân Ngôn 108 biến thời thân hiện tại của người Trì Minh được mười loại Quả Báo.

Thế nào là mười ?

Một là:Thân thường không có bệnh.

Hai là: Luôn được chư Phật mười phương nghĩ nhớ đến

Ba là: ất cả tài vật, quần áo, thức ăn uống, tự nhiên sung túc, thường không có thiếu thốn.

Bốn là: Hay phá Oán Địch

Năm là: Hay khiến cho tất cả chúng sinh phát khởi tâm Từ

Sáu là: Tất cả Cổ Độc, tất cả Nhiệt Bệnh không thể xâm hại
Bảy là: Tất cả dao gậy chẳng thể gây hại
Tám là: Tất cả nạn về nước chẳng thể cuốn chìm
Chín là: Lửa chẳng thể thiêu đốt
Mười là: chẳng chịu tất cả sự chết đột ngột. Đó gọi là mười

Lại được bốn loại Quả Bảo. Nhóm nào là bốn ?
Một là: Chẳng bị cầm thú gây hại
Hai là: Chẳng bị đọa vào Địa Ngục
Ba là: Lúc lâm chung thời được thấy chư Phật mười phương
Bốn là: Sau khi mệnh chung, được sinh về quốc thổ của Vô Lượng Thọ (Amitāyus)"

BÁT NHÃ BỒ TÁT

Bát Nhã Bồ Tát, tên Phạn là Prajñā-pāramitā, xưng đầy đủ là Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát, dịch ý là Trí Tuệ vượt qua bờ bên kia.

Bát Nhã Bồ Tát là vị Bồ Tát rất đặc biệt của Mật Giáo. Đấy là đem **Trí Tuệ** (Prajña) tinh thông vạn sự của Đức Phật, nhân cách hóa mà thành

Bát Nhã Bồ Tát lại xưng là Bát Nhã Phật Mẫu, đại biểu cho **Chính Pháp Luân Thân** (Saddharma-cakra-kāya) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

_Trong **viện Trì Minh** thuộc **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này là quyến thuộc của Thiên Thủ Quán Âm, có thân màu thịt, đầu đội mão báu, thân khoác giáp trụ, có ba mắt 6 cánh tay. Bên trái: Tay thứ nhất co khuỷu tay cầm Phạn Khiếp để ngang ngực, tay thứ hai ngửa lòng bàn tay để dưới rốn; tay thứ ba ngửa lòng bàn tay co ngón vô danh, ngón cái đè trên đầu ngón vô danh và duỗi 3 ngón còn lại. Bên phải: tay thứ nhất tác ấn cầm hoa sen, tay thứ hai duỗi để trên đầu gối; tay thứ ba co cánh tay, dựng lòng bàn tay, co ngón vô danh, ngón cái đè trên đầu ngón vô danh và duỗi 3 ngón còn lại, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.

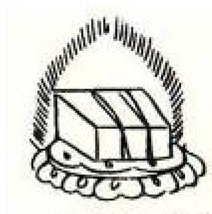


Ba con mắt đại biểu cho Đức đặc biệt của ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ. Sáu cánh tay biểu thị cho một thân có đầy đủ 6 Ba La Mật.

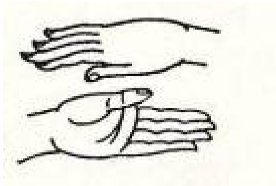
Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là Jña ()

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (rương Kinh Phạn)



Tướng Ấn là Phạn Khiếp Ấn: Tay trái duỗi năm ngón bằng phẳng, ngửa đặt dưới trái tim, đem tay phải che ở trên tay trái.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ dhīḥ śrī śrūta vijaye svāhā

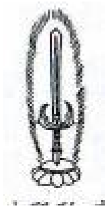
_Trong **Viện Hư Không Tạng** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này là một trong mười Ba La Mật Bồ Tát, được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn này có thân màu thịt, tay phải để cạnh eo cầm cây kiếm. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa và duỗi giương 3 ngón còn lại. Hơi dựng đầu gối phải, khoác áo cà sa.

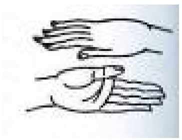


Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Dhī (𑖠𑖱), hoặc Pra (𑖢𑖿𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu



Tướng Ấn là Phạn Khiếp Ấn:



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖠𑖱𑖾 𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖫𑖿𑖨𑖳𑖝 𑖪𑖰𑖕𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ dhīḥ śrī śrūta vijaye svāhā

_**Đà La Ni Tập Kinh**, quyển thứ ba ghi nhận Tôn Tượng **Đại Bát Nhã Bồ Tát** là: "Thân của Bồ Tát ấy, trừ mão Trời ra thì thân dài một khuỷu tay (một khuỷu tay của con người như một gang tay của Đức Phật), toàn thân màu trắng, mặt có ba con mắt, tựa như tướng Thiên Nữ, hình mạo đoan chánh như hình Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên tòa Sư Tử, đầu đội mão Trời làm hào quang tròn trịa, lỗ tai đeo khuyên báu trân châu, ở bên dưới cổ đeo chuỗi Anh Lạc bảy báu. Co hai cánh tay, co cạnh khuỷu tay trái để ngay trên ngực, ngửa bàn tay phải giương duỗi năm ngón tay, trong lòng bàn tay vẽ làm rương Kinh bảy báu, trong ấy có đủ 12 Bộ Kinh tức là **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tạng** (Prajña-pāramita-garbha). Rũ bàn tay phải chạm trên đầu gối phải, giương duỗi năm ngón tay tức là tay **Thí Vô Úy** của Bồ Tát. Trên thân của Bồ Tát khoác tơ lụa mỏng, thêu đủ năm màu. Từ eo trở xuống mặc quần màu **ráng chiều** (triêu hà: màu mây phản chiếu ánh mặt trời buổi xế chiều), ở trên vẽ hoa tiết màu vàng. Thiên y quấn quanh hai cánh tay, giao nhau tại nách ló hai đầu ra, đều hướng lên trên, hơi quanh co như thế tung bay. Hai cổ tay ấy đều đeo vòng xuyến.



Bát Nhã Vô Tận Tạng Đà La Ni Chú là:

"Na mô bà già phiệt để (1) bát-la nhạ, ba la nhĩ đa duệ (2) Úm (3) lợi-y (4) địa-y (5) thất-lợi (6) du-lô đà (7) tỳ xã duệ (8) sa ha (9)"

Namo Bhagavate prajñā-pāramitāye. Oṃ_ Hrīḥ Dhīḥ Śrī śrūti vijaye svāhā

Đức Phật nói: "Đà La Ni Ấn này có bốn loại tên gọi. Một là **Bát Nhã Vô Tận Tạng** (kho tàng không cùng tận của Bát Nhã), hai là **Bát Nhã Nhãn** (con mắt của Bát Nhã), ba là **Bát Nhã Căn Bản** (Gốc rễ của Bát Nhã), bốn là **Kim Cang Bát Nhã Tâm** (Tâm của Kim Cang Bát Nhã).

Đà La Ni Ấn này có Công Đức lớn, nếu hay chí Tâm như Pháp thọ trì, tùy tụng một biến thì sanh ra một vạn tám ngàn **Tu Đa La Tạng** (Kinh Tạng). Lại trong mỗi một Tu Đa La Tạng, mỗi mỗi đều sanh ra hai vạn ngăm ngàn Tu Đa La Tạng. Lại trong mỗi một Tu Đa La Tạng ấy sanh ra trăm vạn Tu Đa La Tạng. Lại trong mỗi một Tu Đa La Tạng ấy sanh ra vô lượng na do tha a tăng kỳ Tu Đa La Tạng. Như vậy cho đến triển chuyển sanh ra vô lượng vô tận Tu Đa La Tạng. Nơi nêu ra **tựa đề, tên gọi, câu, nghĩa, mùi vị** (vị) của Kinh...mỗi mỗi đều chẳng giống nhau, nên chẳng nêu ra lần nữa. Như vậy niệm niệm sanh ra không cùng tận. Thế nên gọi là **Vâ Tận Tạng Đà La Ni Ấn**.

Đà La Ni Ấn này tức là **Tông Tổ** của chư Phật ba đời ở mười phương, cũng là kho tàng Pháp không cùng tận của chư Phật ba đời ở mười phương, **mẹ** (mẫu) của tất cả Bát Nhã Ba La Mật. Là nơi mà chư Phật Bồ Tát quá khứ hiện tại vị lai đã thường cúng dường, cung kính, tán thán.

Nếu Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân dùng Tâm chí thành, viết chép, đọc tụng, như Thuyết tu hành thì hết thảy tội nặng trong trăm ngàn vạn ức hằng hà sa kiếp sinh tử của người này, ở khoảng phút chốc đều diệt hết không có dư sót.

Hết thảy Công Đức của Đà La Ni Ấn này, nếu Ta trụ ở trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp khen ngợi cũng chẳng hết, huống chi là người khác khen ngợi mà có thể hết được"

_Trong Kinh **Nhân Vương Bát Nhã** thì **Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Vajra-pāramitā-bodhisatva) đồng Thể với Tôn này.

_Mật Giáo Tây Tạng thờ phụng Bát Nhã Bồ Tát qua các Tôn Tượng có hai tay, bốn tay và xưng là **Bát Nhã Phật Mẫu**





Tu trì Pháp Môn của Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay chứng được Trí Tuệ viên mãn của Bát Nhã Ba La Mật mà ngộ giải Pháp của Thế Gian với Xuất Thế Gian. Thông đạt rộng lớn 5 Minh của Bồ Tát là: ***Thanh Minh*** (Śabda-vidyā), ***Công Xảo Minh*** (Śilpa-karma-vidyā), ***Y Phương Minh*** (Cikitsā-vidyā), ***Nhân Minh*** (Hetu-vidyā), ***Nội Minh*** (Adhyātma-vidyā)

Soạn dịch xong **Quán Âm Pháp Bộ** vào ngày 25/09/2013
Hiệu chỉnh xong vào ngày 09/05/2014

TƯ LIỆU THAM CỨU

*) Hán Văn:
_Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh: Tập 18, Tập19, Tập 20, Tập 21
_ Mật Giáo Đồ Tượng: Tập 3, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Tập 7, Tập 8, Tập 9, Tập 10
_ Phật Giáo Tiểu Bách Khoa: Từ quyển 1 đến quyển 18
_Phật Quang Đại Từ Điển
_Bách Khoa Toàn Thư
Phật Giáo Thủ Ấn Đồ Thuyết **Thi Vân Thủy** biên soạn
Mật Giáo Đại Tự Điển Tập 6
_Phật Tượng Đồ Vựng
_Nhiên Đăng tạp chí

*) Việt Văn:
_Thai Tạng Giới Man Đa La _ **Huyền Thanh** biên soạn
Kim Cương Giới Man Đa La **Huyền Thanh** biên soạn
Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Thập Nhị Thiên Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tinh Tú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tranh Tượng và Thần Phổ Phật Giáo**Louis Frédéric**_ Việt dịch **Phan Quang Định** (NXB Mỹ Thuật_năm 2005)
_Một số bài dịch của **Tống Phước Khải**

*) Trang Web:
_buddha-dharma.org
_tangthuphathoc.net
_chuaminhthanh.com
_electricwombworld.blog.fc2.com
_zenheart.hk
_en.wikipedia.org
_zh.wikipedia.org
_haaram.com
_sriharivayuguru.blogsport.com
_fanbop.com
_fodian.net
_haripurush-jagadbandhu.org
_hindudevotionalpower.com
_speakingtree.in
_qcny.net
_baike.baidu.com
_Một số Tôn Tượng trên images của google.com và Tư Liệu của **Tống Phước Khải**

MỤC LỤC

